

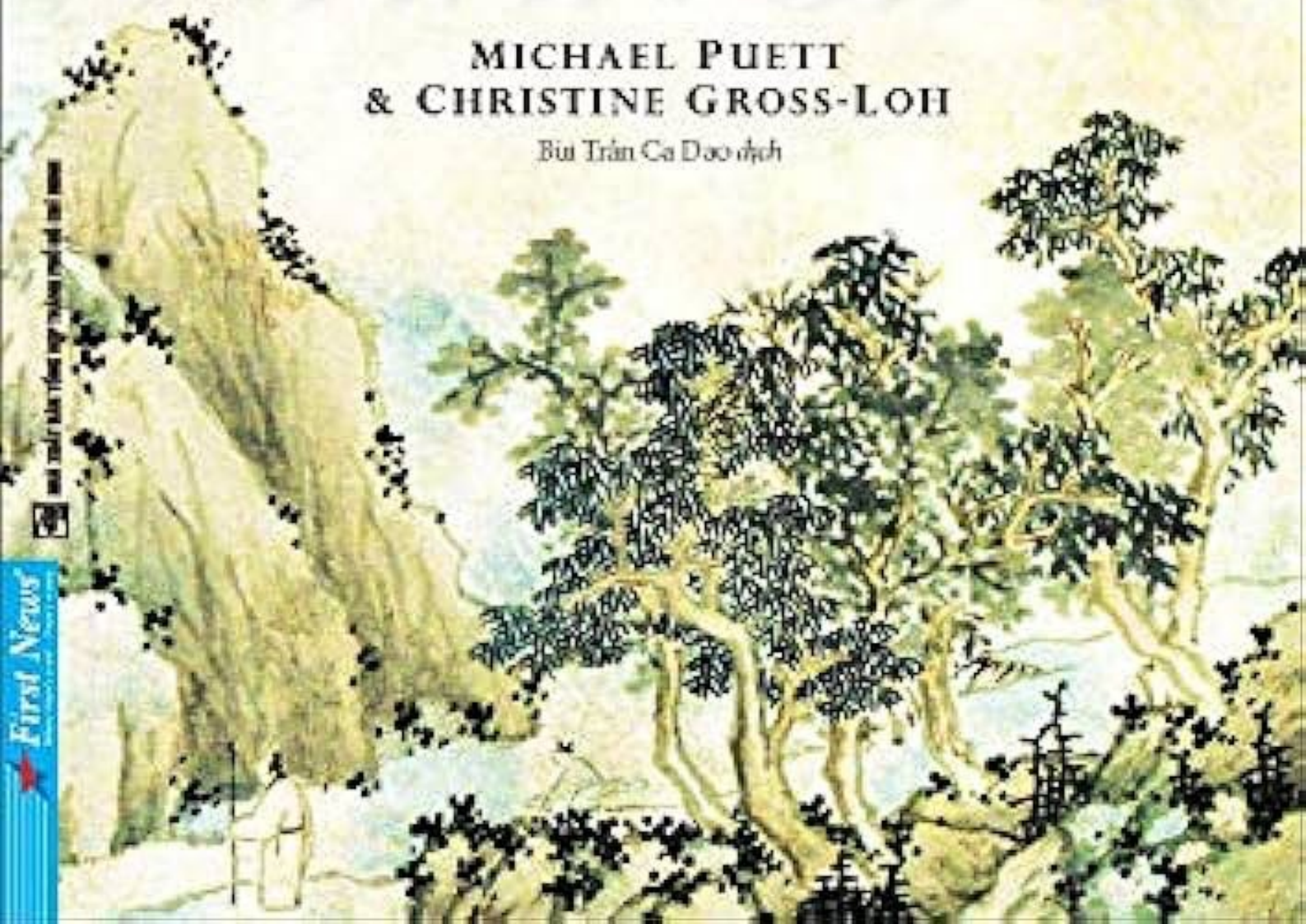
THE PATH

New York Times and International Bestseller

MINH ĐẠO NHÂN SINH

MICHAEL PUETT
& CHRISTINE GROSS-LOH

Bìa Trần Ca Dao dịch



ISBN 978-0-00-000000-0

First News

THÔNG TIN EBOOK

Kindle Kobo Vietnam

www.facebook.com/groups/yeukindlevietnam

Keep Calm
and
Read a Book



Tên sách

The Path

MINH ĐẠO NHÂN SINH

Tác giả

Michael Puett & Christine Gross-Loh

Dịch giả

Bùi Trần Ca Dao

Thể loại

Kỹ năng sống

Phát hành

FIRST NEWS

Nhà Xuất Bản

NXB TP HCM

Ebook

2021 kindlekobovn



 /GROUPS/YEUKINDLEVIETNAM

Mục lục

Lời tựa

Lời nói đầu

1. Thời đại tự mãn
 2. Thời đại triết học
 3. Về các mối quan hệ: Khổng tử và các lễ nghi “như thế”
 4. Về những quyết định: Mạnh tử và thế giới thất thường
 5. Về ảnh hưởng: Lão tử và việc tạo tác các thế giới
 6. Về sức sống: Nội nghiệp* và thần hóa
 7. Về tính tự nhiên: Trang tử và một thế giới biến đổi
 8. Về tính nhân văn: Tuân tử và sự áp đặt khuôn mẫu lên thế giới
 9. Kỷ nguyên của khả năng
- Các nguồn tham khảo và đọc thêm

“Nhân năng hoằng Đạo, phi Đạo hoằng nhân.”

(“Người ta có thể làm cho đạo rộng lớn lên, nhưng đạo không làm cho con người rộng lớn được.”*)

- *Luận ngữ*, Khổng Tử

* *Luận ngữ*, thiên thứ 15, bài 28. Nghĩa là: Con người chủ động, làm cho đạo sáng thêm, rộng thêm được; nếu con người bị động, cứ cố chấp, giữ đúng đạo thì đạo chỉ làm cho con người hóa hẹp hòi thôi. Trách nhiệm ở người chứ không phải đạo. (Tất cả phân giải thích các câu nói của Khổng Tử trong *Luận Ngữ* ở cuốn sách này có tham khảo từ bản dịch và chú giải của học giả Nguyễn Hiến Lê trong cuốn *Luận Ngữ và Khổng Tử*. Trân trọng cảm ơn ông vì những đóng góp cho văn hóa nước nhà. – *First News*)

(Tất cả những chú thích trong sách là của biên tập *First News*)



Một buổi sáng nắng giòn tan vào mùa thu năm 2013, tôi tham dự một lớp triết học Trung Quốc tại Đại học Harvard. Tôi có mặt ở trường để viết một bài cho báo *Atlantic* để lý giải vì sao một lớp dạy về chủ đề phức tạp như vậy lại trở thành lớp phổ biến thứ ba ở trường này, đứng sau hai lựa chọn dễ đoán được đó là kinh tế học và khoa học máy tính.

Giáo sư Michael Puett, một quý ông cao lớn, tràn đầy năng lượng ở độ tuổi bốn mươi, đứng trên bục sân khấu tại Nhà hát Sanders giảng bài sôi nổi trước hơn bảy trăm sinh viên. Anh khá cừ khôi trong việc thực hiện các bài giảng hấp dẫn mà không cần bất kỳ ghi chú hay file trình chiếu nào – suốt năm mươi phút liền chỉ thuần nói và nói. Sinh viên không được yêu cầu đọc bài viết nào khác trừ những tác phẩm được dịch sang tiếng Anh của chính các triết gia: *Luận ngữ* của Khổng Tử, *Đạo đức kinh*, hay các trước tác của Mạnh Tử. Họ không cần phải có bất kỳ kiến thức tiền đề hay mối quan tâm gì trước với lịch sử hay triết học Trung Quốc; họ chỉ cần cởi mở và sẵn lòng gắn bó với các tác phẩm cổ xưa này. Lớp học này nổi tiếng bởi lời hứa táo bạo mà mỗi năm giáo sư đều cam kết vào ngày đầu khóa: “Nếu bạn nghiêm túc lĩnh hội những tư tưởng trong các tác phẩm này, chúng sẽ thay đổi cuộc đời bạn”.

Tôi lấy bằng tiến sĩ về lịch sử Đông Á tại Harvard, khi còn là học viên sau đại học, tôi từng tham gia giảng dạy cho các sinh viên đại học về triết học Trung Quốc. Thế nên tôi chẳng xa lạ gì các tác phẩm ấy. Nhưng khi nghe Michael giảng ngày hôm đó và suốt những tuần tiếp

theo, tôi thấy anh đã đưa được những tư tưởng này vào cuộc sống theo cách mà trước giờ tôi chưa từng trải nghiệm. Anh yêu cầu sinh viên không phải chỉ đánh vật với ý tưởng của các nhà tư tưởng mà còn phải để cho những ý tưởng ấy thách thức những giả định cơ bản của họ về chính mình và về thế giới họ đang sống.

Michael giảng về triết học Trung Quốc tại các trường đại học và tổ chức khác trên toàn thế giới. Sau mỗi bài nói chuyện, mọi người luôn tìm đến anh, thiết tha muốn biết làm thế nào để có thể áp dụng những ý tưởng này vào cuộc sống của họ và các vấn đề thực tế như: mối quan hệ, nghề nghiệp, những mâu thuẫn trong gia đình. Đó là vì họ nhận ra những nguyên tắc này cho thấy một góc nhìn mới mẻ về một cuộc đời tốt đẹp và ý nghĩa là thế nào; một quan điểm mâu thuẫn với rất nhiều điều họ vẫn cho là đúng.

Đó là một cách nhìn đã tác động đến nhiều người theo hướng tốt đẹp hơn. Các sinh viên của Michael đã chia sẻ với tôi những câu chuyện rằng cuộc sống của họ đã thay đổi thế nào nhờ những tư tưởng này. Một số người bảo tôi họ đã thay đổi cách nhìn nhận về các mối quan hệ, bây giờ họ mới nhận ra rằng những hành động nhỏ nhất cũng gây ra một hiệu ứng lan tỏa tới bản thân họ và mọi người xung quanh. Như một sinh viên đã giải thích: “Giáo sư Puett đã mở ra cánh cửa đến với con đường khác biệt trong sự tương tác với thế giới quanh tôi, quá trình xử lý cảm xúc của tôi, kiến tạo bản thân tôi và cả những người khác, một cảm giác điềm tĩnh mà trước giờ tôi chưa từng cảm nhận được”.

Những người trẻ thành công được định vị để trở thành những nhà lãnh đạo tương lai trong bất kỳ nghề nghiệp nào họ theo đuổi ấy cho tôi biết những tư tưởng này đã thay đổi cách họ tiếp cận với các quyết định lớn trong cuộc sống và quỹ đạo riêng của họ như thế nào. Dù họ quyết định đi theo con đường tài chính hay nhân loại học, luật hay y học, thì những tư tưởng này cũng trang bị cho họ những công cụ khác và một thế giới quan khác với những gì họ từng biết, mở ra một cánh cửa mới về

mục đích của cuộc sống và những khả năng vô hạn của nó. Một sinh viên đã nói với tôi: “Quá dễ để có tư duy rằng bạn đang xây dựng một mục tiêu tối hậu nào đó và đang từng bước leo đến kết cuộc tốt đẹp của một giấc mơ – dù mục tiêu đó là một danh vọng hay vị trí trong cuộc đời. Nhưng đây thật sự là một thông điệp có sức ảnh hưởng mạnh mẽ: khi sống theo một cách khác, bạn sẽ tự khai mở cho mình những khả năng mà bạn không bao giờ tưởng tượng là mình có thể”.

Và không phải chỉ những tác phẩm triết học ấy thôi đã định hình được các sinh viên. Chính bản thân Michael mới là nguồn cảm hứng. Anh được biết đến bởi sự ân cần, khiêm tốn và tận tâm giúp sinh viên của mình phát triển: những đặc điểm khởi nguồn trực tiếp từ hàng thập niên đắm chìm trong tư tưởng Trung Quốc của anh. “Thầy là hiện thân hoàn hảo cho những bài giảng”, một sinh viên đã nói.

Vậy trong những triết lý ấy có gì mà gây tác động to lớn đến vậy với những người nghiên cứu chúng? Không có tư tưởng nào trong số đó bảo bạn “chấp nhận và trân trọng bản thân”, “tìm ra chính mình”, hay phải làm theo một loạt chỉ dẫn để đạt được mục tiêu cụ thể. Trên thực tế, chúng chính là thứ đối chọi với kiểu tư duy đó. Chúng không cụ thể, không ra lệnh, cũng không đao to búa lớn. Thay vào đó, chúng thay đổi từ nền tảng theo những cách không thể đoán định hay hình dung ra trước. Một sinh viên lý giải rằng thật nhẹ nhõm biết bao khi nhận ra những gì chúng ta nghĩ là vốn dĩ và đã ăn sâu một cách thâm căn cố đế trong đầu thật ra không phải là vậy: “Bạn có thể áp dụng những thói quen mới và thật sự thay đổi cách bạn tiếp nhận thế giới, phản ứng lại với nó và tương tác với người khác. Tôi đã học được rằng có thể sử dụng sức mạnh của thói quen, hay 'lễ nghi', để đạt được những điều mà bạn không bao giờ nghĩ là mình có thể, dù bạn nghĩ mình là ai đi nữa”.

Từ lâu, chúng ta đã nhìn nhận tư tưởng của người Trung Quốc qua những lăng kính sai lầm, có xu hướng cho rằng nó không thể thoát ra khỏi “một thế giới truyền thống” và vì thế cứ nghĩ nó chẳng liên quan gì

đến cuộc sống đương đại của chúng ta. Nhưng như những sinh viên này có thể chứng thực, lời dạy của các triết gia Trung Quốc cổ đại buộc chúng ta phải đặt nghi vấn nhiều niềm tin mà chúng ta vẫn cho là hiển nhiên. Những tư tưởng của các vị về cách con người tiếp cận thế giới của hai ngàn năm trước – rằng làm thế nào chúng ta có thể gắn kết với người khác, đưa ra quyết định, đối phó với những thăng trầm cuộc sống, cố gây ảnh hưởng lên người khác, chọn lựa hướng đi cho đời mình – cũng phù hợp với ngày nay giống như hai ngàn năm trước vậy. Thực tế, chúng còn thích hợp hơn bao giờ hết.

Michael và tôi nhận ra rằng có thể đưa những tư tưởng này đến với tất cả chúng ta, và đó là lý do cuốn sách này ra đời. Ở những trang tiếp theo, chúng tôi sẽ chỉ ra cho bạn thấy lời dạy của các triết gia Trung Quốc có thể khiến bạn suy nghĩ lại về bản thân và tương lai của mình như thế nào.

- Christine Gross-Loh

LỜI NÓI ĐẦU

Khổng Tử. Mạnh Tử. Lão Tử. Trang Tử. Tuân Tử. Có thể bạn đã biết đến một số trong những tư tưởng gia này; cũng có những người hẳn bạn chưa từng nghe nói tới. Một viên quan trở thành thầy dạy học, dành cả cuộc đời để truyền dạy kiến thức cho một nhóm nhỏ môn đệ. Một người khác chu du từ vùng này sang vùng khác để cố vấn cho các quan lại địa phương. Một người nữa sau này được tôn là thần thánh. Cuộc đời và những trước tác của họ dường như đã quá mơ hồ và xa lạ với cuộc sống hiện đại của chúng ta.

Rốt cuộc, những triết gia Trung Quốc sống hơn hai ngàn năm trước có thể dạy gì cho chúng ta về nghệ thuật sống? Nếu bạn từng nghĩ về họ, thì hẳn bạn nghĩ họ là những bậc hiền triết điềm tĩnh, phun châu nhả ngọc ra những lời vô vị hay ho về sự hài hòa và tự nhiên. Trong khi đó, ngày nay chúng ta hướng đến cuộc sống hiện đại, năng động, tự do. Giá trị, phong tục, công nghệ và văn hóa của chúng ta hoàn toàn khác họ.

Nếu chúng tôi nói với bạn rằng mỗi người trong số những nhà tư tưởng này lại đưa ra một quan điểm sâu sắc khác thường về cách trở thành một con người tốt hơn và tạo ra một thế giới tốt hơn thì sao? Nếu chúng tôi nói với bạn rằng khi bạn nghiêm túc tiếp thu chúng, những tư tưởng trong các tác phẩm Trung Quốc kinh điển khác thường này có khả năng biến đổi cách bạn sống thì sao? Đó chính là chủ đề trọng tâm của cuốn sách này, rằng lời dạy của các triết gia Trung Quốc cổ đại đối với các vấn đề rất giống với chúng ta hiện nay sẽ cho ta những quan điểm hoàn toàn mới mẻ về cách để sống một cuộc đời tốt đẹp.

Hầu hết chúng ta đều nghĩ mình đang làm đúng khi nhìn vào nội tâm, tìm ra chính mình và định đoạt cuộc đời chúng ta nên trở thành thế nào.

Chúng ta tìm ra loại nghề nghiệp nào phù hợp nhất với tính cách và khuynh hướng của chúng ta. Chúng ta nghĩ về kiểu người nào sẽ phù hợp với mình. Và chúng ta nghĩ rằng nếu tìm ra những điều ấy – con người thật sự của chúng ta, nghề nghiệp mà chúng ta định theo đuổi và người bạn đời phù hợp – thì cuộc đời sẽ viên mãn. Chúng ta sẽ nuôi dưỡng con người bản chất của mình và lập ra một kế hoạch để được hạnh phúc, thịnh vượng và thỏa mãn bản thân.

Dù chúng ta có nhận ra hay không, thì quan điểm về cách xây dựng một cuộc sống tốt đẹp như thế này đã khởi nguyên từ lịch sử, cụ thể là tư tưởng của những người theo thuyết Calvin* về vận mệnh tiền định thế kỷ 16, một “người được chọn”** và một Thiên Chúa sắp đặt kế hoạch cho từng người để đi theo. Những người theo thuyết Calvin chối bỏ các lễ nghi mà họ cho là rỗng tuếch và cứng nhắc, thay vào đó họ đề cao niềm tin thành khẩn vào Đấng Tối Cao này. Ngày nay, chúng ta không còn suy nghĩ theo kiểu số mệnh tiền định, theo kiểu “người được chọn”, thậm chí một số người trong chúng ta không còn nghĩ đến Thiên Chúa nữa. Nhưng phần lớn suy nghĩ của chúng ta hiện nay đều là di sản của những quan điểm Tin Lành thuở ban đầu ấy.

* *Thần học Calvin còn được biết đến là “Thần học cải cách”, được đặt theo tên của nhà thần học người Pháp Jean Calvin (1509 – 1564). Thần học Calvin hướng đến quyền tể trị tuyệt đối của Đức Chúa Trời và tin rằng Kinh thánh có thẩm quyền trên mọi vấn đề của đức tin. Năm luận điểm của Thần học Calvin bao gồm: Sa ngã toàn diện, Lựa chọn vô điều kiện, Sự chuộc tội có giới hạn, Ân điểm bất khả kháng, Sự gìn giữ các Thánh đồ.*

** *Luận điểm “Lựa chọn vô điều kiện” của Thần học Calvin cho rằng Thiên Chúa lựa chọn (không có điều kiện) một số người để cứu rỗi và định trước cho họ một số phận.*

Nhiều người hiện nay tin rằng mỗi người nên là một cá nhân duy nhất hiểu rõ chính mình. Chúng ta hiện tin rằng ta nên xác tín và trung thành với một chân lý, không phải một vị thần tối cao mà là với chính bản thân ta. Chúng ta mong muốn được sống theo đúng bản thân mình.

Nhưng sẽ ra sao nếu những tư tưởng mà chúng ta tin rằng giúp nâng cao chất lượng cuộc sống của mình thật ra lại đang giới hạn chúng ta?

Chúng ta thường liên tưởng triết học với những tư tưởng trừu tượng, thậm chí vô tích sự. Nhưng sức mạnh của các nhà tư tưởng trong cuốn sách này nằm ở chỗ họ thường minh họa cho những lời dạy của mình bằng các khía cạnh bình thường, cụ thể trong cuộc sống hằng ngày. Họ tin rằng chính từ cấp độ thường ngày ấy lại dễ dẫn đến những thay đổi lớn, và một cuộc đời viên mãn sẽ bắt đầu.

Khi chúng tôi nghiên cứu những nhà tư tưởng này, hy vọng của chúng tôi là bạn sẽ cho phép họ thách thức một số quan niệm mà bạn xem trọng nhất. Một số tư tưởng của họ có thể mang tính trực giác; và những tư tưởng khác thì không như thế. Chúng tôi không nhất thiết mong đợi rằng bạn sẽ đồng ý với mọi thứ bạn đọc. Nhưng chính cuộc gặp gỡ với những tư tưởng quá khác biệt so với tư tưởng của chúng ta sẽ giúp ta nhận ra rằng những giả định của chúng ta về việc sống thế nào cho tốt thật ra chỉ là một trong số rất nhiều cách khác nhau. Và một khi đã nhận ra điều đó, bạn không thể quay về cuộc sống trước đây của mình mà không có sự thay đổi nào.

THỜI ĐẠI TỰ MÃN

Một tầm nhìn chắc chắn thuộc về lịch sử trở thành lẽ phải thông thường. Con người sống trong cái mà chúng ta gọi là xã hội truyền thống mãi cho đến thế kỷ 19. Trong những xã hội ấy, người ta luôn được bảo phải làm những gì. Họ sinh ra trong một cấu trúc xã hội có sẵn, và chính cấu trúc xã hội ấy quyết định cuộc đời họ: “Con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa thì quét lá đa”. Dòng dõi của họ quyết định việc họ có bao nhiêu tiền bạc và quyền lực, nói chung, quỹ đạo của cuộc đời họ đã được sắp đặt từ khi chào đời.

Ở châu Âu vào thế kỷ 19, cuối cùng người ta cũng thoát khỏi những ràng buộc này. Lần đầu tiên, chúng ta nhận ra rằng tất cả chúng ta đều là những cá nhân biết suy nghĩ bằng lý trí. Chúng ta có thể tự quyết định và kiểm soát cuộc đời mình. Là những sinh vật có lý trí, chúng ta có thể tạo ra nhiều cơ hội chưa từng có. Với những nhận thức này, thế giới hiện đại đã ra đời, câu chuyện được diễn đạt như thế.

Nhưng nếu một phần trong thế giới chúng ta được thoát ly, thì các nền văn hóa khác đã bị bỏ lại phía sau – hoặc chúng ta đã tin là vậy. Đối với nhiều người, Trung Quốc cổ điển đại diện cho xã hội truyền thống cơ bản, trong đó mọi người được yêu cầu phải tuân thủ nghiêm ngặt những vai trò xã hội đã được xác định để sống trong một thế giới có trật tự và phân tầng rõ rệt.

Như vậy, đó hẳn là một thế giới không có gì để dạy cho chúng ta.

Tất nhiên, đôi khi ta cũng đọc được những câu chuyện đã được lãng mạn hóa về các xã hội truyền thống nói chung và Trung Quốc nói riêng, rằng: *Ngày nay chúng ta sống xa cách nhau, còn trong xã hội theo*

lề thói cũ, người ta lại sống hòa hợp với vũ trụ. Chúng ta đã thoát ly thế giới tự nhiên, tìm cách kiểm soát và thống trị nó, còn con người trong xã hội cũ đã luôn cố sống sao cho phù hợp với các khuôn mẫu của tự nhiên.

Quan điểm ủy mị về xã hội cũ này cũng chẳng dạy được gì cho chúng ta. Nó chỉ đơn giản là biến cái gọi là xã hội kiểu cũ thành một thứ gì đó na ná những mảnh vụn hoài niệm luyến tiếc quá khứ. Chúng ta có thể đi đến viện bảo tàng, nhìn thấy một xác ướp Ai Cập và ta sẽ nghĩ: Thú vị làm sao. Với một món đồ tạo tác cổ đại của Trung Quốc? Trông cổ quái làm sao. Nó gợi tò mò để ta muốn ngắm nghía, nhưng chúng ta sẽ chẳng muốn quay lại thời đại đó – về cái thế giới mà món đồ đó đại diện. Chúng ta không muốn sống ở đó hay học hỏi bất cứ thứ gì từ những thế giới truyền thống ấy cả, bởi vì họ không hiện đại. Chúng ta mới là người khám phá ra mọi thứ, chứ không phải họ.

Nhưng như bạn sắp được biết ngay thôi, rằng nhiều định kiến của chúng ta về những xã hội “truyền thống” này là hoàn toàn sai lầm. Và chúng ta có thể học hỏi nhiều điều từ quá khứ.

Mối nguy trong cách nhìn lịch sử của chúng ta không chỉ đơn thuần nằm ở chỗ nó đã khiến chúng ta gạt bỏ những sự tồn tại của con người chỉ bởi không còn phù hợp, mà nó còn khiến chúng ta nghĩ rằng những tư tưởng đang chiếm ưu thế hiện nay là những tư tưởng duy nhất khuyến khích người ta tự quyết định cuộc đời mình; và do đó, chúng là những tư tưởng duy nhất đúng.

Thực ra đã có hàng loạt quan điểm về việc con người có thể tự tạo dựng cuộc đời mình như thế nào. Một khi nhận ra điều đó, chúng ta có thể thấy nó thật sự “hiện đại” đến thế nào: Một thế văn tường thuật vượt trội giữa nhiều thế loại, được xây dựng ở một thời gian và không gian đặc trưng. Cả một thế giới tư tưởng nhờ đó mà trở thành có hiệu lực với chúng ta – một thế giới sẽ thách thức một vài huyền thoại mà chúng ta yêu mến nhất.

Huyền thoại #1: Chúng ta đang sống trong một thời kỳ tự do không giống bất kỳ thế hệ nào trước đây

Hầu hết chúng ta nghĩ về chính mình như là một sự tự do về bản chất, tự do theo những kiểu mà tổ tiên chúng ta không có được. Sau khi phương Tây thoát ly xã hội cũ vào thế kỷ 19, chúng ta cuối cùng đã có khả năng tự quyết định cách tổ chức thế giới. Suốt hai thế kỷ sau đó, chúng ta vật lộn với các hệ tư tưởng cạnh tranh nhau: chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa tư bản dân chủ. Và khi tất cả các tư tưởng đó, trừ một, đã gần như bị mất tín nhiệm, thì chúng ta cuối cùng đã đi đến “tận cùng của lịch sử”. Với sự sụp đổ của Bức tường Berlin vào năm 1989, chủ nghĩa tân tự do dường như đã trở thành con đường đúng đắn duy nhất để cấu trúc thế giới – con đường thích hợp nhất giúp cho loài người trở nên thịnh vượng và phồn vinh.

Nhưng khi đó chúng ta làm gì với những nỗi bất hạnh, rối loạn nhân cách ái kỷ và những nỗi lo âu đang tràn dâng trong thế giới phát triển này? Chúng ta được bảo rằng cứ làm việc chăm chỉ sẽ dẫn đến thành công, nhưng khoảng cách giàu nghèo vẫn gia tăng khủng khiếp, còn mức dịch chuyển xã hội* lại trên đà suy tàn. Chúng ta được trang bị tất cả các loại thiết bị hấp dẫn và ấn tượng, chúng ta đã đạt được những tiến bộ y tế chưa từng có, nhưng chúng ta cũng phải đối mặt với những cuộc khủng hoảng môi trường và nhân đạo ở quy mô đáng sợ. Vài thập niên gần đây, chủ nghĩa lạc quan vĩ đại của chúng ta đã biến mất. Chúng ta không còn tự tin rằng mình đang đi đúng đường để tạo dựng nên thế giới của mình.

** Social mobility, còn gọi là di động xã hội, cơ động xã hội, là khái niệm xã hội học dùng để chỉ sự chuyển động của những cá nhân, gia đình, nhóm xã hội trong cơ cấu xã hội và hệ thống xã hội. Di động xã hội liên quan đến sự vận động của con người từ một vị trí xã hội này đến một vị trí xã hội khác trong hệ thống phân tầng xã hội.*

Vậy, chúng ta đã hiểu được bao nhiêu? Các nhà sử học sau này liệu có nhìn nhận thời đại chúng ta là một thời kỳ thịnh vượng, bình đẳng, tự do và hạnh phúc? Hay thay vào đó, họ sẽ xem giai đoạn đầu thế kỷ 21 là một thời đại tự mãn: một thời kỳ con người không có được hạnh phúc và sự mãn nguyện; khi họ phải chứng kiến những cuộc khủng hoảng ngày càng tăng nhưng không thể nào phản ứng lại và cảm thấy không có con đường thay thế nào là khả dĩ?

Các tác phẩm triết học Trung Quốc được nói đến trong sách này sẽ cung cấp những con đường thay thế cho Thời đại Tự mãn này của chúng ta. Nhưng chúng không phải là những hệ tư tưởng chặt chẽ có thể thay thế cho, ví dụ, chế độ dân chủ. Đúng hơn là, chúng là những quan niệm khác thường về cái tôi và vị trí của cái tôi trong thế giới này. Nhiều quan niệm trong số ấy đã thực sự được phát triển trong sự đối lập với quan niệm sống theo bất kỳ hệ thống tư tưởng phổ quát nào.

Từ khoảng năm 600 đến năm 200 trước Công nguyên, một cơn bùng nổ các trào lưu triết học và tôn giáo trên khắp lục địa Á – Âu đã mở rộng tầm nhìn về sự phồn thịnh của con người. Trong giai đoạn được gọi là Thời đại Trục** này, nhiều tư tưởng sinh ra ở Hy Lạp cũng xuất hiện ở Trung Quốc và ngược lại. Thật ra, như chúng ta sẽ thấy, một số niềm tin khởi sinh ở Trung Quốc rất giống với những niềm tin phổ biến ở phương Tây ngày nay. Nhưng ở Trung Quốc, những quan điểm như thế đã thoái trào, trong khi những tư tưởng khác nổi lên theo chiều đối lập, đưa ra tranh luận về một con đường rất khác để đi đến cuộc đời tốt đẹp.

****** *Axial Age, Thời đại Trục, là một thuật ngữ triết học được đặt ra bởi triết gia người Đức Kark Jaspers (1883 – 1969), có nghĩa là thời đại chủ chốt, dùng để mô tả giai đoạn từ thế kỷ 8 đến thế kỷ 2 TCN. Đi ngược lại truyền thống châu Âu vốn lấy sự ra đời của Chúa Jesus làm “trục” của lịch sử thế giới, Jaspers cho rằng giai đoạn sáu thế kỷ này đã xuất hiện sự đột phá về ý thức lịch sử tại*

ba thế giới cổ đại là phương Tây, Ấn Độ và Trung Hoa, tạo nên khuôn khổ chung cho con người ngày nay. Jaspers dẫn chứng cho thời đại này với sự ra đời của vô số các triết gia, các nhà tu hành lỗi lạc ở cả ba thế giới cổ đại, với đặc điểm chung là con người có ý thức về sự tồn tại, về chính mình và về các giới hạn, biết đặt ra câu hỏi triết để, hướng tới giải phóng và giải thoát.

Không nên coi bất cứ quan điểm nào chúng ta đang xem xét là quan điểm “của người Trung Quốc” đối lập với quan điểm “của người phương Tây”, giống như chúng ta không nên coi những tư tưởng truyền thống như là một sự đối lập với những tư tưởng hiện đại vậy. Khi tìm hiểu những quan niệm này, chúng ta sẽ thấy rằng từ rất lâu trước thời kỳ hiện đại, người ta không chỉ đã tranh luận xem đâu là cách tốt nhất để tổ chức thế giới, mà họ còn đã nghĩ ra những phương án lựa chọn chân chính về việc sống sao cho tốt.

Huyền thoại #2: Chúng ta biết cách xác định phương hướng cho đời mình

Ở phương Tây, khi bắt đầu lập kế hoạch cho hạnh phúc và thịnh vượng, chúng ta được dạy phải dựa vào lý trí, phải tự tin rằng ta có thể đạt đến một giải pháp nếu tính toán cẩn thận. Đối mặt với sự bất định của cuộc sống, chúng ta vẫn thoải mái tin rằng bằng cách vượt qua được cảm xúc và thiên kiến, đồng thời biến kinh nghiệm thành dữ liệu đo lường được, thì chúng ta có thể nắm lấy cơ hội và thách thức số phận. Cứ xem cách tiếp cận phổ biến nhất của chúng ta với những tình huống tiến thoái lưỡng nan liên quan đến đạo đức và luân lý: Đặt ra một tình huống giả định điển hình, rồi xử lý nó một cách hợp lý. Trong thí nghiệm xe goòng nổi tiếng, chúng ta được bảo rằng hãy tưởng tượng mình đang ở một sân ga, nhìn thấy một chiếc xe goòng đang chạy theo đường ray. Chúng ta thấy nó sắp tông vào năm người đang ở trên đường ray phía trước. Nhưng nếu bẻ ghi, chúng ta có thể chuyển hướng chiếc xe sang một đường ray khác, nơi chỉ có một người đang nằm thoi. Chúng ta có để cho

chiếc xe lao vào năm người đó không, hay bẻ ghi để cứu họ, và chủ động chọn cách giết một người đang nằm đó?

Làm sao mới đúng?

Câu hỏi này đã làm vướng bận các triết gia và các nhà đạo đức suốt cả đời. Vô số bài tiểu luận, thậm chí có một, hai cuốn sách gì đó, đã được viết ra về những ẩn ý trong thí nghiệm này. Kịch bản cho phép chúng ta tối giản việc ra quyết định xuống thành một tập hợp các dữ liệu đơn giản và một lựa chọn duy nhất. Hầu hết chúng ta đều nghĩ rằng đó là cách mà các quyết định được đưa ra.

Ở Trung Quốc cổ đại, người ta cũng từng thử thực hiện những thí nghiệm tư duy như vậy. Nhưng các nhà tư tưởng Trung Quốc không vận động ngẫu nhiên. Họ xác định đây là một trò chơi trí tuệ tinh vi, bạn có thể chơi những trò chơi này cả ngày mà không ảnh hưởng gì đến cách sống hằng ngày. Không gì cả.

Cách chúng ta nghĩ mình đang sống thật ra không phải là cách ta sống. Cách chúng ta nghĩ mình đưa ra quyết định không phải là cách ta ra quyết định. Ngay cả nếu một ngày nào đó bạn đứng ở sân ga thật và thấy ai đó sắp bị giết bởi một chiếc xe goòng đang lao tới, thì phản ứng của bạn cũng chẳng liên quan gì đến việc tính toán lý trí. Trong những tình huống ấy, cảm xúc và bản năng của chúng ta sẽ tiếp quản và chúng cũng dẫn dắt các quyết định ít tự phát hơn của chúng ta, ngay cả khi chúng ta nghĩ rằng mình đang rất thận trọng và lý trí: Tôi nên ăn tối món gì? Tôi nên sống ở đâu? Tôi nên kết hôn với ai?

Nhìn thấy những hạn chế của cách tiếp cận này, các triết gia Trung Quốc đã tìm kiếm những cách thay thế. Đối với họ, câu trả lời nằm ở việc mài giũa bản năng của chúng ta, rèn luyện cảm xúc và dẫn thân vào một quá trình tự tu tự dưỡng không ngừng để cuối cùng, trong những khoảnh khắc vừa mang tính quyết định vừa trần tục, chúng ta sẽ phản ứng theo cách đúng đắn và hợp đạo đức đối với từng tình huống cụ thể. Thông qua những phản ứng đúng đắn đó, chúng ta gọi nên những phản

ứng tích cực ở những người quanh ta. Theo cách này, những nhà tư tưởng này truyền đạt rằng mọi cuộc gặp gỡ và trải nghiệm đều có khả năng mang đến một cơ hội để linh hoạt kiến tạo một thế giới mới mẻ và tốt đẹp hơn.

Huyền thoại #3: Sự thật về việc chúng ta là ai nằm trong chính chúng ta

Sự sụp đổ của các tổ chức tôn giáo quý tộc cũ đã khiến người Thời đại Trục phải đi tìm những nguồn chân lý và ý nghĩa mới. Tương tự, trong thời đại của chính chúng ta, chúng ta cảm thấy mình đã được giải phóng khỏi những lối suy nghĩ cũ kỹ, hạn hẹp và đang tìm kiếm những nguồn ý nghĩa mới. Càng ngày chúng ta càng được yêu cầu phải tìm kiếm sự thật cao hơn bên trong bản thân. Hiện nay, mục tiêu mà một người cần tự thực hiện là tìm ra chính mình và sống cuộc đời mình một cách “chân chính”, theo một sự thật bên trong.

Sự nguy hiểm của điều này nằm ở niềm tin rằng tất cả chúng ta sẽ biết được “sự thật” của mình ngay khi nhìn thấy nó, và rời giới hạn cuộc sống của chúng ta theo sự thật đó. Với tất cả sự đầu tư này trong việc tự định nghĩa bản thân, chúng ta có nguy cơ xây dựng tương lai của mình theo một ý nghĩa rất hạn hẹp của việc chúng ta là ai, tức chúng ta thấy đâu là điểm mạnh và điểm yếu của mình, điều gì chúng ta thích và không thích. Nhiều nhà tư tưởng Trung Quốc có thể nói rằng khi chúng ta làm vậy, chúng ta chỉ nhìn thấy một phần nhỏ tiềm năng của bản thân. Chúng ta trải qua một lượng giới hạn những khuynh hướng cảm xúc của mình trong một thời điểm và nơi chốn nhất định, rồi cho phép những khuynh hướng đó định nghĩa con người chúng ta mãi mãi. Với việc nghĩ về bản chất con người như là một sự bất biến, chúng ta đã lập tức hạn chế tiềm năng của mình.

Nhưng nhiều nhà tư tưởng Trung Quốc sẽ tranh luận rằng bạn không phải và không nên nghĩ mình là con người trước sau như một. Thử ví dụ, bạn nghĩ mình là một người có tính khí nóng nảy; một người dễ nổi giận.

Các nhà tư tưởng mà chúng ta sắp gặp gỡ đây sẽ cãi lý rằng bạn không nên nói: “Ờ, tôi là thế đó” và cứ khẳng khẳng với bản thân về việc mình là ai. Như chúng ta sẽ thấy, có khi bạn vốn dĩ không phải là một người nóng nảy. Có lẽ bạn chỉ đơn giản là rơi vào đường mòn – những mô thức hành vi – mà bạn cho phép định nghĩa con người bạn nghĩ chính là mình. Sự thật là bạn cũng có tiềm năng để, chẳng hạn như, dịu dàng hoặc tha thứ, tương đương với khả năng nổi giận.

Những triết gia ấy sẽ thôi thúc chúng ta nhận ra rằng tất cả chúng ta đều phức tạp và thay đổi liên tục. Mỗi người có nhiều khuynh hướng cảm xúc, mong muốn, cách phản ứng với thế giới khác nhau và thường mâu thuẫn nhau. Các khuynh hướng cảm xúc của chúng ta phát triển bằng cách nhìn ra bên ngoài, chứ không phải nhìn vào nội tâm. Chúng không được luyện thành khi bạn lui về ẩn dật khỏi thế giới để thiền định hoặc nghỉ dưỡng. Trong thực tiễn, chúng được hình thành thông qua những gì bạn làm trong cuộc sống hằng ngày: cách bạn tương tác với người khác và các hoạt động bạn theo đuổi. Nói cách khác, chúng ta không chỉ là chúng ta – chúng ta có thể chủ động biến mình thành một người tốt hơn bất kỳ lúc nào.

Tất nhiên, đây không phải là nhiệm vụ đơn giản. Nó đòi hỏi chúng ta phải thay đổi cách suy nghĩ về lực của chính mình và về việc làm thế nào sự thay đổi thực sự diễn ra. Nó cũng không phải là một quá trình nhanh chóng: Thay đổi sẽ tăng dần dần thông qua sự kiên trì. Xuất phát từ việc tự rèn luyện bản thân để mở rộng tầm nhìn, chúng ta mới có thể nắm bắt được các yếu tố phức tạp (các mối quan hệ chúng ta đang có, bạn bè của chúng ta, công việc chúng ta đang làm và các hoàn cảnh sống khác) tạo nên bất kỳ tình huống cụ thể nào và dần biến đổi cách chúng ta tương tác với mọi thứ xung quanh. Tầm nhìn rộng lớn này cho phép chúng ta hành xử theo những đường lối dần dần mang lại sự thay đổi đích thực.

Mặc dù người ta bảo rằng tự do thực sự chỉ xuất phát từ việc khám phá ra bản chất chúng ta là ai, nhưng “khám phá” đó chính là cái đã đánh

bấy rất nhiều người trong Thời đại Tự mãn. Chúng ta chính là người đang cản đường bản thân mình.

Vậy có phải điều này nghĩa là chúng ta cần một kế hoạch hoàn toàn mới để sống và tổ chức thế giới? Trái lại, các triết gia chúng ta sẽ khám phá đây lại thường minh họa cho tư tưởng của mình bằng các khía cạnh trần tục trong cuộc sống hằng ngày, vì họ cho rằng đó là nơi sẽ diễn ra những thay đổi lớn. Theo sự dẫn dắt của họ, trong quyển sách này, chúng tôi sẽ đưa ra nhiều ví dụ thường ngày để mang tư tưởng của họ vào cuộc sống. Nhưng những nhà tư tưởng này không có ý dùng những minh họa đó như lời khuyên mang tính giáo huấn, và chúng tôi cũng vậy. Đúng hơn, họ muốn cho thấy rằng chúng ta vốn đã làm nhiều điều trong số đó; chỉ là chúng ta làm chưa tốt thôi. Khi ngẫm nghĩ lại những khía cạnh này trong chính cuộc sống của chúng ta, ta sẽ hiểu những tư tưởng ấy thật sự thiết thực và khả thi đến thế nào.

Tiêu đề của cuốn sách này xuất phát từ một khái niệm mà các triết gia Trung Quốc thường gọi là Đạo. Đạo không phải là một “lý tưởng” hài hòa mà chúng ta phải gắng sức đi theo. Đúng hơn, Đạo là con đường mà chúng ta tiến lên liên tục thông qua các lựa chọn, hành động và các mối quan hệ của mình. Chúng ta tái tạo Đạo mỗi giây phút trong đời mình.

Chưa từng có ai đưa ra được một quan điểm thống nhất về Đạo mà tất cả các triết gia này đều tán thành. Họ không chỉ tranh luận chống lại các quy ước của chính xã hội họ, mà mỗi người còn đưa ra một quan điểm cực kỳ khác biệt về việc người ta có thể tạo ra con đường này chính xác đến mức nào. Nhưng họ đồng ý rằng bản thân quá trình xây dựng nên nó đã có tiềm năng vô tận để biến đổi chúng ta và thế giới mà chúng ta đang sống.

THỜI ĐẠI TRIẾT HỌC

Cứ bước vào bất kỳ bảo tàng nghệ thuật lớn nào là bạn sẽ phải đối mặt với vô số phòng trưng bày: Lưỡng Hà, Ai Cập cổ đại, Hy Lạp cổ đại, Đế chế La Mã, châu Âu thời Trung cổ, châu Âu hiện đại. Mỗi phòng trưng bày chứa đầy những tạo tác tuyệt đẹp và khi đi qua chúng theo trình tự, bạn có thể vạch ra sự phát triển của nền văn minh. Sau đó, bạn có thể lang thang sang một khu khác nếu thích và vào các phòng trưng bày theo chủ đề các vùng đất như Ấn Độ, Trung Quốc và Nhật Bản.

Đây là xu hướng tìm hiểu về lịch sử thế giới của chúng ta – như những nền văn minh rời rạc tự phát triển theo thời gian.

Bây giờ, hãy hình dung một dạng bảo tàng khác, một kiểu bảo tàng được sắp xếp duy nhất theo kỷ nguyên. Chẳng hạn như, bạn có thể dạo qua một phòng trưng bày và nhìn thấy một đồng xu denarius bạc của La Mã, một đồng xu bằng đồng thiếc từ thời Hán của Trung Quốc và một đồng tiền in dập từ Đế chế Maurya của Ấn Độ. Bạn sẽ thấy ngay rằng ba nền văn minh lớn ấy đang trải qua những thay đổi quan trọng tương tự nhau cùng một lúc, bất chấp khoảng cách địa lý quá lớn giữa chúng: Mỗi nền văn minh đã trở thành một đế chế, và mỗi nền văn minh ấy đang vận hành một nền kinh tế dựa trên tiền xu. Hoặc bạn có thể vào một phòng trưng bày về giai đoạn đầu thời Trung cổ, vài thế kỷ sau đó, rồi nhìn thấy các thánh vật và các tàn tích kiến trúc của Kitô giáo, Hồi giáo và Phật giáo. Tất cả chúng sẽ đưa ra một sự thật sống động rằng cùng một thời gian trong lịch sử, tất cả các tôn giáo lớn trên thế giới đã lan tỏa, thiết lập vững chắc dọc theo các mạng lưới thương mại kết nối Trung Quốc, Ấn Độ và khu vực Địa Trung Hải. Việc này sẽ mô tả một chân dung chính

xác hơn về thời kỳ lịch sử này, rằng châu Âu và châu Á vốn luôn luôn kết nối với nhau.

Nhiều người trong chúng ta nghĩ toàn cầu hóa là một hiện tượng riêng biệt của thế giới hiện đại, rằng công nghệ và ngành hàng không đã mở ra một kỷ nguyên mới nơi các xã hội khép kín cuối cùng cũng có thể kết nối với nhau. Nhưng nếu vậy thì tại sao Khổng Tử, Socrates và Đức Phật lại nói về những vấn đề triết học tương tự nhau vào cùng thời điểm hai ngàn năm trăm năm trước, dù ba vị sống ở những địa điểm hoàn toàn khác biệt, cách nhau rất xa và nói những ngôn ngữ hoàn toàn riêng biệt? Thực tế là những phát kiến, công nghệ và ý tưởng vốn đã di chuyển khắp toàn cầu trong một thời gian rất dài. Sự căng thẳng và chuyển động sôi động trong lục địa Á - Âu đã xác định phần lớn lịch sử của nó. Khổng Tử, Socrates và Đức Phật đã phản ứng rất tương đồng với những chất xúc tác xã hội.

Để hiểu tại sao tranh luận triết học lại nổi lên và tại sao những nhà tư tưởng này lại tập trung vào những vấn đề giống nhau như vậy, chúng ta phải hiểu được nền văn hóa sôi nổi và đầy sức sống nơi họ sống và phát triển các tư tưởng.

Người châu Âu thế kỷ 19 không phải những người đầu tiên nghĩ mình đang tách khỏi quá khứ và tạo ra một thời đại hoàn toàn mới. Những đợt bùng nổ tương tự đã xảy ra liên tục trong suốt lịch sử loài người. Một trong những đợt quan trọng nhất xảy ra trên khắp lục địa Á - Âu vào khoảng giữa thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên.

Trong một cơn chuyển mình mang tính cách mạng của lịch sử, các xã hội quý tộc thời đại đồ đồng đã thống trị lục địa Á - Âu suốt hai ngàn năm, vốn chuyển giao quyền lực và của cải theo quy chế cha truyền con nối, bắt đầu vỡ vụn. Khi các nhà nước này sụp đổ, những hình thức thử nghiệm chính trị mới ra đời – từ chế độ dân chủ cấp tiến ở Hy Lạp đến các bộ máy quan lại và những hệ thống pháp luật ở Trung Quốc. Những hình thức quản lý nhà nước mới mẻ này đã giúp nuôi dưỡng sự khởi đầu

của di động xã hội. Và giữa những biến đổi xã hội to lớn mà các nhà nước này tạo nên, các tổ chức tôn giáo gắn liền với các nền văn hóa quý tộc trước đó cũng sụp đổ theo.

Vì lẽ đó, các phong trào tôn giáo và triết học đã nảy nở mạnh mẽ khắp lục địa Á - Âu. Ở Hy Lạp cổ đại, đây là thời của Socrates, Plato và Aristotle, cũng như Pythagore và Orphics. Ở Ấn Độ, nó dẫn đến sự xuất hiện của Kỳ Na giáo* và quan trọng nhất là sự xuất hiện của Đức Phật. Và ở Trung Quốc, đây là thời của Khổng Tử, Mạnh Tử và các phong trào triết học, tôn giáo khác mà chúng ta sẽ gặp gỡ trong cuốn sách này. Tất cả đều cực kỳ hiện đại. Và tất cả đều suy ngẫm về những vấn đề xuất hiện khi một trật tự xã hội bị phá vỡ: Đây là cách tốt nhất để điều hành một nhà nước? Làm thế nào xây dựng một thế giới đích thực nơi mọi người đều có cơ hội phát triển? Làm sao để tôi sống cuộc đời của mình? Tất cả họ đều vật lộn với những vấn đề rất giống chúng ta.

** Túc đạo Jaina, một tôn giáo của Ấn Độ ra đời cùng thời với Phật giáo, được sáng lập bởi Mahavir (540 TCN – 468 TCN). Triết lý và phương thức thực hành của đạo Jaina dựa vào nỗ lực bản thân để đến cõi Niết Bàn.*

Thời đại Trục kéo dài cho đến khi hình thành các đế chế khổng lồ khắp lục địa Á - Âu những thế kỷ trước Công nguyên cuối cùng. Đáp lại các đế chế này, một loạt tôn giáo cứu rỗi đã lan rộng khắp Á - Âu trong những thế kỷ đầu tiên sau Công nguyên: Kitô giáo, Mani giáo**, Phật giáo Đại thừa, Đạo giáo, và sau nữa là Hồi giáo. Trong vòng vài thế kỷ, ở nhiều vùng của lục địa Á - Âu, đặc biệt là châu Âu, thời kỳ thử nghiệm triết học và tôn giáo này chấm dứt sau sự sụp đổ của các đế chế và quay lại thiết chế quý tộc.

*** Mani giáo (hay còn gọi Minh giáo, Mạt Ni giáo, Mâu Ni giáo), là một tôn giáo cổ của Iran, do Mani (216 – 277), người Ba Tư*

sáng lập vào khoảng thế kỷ 3, được truyền bá theo hai hướng Đông - Tây, cực thịnh một thời, có ảnh hưởng sâu rộng.

Những thay đổi xã hội của Thời đại Trục dẫn đến những sự phát triển tương tự nhau trên một khu vực địa lý rộng lớn. Không có bằng chứng nào cho thấy Khổng Tử, Đức Phật và các triết gia Hy Lạp có biết gì về nhau, càng không nói đến biết về tư tưởng của nhau. Tuy nhiên, vào khoảng năm 500 trước Công nguyên, những phong trào triết học lớn ở các vùng cách xa nhau của lục địa Á - Âu lại thống nhất trong niềm tin rằng thế giới phải thay đổi.

Trong suốt phần lớn thời đại đồ đồng, hầu hết mọi người đều hiểu rõ không có khả năng nào để thay đổi quỹ đạo cuộc đời họ, nhưng sự tăng trưởng di động xã hội lúc này đã gieo mầm cho suy nghĩ rằng cái gì dành cho một số người thì cũng có thể và nên dành cho tất cả mọi người, không chỉ cho thiểu số.

Đồng thời, người ta hiểu rằng mình đang sống trong giai đoạn đại khủng hoảng văn hóa. Thời kỳ được đánh dấu bằng chiến tranh liên miên, đặc biệt là ở Hy Lạp, miền bắc Ấn Độ và bình nguyên Hoa Bắc – cũng là khu vực có nhiều phong trào triết học và tôn giáo lớn xuất hiện sau đó. Ở những vùng đất này, có một cảm giác tràn lan rằng con người đã lạc lối và đã từ bỏ các quy tắc ứng xử cho phép họ sống trong sự lễ độ giản đơn. Nhà thơ Hy Lạp Hesiod đã nắm bắt được các đặc tính của thời đại, than thở rằng ông đang sống trong thời kỳ mà các mối quan hệ đã đổ vỡ: cha con bất hòa, con không quan tâm đến cha mẹ già, anh em đánh nhau, và người ta thoải mái “tán dương bạo lực”.

Giữa lòng cuộc khủng hoảng văn hóa này, các phong trào tôn giáo và triết học bắt đầu nổi lên. Nhiều người có liên quan rút khỏi xã hội và tạo nên các cộng đồng thay thế dựa trên cơ sở cự tuyệt bạo lực. Những người khác nhấn mạnh vào việc vượt hẳn khỏi thế giới sụp đổ trên trái đất bằng cách tưởng tượng một thế giới cao hơn bên kia.

Các phong trào phát triển ở bình nguyên Hoa Bắc cũng tập trung vào việc tạo ra các thế giới thay thế. Nhưng đối với họ, giải pháp không phải là rút khỏi xã hội hay tìm kiếm những cảnh giới cao hơn, siêu việt hơn, mà phải tạo ra những thay đổi trong chính những mẫu hình của cuộc sống thường nhật.

Những sự phát triển đặc thù đã dẫn đến sự tập trung vào cõi trần thế này. Ở bình nguyên Hoa Bắc, một phản ứng trước sự sụp đổ của các xã hội theo chế độ cha truyền con nối của thời đồ đồng là sự hình thành những nhà nước mới do giới trí thức thuộc tầng lớp ngay dưới tầng lớp quý tộc điều hành, những người này lên nắm quyền nhờ vào công trạng thay vì được định đoạt chức tước dựa vào dòng dõi. Ngày càng có nhiều người cố công học tập với hy vọng giành được một vị trí trong những bộ máy quan lại mới này và nâng cao địa vị bản thân trong cuộc sống. Khi được học hành, họ trở nên bất mãn sâu sắc với thế giới đương thời và bắt đầu trăn trở về việc sống sao cho khác đi. Hầu hết các phong trào tôn giáo và triết học mới ở Trung Quốc thời kỳ này có thành viên là các nhân vật từ tầng lớp trí thức đang lớn mạnh.

Chẳng hạn như Khổng Tử. Triết gia vĩ đại này sống trong giai đoạn suy tàn của triều đại lớn cuối cùng thuộc thời đồ đồng, triều đại nhà Chu. Nhà Chu là một dòng họ quý tộc hùng mạnh, khẳng định được vị thế của mình với các dòng họ lớn khác nhờ sở hữu Thiên mệnh. Ở Trung Quốc cổ đại, Thượng đế được coi là vị thần sẽ ban cho dòng dõi có đức nhất thời bấy giờ nhiệm vụ cai trị dân chúng cho đến khi nào họ vẫn còn giữ được phẩm hạnh. Đó là một thời đại rất giống châu Âu trước thế kỷ 19, khi các dòng dõi quý tộc lớn cai trị bằng cách tuyên bố họ có quyền thiêng liêng.

Trong giai đoạn cuộc đời Khổng Tử, những dòng họ quý tộc đầy thế lực này đã mất đi quyền lực. Bản thân nhà Chu đã suy tàn, nhưng các gia tộc khác cũng vậy. Thế nên không ai có thể bước lên để tuyên bố mình là người mới được “phụng thiên thừa vận”.

Chính trong khoảng trống chính trị tiếp đó, những nhân vật như Khổng Tử xuất hiện nổi bật. Ông giữ vài chức quan nhỏ và về sau trở thành thầy dạy học, tập trung dạy dỗ một thế hệ mới những người cũng đang tìm kiếm những chức tước ấy.

Ngày nay, khi nghĩ về Khổng giáo^{***}, chúng ta thường liên tưởng đến hệ thống phân tầng xã hội cứng nhắc, những vai trò phân theo giới tính nghiêm ngặt và nhấn mạnh việc xử sự đúng đắn một cách bảo thủ – ẩn tượng đó một phần dựa trên việc diễn giải lại những giáo lý này về sau. Nhưng chân dung của Khổng Tử trong *Luận ngữ* lại không phải là một người đang cố gắng kiểm soát mọi người, cũng không chút gì giống một trong những người đang cố gắng tạo ra một hệ tư tưởng cố kết. Trái lại, chúng ta thấy một nhân vật đang cố gắng tạo ra những thế giới mà ở đó con người có thể thịnh vượng. Những thế giới ấy được xây dựng ở đây, ngay lúc này, thông qua cách chúng ta tương tác với mọi thứ xung quanh.

^{***} *Hay còn gọi là Nho giáo.*

Khổng Tử cho rằng một kỷ nguyên hưng thịnh vĩ đại của loài người đã từng tồn tại vào thời kỳ đầu nhà Chu, khoảng năm trăm năm trước thời của ông. Ông xem đây là giai đoạn được cai trị bởi những người biết tự tu tự dưỡng, trở thành con người đạo đức, và nói chung là đã thành công trong việc tạo ra một thế giới tốt đẹp hơn quanh mình. Ông cố tìm con đường để làm điều tương tự: Tạo ra một thế giới nơi học trò của ông có thể phát triển, với hy vọng một số trong những học trò đó có thể tạo ra một trật tự xã hội lớn hơn, để dân chúng cũng có thể sống đời phồn thịnh.

Mọi triết gia chúng ta gặp trong cuốn sách này đều giống với Khổng Tử. Mỗi người đều nổi lên từ sự tội luyện trong cơn quá độ này. Mỗi người đều phản đối xã hội mình đang sống và tích cực trù tính những

cách sống mới mẻ, thú vị. Mỗi người đều tin tưởng mạnh mẽ rằng mọi người đều có tiềm năng phát triển như nhau.

Quá trình rèn luyện của các nhà tư tưởng này đã khiến họ trở nên cực kỳ thực tế và cụ thể. Đó là lý do vì sao khi đặt câu hỏi chất vấn xã hội, họ có xu hướng không tập trung vào ngay những câu hỏi trừu tượng lớn lao. Thay vào đó, họ đặt câu hỏi: Vì sao thế giới của chúng ta lại thành ra thế này, chúng ta có thể làm gì để thay đổi nó? Từ những câu hỏi thực tế này mới xuất hiện những khám phá đầy cảm hứng về tiềm năng trở nên tuyệt vời và tốt đẹp của mỗi người.

VỀ CÁC MỐI QUAN HỆ: KHỔNG TỬ VÀ CÁC LỄ NGHI “NHƯ THỂ”

Nếu chúng tôi nói với bạn rằng chơi một trò trốn tìm đơn giản với một đứa trẻ bốn tuổi có thể thay đổi đáng kể tất cả các mối quan hệ của bạn, thì cũng dễ hiểu nếu bạn cảm thấy nghi ngờ. Nhưng sự thật là khi bạn chơi trò ấy – khi bạn rón rén nhón chân ra khỏi cánh cửa tủ để em bé có thể dễ tìm được bạn hơn, khi em bé cười to sung sướng vì phát hiện ra bạn và khi bạn nhiệt tình chơi với em hết lần này đến lần khác – bạn không chỉ đang tham gia vào một trò chơi vô tư, mà bạn và đứa trẻ ấy đang tham gia vào một lễ nghi bằng cách đảm nhận các vai trò khác với bình thường, một lễ nghi cho phép bạn dựng lên một thực tại mới.

Điều này nghe có vẻ dị thường vì chúng ta có xu hướng nghĩ về lễ nghi như một cái gì đó cho ta biết mình phải làm gì, chứ không phải là một thứ có tính biến đổi. Nhưng một chuỗi tư tưởng kinh điển, khởi đầu từ Khổng Tử, đã dẫn đến một cách nhìn hoàn toàn mới về vai trò chính xác của lễ nghi.

Khổng Tử, sống từ năm 551 đến năm 479 trước Công nguyên, là triết gia lớn đầu tiên trong truyền thống Trung Quốc. Tầm ảnh hưởng rộng rãi và lâu dài của ông không xuất phát từ những tư tưởng vĩ đại mà từ những tư tưởng dễ nhầm tưởng là đơn giản – những tư tưởng đảo ngược mọi hiểu biết của chúng ta về việc hiểu chính mình và hòa thuận với người khác.

Hãy xem một đoạn trong thiên thứ 10 của *Luận ngữ*, một tập hợp những đối thoại và chuyện kể do các đồ đệ của Khổng Tử biên soạn sau khi ông qua đời:

“Tịch bất chánh, bất tọa”*

(Chiều trải không ngay ngắn, ngài chẳng ngồi.)

* *Luận ngữ, thiên thứ 10, bài 9.*

Đây là một câu khác:

“Thực bất ngữ”**

(Khi ăn, không đàm luận.)

** *Luận ngữ, thiên thứ 10, bài 8.*

Không hoàn toàn như bạn chờ đợi phải không? Có phải những câu này dường như quá bình thường với một trong những tác phẩm quan trọng nhất của nhân loại?

Những đoạn này chẳng phải là ngoại lệ. *Luận ngữ* đầy những chi tiết cụ thể, vụn vặt về những gì Khổng Tử đã làm và nói. Chúng ta có thể biết Khổng Tử nâng khuỷu tay cao bao nhiêu. Chúng ta có thể biết khi bước vào một căn phòng, ông nói chuyện với những người khác nhau như thế nào. Chúng ta có thể tưởng tượng Khổng Tử hành xử như thế nào trong bữa tối.

Bạn hẳn sẽ thắc mắc làm sao những điều đó có thể mang bất kỳ ý nghĩa triết học nào. Bạn có thể muốn dò dẫm hết cuốn sách để tìm cho ra những đoạn Khổng Tử nói điều gì đó thực sự sâu sắc. Nhưng để hiểu điều gì khiến cho *Luận ngữ* trở thành một tác phẩm triết học vĩ đại, chúng ta cần xem cách Khổng Tử xử sự trong các bữa ăn. Chúng ta cần biết ông làm những gì trong một ngày bình thường. Lý do khiến những khoảnh khắc ngày thường trở nên rất quan trọng là vì, như chúng ta sẽ thấy, chúng chính là phương tiện để chúng ta có thể trở thành những con người khác biệt và tốt đẹp hơn.

Lập trường như vậy là rất hiếm hoi trong phạm trù triết học. Nếu bạn dự một lớp triết học bất kỳ hoặc đọc một tác phẩm triết học nào đó, bạn sẽ thấy triết gia nhảy ngay vào những câu hỏi lớn như: *Chúng ta có tự*

do ý chí không? Ý nghĩa của cuộc sống là gì? Kinh nghiệm có mang tính khách quan không? Đạo đức là gì?

Nhưng giáo lý của Khổng Tử lại tiếp cận theo hướng ngược lại. Thay vì bắt đầu với những câu hỏi triết học lớn lao, ông đặt ra câu hỏi nền tảng, sâu sắc mang tính đánh lừa sau:

Bạn sống cuộc đời mình như thế nào trong ngày thường?

Đối với Khổng Tử, mọi thứ đều bắt đầu với câu hỏi này, câu hỏi về những điều nhỏ nhất nhất. Và không như những câu hỏi lớn lao, khó nắm bắt, đây là câu hỏi mà tất cả chúng ta đều có thể trả lời.

Thế giới phân mảnh

Chúng ta thường nghĩ về những người sống trong các nền văn hóa truyền thống như những người tin vào một kiểu trật tự hài hòa nào đó lệnh cho họ phải sống như thế nào và ban cho họ một vai trò xã hội mà họ buộc phải gánh vác. Đây chắc chắn là cách mà nhiều người phương Tây nghĩ về Trung Quốc. Nhưng sự thật là nhiều triết gia Trung Quốc thực sự nhìn thế giới rất khác: Họ cho rằng thế giới bao gồm một chuỗi vô tận những cuộc gặp gỡ phân mảnh, lộn xộn.

Thế giới quan này bắt nguồn từ quan niệm cho rằng tất cả các khía cạnh của đời sống con người đều bị chi phối bởi cảm xúc, bao gồm cả những tương tác vô tận giữa người với người đang diễn ra. *Tính tự mệnh xuất* ^{***}, một trước tác từ thế kỷ 4 trước Công nguyên mới được phát hiện gần đây, đã dạy rằng:

^{***} Năm 1993, trong cuộc khai quật một ngôi mộ cổ ở thôn Quách Điểm, nơi từng là kinh đô cuối cùng của nước Sở (676 – 278 TCN), thuộc tỉnh Hồ Bắc ngày nay, người ta đã phát hiện ra một lượng lớn thẻ tre ghi chép các văn bản cổ. Niên đại của ngôi mộ này được xác định vào khoảng giữa thế kỷ 4 đến đầu thế kỷ 3 TCN. Trong 804 thẻ tre được tìm thấy, có chứa văn bản cổ nhất từng được biết đến của Đạo Đức Kinh, một chương của Kinh Lễ,

và một số văn bản không xác định được tác giả, nhiều đoạn ghi chép về Nho giáo và Đạo giáo lần đầu được biết tới. Các thẻ tre này được gọi là Quách Điểm Sở Giản (郭店楚簡), sau khi được phục hồi nguyên trạng đã được dịch sang tiếng Trung Quốc hiện đại và xuất bản rộng rãi. Tính tự mệnh xuất (性自命出), tức bản tính con người từ mệnh mà ra, là một phần của Quách Điểm Sở Giản.

Hỉ nộ ai bi chi khí, tính dã. Cập kỳ hiện ư ngoại tắc vật thủ chi dã**.**

(Năng lượng của vui, giận, buồn đau từ tính mà ra. Chúng phát lộ ra ngoài là do người khác khơi gợi.)

**** *Tính tự mệnh xuất, bài số 1.*

Tất cả các sinh vật sống có thiên hướng, hay khuynh hướng, phản ứng với mọi thứ theo những cách nhất định. Giống như một bông hoa vốn có thiên hướng ngoảnh về phía mặt trời, chim và bướm có thiên hướng bay đi tìm hoa, con người cũng có những thiên hướng của riêng mình. Thiên hướng của chúng ta là phản ứng với người khác dựa trên cảm xúc.

Thường thì chúng ta còn không nhận thấy cảm xúc của mình liên tục bị lôi ra ngoài như thế nào. Nhưng cảm xúc của chúng ta luôn dao động không ngừng tùy theo đối tượng mà chúng ta gặp. Chúng ta trải qua một sự việc hài lòng, thế là ta cảm thấy vui; chúng ta gặp phải một chuyện kinh khủng nào đó, rồi thì ta cảm thấy sợ hãi. Một mối quan hệ độc hại khiến ta cảm thấy tuyệt vọng, một cuộc cãi vã với đồng nghiệp khiến ta cáu tiết, sự ganh đua với một người bạn khuấy lên cảm giác ghen tị. Chúng ta phát hiện mình gặp phải một số cảm xúc nào đó thường xuyên hơn những cảm xúc khác và cách phản ứng của chúng ta khi đó trở thành thói quen kiểu mẫu.

Cuộc sống diễn ra thế này: Người ta gặp nhau hết lần này đến lần khác, phản ứng bằng vô số cách và liên tục dao động cảm xúc. Không ai có thể thoát khỏi điều này, dù là một đứa trẻ chơi trên sân hay là lãnh đạo của một cường quốc. Mỗi sự kiện của con người được định hình bởi thế giới cảm xúc mà chúng ta trải nghiệm. Nếu cuộc sống của con người bao gồm những lần va chạm với nhau liên miên không dứt và phản ứng một cách thụ động, chúng ta sẽ sống trong một thế giới phân mảnh, trong đó chúng ta bị những sự kiện khác nhau vùi dập không ngừng.

Nhưng tất cả không phải là vô vọng: Chúng ta có thể cư xử tinh tế hơn trong những cuộc gặp gỡ bất tận này và tạo ra các túi trật tự. Bài *Tính tự mệnh xuất* lập luận rằng chúng ta nên cố gắng chuyển từ trạng thái đơn thuần phản ứng ngẫu nhiên với mọi thứ theo cảm xúc (*qing* – tính) sang trạng thái phản ứng đúng phép tắc, hay “những cách phản ứng tốt hơn” (*yi* – nghĩa):

Đãi tập nhi hậu điện... thủy giả cận tình, chung giả cận nghĩa. *****

(Chỉ thông qua rèn luyện chúng ta mới có thể phản ứng đúng đắn... Thuở sơ sinh, người ta phản ứng bằng cảm xúc; nhưng cuối cùng, người ta phản ứng bằng phép tắc.)

***** *Tính tự mệnh xuất, bài số 1.*

Trau dồi các phép tắc không có nghĩa là bỏ qua hay kiểm soát cảm xúc. Cảm xúc là cái khiến chúng ta trở thành con người. Nó đơn giản có nghĩa là giáo hóa cảm xúc để chúng ta tiếp thu những cách ứng xử tốt đẹp hơn nhằm đối đáp với người khác. Những cách ứng xử tốt đẹp hơn ấy trở thành một phần trong con người chúng ta. Khi học được cách ứng xử tinh tế, chúng ta có thể bắt đầu đối đáp với mọi người bằng những gì chúng ta đã trau dồi, thay vì bằng phản ứng cảm xúc tức thời. Và chúng ta thực hành việc tôi luyện này thông qua các lễ nghi.

Phong tục và lễ nghi

Hầu hết chúng ta đều có những “lễ nghi” nhất định. Dù đó là một tách cà phê buổi sáng, bữa tối với gia đình, một tối thứ Sáu hẹn hò lứa đôi, hay công lũ trẻ đi một vòng trước khi ngủ, thì chúng ta cũng luôn coi những khoảnh khắc này là thứ quan trọng bởi vì chúng ban cho cuộc sống của chúng ta một ý nghĩa, một sự tiếp diễn, và gắn kết chúng ta với những người thân yêu.

Khổng Tử đồng ý rằng tất cả những khoảnh khắc này đều có khả năng là những lễ nghi. Nhưng trong những lời dạy của mình, ông đã chỉ ra chi tiết những gì chúng ta nên xem là các lễ nghi và lý do vì sao chúng lại quan trọng.

Hãy thử xem xét một hành động đơn giản mà tất cả chúng ta đều thực hiện nhiều lần trong ngày:

Bạn gặp một người bạn.

- Này, dạo này sao rồi?

- Khỏe lắm! Anh thì sao?

Hành động nhanh gọn này gắn kết hai bạn trong một khoảnh khắc trước khi tiếp tục công việc dang dở.

Hay khi đồng nghiệp của bạn giới thiệu bạn cho ai đó: “Rất vui được biết anh”, bạn bắt tay anh ta rồi cả hai cùng vui vẻ trò chuyện về thời tiết, về mọi thứ xung quanh hay về một số sự kiện trên tin tức gần đây.

Hay khi bạn gặp một người bạn thân ở cửa hàng tạp hóa. Hai bạn dừng xe đẩy và trao nhau một cái ôm thật ấm áp. “Dạo này ra sao? Còn tụi nhỏ khỏe chứ?”. Các bạn trò chuyện một chút về cuộc sống, một cuộc trao đổi ngắn nhưng rất sôi nổi, rồi hẹn nhau đi uống cà phê trước khi mỗi người đi mỗi hướng.

Chúng ta sử dụng những lời chào khác nhau, hỏi những câu hỏi khác nhau và sử dụng những tông giọng khác nhau khi nói chuyện với những người khác nhau. Những điều này chúng ta thường làm một cách vô thức. Chúng ta khéo léo điều chỉnh hành vi, nhân xưng và từng từ ngữ chúng ta sử dụng, tùy thuộc chúng ta đang nói chuyện với một người bạn

thân, một người quen, một người mới gặp, mẹ ruột, cha vợ, sếp, gia sư, hay giáo viên piano của các con. Chúng ta điều chỉnh cách nói chuyện theo người mà chúng ta đang trò chuyện cùng vì chúng ta đã biết rằng đây là điều phù hợp về mặt xã hội. Và vì suốt ngày chúng ta gặp gỡ những người khác nhau, trong những tình huống khác nhau, nên mọi thứ chúng ta làm cũng thay đổi liên tục.

Tất nhiên, bất kỳ triết gia nào cũng nhận biết được người ta sử dụng các kiểu chào hỏi và tông giọng khác nhau trong các hoàn cảnh khác nhau. Nhưng ít ai có suy nghĩ rằng điều này mang ý nghĩa triết học.

Đó chính là điểm khác biệt của Khổng Tử. Ông bắt đầu bằng quan sát rằng nếu chúng ta dành phần lớn thời gian không ngủ trong ngày để làm những việc này, thì về mặt triết học, đó chính xác là nơi chúng ta cần bắt đầu. Chúng ta cần tự hỏi tại sao mình lại thực hiện những hành động như vậy. Những hành vi nho nhỏ ấy gọi là tục lệ, tức là những quy ước mà xã hội đã quy định chúng ta phải tuân theo. Nhưng ít nhất một vài trong số những quy ước này có thể được biến thành các lễ nghi, một thuật ngữ mà Khổng Tử định nghĩa theo một cách mới mẻ và khơi gợi.

Con người là những sinh vật có thói quen. Chúng ta trở nên quen thuộc với việc thực hiện những điều nhỏ nhặt này – nép sang một bên để một người lạ đi qua, đeo cà vạt trong một buổi phỏng vấn xin việc – và chúng ta làm như vậy một cách vô thức.

Ngay cả khi chúng ta không nhận thức được mình đang làm gì, thì những việc làm này cũng tạo một ảnh hưởng tích cực nào đó. Nếu chúng ta cảm thấy tâm trạng hơi buồn bã, việc dành chút thời gian để chào hỏi người khác có thể làm gián đoạn một chu kỳ cảm xúc tiêu cực. Nếu gặp gỡ ai đó từng có mâu thuẫn với mình, chúng ta có thể chia sẻ một khía cạnh khác, đời thường hơn về bản thân và trong giây lát phá vỡ hình mẫu bất đồng. Trong những khoảnh khắc ngắn ngủi đó, chúng ta trải qua những mối quan hệ khác nhau với những người xung quanh.

Nhưng trong cuộc sống, nếu chúng ta thực hiện hầu hết các quy ước xã hội một cách máy móc, chúng sẽ đánh mất khả năng trở thành những lễ nghi có thể thay đổi chúng ta một cách sâu sắc. Chúng chẳng làm được gì nhiều để giúp chúng ta trở thành người tốt đẹp hơn.

Để giúp bản thân thay đổi, chúng ta phải nhận thức được rằng việc thoát khỏi những cách tồn tại thông thường chính là điều giúp chúng ta có thể phát triển các khía cạnh khác nhau của bản thân. Lễ nghi, theo nghĩa của Khổng giáo, có khả năng biến đổi vì trong một khoảnh khắc chúng cho phép chúng ta trở thành người khác. Chúng tạo ra một thực tại thay thế ngắn ngủi mà sẽ đưa chúng ta trở lại cuộc sống thường ngày với đôi chút biến đổi. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, chúng ta đang sống trong một thế giới “như thế”.

Thế giới “như thế”

Ở Trung Quốc cổ đại, người ta xem con người là một khối những yếu tố mâu thuẫn – những cảm xúc trái ngược nhau, những nguồn năng lượng hỗn loạn, những linh hồn hỗn độn – những thứ mà họ cố công rèn luyện cả đời. Nhưng vào thời khắc lâm chung, những năng lượng nguy hiểm nhất của một người – tất cả nổi tức giận và phẫn uất của người này khi phải ra đi trong khi những người thân yêu của anh tiếp tục sống – sẽ bị phóng thích và ám ảnh những người sống. Do đó, người ta tin rằng thế giới đầy những linh hồn người quá cố, có vẻ ghen tị với những người còn sống. Cái chết cũng đem đến điều tồi tệ nhất trong những người còn sống: nỗi buồn khủng khiếp, sự hỗn loạn và sự giận dữ không thể lý giải.

Để chiến đấu với tất cả những năng lượng tiêu cực không thể kiểm soát này, người ta đã phát triển các hành vi lễ nghi, mà quan trọng nhất là thờ cúng tổ tiên. Mục đích là để biến những linh hồn nguy hiểm thành những bậc tiên tổ nhân từ. Thịt của một con thú, thường là heo, sẽ được đặt lên một cái chậu lễ bằng đồng và được nấu bằng một đồng lửa trước mặt gia đình tại nơi thờ cúng. Gia đình sẽ gọi những linh hồn về hưởng làn khói thơm bốc lên từ thịt. Khi cho hương hồn hưởng những lễ vật

này, người sống hy vọng sẽ nhân tính hóa được họ, đưa họ trở về gia đình và thuyết phục các hương hồn đó ở lại với vai trò một bậc tổ tiên nhân đức ngự ở cõi trên.

Sau khi lễ nghi kết thúc, vị tổ tiên rút cuộc lại trở về nguyên trạng là một linh hồn giận dữ đầy ám ảnh, và lễ nghi sẽ phải lặp lại nhiều lần nữa.

Trong *Luận ngữ*, Khổng Tử đã được hỏi về việc thờ cúng tổ tiên. Ông nói rằng lễ nghi này là hoàn toàn cần thiết, nhưng dù các linh hồn có tham gia hay không thì cũng chẳng có gì khác. “*Tế như tại, tế thần như thần tại*” ***** (*Tế tổ tiên như tổ tiên ở trước mặt, tế thần như thần ở trước mặt*), ông nói. Điều quan trọng là tham gia đầy đủ nghi lễ: “*Ngô dữ bất tế, như bất tế*” (*Nếu không đích thân tham gia vào lễ cúng tế, thì cúng tế cũng như không cúng tế*) *****.

***** *Luận ngữ*, thiên thứ 3, bài 17.

***** *Luận ngữ*, thiên thứ 3, bài 12.

Nhưng nếu những linh hồn thậm chí còn không tất yếu có mặt, thì tại sao phải thực hiện lễ nghi như thế họ đang ở đó?

Trong cuộc sống, mối quan hệ giữa người chết và người sống không hoàn hảo và đầy bất trắc, giống như mối quan hệ giữa những người sống với nhau. Một người cha có thể nghiêm khắc, nóng nảy và không biết cách thể hiện tình cảm; con cái của ông ta chắc hẳn sẽ tỏ ra chống đối và nổi loạn. Những căng thẳng chưa được giải quyết này sẽ ám ảnh người sống một cách đau đớn hơn nếu chẳng may người cha qua đời, nghĩa là mọi khả năng giảng hòa đã hết. Nhưng lễ nghi, nếu được thực hiện tốt, sẽ đưa chúng ta ra khỏi thế giới rắc rối của các mối quan hệ con người và tạo ra một không gian mới, không gian lễ nghi, trong đó các mối quan hệ lý tưởng có thể được tôi luyện. Trong không gian này, những linh hồn ám ảnh của tổ tiên sẽ hành xử đúng đắn và làm phúc cho người sống. Người sống bây giờ cư xử như thể họ là những hậu duệ chân chính của các bậc tổ tiên. Sự giận dữ, ghen tị và phẫn uất giữa người sống và người chết dần chuyển thành một mối quan hệ tốt đẹp hơn rất nhiều.

Với Khổng Tử, lễ nghi rất cần thiết bởi những điều nó làm được cho những ai thực hiện nó. Việc đặt câu hỏi liệu những lễ nghi này có thật sự ảnh hưởng được đến người quá cố hay không chính là đã không nắm được trọng điểm. Các thành viên gia đình cần phải cúng tế là bởi việc hành động như thế các bậc tổ tiên đang hiện diện sẽ mang lại sự thay đổi trong chính bản thân họ.

Lễ nghi cũng làm thay đổi cảm xúc của những người sống dành cho nhau. Một cái chết luôn gây ra những thay đổi trong mối quan hệ giữa những người còn sống. Một cuộc ganh đua ngấm ngầm từ thời thơ ấu giữa hai anh em bùng lên trở lại; một đứa con trai ương ngạnh bỗng đứng trở thành chủ gia đình trên danh nghĩa, gây bất an cho những người khác. Tuy nhiên, trong lễ nghi, tất cả đều phải đóng vai mới của mình trong gia đình như thể không có gì bất hòa xảy ra cả.

Sức mạnh của lễ nghi nằm ở chỗ nó khác biệt rõ rệt đến mức nào so với thế giới thực. Bây giờ thử xem xét một biến thể của lễ nghi, mà trong đó ba thế hệ trao đổi vai trò cho nhau. Một đứa cháu trai sẽ là hiện thân cho người ông quá cố của nó, trong khi người cha sẽ là hiện thân cho nó. Mỗi hậu duệ còn sống được đặt vào chính góc nhìn của người thường có quan hệ căng thẳng nhất với mình ở thế giới đời thật.

Đây rõ ràng là một thế giới đóng vai “như thế”: Những người tham gia không thể nhầm lẫn vai mà họ đang đóng với bất cứ vai trò nào họ vốn mang trong đời thực; một người cha không phải đang được huấn luyện để trở thành con của con trai mình. Nhưng thông qua lễ nghi này, người sống sẽ không chỉ phát triển một mối quan hệ khác với người đã khuất, mà những người ở lại cũng sẽ được đưa vào các mối quan hệ mới.

Tất nhiên, lễ nghi nào cũng đến hồi kết. Các thành viên gia đình bước ra khỏi không gian lễ nghi, và vào khoảnh khắc đó, họ lại trở về thế gian ô trọc. Cuối cùng, sự hòa thuận mong manh ấy thêm một lần nữa sụp đổ. Anh chị em cãi vã, họ hàng chống đối nhau, cha con thì vẫn bất hòa.

Đây là lý do tại sao các gia đình phải lặp đi lặp lại lễ nghi. Sự hòa thuận mong manh có thể sụp đổ tan tành một khi họ rời nơi thờ cúng, nhưng dần dần, khi thực hiện các lễ nghi hết lần này đến lần khác và tái tạo những kết nối lành mạnh, thì sự cải thiện trong mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình sẽ dần được thể hiện rõ hơn trong cuộc sống hằng ngày.

Lễ nghi không nói cho ta biết phải cư xử ra sao trong thế giới thực. Thế giới trật tự hoàn hảo trong một lễ nghi không bao giờ có thể thay thế cho thế giới bất toàn của các mối quan hệ ngoài đời thực. Nó vận hành là nhờ mỗi người tham gia đóng một vai khác với vai trò của mình trong cuộc sống thường ngày. Sự “bẻ gãy” thực tại đó chính là chìa khóa cho phép những người tham gia bắt đầu tác động đến các mối quan hệ của họ. Việc một người cha đóng giả làm con trai mình giúp ông hiểu được con và giúp ông trở thành một người cha tốt hơn, một con người tốt đẹp hơn.

Hiển sinh động vật và xoa dịu những linh hồn nghe có vẻ xa vời với cuộc sống thế kỷ 21 của chúng ta, nhưng giá trị của các lễ nghi thì vẫn còn nguyên vẹn. Chúng ta cũng bị những bóng ma ám ảnh: những người thân cẩu kính mà chúng ta không bao giờ hòa thuận được; những ác cảm mà chúng ta dường như không thể rũ bỏ; quá khứ mà chúng ta không thể quên đi.

Chúng ta có xu hướng phản ứng theo thói quen, khuôn mẫu. Chúng ta có thể là những quy ước và phong tục xã hội mà chúng ta làm theo không cần suy nghĩ, như việc chào hỏi hoặc giữ cửa mở cho người khác. Chúng ta có thể là những thói quen mà chúng ta thậm chí còn không nhận thấy, chẳng hạn như tiếng ậm ừ chúng ta hay phát ra mỗi khi nói chuyện điện thoại với anh/chị/em của mình, hoặc khuynh hướng im lặng khi buồn thay vì nói rõ nhu cầu của mình. Nhưng chúng ta vẫn làm những việc như vậy mọi lúc mọi nơi. Một số kiểu mẫu rất tốt, và một số thì không hẳn. Nếu chúng ta luôn luôn “làm cho đúng” với con người mình

và cư xử dựa theo điều đó, chúng ta sẽ mắc kẹt trong những hành vi cũ kỹ, không bao giờ tha thứ và hạn chế tiềm năng biến đổi của bản thân.

Nhưng chúng ta đã biết cách để phá vỡ các kiểu mẫu này.

Ví dụ, khi đến thăm nhà một người bạn, với tư cách người ngoài, chúng ta sẽ nhận ra những thói quen và hành động nho nhỏ của họ: bữa ăn sáng ngày Chủ nhật là bánh kẹp, hay cái cách họ chào buổi sáng với nhau bằng những cái ôm. Chúng ta để ý đến những lễ nghi này là vì chúng mới mẻ với chúng ta. Khi quan sát, hoặc thậm chí tham gia vào chúng, chúng ta làm vậy với ý thức rằng mình sẽ không mang những nghi lễ đó vào cuộc sống của chính mình.

Khi chúng ta đi du lịch, việc thoát khỏi những thói quen hằng ngày có thể cho phép chúng ta phát triển các khía cạnh mới của bản thân. Và khi quay về, chúng ta sẽ cảm nhận được ảnh hưởng còn sót lại của những thay đổi đó.

Vậy thì tại sao chúng ta lại làm theo các khuôn mẫu mọi lúc mọi nơi? Có lẽ là do việc xây dựng có chủ ý những khoảnh khắc lễ nghi trong cuộc sống “thực” gây cảm giác giả tạo.

Nhưng những khoảnh khắc đóng vai “như thế” đó có thể dẫn đến sự dịch chuyển rất lớn.

Cùng quay lại trò chơi trốn tìm với đứa trẻ bốn tuổi mở đầu chương. Trò chơi ấy nuôi dưỡng mối quan hệ bằng cách nào? Trò chơi là một lễ nghi “như thế”. Nó cho phép một sự thay đổi vai trò: Đứa trẻ, bình thường rất yếu đuối, thông qua trò chơi sẽ trở thành một người mạnh mẽ, thắng được người lớn bằng cách tìm thấy anh ta. Người lớn tham gia trò chơi với việc trở thành một người vụng về ngớ ngẩn đến mức chẳng thể tìm nổi chỗ trốn đằng hoàng. Tất nhiên, đứa trẻ cũng hiểu rằng người lớn biết nó có thể nhìn thấy anh ta, nhưng một phần của lễ nghi là họ đang chơi như thể đứa trẻ có thể khôn lanh hơn người lớn.

Sự đảo ngược vai trò này đã phá vỡ khuôn mẫu thông thường của họ. Đứa trẻ được trải nghiệm cảm giác về thẩm quyền mà nó sẽ nhớ mãi kể

cả khi trò chơi đã kết thúc. Người lớn, thường là người không thể sai lầm (ít nhất là trong mắt một đứa trẻ), giờ đây đóng vai một người có thể sai lầm và dễ bị công kích. Anh ta không thật sự trở thành một người lớn ngớ ngẩn, nhưng sự đảo lộn vai trò giúp anh ta phát triển những khía cạnh đôi chút khác biệt và phức tạp hơn về bản thân mà anh cũng có thể mang theo vào những tình huống khác, những khía cạnh như: trạng thái dễ bị công kích, sự kết giao, tính khinh suất và khả năng buông bỏ quyền lực.

Chìa khóa cho người chơi là ý thức được rằng họ đang giả vờ; rằng họ đang cùng nhau bước vào một thực tại thay thế, trong đó họ tưởng tượng ra những mặt khác của bản thân. Nếu họ có thể làm điều này, thì những trải nghiệm như chơi trò trốn tìm không chỉ giúp nuôi dưỡng một mối quan hệ vui vẻ và tôn trọng nhau hơn, mà những khoảnh khắc ấy tích lũy dần dần theo thời gian cũng sẽ định hình nên kiểu người mà họ sẽ trở thành. Những lễ nghi lặp đi lặp lại này sẽ phát triển các khía cạnh của từng người để cuối cùng củng cố những mối quan hệ khác trong cuộc sống của cả người lớn và đứa trẻ.

Các lễ nghi “như thể”

Tại sao chúng ta nói “Làm ơn” và “Cảm ơn”?

Ba thế kỷ trước, toàn bộ xã hội châu Âu và các mối quan hệ xã hội vẫn được xác định bằng hệ thống tôn ti cha truyền con nối. Nếu một người nông dân nói chuyện với một lãnh chúa, anh ta sẽ sử dụng những thuật ngữ cung kính nhất định, còn nếu một người quý tộc nói chuyện với một nông dân, thì anh ta sẽ sử dụng các thuật ngữ hoàn toàn khác.

Khi những khu chợ bắt đầu phát triển ở các thành phố, mọi người thuộc các tầng lớp khác nhau bắt đầu tương tác theo những cách mới. Các lễ nghi được phát triển, trong đó người mua và người bán có thể hành động như thể họ bằng vai phải lứa, bất kể họ là ai. Trao nhau những lời “Làm ơn” và “Cảm ơn” là một khoảnh khắc ngăn ngui mà những người tham gia có thể trải nghiệm một mối quan hệ mang vẻ bình đẳng.

Chúng ta cũng thực hiện lễ nghi như thế này. Hãy tưởng tượng cả nhà bạn đang ăn tối, và con (hoặc cháu) của bạn yêu cầu: “Cho con muối”. Nếu đứa bé còn quá nhỏ, thì bạn cũng hiểu rằng nó chưa học được những cách nói tế nhị trong xã hội, nên bạn có thể nói: “Được rồi, nhưng con phải nói sao...?”, hay “Từ kỳ diệu đó là gì ta?”. Có thể đứa trẻ không trả lời được chính xác ngay, nên bạn phải nhắc nó lần nữa: “Con phải nói gì nào?”. Rồi bạn nhắc tới nhắc lui cho tới khi nó nói: “Làm ơn cho con muối”, thì bạn mới đưa hũ muối cho nó và dẫn dắt nó nói cảm ơn.

Tại sao chúng ta phải làm vậy dù đứa trẻ thể hiện rõ rằng nó nghĩ cái trò đổ chữ tới lui này thật lố bịch? Vì đây là cơ hội để nó tham gia vào một lễ nghi, trong đó nó sẽ hành động như thể nó đang hỏi xin điều gì đó từ một người ngang hàng. Bạn không làm vậy để lập trình cho đứa trẻ hành động theo một cách nhất định; mà bạn đang huấn luyện để nó hiểu được việc hỏi xin điều gì đó từ một đồng loại là như thế nào và ý nghĩa của việc thể hiện lòng biết ơn.

Nếu đứa trẻ học về sự trao đổi chỉ như một hành động học vẹt, thì nó đã không tiếp thu tốt. Tất nhiên, lúc đầu, đó là một hành động học vẹt, một trong nhiều hành động mà đứa trẻ được xã hội hóa để thực hiện khi lớn lên. Nhưng khi lặp lại hết lần này đến lần khác, đứa trẻ sẽ bắt đầu thấy được lý do. Nó cũng hiểu được cách để điều chỉnh mọi thứ. Nó thấy cách mọi người phản ứng với những lời “Làm ơn” và “Cảm ơn” của nó, cũng học được rằng khi nào thì chỉ nói những từ này là đủ và khi nào thì phải nói những từ khác nữa, hoặc phải thay đổi giọng điệu, nhấn âm thế nào để đạt hiệu quả tốt hơn.

Thật ra, bằng trực giác, trẻ em hiểu lễ nghi tốt hơn hầu hết người lớn. Chúng nhận ra rằng giá trị của lễ nghi nằm ở chỗ nó không có thật. Thử hình dung một đám trẻ đang chơi một trò chơi tưởng tượng. Một đứa giả vờ làm viên cảnh sát bảo vệ một cửa hàng chống lại băng cướp, những đứa còn lại đóng vai cướp. Chúng huơ huơ súng, nấp sau những tấm nệm

và bắn nhau, hết lần này đến lần khác. Bọn trẻ không nghĩ cuộc đấu súng này bạo lực theo cách nghĩ của một người lớn. Đối với chúng, đấu súng chỉ là một trò chơi – tách biệt với thế giới thực. Chúng hoàn toàn nhận thức được rằng đây là giả vờ, và chúng lặp đi lặp lại trò chơi bởi vì nó cho phép chúng bước ra khỏi cuộc sống và mài giũa những khía cạnh khác nhau của bản thân: Chúng học được cách kiềm chế nỗi sợ hãi và lo lắng, hoặc cách đóng vai một người cứu nguy và một người hùng, tất cả đều diễn ra trong một môi trường an toàn mà chúng tự tạo ra.

Nếu cha mẹ chúng ta có từng kể về ông già Noel khi chúng ta còn nhỏ, thì đó cũng là một nghi thức “như thế”. Các gia đình cùng tham gia vào thực tại rằng ông già Noel sẽ chui xuống từ ống khói với một túi đồ chơi lớn. Trong những tuần lễ trước Giáng sinh, trẻ em viết thư, ghi ra những món chúng muốn được tặng và được truyền động lực để cư xử sao cho tử tế nhất. Vào đúng đêm Giáng sinh, người ta sẽ đặt một đĩa bánh quy và một ly sữa gần cây thông Noel. Người lớn và những đứa trẻ lớn hơn cảm thấy được thúc đẩy phải làm gì đó để giữ cho truyền thuyết này tiếp diễn cho đám trẻ con và tạo ra một bầu không khí vui vẻ. Ông già Noel có thật hay không không quan trọng. Điều quan trọng là hành vi của họ sẽ thay đổi theo hướng tốt hơn, và cả nhà xích lại gần nhau hơn.

Sinh hoạt kiểu đóng vai “như thế” là điều mà tất cả chúng ta đều làm khi còn nhỏ, và rồi ít nhiều bị bỏ đi khi chúng ta lớn lên và tin rằng mình cần phải cư xử thực tế hơn. Nhưng người lớn chúng ta cũng có một số không gian lễ nghi. Hãy hình dung ra văn phòng của một chuyên gia trị liệu, nơi người ta đến để nói về những rắc rối của mình trong một khoảng thời gian. Dù nhiều người cho rằng khoảng thời gian ấy rất có ích vì nó giúp chúng ta dần khám phá ra mình thực sự là ai, thì dưới góc nhìn của Khổng giáo, lợi ích to lớn hơn là chúng ta đã thiết lập được một không gian lễ nghi về thực tế, trong đó chúng ta đảm nhận các vai trò giả định mà mình không thể đóng ngoài đời thật. Hoạt động trị liệu giúp phá vỡ các khuôn mẫu chi phối cuộc sống và cho phép chúng ta dựng lên

những cách thức rất khác để liên hệ với người khác, thông qua những tương tác giữa nhà trị liệu và bệnh nhân.

Nhưng chắc chắn chúng ta sẽ lại rơi vào những khuôn mẫu cũ khi bước ra khỏi văn phòng của nhà trị liệu. Vậy nên chúng ta mới đi trị liệu hằng tuần, đôi khi trong nhiều năm và tiếp tục thực hiện việc phá vỡ những khuôn mẫu cũ. Nhờ sự lặp lại này, chúng ta dần dần phát triển những cách tương tác mới và cuối cùng xây dựng nên một bản thân khác, tốt đẹp hơn nhiều.

Chúng ta đánh giá cao khái niệm chân thật, nhưng thực tế là con người trong các mối quan hệ mật thiết lại luôn xây dựng nên những thực tại mới bằng những lời nói dối trắng trợn : “Em là tuyệt nhất”, “Không có gì đáng lo đâu”, “Em là đầu bếp giỏi nhất trên đời”. Một trong những câu nói dối phổ biến nhất trong số này là: “Anh/Em yêu em/anh”. Các cặp đôi có thói quen nói câu này chắc hẳn không cảm thấy yêu người kia trọn vẹn từng giây mỗi ngày. Họ gần như chắc chắn phải có nhiều cảm giác phức tạp với chồng/vợ/người yêu của mình lúc này lúc khác. Nhưng có một lợi ích lớn hơn khi nuôi dưỡng mối quan hệ thông qua những lễ nghi như vậy, đó là chúng cho phép người ta thoát khỏi thực tại và bước vào một không gian nơi mà họ như thể thật sự yêu nhau trọn vẹn từng khoảnh khắc. Tại thời điểm họ thể hiện tình yêu của mình theo một cách thức đóng vai “như thể”, họ thực sự đang yêu như vậy.

Hãy nghiên ngẫm thiên thứ 10 của sách *Luận ngữ* với những giai thoại về thói quen hằng ngày của Khổng Tử. Ông không trải chiếu chiếu của mình ngay ngắn chỉ vì ông thích mọi thứ trông gọn gàng, mà bởi ông hiểu rằng những hành động tưởng chừng nhỏ nhất như sắp xếp chỗ cho mọi người ngồi cùng mình sẽ tạo ra một môi trường khác biệt có thể gây ảnh hưởng sâu sắc đến họ. Những thói quen của chúng ta trong bữa tối cũng tương tự như lễ nghi trải chiếu ngày xưa: Khi sắp xếp bàn ăn, có lẽ là trải các tấm lót chén đĩa và khăn ăn hay thậm chí thắp nến, là chúng ta bước ra khỏi cuộc sống thường ngày và tạo ra một thực tại thay thế cho

bản thân và những người cùng ăn tối với mình. Ngay cả nếu ngày hôm đó thật căng thẳng, nhiều xung đột đã xảy ra, thì cũng không cần ai phải tuyên bố: “Được rồi, đến lúc ngừng chiến rồi, giờ hãy thư giãn đi”. Nghi lễ bàn ăn tối đơn giản là tạo ra một quãng xả hơi cho phép mọi người chuyển sang một chế độ khác.

Nhưng những khoảnh khắc chúng ta tham gia vào các nghi lễ theo phương pháp Khổng giáo như vậy lại bị phản đối. Bị giam hãm bởi ý thức phải cư xử một cách chân thực, chúng ta hiếm khi cho phép mình hành động “như thế”. Nó khiến người ta cảm thấy giả tạo; như trò trẻ con. Tuy nhiên, Khổng Tử có thể chỉ rõ chúng ta mâu thuẫn như thế nào khi chống lại các lễ nghi vì nghĩ rằng chúng bảo chúng ta nên làm gì, trong khi lại vô thức làm theo quá nhiều quy tắc và quy ước xã hội. Khi không nhìn thấy được giá trị khả hữu của các lễ nghi thâm nhập vào cuộc sống của chúng ta, thì cuối cùng chúng ta cũng thực hiện chúng theo kiểu nhớ vẹt. Chúng ta đang dần trở thành người máy.

Một số người đã nhận ra sự nguy hiểm của điều này. Ở vài trường đại học, những tổ chức tiên phong như Ask Big Questions sẽ có người hướng dẫn sinh viên cách tự định vị bản thân, tạo ra một bầu không khí chân thật và diễn đạt quan điểm của họ để khi các cuộc tranh luận được đẩy lên cao trào (chẳng hạn như tranh luận về cách thúc đẩy hòa bình ở Trung Đông) không bị biến thành một trận choảng nhau đầy tiếng la hét. Trong hoàn cảnh đó, các sinh viên thật ra đã được dạy các lễ nghi khi đối thoại, dù chúng có vẻ giả tạo và thảo mai: làm thế nào để đặt câu hỏi, ngừng lại lắng nghe, và phát biểu làm sao để mở ra một không gian gắn kết và cầu tiến thay vì phòng thủ và cứng nhắc. Bằng cách này, họ được cung cấp phương tiện để tạo ra một thế giới “như thế” nơi họ có thể thoát ra khỏi những khuôn mẫu mà họ đã có thể mắc phải (như nói năng thật hùng hồn và đầy cảm xúc), hành động nhã nhặn và gắn kết với nhau tốt hơn.

Điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta dậm chân bước ra khỏi giai đoạn học vẹt mà rất nhiều người đang bị mắc kẹt? Giống như đứa trẻ đang học nói “Làm ơn” và “Cảm ơn”, giống như những sinh viên đang học cách vận dụng một thái độ khác để cởi mở bản thân với những ý tưởng đầy thách thức, chúng ta sẽ thấy được giá trị của tất cả những thực tại thay thế này; của việc trải nghiệm sự căng thẳng giữa cách mọi thứ diễn ra với gói trật tự mà chúng ta tạo ra. Trong suốt cuộc đời, chúng ta tự rèn luyện bản thân để phát triển những cách gắn kết tốt hơn với mọi người.

Đây có thể là một cách nghĩ dường khác lạ để suy nghĩ về lễ nghi hoặc sự thay đổi nói chung. Nhìn chung, hình mẫu về lễ nghi của chúng ta thường vẫn dựa trên những buổi lễ như rửa tội, đám cưới, tốt nghiệp: các lễ nghi mà trong đó chúng ta chuyển từ trạng thái này (sinh vật đầy tội lỗi, người độc thân, học sinh) sang một trạng thái khác (người có đức tin, vợ/chồng, người đã tốt nghiệp). Có một trạng thái trước và một trạng thái sau, thông qua lễ nghi đó, chúng ta được biến đổi.

Khổng Tử đưa ra một quan điểm rất khác về sự biến đổi, nó không tập trung vào sự kiện hoành tráng và kịch tính mà vào những khoảnh khắc nho nhỏ lặp đi lặp lại. Giống như nói câu: “Anh/em yêu em/anh”, những khoảnh khắc “như thế” đó tạo ra những khoảnh khắc kết nối suốt cả ngày, được tích lũy dần dần, nhưng không kém phần kịch tính, theo thời gian.

Bản thân dễ uốn nắn

Trước khi có thể biến đổi thông qua các lễ nghi “như thế”, chúng ta phải từ bỏ ý niệm về “con người thật”.

Hãy chân thành. Hãy ngay thẳng. Hãy thành thật với chính mình. Những câu khẩu hiệu của thời hiện đại luôn khuyến khích chúng ta nhìn vào nội tâm. Chúng ta cố gắng khám phá xem mình là ai rồi ghi chặt lấy cái chúng ta nhìn ra được.

Điều nguy hiểm là những gì chúng ta khám phá ra chỉ là một lát cắt về con người mình tại một thời điểm và không gian cụ thể. Chúng ta đọc

sách tu thân, thiền tập, viết nhật ký, rồi tự chẩn đoán và gán nhãn cho mình: *Mình là một linh hồn tự do. Mình là một người nóng nảy. Mình là một kẻ mộng mơ. Mình sợ sự thân mật. Hồi nhỏ mình phải chuyển chỗ quá nhiều nên bây giờ mình mới nhút nhát khi gặp người lạ. Mình có nhiều mối quan hệ đổ vỡ là do mối quan hệ lạnh nhạt của mình với cha.* Khi cứ ôm ghì lấy những khuôn mẫu này, chúng ta đã cho phép chúng trở nên cứng nhắc. Sự gán nhãn đã bắt đầu xảy ra từ thời thơ ấu: *Đứa này chăm học lắm; đứa kia tính khí thất thường.* Những nhãn dán này xui khiến hành vi và những quyết định của chúng ta, và chúng trở thành lời tiên đoán tự hoàn thành. Kết quả là, quá nhiều người một hôm thức dậy và cảm thấy bị mắc kẹt trong định nghĩa quá chật hẹp về bản thân.

Những gì người phương Tây chúng ta coi là con người thật thực ra chỉ là những khuôn mẫu phản ứng liên tục với mọi người và với thế giới; các khuôn mẫu ấy được xây dựng theo thời gian. Ví dụ, bạn có thể nghĩ, *mình chính là kiểu người dễ nổi nóng.* Nhưng trái lại, nhiều khả năng bạn trở thành kiểu người dễ tức tối vì những điều nhỏ nhặt là do cách bạn tương tác với mọi người trong nhiều năm, chứ không phải do thực tế bạn là một người như vậy. Khi trung thành với một “con người thật”, cuối cùng bạn đi đến chỗ cụ thể hóa những thói quen cảm xúc tiêu cực.

Nhớ lại lời dạy trong *Tính tự mệnh xuất*, giống như thế giới phân mảnh này, chúng ta cũng chia thành nhiều mảnh. Thay vì nghĩ về mình như là một con người đơn độc, thống nhất, đang cố gắng tự khám phá bản thân bằng cách suy ngẫm về chính mình, chúng ta có thể nghĩ về mình như là những mảng cảm xúc, tính khí, ham muốn và những đặc điểm phức tạp thường lôi kéo chúng ta theo những cách trái ngược và khác hẳn nhau. Khi nghĩ được như vậy, chúng ta sẽ trở nên dễ uốn nắn. Chúng ta sẽ tránh được nguy cơ tự đóng khung mình trong một khoảnh khắc nào đó.

Cách tiếp cận Khổng giáo là ghi nhận các khuôn mẫu của bạn rồi tích cực thay đổi chúng. Dần dần phá vỡ các khuôn mẫu đó – tức là, kìm nén tiếng thở dài mỗi khi bố bạn bắt đầu sa đà vào một trong những khuynh hướng chính trị của ông (mặc dù bạn phát bực lên được); hoặc ra cửa đón vợ đi làm về (dù bạn thích dán mắt vào cái máy tính hơn) – sẽ cho phép những khía cạnh khác của bạn lộ diện. Dần dần, bạn tiếp thu được một lối cư xử mang tính xây dựng hơn trong thế giới, thay vì bị những phản ứng cảm xúc vô kỷ luật dẫn dắt. Từng chút một, bạn phát triển các phần của bản thân mà ngay cả bạn cũng chưa từng biết đến và bạn bắt đầu trở thành một người tốt hơn.

Việc phá vỡ các khuôn mẫu giúp chúng ta nhận ra rằng người khác cũng có thể uốn nắn được. Có thể bạn đã có một xung đột nào đó với mẹ của mình. Mẹ bạn không tán thành những lựa chọn cuộc đời của bạn, và bà nói những lời chì chiết khiến bạn cảm thấy tội lỗi. Đến mức chỉ nghĩ đến việc nói chuyện với mẹ thôi cũng khiến bạn thấy phát khùng rồi, và giờ bạn hoàn toàn tránh gặp mặt với mẹ. Bạn biết rằng nội dung cuộc trò chuyện sẽ cứ lặp đi lặp lại, ý nghĩ đó khiến bạn thấy vô vọng.

Trong hầu hết các trường hợp như thế, vấn đề giữa bạn và mẹ không phải là hai mẹ con không hợp tính hay mẹ cứ thích hạch tội bạn. Vấn đề là cách giao tiếp của bạn bị rơi vào một khuôn mẫu. Mẹ và bạn bị đóng khung trong các vai của mình: bà là người mẹ hay lái nhái, còn bạn là đứa con cứng đầu cứng cổ. Cả hai đều chẳng vui vẻ gì với điều này, nhưng lại không nhìn thấy lối thoát nào.

Lối thoát chính là phải nhận ra được mình đã rơi vào một lối mòn, nhưng bạn có thể thay đổi nó. Hãy nhớ rằng mẹ bạn không phải cứ như vậy mãi hay không thay đổi được. Bà cũng là một con người phức tạp và đa diện. Hãy nghĩ xem bạn có thể làm hoặc nói gì để khơi gợi những bộ mặt khác của mẹ ra, rồi cư xử như thể bạn đang nói chuyện với những bộ mặt đó của mẹ. Mẹ bạn hay cần nắn và gây áp lực cho bạn, nhưng bà cũng có mong muốn dưỡng dục con cái hoặc ít nhất là cảm thấy rằng

mình đang dưỡng dục con. Bạn phải làm sao để thay đổi nội dung hay giọng điệu để gọi lên bộ mặt người mẹ muốn dưỡng dục con cái đó? Làm được như vậy, bạn sẽ giúp mẹ sống với một vai khác: một người mẹ chu đáo luôn muốn ở bên cạnh con mình.

Phản ứng thẳng thừng của bạn có thể là phản đối ngay: “Nhưng chuyện đó chẳng thực tế chút nào. Tôi thật sự không cảm thấy như vậy”. Tại sao bạn phải thay đổi hoàn toàn hành vi của mình để gọi lên một khía cạnh khác của mẹ mình và tỏ ra rộng lượng trong khi bạn đang cảm thấy bức bối chứ? Điều này xuất phát từ quan niệm sai lầm rằng chúng ta nên đáp lại một cái tôi “thâm tâm” nào đó. Chúng ta luôn luôn thay đổi. Vậy thì chúng ta sẽ hành động theo cái khuôn mẫu mà mình kẹt vào trong thời điểm này, hay theo hướng giúp chúng ta mở ra cả một bầu trời khả năng?

Không có cái gì gọi là khám phá con người đích thực trong chính chúng ta hay ở người khác. Nhà tâm lý học, triết gia William James (1842 – 1910) ^{*****} từng viết rằng: “Một người có nhiều cái tôi xã hội bằng với số người mà anh ta quen biết” – một phát biểu mang màu sắc Khổng giáo đến ngạc nhiên. Mỗi chúng ta có vô số vai trò thường xuyên xung đột nhau, mà lại không có quy tắc nào có thể cho chúng ta biết phải định hướng chúng ra sao. Chỉ có thực hành các lễ nghi mới giúp chúng ta học được cách làm điều đó.

^{*****} *William James là nhà triết học, nhà tâm lý học hàng đầu nước Mỹ thế kỷ 19. Ông là nhà giáo dục đầu tiên mở lớp dạy về tâm lý học ở Mỹ, ông được coi là cha đẻ của tâm lý học nước Mỹ. Về triết học, ông là người đóng góp quan trọng nhất cho trường phái triết học thực dụng.*

Những hành vi theo khuôn mẫu và thói quen học vẹt của chúng ta – chứ không phải các lễ nghi – mới là cái thật sự xui khiến cuộc đời chúng ta và cản trở sự quan tâm của ta đến người khác. Nhưng khi thực hành

các lễ nghi “như thế” giúp phá vỡ những khuôn mẫu này trong đời, chúng ta sẽ có được khả năng cảm nhận cách ứng xử tốt với những người xung quanh. Điều này mới là quan trọng. Nó được gọi là nhân (*ren*), hay nhận thức về lòng tốt.

Tâm quan trọng của đức nhân

Các môn đồ của Khổng Tử thường yêu cầu ông định nghĩa về đức nhân. Mỗi lần, và với mỗi người ông trả lời mỗi khác, tùy theo tình huống. Đó là bởi vì đức nhân trong Khổng giáo không phải là thứ bạn có thể định nghĩa một cách vắn tắt. Nó là khả năng đáp ứng tốt với người khác; sự phát triển một tri giác cho phép bạn cư xử theo những cách tốt đẹp với những người xung quanh và nhìn thấy những mặt tốt của chính họ.

Mọi thứ chúng ta làm đều thể hiện hoặc làm giảm đức nhân. Bạn hẳn đã từng trải qua cảm giác không khí trong phòng thay đổi đột ngột ra sao khi ai đó xông vào. Nhưng bạn có thể không nhận ra cái cau mày từ một người xa lạ, khi bạn đang bách bộ trên phố, ảnh hưởng đến bạn như thế nào. Cái nhíu mày thoáng qua đó có thể tạo ra ảnh hưởng tiềm thức đến tâm trạng của bạn và dẫn đến một loạt các phản ứng. Và suốt cả ngày hôm đó, bạn không phải là người duy nhất bị thay đổi vì cái nhíu mày đó. Những người mà bạn tiếp xúc cũng chung số phận vì chịu tác động của bạn.

Để hiểu mức độ ảnh hưởng của chúng ta đến người khác, hãy thử điều chỉnh một số hành vi điển hình của bạn. Xem điều gì xảy ra khi bạn trừng mắt với người bạn thân, hồ hởi chào vị giám đốc làm lý trong thang máy, hoặc đặt ba lô của bạn lên chiếc ghế trống kế bên trên tàu điện ngầm vào giờ cao điểm. Rồi sau đó thử hành động khác đi: mở cửa giùm cho một người lạ, nhắn tin cho một người bạn đang gặp trục trặc trong một mối quan hệ, nhẹ nhàng giúp bà của bạn bước qua mặt đất đóng băng. Để ý xem tất cả những thay đổi này ảnh hưởng đến bạn và những người xung quanh như thế nào.

Khổng Tử sẽ không định nghĩa đức nhân; ông muốn các môn đồ của mình biết rằng chúng ta phải cảm nhận đức tính đó trong tất cả những tình huống biến đổi khác nhau, để hiểu ý nghĩa của việc thể hiện đức nhân. Chúng ta đều cảm nhận được nó, và một khi đã nhận ra nó, chúng ta có thể phát triển nó hơn nữa.

Thể hiện đức nhân

Làm thế nào để giúp một người bạn vượt qua một thời điểm khó khăn?

Với nhiều nhà đạo đức, đây có vẻ không phải là một câu hỏi quan trọng. Họ có xu hướng tập trung vào các vấn đề chung chung mà chúng ta có thể tính toán một cách lý tính theo những hướng rộng hơn. Họ thường chọn các ví dụ, như thí nghiệm về chiếc xe goòng mà chúng tôi đã nhắc đến trong phần giới thiệu, tách biệt hoàn toàn khỏi những rắc rối của cuộc sống hằng ngày – những thí nghiệm tư duy mà mục tiêu duy nhất là để giải quyết một vấn đề đã được xác định rõ thông qua sự nghiên cứu của lý trí. Ở dạng thuần túy nhất, thí nghiệm về chiếc xe goòng không có chỗ cho những thứ mơ hồ như quyết định của bạn sẽ thay đổi thế nào nếu một trong năm người là mẹ của bạn, hoặc nếu cả năm đều là trẻ em. Các nhà đạo đức học sẽ nói rằng nếu bạn để những yếu tố như vậy ảnh hưởng đến quyết định của mình thì thực ra bạn không phải là một người lý tính; bạn đang cho phép cảm xúc che phủ phán đoán đạo đức của bạn.

Triết gia người Đức Immanuel Kant (1724 – 1804) đã suy ngẫm về những tình thế này. Ông lập luận rằng bất kể trong tình huống nào, bạn cũng nên hành động như thể hành động của bạn có thể trở thành một quy luật phổ quát cho bất kỳ ai.

Để minh họa điều này, Kant đưa ra thí nghiệm tư duy như sau: Giả sử một người đàn ông vô tội đang ẩn trốn trong nhà bạn. Một tên sát nhân đang lùng giết anh ta gõ cửa nhà bạn, hỏi rằng anh ta có trong nhà

không. Bạn nên nói dối để cứu người đàn ông vô tội ấy, hay nên nói sự thật?

Câu trả lời nổi tiếng của Kant là bạn phải luôn luôn nói thật, vì huấn thị không nói dối là tuyệt đối và không nên thay đổi theo tình huống. Trọng tâm trong bài tập trí tuệ của ông là lập luận rằng bối cảnh của tình huống không có liên quan. Ngay cả trong một tình huống hiển nhiên mà bất kỳ ai cũng sẽ nói dối (như chính Kant đã thừa nhận) như vậy, thì nói dối vẫn là điều sai trái.

Từ quan điểm của triết học Kant thuần túy, một câu hỏi như “Làm thế nào để giúp đỡ người bạn gặp khó khăn?” sẽ không bao giờ được coi là điểm khởi đầu hữu ích cho một suy ngẫm đạo đức. Nó liên quan đến quá nhiều vấn đề lộn xộn: những phức tạp trong khó khăn của người bạn, cô ấy dễ tổn thương như thế nào và có ai quanh cô đang ủng hộ cô, tiền sử giải quyết khủng hoảng của cô, những cảm xúc đối lập của những người khác liên quan đến tình huống đó.

Tuy nhiên, đối với Khổng Tử, kịch bản “người bạn gặp rắc rối” chính xác là loại ví dụ thúc đẩy chúng ta phải suy nghĩ về hành vi đạo đức. Khổng Tử không chỉ có thể nói rằng tất nhiên bạn phải nói dối để cứu người đàn ông vô tội, vì bạn cần suy nghĩ về toàn bộ tình huống chứ không chỉ về một huấn thị đạo đức phổ quát kiểu như “Nói dối là sai”. Mà ông còn gần như chắc chắn tin rằng khi tước bỏ bối cảnh với tất cả các chi tiết phức tạp như vậy, Kant đã khiến thí nghiệm tư duy của mình cơ bản là thành vô dụng.

Việc cố gắng xây dựng các quy luật trừu tượng, phổ quát để hướng dẫn chúng ta chẳng những không thích đáng mà còn nguy hiểm. Bởi vì nó ngăn trở chúng ta học cách vật lộn với sự phức tạp trong các tình huống. Nó che lấp hiểu biết của chúng ta trong cách thể hiện đức nhân.

Khổng Tử có thể sẽ nhắc nhở chúng ta rằng có một điều duy nhất chúng ta có thể làm, chỉ một điều duy nhất thôi, để giúp một người bạn đang gặp rắc rối: đưa cảm giác của bạn vào tình huống đó để hiểu khó

khăn thật sự người bạn đang gặp phải là gì. Mỗi tình huống là một trường hợp độc nhất và nó lại còn liên tục thay đổi; những thay đổi đó có thể xuất phát từ mọi thứ, từ việc người bạn kia có ngủ đủ giấc hay không cho đến cách mà bạn phản ứng khi cô ấy chia sẻ những khó khăn của mình với bạn. Cách bạn đọc tình huống, khả năng nắm bắt bức tranh toàn cảnh, khả năng thấu hiểu tất cả những yếu tố phức tạp đã đưa người bạn kia đến tình cảnh cụ thể này chính là cái sẽ giúp bạn hồi đáp bằng đức nhân. Bạn sẽ hiểu liệu người bạn của bạn cần một ai đó đóng vai trò can thiệp nhiều hơn (“Bạn phải chấn chỉnh lại cuộc sống của mình đi”), hay cô ấy cần một người bạn tâm tình điềm tĩnh, biết cảm thông (“Như thế hẳn là khó khăn lắm”), hay liệu có ích hơn chẳng khi bạn lắng lắng pha cho cô ấy một tách trà hoặc đề nghị thu quần áo khô vào cho cô ấy.

Hầu hết chúng ta đều biết tất cả những điều này, ở một mức độ nào đó. Nhưng theo quan điểm của Khổng giáo, chúng ta có thể làm tốt hơn nữa. Chúng ta có thể hiểu rằng không có những quy chuẩn để chúng ta biết chính xác phải làm gì khi bước vào thế gian hỗn loạn, tung hứng với vô số vai trò, cảm xúc và kịch bản. Quy chuẩn duy nhất là đức nhân. Đối với Khổng Tử, trau dồi và thể hiện đức nhân là cách duy nhất để trở thành một con người đạo đức.

Tạo ra và biến đổi các lễ nghi

Khổng Tử thường bị đóng khung hình ảnh là một người theo chủ nghĩa truyền thống cứng nhắc, người đã yêu cầu các môn đồ phải sống cả đời theo các quy ước xã hội và gắn với các vai trò cụ thể. Nhưng cho đến giờ, rõ ràng những điều ông dạy là trái ngược. Khi chúng ta thực hiện các lễ nghi và đạt tới ý thức về đức nhân, chúng ta trở nên trái ngược hoàn toàn với sự cứng nhắc. Các lễ nghi không chỉ giúp chúng ta khỏi mắc kẹt vào trong bất kỳ vai trò nào, mà việc rèn luyện bản thân trong các lễ nghi còn có nghĩa là học cách biết được khi nào và làm thế nào để tạo ra hoặc thay đổi chúng.

Trên thực tế, *Tính tự mệnh xuất* chỉ cho chúng ta biết rằng các nghi lễ bắt nguồn chính từ cách này. Trong khởi thủy của nền văn minh nhân loại, người ta đã trải qua những khoảnh khắc khi mà, giữa những cuộc chạm trán hỗn loạn và tiêu cực diễn ra khi người ta va vào nhau, thì mọi thứ thực sự đã diễn ra tốt đẹp (Hãy nghĩ về một cái gì đó đơn giản kiểu như hỏi xin thứ gì thay vì cứ chộp lấy nó, hoặc giúp đỡ một người bạn đang chật vật hơn là phớt lờ anh ta). Người ta đã để ý đến tác động tích cực của những cuộc chạm trán này và bắt đầu lặp lại, cuối cùng chúng trở thành lễ nghi. Dần dần, con người đã phát triển một loạt các danh mục lễ nghi để hướng dẫn họ cách cư xử tốt với nhau và dạy các thế hệ tương lai cũng làm như vậy.

Chúng ta cũng tạo ra và thay đổi các lễ nghi. Hãy tưởng tượng rằng bạn bước vào phòng và nhìn thấy vợ mình trông có vẻ lo lắng về điều gì đó. Trước đây, bất cứ khi nào bắt gặp cô ấy ở trong tình trạng này, bạn sẽ ngồi xuống bên cạnh và khuyến khích cô ấy nói ra. Cho cô ấy không gian bày tỏ cảm xúc luôn luôn là lễ nghi đã được thiết lập.

Nhưng một quan điểm Khổng giáo sẽ nhấn mạnh đến những điểm phức tạp: nghĩa là, trong tình huống cụ thể này, cần hiểu được hiện giờ cô ấy cần kiểu quan tâm nào. Có thể bạn nhận ra rằng làm một điều gì đó khác – như im lặng ôm chặt cô ấy – mới là điều tốt nhất với cô lúc này, bởi vì bạn cảm nhận được điều cô ấy cần nhất hiện giờ chính là được trấn an bởi sự có mặt của bạn. Nếu làm như vậy, bạn đã tạo ra một lễ nghi mới. Bạn làm một việc mới mẻ, hoàn toàn có chủ đích, dựa trên kinh nghiệm về các lễ nghi mà vợ chồng bạn đã sử dụng trước đó, dựa trên sự thấu hiểu vợ mình và khả năng đọc tình huống của bạn. Nếu điều này hiệu quả, thì đến lượt cô ấy cũng sẽ phản ứng khác đi, rồi điều này sẽ dần trở thành một lễ nghi giữa hai bạn. Bạn đã thay đổi các lễ nghi trước đó và tạo ra một lễ nghi mới. Và khi làm vậy, bạn đã tạo ra một thực tại mới cho cả hai: một thực tại mà trong đó bạn đã tạo ra một sự kết nối tốt hơn.

Nếu thành công trong việc liên tục thể hiện đức nhân, thì chúng ta sẽ được gì từ đó? Đôi khi, các môn đồ của Khổng Tử đã hỏi ông những câu tương tự. Thực tế, họ đã hỏi liệu ông có cho rằng chúng ta sẽ được tưởng thưởng khi chết đi nếu làm nhiều điều tốt cho người khác không. Câu trả lời của ông rất đơn giản:

“Vị tri sinh, yên tri tử.”*****

(Chưa hiểu được sự sống – sao hiểu được sự chết?)

***** *Luận ngữ, thiên thứ 11, bài 11.*

Câu trả lời của Khổng Tử không nói đến việc chúng ta nên hay không nên tin vào lai thế. Đúng hơn là, ông nhấn mạnh rằng chúng ta nên tập trung vào những gì có thể làm, ở đây và ngay lúc này, để khơi lên những điều tốt đẹp nhất từ những người xung quanh.

Mặc dù Khổng Tử không tập trung vào hạnh phúc của cá nhân, nhưng ông lại vô cùng thân thuộc với niềm hạnh phúc sâu sắc đến từ việc phấn đấu trở thành một con người tốt đẹp hơn. Khi được hỏi về bản thân, ông đáp:

“Kỳ vi nhân dã, phát phần vong thực, lạc dĩ vong ưu, bất tri lão chi tương chí vân nhĩ.”*****

(Đấy là người phát phần [giận] đọc sách [tìm hiểu đạo lý] đến nỗi quên ăn, khi tìm được rồi thì vui đến quên sầu, chẳng biết tuổi già đã đến.)

***** *Luận ngữ, thiên thứ 7, bài 18.*

Tu dưỡng bản thân để vun bồi cho một thế giới tốt đẹp hơn

“Khắc kỷ phục lễ vi nhân.”*****

(Khắc kỷ [thăng chế tư dục] mà trở về lễ [đạo lý] thì là đức nhân.)

***** *Luận ngữ, thiên thứ 12, bài 1.*

Nghĩ lại lịch sử hình thành lễ nghi “Làm ơn” và “Cảm ơn”. Cái tưởng như chỉ là một thay đổi nhỏ từ nhiều thế kỷ trước rốt cuộc đã trở

thành một phần của cái lớn lao hơn. Một thế giới mới bắt đầu phát triển, thế giới mà mọi người có thể hình dung ra đối xử với nhau như những người bình đẳng thì sẽ thế nào, rồi trải nghiệm trong giây lát cái cảm giác cư xử ngang hàng với nhau. Và dần dần, chúng ta đã trở thành một xã hội nơi người ta đại thể tin tưởng rằng tất cả mọi người nên bình đẳng.

Chúng ta có xu hướng tin rằng để thay đổi thế giới, chúng ta phải nghĩ lớn. Khổng Tử có thể không chống lại quan điểm này nhưng hẳn ông cũng nói rằng: Cũng đừng bỏ qua những điều nhỏ. Đừng quên nói “Làm ơn” và “Cảm ơn”. Thay đổi sẽ không xảy ra nếu mọi người không thay đổi cách cư xử của mình, và họ sẽ không thay đổi được cách cư xử nếu không bắt đầu với những việc nhỏ.

Khổng Tử đã dạy rằng chúng ta chỉ có thể tu dưỡng đức nhân thông qua các lễ nghi. Tuy nhiên, chỉ khi sống với đức nhân, chúng ta mới ý thức được khi nào thì nên sử dụng các lễ nghi và làm sao để thay đổi chúng. Điều này có thể nghe luẩn quẩn, và nó đúng thật như thế. Chính vòng lặp này tạo nên sự sâu sắc trong tư tưởng của Khổng Tử. Không có khuôn khổ đạo đức hay luân lý nào vượt qua nổi bối cảnh và sự phức tạp trong cuộc sống con người. Tất cả những gì chúng ta có là một thế giới hỗn độn mà ở đó chúng ta làm việc và cải thiện bản thân. Những nghi thức như thế bình thường này là phương tiện để chúng ta hình dung ra những thực tại mới và dần xây dựng nên những thế giới mới. Cuộc sống của chúng ta bắt đầu trong ngày bình thường và lưu lại trong ngày bình thường. Chỉ trong ngày bình thường, chúng ta mới có thể bắt đầu tạo ra những thế giới thực sự tuyệt vời.

VỀ NHỮNG QUYẾT ĐỊNH: MẠNH TỬ VÀ THẾ GIỚI THẬT THƯỜNG

Hãy tưởng tượng bạn đang cố gắng lập ra một kế hoạch khởi động cuộc đời mình. Có thể bạn là một thanh niên tốt nghiệp đại học đầy tham vọng vừa mới gia nhập lực lượng lao động, hoặc bạn đang mắc kẹt trong một cuộc khủng hoảng tuổi trung niên về cả đời sống cá nhân lẫn nghề nghiệp. Hoặc có thể bạn đang cố gắng quyết định có nên kết hôn với bạn gái của mình hay không, hoặc bạn và người bạn đời của mình muốn xây dựng một gia đình nhưng không biết chắc phải xoay xở thế nào với nghề nghiệp có những đòi hỏi khắt khe của cả hai. Và sau đó hãy hình dung rằng bạn bắt tay vào kế hoạch của mình, để rồi chỉ vấp phải hết thất bại này đến trở ngại khác. Bạn gửi hàng tá hồ sơ xin việc nhưng chẳng ích gì. Bạn gái của bạn quyết định rằng rốt cuộc thì cô ấy không muốn kết hôn, và chia tay với bạn. Bạn và người bạn đời sinh một đứa con có vấn đề sức khỏe nghiêm trọng cần được tập trung chăm sóc toàn thời gian. Thế là dù bạn có lên kế hoạch gì đi nữa, bạn cũng đang phải đối mặt với những kết quả không mong đợi, và kế hoạch của bạn đổ bể.

Một trong những triết gia của chúng ta đã trải nghiệm một điều giống hệt trong cuộc đời của chính ông. Cuối thế kỷ 4 trước Công nguyên, thời kỳ xung đột liên miên mà ngày nay gọi là thời Chiến Quốc, Mạnh Tử, một nhà Nho, đã quyết định rằng đó chính là thời điểm để lập nên một triều đại mới dựa trên triết thuyết Khổng giáo. Dẫu đã có tuổi, ông vẫn bắt đầu đi hết nước chư hầu này sang nước chư hầu khác để nói chuyện với các nhà cai trị những đất nước đó, hy vọng thuyết phục được một

trong số họ trọng dụng ông làm quân sư, lắng nghe những triết lý của ông và áp dụng vào thực tế.

Sau nhiều năm, vua nước Tề đã phong cho Mạnh Tử làm khách khanh* và cho nhiều học trò theo học ông. Tất cả mọi thứ mà vị triết gia già này đã dâng hiến cả đời mình dường như sắp trở thành hiện thực: Ông sẽ là triết gia đứng sau một vị minh quân và giúp vị vua ấy mở ra một thời đại mới mẻ, thái bình.

** Người tài được mời ở lại nhà quý tộc môn hào để giúp việc, làm cố vấn.*

Nhưng ngay sau đó, ông nhận ra vua nước Tề không quan tâm đến việc học hỏi các triết thuyết của mình. Khi vị vua này tiến hành một cuộc chiến chống lại một quốc gia láng giềng sau khi tung tin rằng chính Mạnh Tử đã thúc giục mình làm như vậy, Mạnh Tử đã tuyệt vọng nhận ra rằng công việc của ông thế là đi đời. Vua Tề đã sử dụng ông làm bình phong để khiến hành động xâm lăng của mình có vẻ đạo đức chứ không hề có ý định lắng nghe ông. Đã quá trễ để đi tìm một nơi khác. Mạnh Tử sẽ không bao giờ trở thành triết gia đứng sau một bậc quân vương xứng đáng. Vì thế ông đành rời nước Tề trở về cố xứ.

Mạnh Tử phải đối mặt với một tình thế lưỡng nan cực hạn của con người: Một thất bại cực kỳ đáng thất vọng phá hỏng các kế hoạch mà ông đã cẩn thận đề ra. Ông mắng nhiếc số phận. Ông trách móc ông Trời.

Nhưng trải nghiệm đó đã góp phần lớn trong việc định hình triết lý của ông. Mạnh Tử sẽ lập luận rằng chính những điều chúng ta tin là đúng khi lên kế hoạch cho đời mình, trở trêu thay, cũng là những điều đã giới hạn chúng ta.

Cách chúng ta sống và đưa ra quyết định phụ thuộc vào việc chúng ta tin rằng mình đang sống trong một thế giới nhất quán và ổn định, hay một thế giới – mà như Mạnh Tử đã dạy – không thể đoán trước và thất thường. Nhưng làm sao chúng ta có thể sống một cuộc đời tốt đẹp nếu

chúng ta từ bỏ những quan niệm cho rằng thế giới có trật tự và công bằng, rằng vạch lộ trình cuộc sống là cách để đạt được thành công? Làm sao chúng ta dám lập kế hoạch hay quyết định bất cứ điều gì, nếu chúng ta đang sống trong một thế giới thất thường?

Thế giới nhất quán và thế giới thất thường

Khi lập kế hoạch cho tương lai, chúng ta có xu hướng giả định rằng tương lai là điều có thể tiên lượng. Tất nhiên, chúng ta vẫn mãi mãi nói rằng cuộc sống có thể thay đổi trong tích tắc và rằng không có gì là chắc chắn. Nhưng chúng ta vẫn thường bị bất ngờ khi mọi thứ không diễn ra theo cách chúng ta mong đợi. Và đó là bởi khi nghĩ về việc sẽ sống cuộc đời mình như thế nào, chúng ta có xu hướng hành xử như thể có những yếu tố ổn định nhất định mà chúng ta có thể trông chờ trong một thế giới nhất quán, và giả định này sẽ ảnh hưởng đến các quyết định của chúng ta.

Mặc Tử, một trong những người cùng thời với Mạnh Tử, đã thấu suốt thế giới quan này. Một người đàn ông có xuất thân hèn mọn đã tự tạo dựng thành công trong đời, cuối cùng ông đã thành lập được một cộng đồng tôn giáo kết nối chặt chẽ, và các tác phẩm triết học của ông đã phác họa được tầm nhìn về một xã hội công bằng mà bất cứ ai làm việc chăm chỉ sẽ phát triển phồn vinh.

Mặc Tử đồng tình với tư tưởng Khổng giáo rằng xã hội đã không thể giúp con người thịnh vượng. Ông rất tin rằng mọi người nên được khuyến khích để cải thiện đạo đức. Nhưng không giống như các nhà Nho (người theo Khổng giáo), Mặc Tử và các môn đồ (người theo phái Mặc gia) không tin rằng các lễ nghi là công cụ giúp mọi người trở thành người tốt. Thay vào đó, họ gạt bỏ chúng bởi cho rằng chúng vô nghĩa và giáo điều, một sự lãng phí thời gian khiến người ta không thể tập trung vào những gì thực sự quan trọng. Và cái mà họ nghĩ thực sự quan trọng là niềm tin chân thành. Trong trường hợp này là tin vào Thượng đế, Trời, hay Thiên đế, vị thần mà họ tin là đã tạo ra thế giới này.

Đối với Mặc Tử và các môn đồ, Trời là một vị thần đức hạnh đã đưa ra những chỉ dẫn rõ ràng lẽ đúng sai. Con người phải tuân theo những chỉ dẫn này để sống tốt. Nếu làm vậy, họ sẽ được tưởng thưởng; còn nếu không, họ sẽ bị trừng phạt. Mặc Tử tin rằng vì con người trong thời đại của ông đã không tuân theo các chỉ dẫn này, và đó là lý do dẫn đến sự vô đạo đức, suy đồi xã hội và nhiều loạn chính trị. Những người theo phái Mặc gia đã mừng tượng về một xã hội được xây dựng lại dựa trên quy tắc đạo đức của Trời. Mặc Tử cho rằng nếu con người được dạy tin vào một loại quy tắc đạo đức công bằng làm nền tảng của vũ trụ, thì họ sẽ buộc phải cư xử có đạo đức, nhờ đó xã hội sẽ tốt đẹp hơn. Với việc nhấn mạnh vào niềm tin chân thành, việc nghi ngờ các nghi lễ, và nhấn mạnh về một thế giới nhất quán và có thể tiên lượng do một vị thần tốt lành sáng tạo nên, những người phái Mặc gia, theo nhiều cách, khá giống với những người Tin Lành thời kỳ đầu.

Các tư tưởng Tin Lành đã giúp định hình phần lớn những gì chúng ta xem là hiển nhiên trong thế giới hiện đại. Chúng ta có thể tin hoặc không tin vào Chúa, nhưng chúng ta vẫn tin vào một khuôn khổ cơ bản giống nhau. Chúng ta là những người ổn định sống trong một thế giới ổn định. Chúng ta nên hành động như những con người lựa chọn bằng lý trí, biết tính toán cái gì có lợi và cái gì gây hại cho mình. Nếu chúng ta nhìn vào nội tâm, khám phá được mình là ai, vạch ra một kế hoạch để có thể phát triển, rồi sau đó làm việc chăm chỉ để hoàn thành kế hoạch đó, thì chúng ta sẽ phồn vinh và phát triển như mong muốn. Nói tóm lại, chúng ta là những người theo phái Mặc gia.

Hơn nữa, trong khi Khổng giáo nghĩ về đức nhân như là một thứ không thể mô tả vắn tắt mà là điều bạn phải hiểu mỗi lần mỗi khác, tùy theo từng tình huống mà bản thân đang gặp phải, thì quan niệm của Mặc Tử lại rất rõ ràng: đức nhân luôn là bất cứ điều gì có lợi cho số đông. Ông tuyên bố rằng người ta cảm thấy thế nào về những người thân thiết nhất của họ là không quan trọng, bởi không có mức độ trong tình yêu.

Đúng hơn là, mọi người nên cố gắng quan tâm đến tất cả mọi người như nhau. Bốn thế kỷ sau, Chúa Jesus đã rao giảng những đức tính tương tự về việc yêu thương tha nhân, yêu thương kẻ thù, và chìa luôn má bên kia^{**}. Và trong thời đại của chúng ta, chúng ta được khuyến khích quyên góp từ thiện, làm những công việc tình nguyện, chăm sóc cho những người kém may mắn.

^{**} Trong Kinh Thánh Phúc Âm, phần “Bài giảng trên núi” được ghi lại trong sách Matthew có câu: “Anh em đã nghe Luật dạy rằng: Mắt đền mắt, răng đền răng. Còn Thầy, Thầy bảo anh em: đừng chống cự người ác, trái lại, nếu bị ai vả má bên phải, thì hãy giơ cả má bên trái ra nữa”. (Mt 5, 38-39)

Tuy nhiên, Mặc Tử nhận ra rằng người ta không cố nhiên cư xử đạo đức, và rằng những cảm xúc và ham muốn ích kỷ luôn cản trở họ. Ông tin rằng xã hội nên được thiết lập để thúc đẩy con người hướng tới hành vi đúng đắn. Những sự khích lệ này bao gồm tưởng thưởng (thành công, tiền bạc, danh tiếng) khi người ta làm những việc họ nên làm, và trừng phạt (thất bại, giáng chức, nộp phạt) khi họ không làm vậy. Nếu người ta tin rằng họ đang sống trong một thế giới có những quan niệm rõ ràng về đúng và sai, nơi mà làm việc chăm chỉ sẽ được đền đáp và những hành vi xấu sẽ bị trừng phạt, họ sẽ bị thuyết phục để không làm theo những cảm xúc tầm thường mà cố gắng trở thành người tốt. Mạnh Tử đã chắc chắn rằng một khi hệ thống đúng đắn này được đưa vào thực thi, kết quả sẽ là một xã hội mà trong đó mọi người đều có lợi; một thế giới của cái mà ông gọi là “kiêm ái^{***}”.

^{***} *Thuyết Kiêm ái (兼愛) của Mặc Tử: yêu thương tất cả mọi người, không phân biệt địa vị cao thấp, thân sơ, giàu nghèo, và yêu mọi người như yêu mình.*

Mạnh Tử bất đồng một cách căng thẳng với Mặc Tử về tất cả những điều này. Thoạt nhìn, lập trường của ông có thể có vẻ khó hiểu: Có gì

đáng để phản đối về một thế giới công bằng, nơi mà làm việc chăm chỉ sẽ mang lại sự thịnh vượng, nơi có những tiêu chuẩn đáng tin cậy về đúng và sai, nơi mọi người đều được quan tâm một cách công bằng?

Nhưng Mạnh Tử lại thấu suốt một thế giới quan rất khác, bắt nguồn từ tư tưởng Khổng giáo. Ông nhìn nhận thế giới này là một nơi thất thường. Làm việc chăm chỉ không nhất thiết sẽ dẫn đến sự thịnh vượng. Những hành vi xấu không nhất thiết sẽ bị trừng phạt. Không có sự đảm bảo cho bất cứ điều gì; không có sự nhất quán ổn định và bao quát khắp thế giới để người ta có thể trông đợi. Thay vào đó, Mạnh Tử tin rằng thế giới này bị phân mảnh, hỗn loạn không ngừng và cần được tác động liên tục. Và chỉ khi hiểu rằng không có gì ổn định, chúng ta mới có thể đưa ra quyết định và sống cuộc sống của mình theo cách cởi mở nhất.

Đây là một ý tưởng gây bất an, và chúng tôi biết rằng ngay cả Mạnh Tử cũng phải đấu tranh để chấp nhận nó. Trên thực tế, ông là triết gia mà cuộc đời và tính cách được hậu thế biết đến nhiều nhất. Sách Mạnh Tử, tập hợp những giáo lý của ông được các đệ tử biên soạn sau khi ông qua đời, có rất nhiều câu chuyện, mẫu đối thoại và giai thoại chi tiết, mô tả toàn diện con người ông. Đây chính là chỗ làm cho cuốn sách trở nên hấp dẫn. Nó truyền đạt ý nghĩa của việc làm một con người có thể mắc sai lầm, với tất cả sự phức tạp của nó. Mạnh Tử không phải là Đức Phật thanh thân, không phải là Đức Chúa vị tha. Ông cũng không hề là một người khôn ngoan, nhân từ và điềm tĩnh, ông chỉ tình cờ là một người tài giỏi, lanh lợi, mạnh mẽ, kiêu ngạo và phức tạp, một người đàn ông đã đấu tranh để đạt được đức nhân và đôi khi vẫn không thể sống theo triết lý của chính mình.

Khi đưa ra quan điểm về thế giới như là một quá trình đan kết lại với nhau không ngừng nghỉ bằng hành động của con người, Mạnh Tử nhận thấy những tư tưởng của Mặc Tử đặc biệt nguy hiểm. Ông tin rằng những tư tưởng của Mặc Tử sẽ không dẫn đến một thế giới khiêm ái và hòa hợp xã hội. Thay vào đó, chúng sẽ dẫn đến một thế giới gần với

phản xạ có điều kiện, nơi mọi người đã được quy định làm những gì họ phải làm để có được phần thưởng và tránh bị trừng phạt. Thực tế, đó sẽ là một thế giới nơi mọi người được đào tạo để suy nghĩ về hành động của mình thuần túy chỉ vì lợi ích: Tôi phải làm gì để có được điều mình muốn?

Trên thực tế, Mạnh Tử tin rằng người ta chỉ có thể trở nên đạo đức khi họ không nghĩ rằng có tồn tại bất kỳ hệ thống khen thưởng và trừng phạt cố kết nào. Xét cho cùng, nếu bạn tin rằng có một hệ thống như vậy tồn tại, bạn sẽ không phấn đấu để trở thành một người tốt hơn; bạn sẽ chỉ hành động để giành lợi ích cho bản thân. Trớ trêu thay, tầm nhìn xã hội bao quát của Mặc Tử về cách tạo ra một thế giới kiêm ái hoàn hảo lại dẫn đến một thế giới đầy những kẻ tìm kiếm lợi ích cá nhân.

Mạnh Tử sợ rằng những nỗ lực định hình hành vi của con người theo kiểu tính toán như vậy sẽ dẫn đến kết cục chia rẽ tư duy nhận thức ra khỏi khía cạnh cảm xúc của chúng ta. Trên thực tế, làm thế nào chúng ta có thể yêu thương một đứa trẻ xa lạ như chính con cái mình? Tất nhiên, loại bỏ cảm xúc ra khỏi sự công bằng hoàn toàn là quan điểm của Mặc Tử: Lý trí sẽ cho ta quyết định một cách hợp lý rằng cái gì là tốt và cái gì không mà không hề có những ý thích bất chợt và ham muốn nào chen vào. Nhưng Mạnh Tử tin rằng cái tạo nên sự khác biệt ở những người tốt là họ không bao giờ rời xa khía cạnh cảm xúc của mình; thay vào đó, họ gìn giữ và cần mẫn tu dưỡng những phản ứng cảm xúc của bản thân. Và đó là cách giúp họ biết được đâu là điều đúng đắn để làm, quyết định đúng đắn cần đưa ra – trong mọi tình huống.

Sự khác biệt về triết lý giữa Mặc Tử và Mạnh Tử đại diện cho sự khác biệt giữa những người nghĩ rằng thế giới này là cố kết với những người nghĩ rằng nó thất thường. Một bên là một thế giới mà trong đó hành động của bạn được định hình bởi một niềm tin vào các quy tắc được áp dụng phổ quát; một bên là một thế giới mà bạn không bao giờ có thể trông mong, một thế giới mà bạn phải liên tục xây mới bằng cách

tu dưỡng bản thân và các mối quan hệ của mình bằng những hành động nhỏ nhất.

Chúng ta đưa ra quyết định như thế nào?

Thậm chí ngày nay, dù chúng ta hầu như không nhận ra, nhưng các quyết định của chúng ta được định hình bằng cách chúng ta nhìn thế giới là cố kết hay thất thường. Hầu hết chúng ta nghĩ như Mặc Tử, rằng thế giới này cố kết. Chúng ta biết rất rõ rằng mọi thứ không phải lúc nào cũng theo đúng kế hoạch, nhưng chúng ta cũng có xu hướng cho rằng thế giới vận hành theo một cách tổng quát như sau: Nếu bạn học hành chăm chỉ, bạn sẽ có thành tích tốt ở trường; nếu bạn có nền tảng giáo dục tốt, bạn sẽ kiếm được một công việc yêu thích; nếu bạn kết hôn với tình yêu của đời mình, bạn sẽ sống hạnh phúc mãi mãi.

Thông thường, chúng ta dựa vào hai mô hình dân gian để đưa ra quyết định, cả hai đều bắt nguồn từ suy nghĩ rằng có một sự ổn định nào đó trên thế giới này.

Đó là mô hình “lựa chọn lý tính”: Chúng ta là những sinh vật lý tính có khả năng đưa ra quyết định mang tính logic. Chúng ta tiến hành vô số nghiên cứu, rồi lập danh sách các ưu và nhược điểm, cân nhắc rủi ro và lợi ích để đạt được kết quả tốt nhất có thể. Chúng ta suy nghĩ kỹ càng xem nên học lớp nào, có nên học cao học hay chấp nhận lời mời làm việc ở một thành phố xa xôi hay không.

Hoặc, chúng ta ủng hộ mô hình “trực giác”: Chúng ta quyết định dựa trên trực giác về những gì mình cảm thấy “đúng”. Chúng ta quyết định nơi để ăn tối, nơi để du lịch vào kỳ nghỉ sắp tới, hoặc đặt chiếc sofa nào cho phòng khách nhà mình.

Cuối cùng, hầu hết chúng ta sử dụng một kiểu kết hợp nào đó của cả hai mô hình này. Chúng ta tìm hiểu, nghiên cứu, nhưng rồi lại làm theo những gì mình cảm thấy đúng.

Trung thành với tư tưởng thế giới này thất thường, Mạnh Tử sẽ xem cả hai mô hình quyết định đó đều là sai lầm. Nếu chúng ta tin rằng mình

có thể quyết định chỉ bằng cách tính toán, chúng ta sẽ nghĩ rằng mình thực sự quyết định một cách lý tính, nhưng những quyết định đó lại bị trật đường ray vì các yếu tố vô thức. Như đã biết, nhiều nghiên cứu về việc đưa ra quyết định đã kết luận rằng cảm xúc thường trấn áp tư duy lý tính.

Nhưng điều đó chắc chắn không có nghĩa là thay vào đó chúng ta nên dựa vào bản năng, vốn thường chỉ là biểu hiện của những ham muốn không được rèn luyện hay thậm chí ích kỷ, chứ không dựa trên ý thức về điều thực sự đúng đắn nên làm.

Có một cách tiếp cận thứ ba. Chúng ta có thể liên tục mài giũa cảm xúc của mình để nó hoạt động đồng bộ với trí óc, để đưa ra những quyết định mở mang tương lai thay vì khép chặt nó lại. Chúng ta không sống trong một thế giới bất biến, và đó là lý do tại sao loại bỏ các cảm xúc là điều cuối cùng ta nên làm, chính cảm xúc là thứ cho phép chúng ta nắm bắt mọi sắc thái của một tình huống và lèo lái vượt qua nó từ bất kỳ điểm xuất phát nào.

Bạn sẽ không thể hàn gắn một mối quan hệ trục trặc với em gái mình bằng cách ngồi xuống để có một cuộc nói chuyện chân tình mang tính đột phá. Thay vào đó, sự hàn gắn ấy sẽ chỉ xảy ra thông qua những quyết định rất nhỏ của bạn trong cách cư xử và phản ứng mỗi khi hai người nói chuyện, ngay cả khi cô em khiến bạn tức muốn điên. Suy xét chuyện gì sẽ xảy ra nếu bạn chuyển sang tập trung vào việc xem xét những tương tác hằng ngày giữa bạn và cô em, đồng thời nhận ra tất cả các chi tiết nhỏ nhất (bao gồm phản ứng của cô ấy với cách cư xử của bạn) ảnh hưởng đến những tương tác đó. Cũng như thế giới này không ổn định, những tương tác này cũng không cố định. Nếu hiểu được điều đó, bạn có thể hành động đồng thời để thay đổi tình huống và mối quan hệ ấy bằng cách mài giũa các cảm xúc của mình để phản ứng tốt hơn, nhờ đó tạo nên một quỹ đạo tốt hơn.

Những quỹ đạo có thể xảy ra này tồn tại khắp nơi quanh chúng ta. Khi bạn lần nữa không gọi cho một người bạn ở xa bởi vì bạn đang chờ đến buổi họp mặt hằng năm để gặp nhau, là bạn đang chủ động lựa chọn không nuôi dưỡng tình bạn của hai người. Sự bê trễ của bạn là một lựa chọn chủ động mà sẽ xếp đặt mọi thứ lên một con đường nhất định. Nếu bạn trai của bạn đang tính đến chuyện chia tay, và bạn cứ nhảy đi nhảy lại một cách lo lắng rằng hai bạn đang làm hỏng mọi thứ, thay vì chờ đợi một chút để xem thời gian có thể thay đổi và làm dịu cảm xúc của cả hai như thế nào, chính bạn lại đang hấp tấp thúc đẩy một sự kết thúc mà có thể đã không xảy ra. Giả sử bạn đến một cửa hàng có dịch vụ chăm sóc khách hàng thật kém, bạn yêu cầu được nói chuyện với quản lý, nếu bạn lên tiếng than phiền một cách bình tĩnh và lịch sự, bạn sẽ khơi gợi được cuộc trò chuyện giữa cả hai thay vì bít lối nó bằng cách tức giận và to tiếng, thì có thể kết quả sẽ tốt hơn.

Còn nhớ vấn đề lưỡng nan về cách nào là tốt nhất để giúp đỡ một người bạn gặp khó khăn không? Thông thường, chúng ta phản ứng dựa trên những gì chúng ta nghĩ mình có thể làm để giúp người bạn đó trong tình huống cụ thể đó. Bằng việc thừa nhận tính đặc thù của tình huống, chúng ta thực sự đang hành xử theo cách của Khổng giáo. Hầu hết chúng ta sẽ không bao giờ hiểu ra được phải trước hết suy nghĩ đến lợi ích lý tính và các quy chuẩn có thể áp dụng phổ biến trong tình huống này.

Tuy nhiên, bởi vì chúng ta thường nghĩ bản thân luôn cư xử một cách ổn định và chắc chắn, nên ta tự giam hãm mình với những vai trò nhất định trong quá khứ. Ví dụ, nếu bạn nghĩ mình là kiểu người dễ đồng tình, bạn có thể không thoải mái khi trở thành kiểu can thiệp trực tiếp, dù bạn có thể thấy rằng đó là điều mà người bạn của bạn thực sự cần vào lúc đó, chỉ bởi vì đó không phải là con người bạn. Nó nằm ngoài khuôn mẫu cư xử thường ngày của bạn. Bạn có thể nghĩ: *Ừ thì, một người bạn khác có thể hối thúc cô ấy đến gặp bác sĩ/gọi luật sư/đối chất với người khai vấn của cô ấy. Còn mình thì sẽ chỉ lắng nghe thôi.*

Nhưng việc tự định nghĩa bản thân “Tôi là như thế” sẽ giới hạn độ tinh nhạy của bạn với toàn bộ tình huống, giới hạn độ phóng khoáng trong phản ứng mà bạn có thể trao đi cũng như đức nhân mà bạn có thể thể hiện.

Để có cảm tưởng về toàn bộ bối cảnh trước khi đưa ra quyết định trong một thế giới thay đổi bất tận, bạn cần rèn luyện cảm xúc của mình. Bạn cần học cách suy nghĩ về các quyết định dưới dạng một bản thể phức tạp, một thế giới phức tạp và các quỹ đạo phức tạp có thể diễn tiến đa chiều.

Mạnh Tử tin rằng cách duy nhất để tu dưỡng một nhận thức đầy đủ về sự phức tạp của các tình huống là tu dưỡng khả năng thấu hiểu các hành động của chúng ta có thể dẫn đến các quỹ đạo tích cực như thế nào. Và ông tin rằng tất cả chúng ta bẩm sinh đều có tiềm năng làm như vậy: một tiềm năng đi đến đức nhân.

Nhân chi sơ tính bản thiện

Hãy hình dung bạn đang dạo bước qua một bãi cỏ có mấy đứa trẻ đang chơi đùa. Đột nhiên, bạn nghe thấy một tiếng kêu thét. Một cậu bé đã biến mất khỏi tầm mắt, nó bị trượt chân rơi xuống cái giếng bỏ hoang. Lúc này nó đang cố bám vấu lơ lửng ở thành giếng, cố hết sức để không rơi xuống đáy.

Không chút do dự, chẳng cần suy nghĩ một khắc nào, bạn chạy đến giải cứu đứa trẻ. Bạn với tay vào giếng và đưa nó ra khỏi đó an toàn.

Mạnh Tử đã sử dụng truyện ngụ ngôn về đứa trẻ rơi xuống giếng để nhấn mạnh rằng tất cả con người đều có tiềm năng trở thành người tốt như nhau. Ông lập luận rằng chúng ta biết điều này bởi vì không một ai ở bất cứ nơi nào lại không lập tức chạy đến cứu đứa trẻ đó. Lý do người ta làm vậy không phải là để được vinh danh, được tặng thưởng, hay được cha mẹ đứa trẻ ngợi khen và tỏ lòng biết ơn. Đó là một phản ứng tự nhiên mà con người ở bất kỳ nơi đâu cũng đều có, nó nảy sinh từ mong muốn thuần túy giản đơn là cứu đứa trẻ đó.

Nếu có thể phát triển bản năng này, chúng ta sẽ biết phải làm gì và quyết định thế nào trong mọi tình huống. Tuy nhiên, thật khó để sống trọn với tiềm năng trở thành người tốt của mình. Chúng ta ngồi lê đôi mách chuyện nhà hàng xóm, chúng ta ghen tỵ với bạn bè, chúng ta la mắng con cái. Hết lần này đến lần khác, chúng ta để những mặt xấu nhất của mình hiện ra. Nếu ai cũng sẽ chạy đến cứu một đứa trẻ đang gặp nguy hiểm, thì tại sao, trong cuộc sống hằng ngày chúng ta lại thường xuyên làm tổn thương những người xung quanh? Tại sao chúng ta không làm nhiều hơn để nuôi dưỡng bản tính thiện của mình?

Mạnh Tử đã nhận thấy tất cả những đánh đố này, điều đó cho ông niềm tin rằng mỗi con người bẩm sinh đều có năng lực tự nhiên cho tính thiện. Ông đã viết:

“Nhân tính chi thiện dã, du thủy chi tựu hạ dã. Nhân vô hữu bất thiện, thủy vô hữu bất hạ.”****

(Bản tính con người vốn hướng về điều thiện, cũng như tính nước luôn chảy xuống thấp vậy. Nước không bao giờ không chảy xuống dưới, bản tính con người không bao giờ không hướng về thiện.)*****

**** *Sách Mạnh Tử, chương 11, bài số 2.*

***** *Những phần dịch, chú giải về sách Mạnh Tử sử dụng trong cuốn sách này có tham khảo từ sách Tứ Thư Bình Giải của tác giả, nhà nghiên cứu Lý Minh Tuấn. Trân trọng cảm ơn tác giả vì những đóng góp cho văn hóa nước nhà.*

Nhưng tính thiện này chỉ tồn tại ở dạng tiềm năng. Bản tính con người vốn thiện, nhưng nó có thể bị tiêu biến, có thể bị biến dạng hoặc bị thay đổi bởi những gì nó gặp phải. Như Mạnh Tử đã nói:

“Kim phù thủy, bác nhi dục chi, khả sử quá tàng; kích nhi hành chi, khả sử tại sơn. Thị khởi thủy chi tính tai? Kỳ

thế, tắc nhiên dã. Nhân chi khả sử vi bất thiện, kỳ tính diệc do thị dã.”*****

(Đối với nước, đánh vào thì có thể nhảy lên trên, chặn dòng thì có thể khiến nó dâng tới núi. Bản tính nước liệu có phải thế chẳng? Do tính thế, nó phải như vậy. Con người có thể bị khiến trở thành bất thiện, tính người cũng như vậy thôi.)

********* *Sách Mạnh Tử, chương 11, bài số 2.*

Mạnh Tử muốn mọi người thấu hiểu một cách ruột gan về cảm giác của thiện lương để hiểu làm thế nào trở thành người tốt. Cảm giác là người tốt sẽ như thế nào? Bạn phải làm gì mỗi ngày để có được cảm giác đó?

Để trả lời những câu hỏi này, Mạnh Tử đã dạy rằng chúng ta nên nghĩ về tính thiện của mình như những nụ mầm nhỏ. Tất cả nụ mầm có tiềm năng phát triển thành cái gì đó lớn hơn. Nhưng chúng phải được chăm bón đúng cách trong một môi trường nuôi dưỡng đầy đủ để đạt được tiềm năng đó. Tương tự như vậy, mỗi chúng ta đều có tính thiện phôi thai bên trong mình. Vì vậy, Mạnh Tử kết luận rằng mỗi người chào đời đều bình đẳng, được phú cho tiềm năng trở thành nhà hiền triết: khả năng tạo ra một môi trường mà trong đó mọi người đều hưng vượng.

Nhưng chúng ta có xu hướng bỏ bê các nụ mầm của mình, quên tưới tẩm hay chăm dưỡng chúng, còn không thì lại quá ép uổng: chúng ta tóm lấy chúng và cố lôi kéo để chúng mọc lên. Chúng ta không chỉ phá vỡ bản tính thiện của mình mà còn trở nên khốn khổ, dễ bị chi phối bởi những bản năng xấu xa nhất của mình: ghen tuông, giận dữ và oán hận. Khi làm thế, chúng ta đã gây hại nhân tính của chính mình và làm hại những người xung quanh chúng ta. Với việc buông lỏng những mặt tối tệ nhất trong con người mình, chúng ta khiến người khác cũng bộc lộ những điều tối tệ bên trong họ và khiến họ cũng giết chết nụ mầm của

chính mình. Hầu hết chúng ta không đạt được tiềm năng của mình, nhưng đây không phải là điều nên xảy ra.

Nếu tính thiện thực sự có thể quan sát được hữu hình như những nụ mầm thực sự, thì nó chẳng phải là thứ gì đó trừu tượng như thuyết kiêm ái của Mặc gia hay lòng yêu thương tất cả chúng sinh của Phật giáo; tính thiện của Mạnh Tử không liên kết với bất kỳ kiểu học thuyết nào đòi hỏi chúng ta phải yêu thương những người lạ chưa từng gặp giống như yêu thương những người bạn tri âm tri kỷ của mình. Đúng hơn, tính thiện là thứ chúng ta có thể cảm nhận và nuôi dưỡng trong cuộc sống hằng ngày với chính những người ở bên cạnh ta.

Nếu để ý, chúng ta có thể thấy bất cứ khi nào chúng ta thực hiện một hành động tử tế, dù nhỏ đến đâu – như nói chuyện với ai đó một cách ấm áp, giữ cửa giúp cho người lạ, giúp hàng xóm xúc tuyết khỏi chiếc xe nhà họ sau cơn bão tuyết – chúng ta có thể sẽ trải nghiệm một cảm giác thể chất, như hơi ấm. Cảm giác cụ thể đó chính là nụ mầm của tính thiện mà Mạnh Tử nói đến đang nảy nở bên trong, được nuôi dưỡng bởi hành động rộng lượng và kết nối với người khác của chúng ta.

Khi bạn chú ý đến cảm giác thể chất đó, nuôi dưỡng những mặt tốt đẹp hơn của bản thân và nhận thấy tác động của nó lên chính bạn và người khác, bạn sẽ có động lực để tiếp tục. Như vậy, bạn sẽ không phát triển tính thiện của mình một cách chung chung: Bạn đang học qua từng bước của quy trình gieo các điều kiện cần thiết để nó có thể lớn nhanh. Bạn khởi đầu như một người nông dân đơn độc, gieo trồng những nụ mầm trên cánh đồng nhỏ bé của bạn, nhưng hiệu quả lại tỏa ra bên ngoài. Những người nhận thành quả từ tính thiện của chúng ta sẽ có cảm hứng để hành động tốt hơn và tiếp tục trồng những nụ mầm tính thiện của chính họ. Những khoảnh khắc thiện lương được bồi đắp cho đến khi lấp kín một ngày, rồi cuối cùng là suốt một đời.

Tâm - Trí như một

Tính thiện liên quan đến việc đưa ra quyết định hợp lý như thế nào?

Chúng ta sẽ phát huy được tiềm năng to lớn của bản tính người khi hoàn thiện các phản ứng cảm xúc của mình. Không ngừng trau dồi bản thân thông qua những mối tương tác giữa chúng ta với người khác và không ngừng nỗ lực nuôi dưỡng những nụ mầm của tính thiện, đó là những thứ sẽ dẫn dắt chúng ta cuối cùng hiểu được cách đưa ra quyết định hợp đạo đức trong bất kỳ tình huống nào.

Mặc dù một số nhà tư tưởng như Mặc Tử tin vào việc phân biệt rõ ràng giữa các năng lực lý tính và cảm xúc, và phân chia giữa trí óc và trái tim càng nhiều càng tốt, nhưng trong tiếng Hán, từ dùng để chỉ trí óc và trái tim thực ra là một: tâm (心). Tâm - trí là chỗ của cảm xúc, cũng như trung tâm của lý trí. Nó có thể cân nhắc, suy ngẫm, chiêm nghiệm, cảm nhận tình yêu, niềm vui và thù hận. Mạnh Tử đã dạy rằng điều phân biệt giữa những người trở nên vĩ đại với những người không vĩ đại là khả năng tuân theo tâm - trí của họ thay vì mù quáng làm theo cảm giác hoặc theo hiểu biết. Tu dưỡng tâm - trí là điều sẽ nuôi lớn khả năng đưa ra những quyết định đúng đắn.

Hãy nghĩ về những lựa chọn mà chúng ta phải đối mặt trong suốt cuộc đời, từ tầm thường đến quan trọng: nấu món gì cho bữa tối; đi đâu chơi trong kỳ nghỉ sắp đến; có nên đổi việc hay có nên đưa đơn ly hôn không. Không thể chỉ dùng lý trí suy nghĩ về mọi thứ mà cho ra được những quyết định khôn ngoan. Chúng phải xuất phát từ một sự thấu hiểu hoàn toàn về những gì tâm - trí chúng ta biết là đúng đắn. Quyết định hợp lý chỉ có được khi trái tim và trí óc cùng phối hợp.

Khi thụ động để cho cảm giác dắt mũi mình, chúng ta sẽ đưa ra quyết định thiếu khôn ngoan và mất kiểm soát. Dù đó là một việc gì đó nhỏ nhặt, như ăn quá nhiều khi không đói, hoặc một việc quan trọng, như mắng mỏ một người bạn vì nghĩ mình bị coi thường, cảm giác thường khiến chúng ta phản ứng thiếu khôn ngoan tại thời điểm ấy.

Nhưng nếu tu dưỡng tâm - trí, chúng ta sẽ có thể phản ứng với mọi thứ ở một vị thế ổn định hơn nhiều. Khi không bị xao nhãng bởi những

cơn bốc đồng và những biến động cảm xúc, chúng ta có thể tập trung vào toàn cảnh và sẽ biết phải làm gì. Chúng ta sẽ biết được phản ứng nào sẽ làm bộc lộ điểm tốt nhất trong chúng ta và những người xung quanh.

Quay trở lại câu chuyện về đứa trẻ rơi xuống giếng. Câu chuyện ngụ ngôn này, tất nhiên, chỉ là một khoảnh khắc khủng hoảng hiếm gặp thôi. Còn hầu hết các quyết định mà chúng ta phải đối mặt trong cuộc sống đều không rõ ràng như thế. Bản tính hướng thiện tiềm tàng sẽ không thể ngay lập tức cho chúng ta biết phải làm gì. Tất nhiên, nó sẽ nói với chúng ta rằng ta cần cứu cậu bé kia. Nhưng, chính xác thì bạn phải làm gì để giúp đỡ hiệu quả nhất cho một đứa em họ đang gặp khủng hoảng cá nhân? Nên nhận công việc nào để có được tương lai tốt nhất? Bạn có nên chuyển nhà để ở gần cha mẹ già?

Phương pháp hợp nhất hai mặt hiểu biết và cảm xúc của Mạnh Tử sẽ lưu ý đến các phản ứng cảm xúc của bạn, sau đó cố gắng thay đổi chúng cho tốt hơn. Hãy sử dụng trí óc để nuôi dưỡng cảm xúc. Quan tâm đến những tác nhân kích hoạt cảm xúc và phản ứng của bạn mỗi ngày. Bạn nhận thức thế giới thông qua các thói quen cố hữu và các lẽ lối cứng nhắc nào? Có phải việc người bạn đời chỉ trích cách bạn nhồi chén đĩa vào máy rửa chén đã gợi lại trong bạn những ký ức thời thơ ấu, khi bạn không ngừng bị khiến cho cảm thấy mình là đứa ngớ ngẩn? Bạn có xu hướng thỏa hiệp với bạn bè thay vì tỏ ra quyết đoán vì bạn cảm thấy không đáng để thể hiện một quan điểm mạnh mẽ không?

Khi nhận thức được tất cả những tác nhân và khuôn mẫu đã định hình cảm xúc của bạn suốt cả ngày, bạn có thể tiến hành cải thiện cách phản ứng của mình. Nhưng cần lưu ý rằng chú ý đến phản ứng cảm xúc không giống như “chánh niệm”, khái niệm phổ biến phỏng theo quan niệm của Phật giáo về sự suy xét độc lập và không phán xét. Cũng không phải về chuyện quan sát cảm xúc của bạn, chấp nhận chúng, rồi buông bỏ chúng để bạn có thể đạt được một kiểu bình an riêng tư nào đó. Bởi vì dù cho bạn đã đạt được cảm giác bình an, thì nó cũng sẽ biến mất ngay

khi bạn bắt đầu gia nhập thế giới trở lại. Và cũng không phải về cảm giác từ bi cho tất cả chúng sinh một cách trừu tượng. Tu dưỡng tâm - trí là một hành động hướng ngoại không nhằm mục đích đưa chúng ta xa rời thế giới mà nhằm khiến chúng ta gắn kết sâu hơn vào thế giới để có thể cải thiện bản thân và những người xung quanh thông qua mọi mối tương tác. Chúng ta đang nói đến sự chú tâm không phải theo nghĩa chánh niệm mà theo nghĩa Không giáo.

Các sự kiện ngoại tại kích hoạt các phản ứng cảm xúc của chúng ta mỗi ngày, như niềm vui trào dâng khi con bạn tự động lăm chằm mang đến tặng bạn một bó hoa nó vừa hái dành riêng cho bạn, nỗi đau xoẹt qua khi bắt gặp bạn trai cũ trên phố, cơn giật mình khi sếp gửi cho bạn một email nhắc nhở deadline sắp tới. Tất cả các phản ứng của chúng ta được tích lũy lại. Cuộc sống trở thành một loạt các phản ứng khuôn mẫu không được huấn luyện – những khuôn mẫu thường đưa đến kết quả tiêu cực. Thực tế, rất nhiều quyết định mà chúng ta có khuynh hướng cho là quyết định có ý thức lại chỉ là sự phát lại những khuôn mẫu cũ. Nhưng nếu nuôi dưỡng cảm xúc, theo thời gian và bằng kinh nghiệm, chúng ta có thể học cách cảm nhận tâm tính của người khác chính xác hơn, đánh giá được điều gì đang thực sự xảy ra trong một tình huống cụ thể và tìm cách thay đổi kết quả cho phù hợp – dù là chúng ta đang đối phó với trận xung đột với người hàng xóm, một người bạn đang phải vật lộn với chứng trầm cảm, hay một đứa trẻ bị tụt hậu ở trường. Chúng ta có thể tự rèn luyện bản thân để nhận thức được những rắc rối này và biết mình có thể làm gì để thay đổi chúng.

Hãy tưởng tượng bạn có một người đồng nghiệp cứ không ngừng khiến bạn phân tâm mỗi khi bạn đang cố theo kịp deadline. Rắc rối thường xuyên này khiến bạn định hình một suy nghĩ rằng cô ấy là một kẻ hay gây xao lãng và phiền phức. Bạn có thể cảm thấy muốn tỏ ra lạnh nhạt với cô. Hoặc bạn có thể nhượng bộ và tán dóc chút đỉnh, nhưng sau đó lại thấy khó chịu với chính mình vì đã để cô ấy làm mất quá nhiều

thời gian của bạn. Hoặc bạn có thể nổi khùng với cô, tức giận vì cô không nhận ra bạn đang bận rộn như thế nào. Hoặc bạn có thể trút giận lên mấy người bạn cứ xúi giục bạn tỏ rõ chính kiến và dứt khoát bảo cô rằng lúc này bạn không thể chuyện trò gì đâu. Nhưng thay vì dán nhãn cho cô ấy là một kẻ phiền phức và sử dụng các chiến lược chung chung nhằm vào một đồng nghiệp phiền phức, khó chịu nào đó, phản ứng cởi mở nhất xuất hiện khi bạn bắt đầu nhận ra đồng nghiệp của mình là một cá nhân với một tập hợp phức tạp của sự nhạy cảm, thói quen, khuôn mẫu cư xử, cảm xúc và hành vi. Một số khía cạnh nhất định của cô ấy đang được thể hiện ra trong tình huống này vì những lý do nhất định, và bạn cũng vậy. Bạn có thể muốn giải quyết vấn đề trực tiếp, nói thẳng với cô ấy rằng hai bạn cần thảo luận về một rắc rối để khiến cô ấy nhận ra tình trạng của bạn. Nhưng chiến lược hiệu quả hơn sẽ là bạn hiểu rằng những thứ khác nhau mà bạn làm có thể chuyển hướng tình huống thành những kiểu khác nhau như thế nào theo thời gian. Một khi bạn nhìn cô ấy như là một con người đa diện và vô cùng phức tạp, thay vì một người nhất quán luôn theo kiểu cô ấy vẫn tỏ ra, góc nhìn của bạn sẽ được mở rộng để thấy được nhiều việc khác nhau mà bạn có thể thử để thay đổi tình huống; những việc nhỏ nhỏ bạn có thể làm để giúp bộc lộ ra những khía cạnh khác của đồng nghiệp đó, cũng như chính bản thân bạn. Có phải cô ấy tìm đến trò chuyện khi đang cô đơn? Có cách nào khác để giải quyết mong muốn tương tác của cô ấy không? Hoặc có thể cô ấy liên tục xuất hiện khi cô cảm thấy bất an và bất định; định vị trạng thái chính là điểm bạn có thể khởi đầu.

Đây là một tình huống khác: Giả sử ai đó nổi giận với bạn. Có thể một sự phẫn uất kìm nén đã lâu giữa bạn và anh trai cuối cùng cũng bùng nổ dữ dội. Một phản ứng tế nhị từ phía bạn cũng sẽ không thể tự động bộc lộ khi bạn đang ở trong cơn giận của chính mình. Phản ứng tự động cũng sẽ không phải là xoa dịu anh bạn, phớt lờ, hoặc đơn giản là tránh nói chuyện. Đúng hơn là, một phản ứng tế nhị sẽ bắt đầu bằng việc dành

một khoảng thời gian để cố gắng thấu hiểu toàn bộ cảm xúc và phần hận ẩn sau hành vi của anh bạn. Tất nhiên, phải có chút xúc tác tức thời, nhưng tình trạng hiện tại của mối quan hệ anh em bạn hẳn đã được tạo thành bởi nhiều năm phản ứng theo khuôn mẫu từ cả hai phía. Nếu bạn bắt đầu bằng cách thử suy ngẫm xem nguyên nhân gây tức giận là gì và cố nắm bắt tất cả những điều có thể thực hiện để thay đổi tình huống thì chắc chắn bạn sẽ gỡ được khỏi đầu óc mình suy nghĩ mà bạn đã mặc định về anh mình. Những cách tiếp cận mới sẽ đến với bạn. Những cử chỉ nho nhỏ (đơn giản như chấp nhận cơn giận, thừa nhận vai trò của bạn trong cơn giận đó, hoặc quyết định thận trọng rằng sẽ chờ đến lúc cả hai đều nguội rồi mới nói chuyện), chính vì chúng khác thường và hướng đến việc thay đổi động lực bên dưới cơn giận thay vì nổi nóng ngay với vấn đề trước mắt, sẽ có khả năng phá vỡ động lực nằm bên dưới đó.

Không có tư tưởng nào trong số này là mới với chúng ta cả. Chúng ta thừa biết đây chính là những cách phản ứng tối ưu. Tuy nhiên, khi đối mặt với các tình huống đầy thách thức xảy ra giữa các cá nhân, thường thì phản ứng ban đầu sẽ thiếu tinh tế. Hầu hết chúng ta thường bị vùi dập bởi những cảm xúc nhất thời và mong muốn một giải pháp chóng vánh. Cách tiếp cận khác biệt này chắc chắn sẽ không nhanh chóng dàn xếp được sự việc; không một cách phản ứng nào trong số này có thể thay đổi mọi thứ ngay lập tức. Nhưng bạn sẽ tích lũy được kinh nghiệm khi nghĩ về mọi thứ trong phạm vi toàn cảnh; kết quả sẽ có giá trị lâu dài. Khi bạn đặc biệt quan tâm đến việc rèn luyện bản thân để tiếp cận các tình huống với quan điểm rộng mở nhất và hiểu được làm thế nào để thay đổi một kết quả, bạn đang không ngừng tu dưỡng bản tính thiện của mình. Vấn đề không phải là gạt bỏ đi cảm xúc, bởi điều đó sẽ khiến chúng ta mất đi khả năng cảm nhận bối cảnh chung của một tình huống. Vấn đề là phải cải thiện những cảm xúc đó để trực giác đưa ra được những cách phản ứng tốt hơn.

Nuôi dưỡng tâm - trí có nghĩa là vậy. Nó cho phép bạn trở nên phản ứng dễ dàng hơn với thế giới, những mặt tốt đẹp của bạn không bị sút mẻ, và tầm nhìn của bạn còn nguyên vẹn. Điều mà Mạnh Tử gọi là “tòng quyền”^{*****} là khả năng đưa ra những quyết định hợp đạo đức theo bản năng mà vẫn cân nhắc cẩn thận từng tình huống với tất cả sự phức tạp của nó. Rèn luyện tâm - trí nghĩa là mài giũa khả năng đánh giá của chúng ta: nhìn thấy bức tranh lớn hơn, hiểu được những gì thực sự ẩn đằng sau hành vi của một người và nhớ được rằng những cảm xúc khác nhau (như lo lắng, sợ hãi và vui thích) sẽ làm lộ ra những mặt khác của những người mà chúng ta vẫn nghĩ là cứng nhắc. Cảm thức đâu là điều đúng cần làm trở thành một hình thức phức tạp hơn, một hình thức bản năng phát triển sẽ buộc bạn phải cứu đứa trẻ rơi xuống giếng. Cũng như bạn chẳng cần tự hỏi bản thân phải làm gì khi có một đứa bé đang gặp nguy hiểm, bạn sẽ chẳng cần tự hỏi mình phải làm thế nào để vượt qua những thứ gặp phải mỗi ngày nếu bạn biết nuôi dưỡng tâm - trí.

^{*****} Theo Mạnh Tử, những lúc bình thường, người ta phải “chấp kinh”, nghĩa là phải giữ lễ, tuân theo đạo lý truyền thống, khi gặp tình huống biến động thì phải “tòng quyền”, nghĩa là tự mình linh động xử lý sự việc (ngộ biến tòng quyền).

Đặt nền tảng để mọi thứ có thể phát triển

Khi nói đến những quyết định lớn hơn trong đời – chọn ngành học đại học, có nên chuyển nghề, nên kết hôn với ai – chúng ta thường mắc sai lầm. Ngay cả khi đã sử dụng tâm trí – của mình để “tòng quyền” và nhận ra những hành động nhỏ bé của chúng ta sẽ liên tục tạo nên những thay đổi nhỏ trong thế giới như thế nào, thì chúng ta vẫn nghĩ thế giới này nhất quán, và do đó chúng ta vẫn nhất định nghĩ rằng có những thứ ổn định: *tôi, điểm mạnh và điểm yếu của tôi, những thứ tôi thích và không thích, thế giới này sẽ chỉ như vậy suốt nhiều thập niên và vị thế của tôi trong đó cũng vậy.*

Do đó, không chỉ các phản ứng ngắn hạn của chúng ta mà cả các kế hoạch dài hạn trong đời cũng thường dựa trên một ảo tưởng về sự ổn định. Chúng ta hoạch định những gì có thể làm một cách cụ thể để đạt được mục tiêu của mình. Ví dụ, nếu bạn đang cố gắng quyết định nên chọn nghề gì, bạn có thể suy nghĩ xem mình phù hợp với điều gì nhất: bạn tìm hiểu xem bạn là kiểu người thế nào, điểm mạnh của bạn nằm ở đâu, tập trung vào các lớp học và theo đuổi mục tiêu dựa trên đánh giá đó, rồi cuối cùng là dẫn thân vào một con đường sự nghiệp dựa trên định nghĩa cố định về con người mà bạn tin chính là mình.

Nhưng hãy nhớ rằng con người mà bạn nghĩ là bạn, đặc biệt là những gì bạn nghĩ chính là “bạn” khi đưa ra quyết định nào đó, thường chỉ là một tập hợp các khuôn mẫu bạn đã rơi vào. Cũng như bạn có thể trở thành một người bi quan đơn giản chỉ vì bạn nghĩ mình là người bi quan, bạn có thể đưa ra những quyết định định hình nên con người bạn, chỉ vì bạn nghĩ những quyết định đó cho thấy bạn là ai. Nhưng khi bạn làm như vậy, bạn đã tự đóng khung mình ngay cả trước khi bạn bắt đầu trở thành người đó.

Khi chúng ta dùng lý trí để đưa ra những quyết định lớn trong đời dựa trên quan niệm cho rằng thế giới này nhất quán, chúng ta có một vị thế rõ ràng, những khả năng rõ ràng, một bản thân ổn định, những cảm xúc không thay đổi và một thế giới không thay đổi. Nhưng những điều này hoàn toàn không phải đã được quy định trước. Với việc thực hiện các kế hoạch cụ thể, xác định, bạn thật sự đang thiếu thực tế, bởi vì bạn đang thực hiện những kế hoạch này cho một bản thân trừu tượng: một bản thân tương lai mà bạn tưởng tượng ra dựa trên con người bạn nghĩ là mình bây giờ, mặc dù bạn, thế giới và hoàn cảnh của bạn sẽ thay đổi. Bạn tự loại mình ra khỏi đồng hồ lớn phức tạp của thực tế, dù nó là cơ sở để bạn có thể phát triển như một con người. Bạn tự trừ khử khả năng phát triển như một con người của mình bởi vì bạn đang giới hạn sự phát

triển đó thành cái có lợi nhất cho con người mà bạn ngẫu nhiên đang là ngay lúc này, chứ không phải con người mà bạn sẽ trở thành.

Thay vào đó, nếu bạn luôn luôn nghĩ rằng thế giới này là bất ổn, bạn có thể bắt đầu nghĩ về tất cả các quyết định và phản ứng của mình dựa trên nhận thức về sự phức tạp, không ngừng thay đổi của thế giới và dựa trên bản thân phức tạp, không ngừng biến đổi của bạn. Bạn có thể rèn luyện để trí óc của mình luôn cởi mở và xem tất cả những thứ phức tạp đó là của con người bạn. Chúng ta đạt được kết quả tốt nhất khi chúng ta nghĩ về mọi thứ dưới dạng những quỹ đạo dài hạn. Các quyết định bao quát nhất chỉ có được khi bạn đặt nền tảng để mọi thứ có thể phát triển.

Xét câu chuyện ghi lại trong sách *Mạnh Tử* kể về các vị minh quân thời cổ đã khai mở nền văn minh. Đó là thời mà “tất cả mọi thứ dưới trời chưa được sắp đặt, khắp nơi chìm trong nước, và ngũ cốc chưa được trồng”.

Một bậc minh vương là Vũ được phái đến để đưa thế giới này vào trật tự. Ông đào đất để dẫn nước tưới cho cây trồng:

“Vũ sơ cứu hà, thược Tế. Đạp nhi chú chư hải, quyết Nhữ, Hán, bài Hoài, Tứ nhi chú chi Giang. Nhiên hậu, trung quốc khả đắc nhi thực dã.”*****

***** *Sách Mạnh Tử, chương 5, bài số 4.*

(Ông Vũ đào khoét chín con sông, khơi sông Tế, sông Đạp cho chảy vào biển; vét sông Nhữ, sông Hán, bồi sông Hoài, sông Tứ cho chảy vào sông Giang.) Bạch Khuê viết: “Đan chi trị thủy dã, dĩ ư Vũ”.

Mạnh Tử viết: “Tử Quá hỹ. Vũ chi trị thủy, thủy chi đạo dã. Thị cố Vũ dĩ tứ hải vi hác. Kim ngô tử dĩ lân quốc vi hác. Thủy nghịch hành, vị chi giáng thủy. Giáng thủy giả, hồng thủy dã. Nhân nhân chi sở ố dã. Ngô tử quá hỹ”. *****

***** *Sách Mạnh Tử, chương 12, bài 11.*

(Bạch Khuê nói: “Phương pháp trị thủy của tôi còn vượt trội hơn ông Vũ”.

Mạnh Tử nói: “Làm mất rồi. Phương pháp trị thủy của ông Vũ là dựa vào hướng nước chảy. Vậy nên ông Vũ lấy biển làm chỗ chứa. Nay ông lại lấy nước lóng giếng làm chỗ chứa. Nước chảy ngược gọi là nước chảy tràn. Nước chảy tràn là nước lụt. Người có nhân đều ghét nước lụt. Ông làm mất rồi”.)

Khi dời nước, vua Vũ chẳng hề can thiệp vào dòng chảy. Vua Vũ đã thay đổi tận gốc môi trường bằng cách đào kênh mương, nhưng ông chỉ thay đổi sau khi hiểu được dòng chảy của nước và chuyển dời nó một cách tự nhiên.

Ý nghĩa của câu chuyện không phải là chúng ta nên để yên cho nước muốn chảy sao thì chảy, giống như chúng ta không nên để yên cho các hạt mầm tiềm năng của mình muốn mọc sao thì mọc. Câu chuyện nói rằng chúng ta phải học cách vua Vũ dịch chuyển dòng nước. Chúng ta phải giống như một người nông dân đang trồng cây trên cánh đồng. Một nông dân năng động và suy nghĩ cẩn thận. Người nông dân ấy phải chọn đúng vị trí, nhổ cỏ dại, lật đất lên và bón phân cho đất, gieo hạt các loại cây mà anh ta biết là sẽ mọc sum suê trong kiểu khí hậu cụ thể đó. Sau đó, anh ta chăm sóc cánh đồng của mình, làm cỏ, nuôi dưỡng cây trồng bằng nước và đảm bảo chúng có đủ ánh sáng mặt trời. Nhưng thậm chí công việc vẫn chưa chấm dứt ở đó. Nó sẽ liên tục không ngừng. Anh ta phải làm hàng rào để ngăn thú hoang và chuyển đổi cây trồng tùy vào tính chất thay đổi của đất. Anh ta cũng phải rất nhạy cảm với thời gian và nhịp độ: biết khi nào nên thay đổi và khi nào nên chờ đợi. Trong cuộc sống, chúng ta cần liên tục phản ứng nhanh với các hoàn cảnh khi chúng mới xuất hiện, giống như một người nông dân cảnh giác với các tình huống ảnh hưởng đến cánh đồng của anh ta vậy.

Tích cực không có nghĩa là cố xông xáo ngăn dòng nước đang chảy. Thay vào đó, phải là lợi dụng việc nước có xu hướng chảy xuống để chế ngự dòng nước đó. Như Mạnh Tử đã nói:

“Sở ố ư trí giả, vị kỳ tạc dã. Như trí giả nhược Vũ chi hành thủy dã, tắc vô ố ư trí hĩ. Vũ chi hành thủy dã, hành kỳ sở vô sự dã.”*****

(Chỗ đáng ghét của kẻ trí là sự xuyên tạc của họ. Nếu kẻ trí cũng giống như vua Vũ trị thủy thì không có ai không thích kẻ trí. Vua Vũ khai thông nước chảy đã tiến hành thuận tự nhiên.)

***** *Sách Mạnh Tử, chương 8, bài 26.*

Tích cực nghĩa là tạo điều kiện tối ưu và ứng phó với bất kỳ tình huống nào có thể nảy sinh. Nó có nghĩa là đặt nền móng cho sự thay đổi. Hãy xem mình như là người nông dân, thay vì nghĩ về việc mình là ai, rồi sắp xếp các mục tiêu xung quanh đó. Khi đó mục tiêu của bạn sẽ trở thành đặt nền móng để phát triển nhiều mối quan tâm và các khía cạnh của bản thân bạn một cách có hệ thống.

Hầu hết chúng ta đều có những thú vui và sở thích mà cuối tuần hay những khi rỗi rãi chúng ta thường theo đuổi. Chúng ta thường chẳng nghĩ đến những thứ đó có liên quan với việc tìm ra những gì chúng ta muốn làm với đời mình. Tuy nhiên, đặt nền móng nghĩa là việc gì đó đơn giản như sắp xếp thời gian để tham gia vào các hoạt động nói về các khía cạnh khác nhau của bản thân mà bạn muốn phát triển: tham gia lớp học nếm rượu vang, học vẽ màu nước hoặc ôn lại vốn tiếng Pháp từ thời trung học của bạn mỗi tuần một lần ở một lớp trao đổi ngôn ngữ. Bằng việc chủ động tạo ra cơ hội trong đời cho tất cả các khả năng của bạn, rồi luôn ở trong tâm thế cởi mở và sẵn sàng hồi đáp, bạn giống như một người nông dân đang chuẩn bị mảnh ruộng để cây trồng của mình có thể sum suê tươi tốt.

Khi bạn dành chỗ cho sở thích, các cơ hội sẽ mở ra cho bạn. Bạn có thể biết được rằng bạn thích làm việc với đôi tay của mình, nhưng thích làm đồ mộc hơn là vẽ tranh. Hoặc bạn quyết định rằng tiếng Pháp không phải là thứ dành cho bạn, nhưng bạn muốn khám phá các nền văn hóa khác bằng cách làm gia sư cho những người nhập cư tại thư viện, việc này có thể cuối cùng sẽ dẫn đến những thứ khác: bạn mới, một chuyến đi nước ngoài, một sự thay đổi nghề nghiệp trong tương lai. Khi hồi đáp với sự thay đổi sở thích theo thời gian, bạn sẽ không bị kìm hãm, bạn có thể dễ dàng thay đổi cuộc sống và lịch trình của mình để phát triển.

Thay vì đi sâu vào suy nghĩ *tôi có thể trở thành bất cứ điều gì tôi muốn*, cách tiếp cận mà bạn đang thực hiện là *tôi không biết mình có thể trở thành gì*. Bạn không biết điều này có thể đưa bạn đến đâu; bạn không thể biết được vào lúc này. Nhưng những gì bạn biết được về bản thân và những gì khiến bạn phấn khích sẽ không phải là những thứ trừu tượng; nó sẽ là những kiến thức rất cụ thể sinh ra từ kinh nghiệm thực tế. Dần dần, bạn sẽ mở ra những con đường mà bạn không thể tưởng tượng nổi, trong số đó xuất hiện những lựa chọn mà trước giờ bạn chưa từng thấy. Và dần dần, bạn sẽ thật sự trở thành một người khác.

Bạn không thể trù liệu mọi thứ trong cuộc đời mình sẽ diễn ra thế nào. Nhưng bạn có thể nghĩ đến việc tạo ra các điều kiện để mọi thứ có thể di chuyển theo các chiều hướng nhất định: các điều kiện cho phép khả năng phát triển đa dạng. Làm được như vậy, bạn sẽ không chỉ là một người nông dân. Bạn còn là kết quả của công việc đồng áng ấy. Bạn trở thành thành quả lao động của chính mình.

Mệnh và tính bất khả đoán của cuộc đời

Dù bạn có làm gì để cuộc sống của mình luôn cởi mở và thuận lợi, thì mọi thứ không phải lúc nào cũng diễn ra tốt đẹp. Bạn có thể nộp đơn vào một công việc, cố hết sức trong các buổi phỏng vấn nhưng vẫn bị từ chối ở vòng cuối cùng. Bạn có thể dốc hết chân tình vào một mối quan hệ, chỉ để rồi đổ sông đổ bể. Bạn có thể sắp xếp nghỉ việc sáu tháng để đi

du lịch, chỉ để rồi phát hiện ra cha bạn đang bị bệnh nặng và bạn cần hủy chuyến đi của mình để dành thời gian cho cha trong những ngày tháng cuối cùng. Đây là kiểu thế giới mà Mạnh Tử hình dung ra, rất khác với thế giới của những người theo phái Mặc Tử.

Trong thế giới của Mạnh Tử, mệnh (命 - ming) là một khái niệm phổ biến. Mệnh được dịch theo nhiều cách khác nhau như Thiên mệnh (mệnh lệnh của Trời), số mệnh hay định mệnh. Nhưng đối với Mạnh Tử, đó là một thuật ngữ nói đến sự ngẫu nhiên trong cuộc sống: các sự kiện, cả tốt lẫn xấu, đều xảy ra ngoài tầm kiểm soát của chúng ta. Mệnh giải thích rằng những vận may (như cơ hội làm việc) và bi kịch (như cái chết) sẽ xảy ra bất kể chúng ta có kế hoạch hay dự định gì đi nữa.

Chúng ta biết mệnh. Những người tài bị sa thải và không thể tìm được một công việc khác. Người ta yêu quyết định rồi bỏ chúng ta mà chẳng biết vì sao. Những người bạn tốt đột ngột qua đời, để lại những đứa con thơ đau khổ. Đồ đệ yêu quý của Khổng Tử chết thảm khi còn rất trẻ ^{*****}. Mạnh Tử, như bạn cũng nhớ, đã phải trải qua một khủng hoảng cá nhân lớn vào cuối đời, khi vua nước Tề lợi dụng ông. Ông đã cố gắng chấp nhận sự thật là chúng ta không thể kiểm soát các sự kiện ảnh hưởng sâu sắc đến mình. Những kế hoạch tốt nhất, những quyết định được suy tính cẩn trọng nhất cũng không bao giờ có thể đảm bảo sẽ vượt qua được những sự kiện ngẫu nhiên, đôi khi vô cùng bi thảm.

^{*****} *Tác giả đề cập đến Nhan Uyên, người đồ đệ được Khổng Tử coi trọng và kỳ vọng sẽ kế nghiệp mình. Nhan Uyên qua đời khi chỉ mới 32 tuổi.*

Khi chúng ta cho rằng thế giới ổn định, nó sẽ dẫn chúng ta đến một trong hai con đường được thừa nhận về mặt văn hóa: niềm tin, hoặc vào định mệnh, hoặc vào tự do ý chí. Một người tin vào định mệnh có thể nghĩ rằng bất cứ điều gì xảy ra thì có nghĩa là nó phải xảy ra, do định mệnh hay một vị thần nào đó sắp đặt; người đó sẽ cố gắng chấp nhận

những con đường mà vũ trụ đã an bài. Một người tin vào tự do ý chí sẽ nghĩ rằng họ kiểm soát được số mệnh của mình và có thể gặp phiền muộn khi để bản thân vướng phải những bi kịch. Khi đối mặt với thất bại trong sự nghiệp, ly dị hoặc cái chết, họ có thể sụp đổ dưới những cảm giác trách nhiệm, hoặc họ có thể tỏ ra kiên định và tiến lên càng nhanh càng tốt. Tất cả những điều trên đều là những phản ứng thụ động bởi vì họ phủ nhận tính bất khả đoán của cuộc sống.

Nhưng Mạnh Tử đã nói về mệnh như sau:

“Chết cóc từ già, phi chính mệnh dã.”*****

(Chết trong xiềng xích là không đúng mệnh.)

***** *Sách Mạnh Tử, chương 13, bài 2.*

Chết trong xiềng xích kìm kẹp có nghĩa là không phản ứng đúng với những điều xảy đến với chúng ta. Nghĩa là chúng ta để cho những điều xảy ra kiểm soát phản ứng của mình. Cho dù chúng ta để các bi kịch phá hủy bản thân hay chấp nhận những gì đã xảy ra, cả hai phản ứng này đều tương đương với việc đứng dưới một bức tường sắp đổ rồi nói rằng chết vì tường đổ là số mệnh của bạn.

Có một cách phản ứng khác cho phép chúng ta định hình mệnh của bản thân và tạo nên tương lai của chính mình. Như Mạnh Tử đã nói với chúng ta:

“Thị cố, tri mệnh giả, bất lập hồ nham tường chi hạ. Tận kỳ đạo nhi tử giả chính mệnh dã.”*****

(Một người thực sự hiểu mệnh thì không đứng dưới một bức tường sắp đổ. Thực hiện hết đạo của mình mà chết, đó là mệnh chính đáng.)

***** *Sách Mạnh Tử, chương 13, bài 2.*

Sống trong một thế giới thất thường nghĩa là chấp nhận rằng chúng ta không sống trong một vũ trụ ổn định về đạo đức, một vũ trụ mà người ta luôn luôn được tưởng thưởng vì những gì họ làm. Chúng ta không nên

phủ nhận rằng có những bi kịch thực sự luôn có thể xảy ra. Nhưng đồng thời, chúng ta cũng nên luôn luôn sẵn sàng chờ đợi những điều bất ngờ và học được cách xử lý bất cứ điều gì xảy ra với mình. Nếu làm được vậy, thì ngay cả khi bi kịch có xảy ra, chúng ta cũng có thể bắt đầu chấp nhận thế giới là không thể đoán trước và không thể định đoạt một cách hoàn hảo. Và đây chính là chỗ ẩn náu của lời dự báo về một thế giới thất thường: nếu thế giới của chúng ta thực sự liên tục bị phân mảnh và bất khả đoán, nghĩa là chúng ta phải liên tục cải thiện một điều gì đó. Chúng ta có thể đi vào từng tình huống với quyết tâm trở thành con người tốt nhất có thể, không phải vì những gì chúng ta sẽ thu được từ đó, mà chỉ đơn giản là để gây ảnh hưởng khiến những người xung quanh chúng ta trở nên tốt hơn bất kể kết quả có ra sao. Chúng ta có thể tu dưỡng những mặt tốt hơn của mình và đối mặt với thế giới không thể đoán trước này, biến đổi nó trên đường ta qua.

Đó là một tầm nhìn rất khác so với việc đặt ra những câu hỏi to tát như “Tôi là ai?”, “Tôi nên hoạch định đời mình thế nào?”. Thay vào đó, chúng ta cố gắng liên tục thay đổi mọi thứ ở cấp độ nhỏ nhỏ hằng ngày, và nếu thành công, chúng ta sẽ có thể xây dựng những cộng đồng to lớn xung quanh, nơi mọi người sẽ có thể thịnh vượng. Và ngay cả khi đó, chúng ta vẫn tiếp tục cố gắng. Công việc của chúng ta – cải thiện bản thân và người khác để tạo ra một thế giới tốt đẹp hơn – là không bao giờ kết thúc.

Khi đối mặt với số mệnh, chúng ta không nên cảm thấy suy sụp hay chỉ đơn thuần nhìn vào khía cạnh tươi sáng. Sự sùng bái suy nghĩ tích cực khiến chúng ta tin chắc rằng dù có lâm vào hoàn cảnh khó khăn thế nào đi nữa thì rồi tất cả đều sẽ được giải quyết. Nhưng điều nguy hiểm với vị thế đó là nó khiến chúng ta trở nên thụ động. Chúng ta không thể kiểm soát mọi việc xảy ra, nhưng chúng ta có một lựa chọn để hành động: tránh xa bức tường sắp đổ, để phản ứng với mệnh của chúng ta và định hình tương lai của chúng ta theo đó.

Mệnh không chỉ nói đến những bi kịch xảy ra với chúng ta. Nó cũng nói đến những điều tốt đẹp; những cơ hội bất ngờ, những thời cơ không biết trước để làm điều gì đó chúng ta yêu thích, cơ hội gặp gỡ ai đó sẽ thay đổi quỹ đạo cuộc đời ta. Khi bạn bám quá sát một kế hoạch, bạn có nguy cơ bỏ lỡ những điều như vậy. Rồi một buổi sáng nào đó bạn thức dậy và cảm thấy mình đang bị cuốn theo một cuộc sống khá lăm cũng chỉ bằng một phần nhỏ của con người mà bạn từng nghĩ mình phải trở thành vào thời điểm ấy.

Khi chúng ta từ bỏ được suy nghĩ rằng có những hướng dẫn rõ ràng và một thế giới ổn định, thì cái còn lại chính là tâm - trí dẫn đường cho chúng ta. Tâm - trí là tất cả những gì chúng ta có, và chúng ta phát triển nó mỗi ngày thông qua các mối quan hệ với những người mà chúng ta tiếp xúc. Nó giúp ta cảm nhận mọi thứ một cách chính xác, đặt nền tảng để phát triển và hành động với những gì chúng ta có. Khi làm được như vậy, con người mà bạn nghĩ là bản thân mình sẽ bắt đầu thay đổi. Bạn sẽ tìm thấy những phần khác của bản thân mà bạn không biết là có tồn tại. Thế giới mà bạn từng nghĩ là ổn định bắt đầu trông giống như một thế giới vô hạn những khả năng.

VỀ ẢNH HƯỞNG: LÃO TỬ VÀ VIỆC TẠO TÁC CÁC THỂ GIỚI

 /GROUPS/YEUKINDLEVIETNAM

Hãy tưởng tượng bạn đang băng qua một khu rừng. Đó là một chiều hè rực rỡ, mặt trời chiếu xuyên qua đám lá non rung rinh. Phía xa xa, bạn thấy một cây sồi vĩ đại, sừng sững cao vượt lên trên những cây khác. Nó cao đến nỗi bạn gần như không nhìn thấy được phần ngọn. Cách đó vài mét là một cây non nhỏ xíu, mọc dưới bóng râm của cây lớn. Sự chênh lệch đó khiến bạn thấy cây lớn là mạnh mẽ, vững chắc, uy quyền và cây non thì yếu ớt và dễ bị tổn thương.

Nhưng khi một cơn bão ập đến, mặt đất rừng sẽ tràn ngập những cành gãy từ cây lớn. Cây sồi lớn có thể không chịu được gió, mưa và sấm chớp của một cơn bão dữ dội. Cuối cùng, nó đổ nhào xuống đất, nhưng cái cây con kia thì còn nguyên. Tại sao? Cây con ấy đã uốn mình và nghiêng theo chiều gió; nó dẻo dai và mềm mại, và sẽ lại đứng thẳng khi cơn bão tan. Chính điểm yếu của nó là thứ đã cho phép nó phát triển và chiếm ưu thế.

Chúng ta được dạy, và vì thế tin rằng để có uy thế, chúng ta phải mạnh mẽ và quyền lực như cây sồi cao trong rừng kia. Chúng ta phải khẳng định bản thân một cách thuyết phục, thậm chí uốn cong người khác theo ý muốn của mình.

Nhưng có một công thức khác để gây ảnh hưởng tồn tại trong các văn bản triết học Trung Quốc như sách *Lão Tử*, còn được gọi là *Đạo đức kinh*. Nó bắt nguồn từ việc đánh giá cao sức mạnh của sự mềm yếu

(nhu) bề ngoài, hiểu được những cảm bầy của sự khác biệt và nhìn nhận thế giới này là mối tương quan với nhau. Thay vì nghĩ rằng sức mạnh đến từ sự mạnh mẽ vượt trội (cương), chúng ta có thể hiểu rằng sức mạnh đích thực đến từ việc hiểu được những kết nối giữa các sự vật, hoàn cảnh và con người khác nhau. Những điều này xuất phát từ việc hiểu được cái mà Lão Tử gọi là Đạo. Cái cây con trong ví dụ ở trên thẳng thế là vì nó gần với Đạo.

Nhưng một cây con thì rốt cuộc cũng chỉ là một cây con. Nó đong đưa theo gió và lớn lên một cách vô thức. Còn con người chúng ta thì có thể làm nhiều hơn thế. Chúng ta không chỉ có khả năng hiểu được những kết nối mà còn có thể tạo nên những kết nối mới để sinh ra những thực tế và thế giới hoàn toàn mới. Trở thành kiến trúc sư của những thế giới này chính là cách chúng ta trở nên mạnh mẽ.

Lão Tử và Đạo

Lão Tử, nhà tư tưởng Trung Quốc được cho là đã viết sách *Lão Tử*, là một nhân vật bí ẩn. Chúng ta không biết ông sống vào thời gian nào, thậm chí người ta còn tranh cãi về việc Lão Tử có phải là tên của một con người có thật hay không. Lão Tử trong tiếng Trung đơn giản có nghĩa là “vị thầy già”, một từ chung chung có thể dùng để chỉ bất cứ ai. Nhưng trong các thời đại sau này, người ta đã cố gắng xác định tác giả của văn bản đầy sức thuyết phục này. Cuối cùng, ông được mô tả là một nhà hiền triết vĩ đại sống trước cả Khổng Tử; một số câu chuyện hoang đường nhất còn kể rằng ông sống đến ba trăm tuổi, có người thậm chí còn tuyên bố là cuối đời ông đã du hành sang Ấn Độ, nơi mà ông được gọi là Đức Phật. Lão Tử cũng được biết đến như là người sáng lập ra một trường phái tư tưởng, sau đó đã trở thành một phong trào tôn giáo toàn diện, gọi là Đạo giáo. Một truyền thuyết còn mô tả Lão Tử giống như là một vị thần thực sự, một vị thần tạo ra vũ trụ, và những lời mặc khải của ông về sau được tập hợp thành sách *Lão Tử*.

Nhưng Lão Tử không phải là người sáng lập Đạo giáo. Thuật ngữ Đạo giáo mãi vài thế kỷ sau khi sách Lão Tử được viết mới xuất hiện. Lý do khiến người đời sau xem Lão Tử là người sáng lập ra Đạo giáo là vì cuốn sách của ông thường xuyên đề cập về Đạo.

Hầu hết chúng ta, nếu từng nghe nói về Đạo, đều có những khái niệm mơ hồ về nó. Hãy nghĩ về một bức tranh thủy mặc Trung Quốc: cọ và mực khéo léo họa nên hình ảnh những ngọn núi phủ sương mờ ảo với cây cối và thỉnh thoảng có cả con người, quá bé nhỏ nên gần như không thể nhìn thấy – một lãng khách tìm được niềm khuây khỏa trong sự bao la của thế giới tự nhiên. Ở phương Tây, chúng ta có xu hướng diễn giải những bức tranh này là đại diện cho việc con người tìm cách rời bỏ xã hội và tìm kiếm sự hài hòa trong thiên nhiên. Những bức tranh này dường như đang mô tả một thế giới bất biến, nơi con người phải điều chỉnh bản thân để đạt được sự tĩnh tại và thanh bình nội tâm.

Đây là cách mà Đạo thường được nhìn nhận: như một tư tưởng “thoát tục”; sự hoàn hảo tự nhiên tồn tại bên ngoài chúng ta; và cùng với nó, chúng ta cần quay lại với sự hòa hợp. Đối với nhiều người, sách *Lão Tử* dường như là tiếng vọng của “thời đại hoàng kim” thực tế pha lẫn huyền thoại, thời mà cuộc sống trong sạch và đơn giản hơn, con người thì giống như những lãng khách trong bức tranh thủy mặc ấy: đồng điệu với thế giới tự nhiên, có thể hiểu được bản chất của mọi thứ, và gần gũi với Đạo.

Tuy nhiên, cách giải thích này chỉ bắt nguồn từ thế kỷ 19, khi phương Tây tuyên bố rằng mình mới là hiện đại và phương Đông chỉ là cái nền của nó. Cách hiểu này liên quan nhiều đến sự lãng mạn hóa của thời đại chúng ta đối với những gì chúng ta coi là quan niệm truyền thống của Trung Quốc về sự hài hòa và tĩnh tại, hơn là liên quan đến nội dung sách *Lão Tử*.

Sách *Lão Tử* không bảo rằng chúng ta chỉ nên theo một khuôn mẫu hài hòa là phải “thoát tục” ở đâu đó, và rằng chúng ta có thể đạt được

điều đó tốt hơn bằng cách làm một chuyến du hành hay quay trở về những con đường nguyên thủy xa xưa. Nó không nói rằng chúng ta nên cố gắng chấp nhận và tĩnh tại. Nó dạy chúng ta một quan niệm rất khác, rằng Đạo là thứ mà chúng ta có thể chủ động tự tạo ra, ở đây và ngay lúc này. Mỗi chúng ta đều có tiềm năng tác động và gây ảnh hưởng trong việc biến đổi thế giới mà chúng ta đang sống. Chúng ta có thể tái tạo Đạo.

Tái tạo Đạo

Đối với Lão Tử, Đạo là trạng thái nguyên sơ, không mô tả được và không phân biệt được, có trước mọi thứ. Nó là:

“Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh.” *

(Có một vật hỗn độn sinh ra trước cả trời đất.) **

* *Đạo Đức Kinh, thiên Thượng, bài 25.*

** *Những phần dịch Đạo Đức Kinh trong cuốn sách này có tham khảo từ quyển Lão Tử - Đạo Đức Kinh của học giả Nguyễn Hiến Lê.*

Chính là từ đó mà mọi thứ trong vũ trụ sinh ra và đó là nơi mọi thứ trong vũ trụ quay trở lại.

Và nó tồn tại ở nhiều cấp độ. Ở cấp độ trần tục, Đạo gần giống với mặt đất. Hãy nghĩ về một ngọn cỏ mọc lên từ đất. Khi nó lớn lên, nó trở nên khác biệt và dễ nhận ra hơn, rồi càng cao thêm, nó lại càng trở nên xa cách với Đạo hơn. Đây là lý do tại sao một cây non sẽ gần với Đạo hơn là cây sồi trưởng thành. Nhưng khi tất cả những thứ mọc lên từ đất chết đi, chúng sẽ lại quay về đất, hay Đạo:

“Vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan kỳ phục.

Phù vật vân vân, các quy kỳ căn.”***

([Xem] vạn vật sinh trưởng, ta thấy được quy luật phản phục [vạn vật sinh ra từ vô rồi trở về vô].

Vạn vật phồn thịnh đều trở về căn nguyên của chúng [tức Đạo].)

*** *Đạo Đức Kinh, thiên Thượng, bài 16.*

Ở cấp độ mang tính vũ trụ hơn, Đạo gần giống với những gì các nhà vật lý hiện đại sẽ nói là đã tồn tại trước Vụ Nổ Lớn (Big Bang), trước khi các vì sao và các thiên hà xuất hiện, và vũ trụ trở nên khác biệt. Chỉ sau Vụ Nổ Lớn, vũ trụ mới trở thành một hệ các yếu tố khác nhau, được chi phối bởi các quy luật không gian, thời gian và quan hệ nhân quả. Đây là những quy luật xuất hiện tự nhiên với chúng ta, chúng ta không thể thay đổi hoặc kiểm soát. Đây là một vũ trụ mà chúng ta đơn giản là phải sống trong đó. Đến một lúc nào đó, lý thuyết này trình bày tiếp, tất cả những thứ khác nhau này lại trở về với hư vô một lần nữa.

Nhưng ở cấp độ vĩ đại nhất, sách *Lão Tử* tập trung vào nơi mà mọi thứ, ở mọi thời điểm, ra đời trước khi chúng trở nên khác biệt. Tác phẩm này so sánh Đạo với một người mẹ sinh ra “vạn vật” – nghĩa là tất cả mọi thứ trong vũ trụ. Mọi thứ trong vũ trụ ban đầu khi mới chào đời đều mềm mại và dễ uốn nắn. Vạn vật đó, khi mới xuất hiện, cũng hết như trẻ nhỏ. Giống như một cây con hoặc một ngọn cỏ, chúng mềm mại và dễ uốn nắn bởi vì chúng vẫn rất gần với Đạo. Nhưng khi thời gian trôi qua, chúng trở nên cứng nhắc và khác biệt khỏi những thứ khác.

Chúng ta càng thấy thế giới này có tính khác biệt là chúng ta càng rời xa Đạo. Chúng ta càng thấy thế giới này liên kết với nhau, chúng ta càng gần với Đạo. Chúng ta có được sức mạnh nhờ trở nên gần gũi hơn với Đạo, bởi vì chúng ta có thể khai thác sức mạnh của sự mềm dẻo.

Chúng ta không thể tạo ra các quy luật tự nhiên mới cho vũ trụ. Nhưng Đạo không chỉ là về những điều xảy ra ở cấp độ vũ trụ. Ở mức độ trần tục nhất trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, các tình huống mới vẫn liên tục xuất hiện và mỗi người giống như một thế giới thu nhỏ sinh ra từ Đạo. Nếu chúng ta hiểu được quá trình của những thứ sinh ra

từ Đạo, thì thay vì chỉ đơn giản là sống trong tất cả những tình huống và thế giới này, chúng ta có thể có được sức mạnh để thay đổi chúng. Trong những thế giới mang tính xã hội của mình, chúng ta có thể tạo nên những tương tác, hoàn cảnh và hiểu biết mới.

Khi hiểu được cách làm điều đó, chúng ta có thể vượt khỏi vai trò một đứa con; chúng ta có thể trở thành người mẹ. Chúng ta sinh ra những hiện thực mới:

“Thiên hạ hữu thủy, dĩ vi thiên hạ mẫu.

Ký đắc kỳ mẫu, dĩ tri kỳ tử, ký tri kỳ tử, phúc thủ kỳ mẫu, một thân bất đãi.”****

(Vạn vật đều có một nguồn gốc [Đạo], nguồn gốc đó là mẹ của vạn vật. Nắm được mẹ [hiểu được Đạo], là có thể biết được con [vạn vật], biết được con, có thể quay lại giữ được mẹ, thì suốt đời không gặp nguy gì nữa.)

**** *Đạo Đức Kinh, thiên Hạ, bài 52.*

Thay vì chỉ đơn thuần là một trong vạn vật trôi nổi trong vũ trụ này, một khi hiểu được cách thế giới vận hành, chúng ta sẽ thực sự luôn luôn có được sức mạnh để tái tạo Đạo trong từng khoảnh khắc.

Những phân biệt giả trá

Để tái tạo Đạo trong tất cả các tình huống của cuộc sống, chúng ta phải nhận ra rằng cấp bậc những sự phân biệt tràn ngập trong trải nghiệm của chúng ta thực ra là không có thật. Chẳng hạn như, nhiều người quen thuộc với các triết thuyết châu Á hiểu rằng họ đang ủng hộ một kiểu ẩn cư hay sống tách biệt; rằng để đạt được sự giác ngộ huyền bí thì chúng ta cần phải bỏ lại cuộc sống bình thường và lên núi ẩn tu. Chỉ khi thoát khỏi cuộc sống trần tục, chúng ta mới có thể trở thành nhất thể với Đạo khi suy ngẫm về con đường đi đến hạnh phúc nội tâm và hiểu được bản thân. Có thể bạn có một người bạn đã từng tham gia một khóa thiền tịnh ngôn Vipassana mười ngày****. Có thể từ lâu bạn đã muốn thoát khỏi

cuộc sống của mình và làm một chuyến đi bộ dài ngày trên đường mòn Appalachian^{*****}. Có thể bạn mong chờ một chuyến đi dạo dài trên bãi biển hoặc lớp yoga hàng tuần của bạn. Nhưng những ai lên núi tĩnh tâm và thiền định thì, rồi cuối cùng cũng phải trở về với cuộc sống bình thường, bỏ lại phía sau cảm giác thoáng qua về sự kết nối sâu sắc hơn với thế giới.

^{*****} *Một loại thiền của Phật giáo Nguyên thủy, mỗi khóa diễn ra trong mười ngày với nội quy chủ yếu là hoàn toàn giữ im lặng và hành thiền ít nhất tám tiếng mỗi ngày.*

^{*****} *Là con đường nằm trên dãy núi Appalachian của Mỹ, dài hơn 3.500 km.*

Hầu hết chúng ta sống ở những địa hạt khác biệt đến đối lập – làm việc và giải trí, nghề nghiệp và đời sống riêng, huyền bí và thực tế, ngày thường và cuối tuần – đến mức chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi chúng ta thấy cuộc sống của mình bị phân chia. Một chuyến dạo chơi trong rừng cuối tuần cho cảm giác hoàn toàn tách biệt với công việc văn phòng vào sáng thứ Hai. Mặc dù kỳ nghỉ cuối tuần làm chúng ta thấy mình trẻ lại, thậm chí hiệu quả của nó còn kéo dài được một thời gian, nhưng chúng lại tồn tại ở một địa hạt nằm bên ngoài cuộc sống thực tế của những ngày làm việc của chúng ta.

Nhưng bằng việc phân chia cuộc đời và tin rằng những khía cạnh trong đời sống không liên quan đến nhau, chúng ta đã tự hạn chế những gì mình có khả năng làm được. Sách *Lão Tử* nói rằng không chỉ sự giác ngộ huyền bí và cuộc sống hàng ngày của chúng ta có liên quan với nhau, mà khi tách biệt chúng ra như vậy, thì về cơ bản chúng ta đã hiểu sai hết cả hai.

Dù chúng ta nghĩ một chuyến đi dạo trong rừng làm trẻ người ra vào dịp cuối tuần chính là cách tái kết nối với thế giới và với chính mình, nhưng thái độ này lại dẫn chúng ta đến chỗ xa cách hơn với cả hai.

Chúng ta cần nghĩ về cuộc sống thường ngày theo cách khác đi. Đạo không phải là thứ mà chúng ta có thể đạt được khi đi đạo trong rừng vào cuối tuần. Nó là thứ mà chúng ta phải tích cực tạo nên thông qua những mối tương tác hằng ngày.

Chúng ta còn nhiều sự phân biệt nữa trong các địa hạt khác của đời sống. Các tham vọng và mục tiêu thường khiến chúng ta cạnh tranh với những người xung quanh, chia rẽ chúng ta khỏi họ. Hoặc chúng ta có thể có những niềm tin mạnh mẽ về đạo đức; chúng ta chắc chắn là mình tuyệt đối đúng trong những quan điểm về tôn giáo có trật tự hay thử nghiệm được chuẩn hóa, phá thai hay trợ tử là việc chúng ta khó chấp nhận hơn so với những người khác, dựng lên những bức tường không thể vượt qua giữa chúng ta và họ.

Nhắc lại lần nữa, tạo ra những phân biệt dù dưới bất kỳ hình thức nào cũng là đi ngược với Đạo. Như sách *Lão Tử* đã dạy, có những mối nguy trong sự phân biệt, dù những sự phân biệt ấy hiện thân bằng đạo đức và lễ phải:

“Đạo đạo phé, hữu nhân nghĩa. Trí tuệ xuất, hữu đại nguy.”*****

(Đạo lớn bị bỏ rồi mới có nhân và nghĩa. Trí xảo xuất hiện rồi mới có trá nguy.)*****

***** *Đạo Đức Kinh, thiên Thượng, bài 18.*

***** *Ý nói: Đạo lớn thì tự nhiên, vô tâm, coi vạn vật như nhau; nhân nghĩa thì hữu tâm, yêu vạn vật mà có sự suy tính, phân biệt.*

Sách *Lão Tử* kiên quyết trong việc bác bỏ tất cả sự phân biệt đến nỗi ngay cả các giáo lý Khổng giáo kinh điển – nhân, trí – cũng bị coi là thứ nguy hiểm vì cách chúng ngay lập tức gợi lên sự phân biệt trong chừng mực nào đấy. Khát khao đức nhân có nghĩa là thừa nhận ngay khả năng cái đối nghịch của nó cũng đang tồn tại trên thế giới này. Kiểu suy nghĩ

này dẫn chúng ta rời xa Đạo, một trạng thái trong đó mọi thứ đều liên quan với nhau, không có sự phân biệt.

Thậm chí chúng ta có xu hướng đọc sách *Lão Tử* theo một cách phân biệt và tách rời. Cuốn sách này cực kỳ phổ biến, nó là một trong những tác phẩm được dịch nhiều nhất trên thế giới, và người ta gần như lúc nào cũng đọc nó theo nhiều cách khác nhau: như một tác phẩm vĩ đại của triết học thần bí, như một tác phẩm về đường lối chính trị dạy cho chúng ta các bí mật của những nhà lãnh đạo vĩ đại, như một bản tuyên ngôn về nghệ thuật quân sự, hay một hướng dẫn kinh doanh. Mặc dù mỗi cách hiểu này đều chính xác theo một nghĩa nào đó, nhưng tất cả đều bị giới hạn. Nếu bạn đọc văn bản này như là một tác phẩm vĩ đại của triết học huyền bí, bạn sẽ chỉ tập trung vào những đoạn nghe có vẻ huyền bí về Đạo mà bỏ qua những đoạn hướng dẫn trở thành một nhà lãnh đạo hiệu quả. Nếu bạn đọc cuốn sách này như một chỉ dẫn để trở thành một nhà lãnh đạo vĩ đại, bạn sẽ bỏ qua những đoạn như “Cốc thần bất tử” (Thần hang bất tử^{*****}) vì chúng quá khó hiểu và không liên quan gì. Suy cho cùng, chẳng phải trở thành một nhà hiền triết thần bí hoàn toàn không tương hợp với việc trở thành một nhà lãnh đạo vĩ đại sao?

****** Đạo Đức Kinh nói rằng Thần hang tượng trưng cho đạo, thể của nó là hư vô nên gọi là hang, dụng của nó là vô cùng nên gọi là thần, vô sinh hữu, hữu sinh vạn vật, nên gọi là Mẹ nhiệm màu.*

Nhưng đọc sách *Lão Tử* như một cuốn sách hướng dẫn về thuật lãnh đạo hay một tác phẩm thần bí là chỉ nhìn thấy được một phần của toàn cảnh. Một nhà hiền triết thần bí và một nhà lãnh đạo thực ra không phải là hai điều tách biệt. Nhà hiền triết thần bí cũng là một nhà lãnh đạo hiệu quả; nhà lãnh đạo hiệu quả cũng là một nhà hiền triết thần bí. Nếu không đọc các đoạn có vẻ tách biệt này theo kiểu chúng có liên quan với nhau, thì chúng ta đang bỏ lỡ một phần cốt yếu trong lập luận của sách *Lão Tử*:

rằng chúng ta đọc hiệu quả nhất khi chúng ta cố gắng không nhìn cuốn sách này, bản thân chúng ta và thế giới như là những thứ tách biệt và khác nhau.

Chúng ta có thể cố gắng nắm bắt bằng kinh nghiệm ý tưởng về sự kết nối, nhưng chính xác thì làm thế nào để tránh được những phân chia không có thật trong thực tế? Hãy xem xét những ví dụ cực kỳ đời thường mà trong đó, chúng ta đang hành động theo kiểu Lão Tử mà không hề nhận ra.

Hãy tưởng tượng bạn đang làm việc với một cấp trên khó tính, một người đòi hỏi khắt khe và hay thay đổi. Ông ta dường như có những kỳ vọng vô lý về bạn, nhưng lại không đưa ra hướng dẫn rõ ràng hoặc sự phản hồi mà bạn cần. Nhưng nếu bắt đầu cố gắng tìm ra những gì ẩn sau lối cư xử ông ta dành cho bạn, bạn có thể nghĩ ra cách để thay đổi toàn bộ mối quan hệ theo một chiều hướng khác. Chẳng hạn như, ngay cả khi người sếp tỏ ra kiêu ngạo hay hạ thấp bạn, bạn cũng có thể thấy điều đó là do ông ấy cảm thấy bất an. Bằng việc lặng lẽ quan sát bức tranh toàn diện hơn, bạn có thể xét đến khả năng liệu có điều gì đó ở bạn đã gợi lên sự bất an đó hay không: có thể bạn có một kỹ năng khiến ông ấy cảm thấy bị cạnh tranh, hoặc một điểm yếu mà ông ấy cảm thấy có thể khai thác được. Liệu có điều gì bạn đang làm lại vô tình nuôi dưỡng động cơ đó của ông ấy không, và bạn có thể làm gì để thay đổi? Bạn có thể nhận thấy ông ấy đặc biệt hằn học hay tỏ ra khó chịu sau khi bạn thực hiện một bài thuyết trình tuyệt vời – ngay cả khi đó là một trong những nhiệm vụ ông ấy giao cho bạn. Nhưng tất nhiên lùi bước lại để ông ấy không cảm thấy bị đe dọa không phải là câu trả lời. Nếu muốn tiếp tục làm việc tốt mà không bị cuốn vào sự cạnh tranh với ông ấy, trước khi thực hiện bài thuyết trình tiếp theo, bạn có thể thử hỏi xin lời khuyên từ ông ấy về một khía cạnh nhỏ nào đó trong bài, để ông ấy thấy bạn là một người muốn học hỏi vốn kinh nghiệm dày dặn hơn từ ông. Những điều như thế sẽ giúp bạn thay đổi mối quan hệ một cách chậm rãi và thông thả theo

thời gian, khiến người sếp không cảm thấy mình là một ông già có nguy cơ bị một tay cấp dưới sắc sảo và đầy triển vọng hất cẳng, mà như một người cố vấn lão luyện giúp cho một đồng nghiệp phát triển và thành công.

Hoặc giả sử bạn đang trong vai trò cha mẹ và ba đứa con của bạn vừa từ trường trở về trong một ngày tuyết rơi. Hai đứa trong số chúng đang cãi nhau và bầu không khí trong phòng khách nhà bạn cực kỳ căng thẳng. Bạn xen vào cuộc tranh cãi và buộc chúng cư xử đàng hoàng. Bạn có thể đưa ra một kiểu hối lộ nào đó hoặc cố làm chúng phân tâm, hay đơn giản là bắt chúng đi về phòng. Nhưng thay vì phản ứng trực tiếp với cuộc cãi vã – một chiến lược sẽ ngay lập tức tạo ra sự cách biệt trong chừng mực nào đấy và gây ra chia rẽ – bạn có thể giải quyết chuyện này hiệu quả hơn nếu cố gắng tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra giữa hai đứa, rồi thay đổi thái độ trong phòng để xoay chuyển những gì đang xảy ra. Điều này có nghĩa là nhìn qua những cảm xúc hiện tại (nổi quạu và cáu kỉnh) để hiểu những cảm xúc đã gây nên chuyện nằm ẩn bên dưới: có thể con gái bạn làm vậy vì nhớ bạn bè ở trường, hay con trai bạn cảm thấy bị bỏ rơi vì sáng đó bạn đã tỏ ra thờ ơ. Bạn hít một hơi thật sâu rồi dùng thái độ bình tĩnh, giọng nói nhẹ nhàng và ngôn ngữ cơ thể trấn an để tạo ra một bầu không khí khác. Khi bạn đặt mình xuống ngang bằng với các con và thực sự nắm bắt được điều chúng đang cảm thấy, bạn sẽ dễ dàng hiểu mình nên làm gì để gợi lên khía cạnh khác của một đứa trẻ, rồi chính điều đó sẽ thay đổi động cơ của mỗi bất hòa giữa nó với các anh em. Bạn trở nên có khả năng giải quyết toàn bộ bối cảnh đằng sau tình huống ấy.

Hoặc có thể bạn có một đứa con tuổi thiếu niên đang khước từ mọi sự bảo ban của bạn. Bạn tự hỏi làm sao để tác động đến cuộc đời con mình nhiều hơn mà không có vẻ hống hách, bởi vì tỏ ra hống hách sẽ chỉ khiến con xa cách bạn hơn. Nếu con bạn cảm nhận được sự kết nối thay vì sự bất hòa giữa hai người với nhau, nó sẽ đáp lại bạn nhiều hơn. Khi ý

thức được sự cần thiết phải dần dần xây dựng kết nối lâu dài để có thể tạo nên bất kỳ ảnh hưởng nào, bạn sẽ bắt đầu nhận ra mình có thể làm gì: nhắn tin cho con trai thường xuyên hơn; thỉnh thoảng trò chuyện không phán xét về loại nhạc nó say mê; hoặc dành thời gian thường xuyên làm điều mà nó thực sự thích. Như vậy, bạn đang giới thiệu những lễ nghi mới theo ý nghĩa Khổng giáo: những lễ nghi “như thế” làm thay đổi động cơ không lành mạnh này, tạo cơ hội cho bạn và con trai có được một mối quan hệ khác đi. Khi làm như vậy, bạn đang tạo một hiện trạng mới cho các mối tương tác của mình. Những gì bạn đang làm là theo đường lối Lão Tử, mà trong đó không ai nhận ra bạn đã làm gì. Sự đổ vỡ sẽ lại liền một mảnh.

Khi mục đích của bạn là kết nối lại những sự việc, cảm xúc và con người khác hẳn nhau thay vì trực tiếp giải quyết vấn đề công khai, bạn sẽ bắt đầu cảm nhận được cách thay đổi môi trường và mối quan hệ trong cả hiện tại và về lâu dài. Bạn hiểu rõ hơn những gì có thể làm để tạo nên mối quan hệ dễ dàng với vị sếp tính cách thất thường của mình, tạo nên những mối liên kết giữa mấy đứa con hay gây gỗ, hoặc bắt đầu tiếp cận đứa con trai tuổi thiếu niên đang xa cách bạn. Nếu bạn tiếp cận tất cả các tình huống này bằng cách suy nghĩ trước hết về một mưu kế để giải quyết vấn đề trực tiếp, thì bạn sẽ lỡ mất câu trả lời. Hành động của bạn – đối đầu, dỗ ngọt, mua chuộc, la mắng, phỉnh phờ, tỏ ra hống hách hoặc xâm phạm – sẽ tạo ra sự phân biệt giữa bạn và người mà bạn đang đối phó, đưa bạn vào một cuộc đấu tranh giành quyền lực gây chia rẽ sâu sắc.

Tất nhiên, tất cả điều này là lẽ thường. Chúng ta biết rằng việc đối đầu trực tiếp với những người khó tính hiếm khi dẫn đến mối quan hệ tốt đẹp hơn với họ. Chúng ta biết rằng phương pháp dạy con hợp lý là phải bình tĩnh, giúp mọi người bình tĩnh và không để cho sự căng thẳng của bạn làm tăng thêm sự căng thẳng vốn có. Nhưng lý do khiến phương pháp của Lão Tử có hiệu quả không chỉ là vì bạn ít ra mặt công khai hơn

hay vì mọi người đều giữ được bình tĩnh. Nó hiệu quả bởi vì bạn đang tích cực kết nối lại những con người, những sự việc khác biệt theo một cách thức mới. Những kết nối khác biệt mà bạn xây dựng được ấy sẽ tạo ra một môi trường khác hẳn. Bạn đang xoa dịu những khác biệt đã gây chia rẽ bạn với người khác.

Một số yếu tố nhất định sẽ chi phối cách người ta hành động trong một tình huống cụ thể. Hiểu được chúng sẽ đem đến cho bạn một mức độ ảnh hưởng nhất định bằng cách nắm bắt được toàn bộ tình huống, nhưng bạn sẽ có được nhiều sức mạnh hơn nữa nếu là người bắt đầu tạo ra các tình huống mới hoàn toàn. Những người khác sau đó sẽ hành động theo kịch bản bạn đã tạo ra mà không hề hay biết bạn đã tạo ra nó.

Hãy nhớ rằng đối với Lão Tử, mọi thứ đều bắt nguồn từ Đạo. Khi giúp sức tạo nên những kết quả nhất định xung quanh mình, bạn không còn là người chỉ đơn thuần tuân theo Đạo. Khi thiết lập lại thái độ trong một bầu không khí nào đó và điều chỉnh lại các mối quan hệ trong cuộc sống của mình, bạn thực sự trở thành Đạo.

Sức mạnh nằm ở “nhu”

“Nhu nhược thắng cương.”*****

(Mềm thắng cứng, yếu thắng mạnh.)

***** *Đạo Đức Kinh, thiên Thượng, bài 36.*

Khi chúng ta nhất quyết nhìn nhận thế giới là một tập hợp của những thứ phân biệt rõ ràng (căn phòng này, con chó kia, cái cốc của tôi, cuốn sách của bạn, bạn, tôi, họ), thì nghĩa là chúng ta tự khiến bản thân xa rời Đạo. Ngược lại, nếu chúng ta cảm nhận được mọi thứ có mối liên hệ với nhau và nhận ra rằng mọi thứ chúng ta làm sẽ ngay lập tức tác động đến người khác, thì chúng ta sẽ có ảnh hưởng nhiều hơn. Một khi hiểu được mọi thứ kết nối với nhau ra sao và thấy rõ nghịch lý là trong sự mềm yếu (nhu) có nhiều sức mạnh hơn, thì chúng ta sẽ hiểu được cách tạo nên sự ảnh hưởng.

Điều này có thể khiến bạn thấy rối rắm; nhưng rốt cuộc, nền văn hóa của chúng ta vẫn coi trọng sức mạnh và tham vọng. Không có gì ngạc nhiên khi cuối cùng chúng ta vẫn tin rằng ở một mức độ nào đó, cách hiệu quả nhất để “vượt trội” là vượt qua người phía trước. Nếu không có ít nhất một vài sự cạnh tranh thì chúng ta sẽ lo lắng mình bị tụt hậu.

Ở đây, một lần nữa chúng ta có xu hướng rơi vào một sự phân rẽ giả trá: tham vọng đối đầu với thụ động, ý chí và sức mạnh đối đầu với sự yếu đuối. Trên thực tế, mặc dù nhiều người đọc sách *Lão Tử* nghĩ rằng cuốn sách ấy bảo chúng ta nên thoát khỏi mọi tham vọng, thụ động và yếu đuối, nhưng hoàn toàn không phải vậy.

Sách *Lão Tử* rất ủng hộ việc thực hiện thay đổi, nhưng nó đưa ra một cách khác để hoàn thành việc đó. Cách đặc trưng mà chúng ta dùng để biểu lộ tham vọng của mình thường là áp đặt ý chí của chúng ta. Việc này dẫn chúng ta đến chỗ đi quá xa, tập trung vào mục tiêu sai lầm và tạo điều kiện cho sự sụp đổ của chính chúng ta. Quan điểm về tham vọng và cách chúng ta theo đuổi tham vọng thật ra chính là sự hủy hoại của ta.

Khi bạn gây âm ỉ, khi bạn đang cố gắng giành lấy quyền lực bằng cách áp đặt ý chí của mình lên người khác, bạn không hẳn sẽ thất bại. Bạn có thể thành công, thậm chí thành công trong một thời gian dài. Nhưng mức độ thành công của bạn chỉ dựa trên thực lực bên ngoài vượt trội hơn mọi người để họ chịu khuất phục bạn. Nhưng rồi cuối cùng, họ sẽ vô cùng oán hận và sẽ tìm cách phá vỡ quyền lực của bạn. Có lẽ điều quan trọng nhất là chỉ cần một ai đó hiểu được bản chất thực sự của quyền lực là đã đủ để lật đổ bạn. Chỉ cần một Mohandas Gandhi là đủ để kết liễu Đế quốc Anh, vào năm 1947.

Vào năm 1955, Rosa Parks ^{*****}, người phụ nữ bốn mươi hai tuổi sống ở Montgomery, Alabama, vào cuối một ngày dài làm việc tại một cửa hàng bách hóa, đã từ chối nhường ghế trên xe buýt cho một hành khách người da trắng. Parks nhớ lại rằng một quyết tâm bất thần ập tới bao trùm lấy bà “như một tấm chăn ấm vào một đêm mùa đông lạnh

giá”, và bà đã chọn chính thời điểm đó để từ chối rời ghế ngồi của mình. Con người này không chỉ hiểu đúng thời điểm để hành động, bà còn hiểu được một phản ứng thăm lặng hiệu quả hơn một phản ứng gây hấn như thế nào. Chiến lược của bà – ngồi im tại chỗ – đã truyền cảm hứng cho các nhà hoạt động cộng đồng tập trung lại sau bà trong một phong trào đòi quyền bình đẳng.

***** *Rosa Parks (1913 – 2005) là nhà hoạt động nhân quyền người Mỹ gốc Phi, được Quốc hội Mỹ tôn vinh là “mẹ đẻ” của phong trào nhân quyền hiện đại.*

Nhĩ xem ai là người gây ảnh hưởng nhất tại nơi làm việc: Một kẻ bắt nạt luôn cố lấy thịt đè người, cố lấn át người khác, hay một người có khả năng dung hòa cảm xúc của mọi người, dung hòa cách họ tiếp nhận mọi thứ, sử dụng sự hài hước và tiếng cười để kết nối, và là người luôn luôn cảm nhận được bầu không khí của văn phòng. Nhớ lại xem trong số các giáo viên từng dạy bạn ngày xưa, ai là người có ảnh hưởng nhất với lớp – giáo viên thường hay quát tháo và đe dọa học sinh, hay người giáo viên giữ cho lớp học luôn hòa thuận bằng cách sử dụng sự trầm lặng và các chiến lược nhỏ một cách khôn ngoan (như thu hút sự chú ý của một lớp học đang bị phân tâm bằng giọng nói điềm tĩnh, trầm, chậm và nhẹ nhàng)? Tất nhiên, đến cuối cùng chúng ta cũng hiểu ai là người có nhiều ảnh hưởng nhất. Nhưng liệu chúng ta có thường xuyên áp dụng những nguyên tắc này vào hành vi của chính mình hay không?

Quyền lực thật sự không dựa vào sức mạnh và sự thống trị. Sức mạnh và sự thống trị khiến chúng ta không có khả năng liên kết với người khác, cũng như những sự việc xung quanh. Ngay khi chúng ta nhìn thế giới như là một tập hợp các cán cân quyền lực công khai, thì lập tức chúng ta đã phân biệt mình với người khác – dù là thông qua việc thể hiện ý chí, cạnh tranh hay tách biệt – thì chúng ta cũng đã để lạc mất Đạo.

Chúng ta có thể thấy hiệu lực của điều này ở nhiều cấp độ. Giả sử bạn đang bị ai đó cố tình tấn công. Bạn nghĩ rằng mình biết phản ứng đúng: đánh trả hấn mạnh hơn hấn đánh bạn. Nhưng nếu hiểu Đạo một cách đúng đắn, bạn sẽ làm ngược lại. Bạn biết rằng người tấn công bạn chắc chắn đến một lúc nào đó sẽ bị quá sức. Hy vọng tốt nhất của bạn là cố gắng thăm lạng đánh giá về người đó và đoán chính xác thời điểm hấn ta bị quá sức. Đó là thời điểm bạn bắt đầu di chuyển và tấn công, bằng cách khai thác điểm yếu của đối thủ; cái đà từ sự quá sức của hấn sẽ là những gì giúp bạn hạ gục hấn. Khái niệm này là cơ sở của judo và các loại võ thuật khác. Theo cách nói của Lão Tử, bạn đã “lấy nhu chế cương”.

Bất kỳ ai cố gắng thống trị bạn thì cũng đang tạo ra sự cách biệt và đi ngược lại với Đạo. Trái lại, nhu, thuật ngữ mà Lão Tử dùng, lại dựa trên sự kết nối, cảm nhận và sử dụng các yếu tố khác nhau: chính nó mới là cái chứa sức mạnh.

“Tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi, ngô kiến kỳ bất đắc dĩ. Thiên hạ thần khí, bất khả vi dã, bất khả chấp dã. Vi giả bại chi, chấp giả thất chi.”*****

(Muốn trị thiên hạ mà vì mình, làm theo ý mình thì ta biết là không thể được. Thiên hạ là thiêng liêng, không thể làm theo ý mình, không thể cố chấp. Vì mình, làm theo ý mình thì thiên hạ hỏng, cố chấp thì mất thiên hạ.)

***** *Đạo Đức Kinh, thiên Thượng, bài 29.*

Đầu thế kỷ 19, Napoléon của nước Pháp đã xây dựng một đội quân hùng cường nhất từng có trên thế giới và là đế chế mạnh nhất châu Âu kể từ thời La Mã. Đây tham vọng và khao khát quyền lực, vị hoàng đế này quyết định xâm chiếm nước Nga.

Lúc bấy giờ, các tướng lĩnh của Nga chưa từng đọc sách *Lão Tử*, nhưng họ hiểu rõ các nguyên tắc đằng sau quan điểm về sức mạnh

(cương) và sự mềm yếu (nhu). Khi Napoléon sang xâm chiếm đất nước của họ, họ đã không cố chống lại quyền lực bằng quyền lực và sức mạnh bằng sức mạnh. Họ lui quân. Quân Pháp càng tiến sâu, người Nga càng lui quân xa hơn. Quân Pháp hành quân ngày càng sâu vào lãnh thổ Nga. Dần dần các đường tiếp tế từ nước Pháp ngày càng ít ỏi. Quân đội Pháp đã đến được ngoại ô Moscow. Lúc này, các tướng lĩnh Nga lại lui quân một lần nữa, rời bỏ thành phố, đốt cháy các cơ sở quan trọng và mang theo tất cả lương thực. Vào tháng Chín năm 1812, Napoléon chiếm được Moscow và tuyên bố mình là người thống trị Đế quốc Nga – là hoàng đế vĩ đại nhất trong lịch sử loài người. Ông đã gửi cho Sa hoàng Alexander I của Nga một bản điều kiện về việc đầu hàng. Sa hoàng chẳng thương thuyết gì cả.

Rồi mùa đông bắt đầu. Trong thành phố không còn chút lương thực nào và lực lượng tiếp tế lương thực và các nhu yếu phẩm khác không thể vượt qua nổi mùa đông khắc nghiệt của nước Nga. Đội quân vĩ đại nhất từng có ở châu Âu bắt đầu chết đói. Nhận thấy thảm kịch sắp xảy ra trước mắt, Napoléon không còn cách nào khác ngoài rút lui. Thời tiết ngày càng tồi tệ. Khi tàn quân trở về được lãnh thổ Pháp, đội quân nửa triệu người chỉ còn lại vài ngàn. Đó cũng là dấu chấm hết cho đế chế Pháp.

“Bất đạo tào dĩ.”*****

(Không hợp với Đạo thì chết sớm.)

***** *Đạo Đức Kinh , thiên Thượng, bài 30.*

Một thế giới có vẻ tự nhiên

Giả sử bạn đã trải qua một ngày thực sự tồi tệ và đang cảm thấy căng thẳng cực độ. Bạn đã ngủ không thẳng giấc đêm qua vì phải chuẩn bị hai bài thuyết trình và lúc mười giờ đêm thì con gái bạn nhớ ra nó cần vài dụng cụ để làm một bài tập ở trường hôm sau. Sau khi làm việc cả ngày dài thì bạn còn phải họp, còn bây giờ là ba giờ, bạn chưa ăn gì ngoài sô

cô la, và còn một cuộc họp sắp diễn ra mà bạn đã đồng ý từ ba tuần trước, lúc bạn cứ nghĩ mình sẽ có thời gian dành cho nó. Thực tế, bạn còn tự nguyện làm người điều phối cuộc họp ấy nữa. Chỉ cần nghĩ đến thêm một bốn phần nữa, bạn đã muốn phát cáu lên.

Vậy chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo đây? Bạn có thể xông vào cuộc họp, phiền muộn, căng thẳng, tức giận với cuộc sống “nồi áp suất” của mình và chỉ muốn họp mau mau cho xong. Những người tham dự cuộc họp sẽ bắt đầu khiến bạn thêm căng thẳng, tức giận và kiệt sức. Những cảm xúc ấy của bạn cũng sẽ khơi lên sự căng thẳng, giận dữ và kiệt sức trong chính những người đó. Có thể khi bạn bắt đầu đưa ra các đề xuất thì những người khác sẽ phản đối bởi vì lúc này trong phòng là một bầu không khí tranh cãi. Những xung đột nho nhỏ bắt đầu xuất hiện dù chẳng liên quan mấy đến nội dung đề xuất của bạn. Toàn bộ cuộc họp sẽ trở thành một khung cảnh khó chịu của sự đối đầu, và bạn sẽ thấy còn tệ hơn trước.

Tất cả chúng ta hẳn đều có lúc từng ngồi trong các cuộc họp kiểu như thế, nơi những dòng chảy phần nộ cứ âm ỉ và cảm giác tội tệ cuối cùng sẽ phá hoại mọi thứ. Trên thực tế, hầu hết chúng ta hẳn đều có trải nghiệm này trong cuộc sống nói chung. Nó xảy ra khi chúng ta thấy mình tách biệt với những người khác và để cho nỗi bất hạnh của chúng ta ngấm vào trải nghiệm của họ mà thậm chí không hề nhận ra.

Sách *Lão Tử* thật ra nói khá cụ thể về người sẽ có ảnh hưởng lớn nhất trong bất kỳ tình huống nào: đó là những người thực thành triết lý vô vi^{*****}, nghĩa là bề ngoài thì không di chuyển hay hành động gì cả nhưng thật sự lại rất, rất mạnh. Hãy nhớ các tướng lĩnh Nga đã dẫn dụ Napoléon ngày càng dẫn sâu hơn vào cái bẫy của họ như thế nào. Những người thực hành triết lý vô vi có vẻ không hề hành động, nhưng thật ra, họ lại đang thật sự dẫn dắt mọi thứ.

***** *Triết lý vô vi là một trong những triết lý chủ đạo của Lão Tử. Triết lý này được lĩnh hội theo nhiều nghĩa khác nhau tùy vào lĩnh vực, nhà Nho hiểu theo đạo Nho, Pháp gia như Hàn Phi hiểu theo Pháp, Binh pháp gia hiểu theo binh pháp, phái tu tiên hiểu theo đạo trường sinh, Phật gia hiểu theo Phật học. Về cơ bản, vô vi không phải là không làm gì, mà là không làm thái quá, phải thuận tự nhiên mà làm, không can thiệp vào vạn vật, tự nhiên.*

Sau đây là một kịch bản thay thế, một kịch bản khác hòa hợp với Đạo hơn. Quay trở lại cuộc họp mà bạn đã tình nguyện làm người điều phối. Tình huống cũng tương tự, bạn đã có một ngày khó khăn, điên cuồng và cuộc họp này là một nghĩa vụ nữa chồng chất lên hàng đồng nghĩa vụ khác.

Bạn vội chạy đến cửa phòng họp. Nhưng lần này, trước khi bước vào, bạn dừng lại, hít thở sâu và bình tĩnh lại. Bạn lắng mình xuống, giảm mức độ căng thẳng và tức giận, rồi bước vào một nơi mà bạn có thể nhìn mọi thứ mà không phân biệt. Khi bạn làm cho bản thân mình lắng lại, bạn đã đến gần hơn với Đạo.

Chỉ sau khi đã có được cảm giác tĩnh lặng, bạn mới bước vào phòng. Bạn ngay lập tức cảm nhận được căn phòng và tất cả những người ngồi đó với tất cả sự phức tạp của họ. Bạn có thể cảm nhận rằng có một số người đang căng thẳng, một số thì thoải mái và số khác rất hào hứng khi ở đó. Công việc của bạn lúc này là giúp tất cả những người khác nhau ấy có được sự hòa hợp để cuộc họp diễn ra hiệu quả. Không nói một lời, chỉ với một cái liếc mắt, bạn đã lặng lẽ đo lường được những người xung quanh.

Khi ngồi xuống, bạn không gào lên: “Rồi, nghe đây này. Đây là việc chúng ta sẽ làm!”. Không đâu, bạn chỉ đơn giản là im lặng ngồi xuống, lan tỏa sự bình tĩnh.

Tất nhiên, bạn có một nghị trình, một loạt những mục tiêu. Bạn biết bạn muốn mọi chuyện diễn ra thế nào. Nhưng thay vì tuyên bố địa vị của mình một cách công khai và mạnh mẽ, bạn sẽ gợi lên những phản hồi từ nhóm của mình. Bạn nêu vài câu hỏi, đưa ra một vài luận điểm và bằng một chất giọng đầy cảm tình, từ ngữ mà bạn chọn và cách bạn nhìn mọi người, bạn sẽ tạo ra một tâm trạng giúp lái mọi người đi theo con đường bạn muốn. Khi những người tham gia cuộc họp bắt đầu trò chuyện, cái cách bạn phản hồi họ với sự bình tĩnh, đầy thích thú và cởi mở sẽ đem đến những suy nghĩ khác. Mọi người bắt đầu hiểu nhau rõ hơn. Họ bắt đầu thảo luận các ý tưởng với nhau và lên những kế hoạch mà bạn có thể giúp định hình bằng cách khuyến khích hoặc không khuyến khích thông qua giao tiếp phi ngôn ngữ: mỉm cười, cau mày, gật đầu.

Đừng nhầm lẫn, bạn vẫn đang thực hiện trách nhiệm của mình. Nhưng vì cách bạn ngồi và giao tiếp bằng mắt với mọi người, cách bạn thể hiện sự phấn khích với các ý tưởng bằng giọng điệu lôi cuốn, đồng nghiệp của bạn đã không ý thức được bạn đang dẫn dắt chương trình họp ở mức độ nào. Dần dần một sự đồng lòng hình thành khi mọi người kết nối với nhau thông qua một loạt kế hoạch nhất định.

Khi cuộc họp kết thúc, những người tham gia có thể sẽ nghĩ: *Chà, buổi họp này suôn sẻ thật; giống như là nó tự vận hành trơn tru luôn.* Nhưng trên thực tế, chính bạn đã vận hành cuộc họp đó. Bạn thay đổi hoàn toàn tâm trạng trong căn phòng bằng hành động, những hành động thể hiện nguyên tắc không hành động – vô vi của bạn. Một cách nhẹ nhàng và tinh tế, bạn đã tạo ra một thế giới mà trong đó mọi người được kết nối, cảm thấy hào hứng với ý tưởng của họ, cho đến khi những gì xuất hiện vào phút cuối chắc chắn là tốt hơn những gì bất kỳ ai trong số họ có thể nghĩ ra trước đó, và khác với những gì bất kỳ ai trong số họ nghĩ mình sẽ muốn làm khi bước vào căn phòng đó. Bạn dẫn dắt bằng cách nương theo. Và như thế, bạn chính là Đạo.

Khi bạn trở thành một nhà hiền triết, bạn không chỉ cảm nhận rõ mọi người. Mà nhờ sự mềm dẻo của mình trong mọi lần gặp gỡ, dù với gia đình, bạn bè hay đồng nghiệp, bạn sẽ tạo ra một thế giới quanh mình. Bạn có thể thay đổi cách người khác suy nghĩ và cảm nhận bằng thế giới nhỏ bé mà bạn đã tạo ra ấy.

Sự ảnh hưởng đích thực không thể có được bằng sức mạnh hoặc ý chí. Nó phải xuất phát từ việc tạo ra một thế giới cho ta cảm giác tự nhiên đến mức không ai buồn thắc mắc về nó. Đó mới là cách một nhà hiền triết theo thuyết Lão Tử tạo nên tầm ảnh hưởng to lớn.

Những người theo triết lý sống như Lão Tử là những người mang tố chất lãnh đạo

“Vi nhi bất thị, công thành nhi bất cư. Phù duy bất cư, thị dĩ bất khứ.”*****

(Làm mà không cậy khéo, việc thành mà không quan tâm tới. Vì không quan tâm nên sự nghiệp mới còn mãi.)

***** *Đạo Đức Kinh, thiên Thượng, bài 2.*

Sức mạnh bền bỉ của sách *Lão Tử* nằm ở tiềm năng giúp người ta trở nên có sức ảnh hưởng ngày một nhiều hơn bằng sự mềm mại chứ không phải bằng sự cứng rắn; bằng sự kết nối chứ không phải thống trị. Nhưng điều khiến một người có sức ảnh hưởng lớn theo nghĩa của Lão Tử là khả năng tạo ra một thế giới cho cảm giác tự nhiên đến mức chúng ta không thể hình dung là nó đã từng khác, dù nó chỉ mới được tạo ra. Sức mạnh và sự ảnh hưởng, do đó, không đến từ hành động trực tiếp hoặc chiến lược công khai mà từ việc đặt nền tảng để một thực tế rất khác xảy ra. Đây là cách người ta có thể định hình mọi thứ ở quy mô nhỏ và cũng có thể là cách để người ta tác động đến những thay đổi có thể biến đổi toàn bộ thế giới. Hãy cùng lướt qua một vài nhân vật lịch sử để minh họa cho điều này.

Ở nước Mỹ, chúng ta dạy trẻ con rằng đất nước chúng ta cung hiến cho niềm xác tín rằng mọi người sinh ra đều bình đẳng, như trong Tuyên ngôn Độc lập đã khẳng định.

Tuy nhiên, nếu nhìn lại thời kỳ giữa thế kỷ 19, ý tưởng này hầu như không được chấp nhận ở Hoa Kỳ. Văn kiện được coi là tuyên bố khai sinh ra nước Mỹ lúc đó không phải là Tuyên ngôn Độc lập, mà là Hiến pháp Hoa Kỳ, bản Hiến pháp công nhận chế độ nô lệ. Chính trong Diễn văn Gettysburg, Abraham Lincoln mới đưa ra lập luận rằng tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng. Động thái này của Tổng thống Lincoln là để ngầm tuyên bố rằng Tuyên ngôn Độc lập mới là văn kiện khai sinh ra nước Mỹ, và nước chúng ta là một đất nước cung hiến cho niềm xác tín rằng mọi người sinh ra đều bình đẳng.

Khi vị Tổng thống đưa ra lập luận này vào năm 1863, nó đã gây bùng nổ. Báo chí đã hoài nghi: nước Mỹ không cung hiến cho niềm xác tín nào như vậy, Tuyên ngôn Độc lập cũng không phải là văn kiện khai sinh ra nước Mỹ. Tuy nhiên, quan điểm của Lincoln không chỉ giành thắng lợi trong cuộc tranh cãi, mà còn được chấp nhận là tri thức của toàn nước Mỹ. Ngày nay, chúng ta thường tin rằng Tuyên ngôn Độc lập là văn kiện khai sinh Hoa Kỳ và khái niệm tất cả mọi người đều bình đẳng là nguyên tắc nền tảng của đất nước chúng ta ngay từ đầu.

Khái niệm này đã trở thành nền tảng cho nhiều sự phát triển sau này. Ví dụ, một thế kỷ sau bài phát biểu của Lincoln, Martin Luther King Jr. đã lập luận rằng khi nói đến vấn đề chủng tộc, người Mỹ đã không sống theo các giá trị tự xưng của chính họ rằng tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng. Ông có thể đã đưa ra lập luận này chỉ vì khái niệm bình đẳng được thừa nhận là tri thức chung. Và khái niệm này chỉ được thừa nhận sau hành động của Lincoln.

Còn quan điểm về vai trò của chính phủ đối với đời sống người Mỹ thì sao? Chúng ta thường tranh luận rất sôi nổi về việc chính phủ nên tham gia đến mức nào để đảm bảo sự thịnh vượng về kinh tế, nhưng rất

ít người Mỹ cho rằng vai trò của chính phủ nên vượt quá các tham số nhất định.

Giữa cuộc Đại suy thoái, Franklin D. Roosevelt quyết định rằng Hoa Kỳ cần một chính phủ mở rộng hơn để xây dựng lại nền kinh tế và giúp đỡ những người gặp khó khăn. Khi ông đề xuất các cải cách, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ tranh cãi rằng một tầm nhìn như vậy là phá vỡ những gì được cho phép trong Hiến pháp Hoa Kỳ. Tuy nhiên, sau nhiều chiến thuật chính trị, những cải cách của Roosevelt, mà chúng ta gọi là Chính sách Kinh tế mới, đã được thực hiện. Những cải cách đó dẫn đến việc lập nên một chính phủ liên bang mới đồ sộ hơn, để điều tiết nền kinh tế, kiểm soát lĩnh vực tài chính, cung cấp hỗ trợ tài chính cho người cao tuổi dưới hình thức an sinh xã hội, hỗ trợ người nghèo và người khó khăn thông qua hệ thống phúc lợi.

Để có ngân quỹ cho những cải cách này, Tổng thống Roosevelt đã thiết lập một hệ thống thuế có mức lũy tiến hơn bao giờ hết, trong đó mức thuế cao nhất nằm ở bách phân vị thứ 90. Tầm nhìn cấp tiến về nghệ thuật quản lý nhà nước này thành công đến nỗi cuối cùng nó đã trở thành tri thức chung ở Mỹ. Mô hình một nhà nước điều tiết kiểm soát lĩnh vực tài chính, điều tiết thương mại của người Mỹ, ngăn chặn sự độc quyền và duy trì một hệ thống thuế suất lũy tiến cao đã được tiếp nối trong nhiều thập niên. Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa đều ủng hộ nó. Việc cắt giảm thuế đáng kể duy nhất nhiều thập niên sau mới xảy ra, giảm xuống bách phân vị thứ 70, do những người của Đảng Dân chủ, John F. Kennedy và Lyndon B. Johnson, thiết lập.

Nhà nước điều tiết này đã xây dựng các dự án cơ sở hạ tầng công cộng khổng lồ và hệ thống giáo dục rộng lớn, tạo đà cho nước Mỹ tiến vào thời kỳ mở rộng kinh tế lâu dài nhất trong lịch sử. Mô hình này thành công đến nỗi các quốc gia khác xem Hoa Kỳ như là một hình mẫu hướng dẫn cho các hệ thống chính trị và kinh tế của chính họ. Tất cả điều

này đã trở thành tri thức chung về cách điều hành một nhà nước sao cho hiệu quả.

Nhưng chúng ta không còn sống trong một thế giới như vậy nữa. Chúng ta không thể tưởng tượng nổi bất cứ ai ở Mỹ lại phải trả thuế ở tỷ lệ 90%. Chúng ta xem là hiển nhiên rằng chính phủ chỉ nên đóng một vai trò hạn chế trong việc điều tiết nền kinh tế và kiểm soát lĩnh vực tài chính, bởi vì chúng ta tin rằng những động thái này sẽ kìm hãm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Sự thay đổi đó xảy ra khi nào? Trong thập niên 1980.

Năm 1980, Ronald Reagan được bầu làm tổng thống với một tầm nhìn hoàn toàn khác về nước Mỹ, trong đó những cải cách của Chính sách Kinh tế mới được mô tả không phải là giải cứu nền kinh tế Hoa Kỳ mà là trì kéo nó. Reagan và các thành viên cùng Đảng Cộng hòa với ông chủ trương hạn chế sự điều tiết của chính phủ, đặc biệt là trong các lĩnh vực tài chính, giáo dục và cơ sở hạ tầng công cộng, với mức thuế suất thấp hơn để kích thích kinh tế phát triển. Mặc dù quan điểm này đã gây tranh cãi dữ dội khi Reagan đắc cử nhiệm kỳ đầu, nhưng nó đã trở thành tri thức chung vào những năm 1990. Thật vậy, vào những năm 1990 trong nhiệm kỳ tổng thống của Bill Clinton, chính sách này được gọi là Đồng thuận Washington, được chấp nhận hoàn toàn bởi cả Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa.

Một lần nữa, quan điểm mà nay đã được coi là cách thức tự nhiên để điều hành một nền kinh tế này, được xuất khẩu ra phần còn lại của thế giới với tư cách là phương thức thích hợp duy nhất để hiểu hành vi kinh tế và chính trị. Do đó, người ta không thể tưởng tượng nổi có ai lại phải chịu mức thuế lên tới 90%, mặc dù có thời đây từng được coi là những mức thuế hoàn toàn chấp nhận được và thậm chí rất cần thiết để điều hành một nhà nước.

Vậy thì, thế giới mà chúng ta công nhận xuất hiện khi nào? Chính xác thì những thay đổi này xảy ra như thế nào?

Trong ba trường hợp ở đây, Lincoln, Franklin D. Roosevelt và Reagan đã thể hiện hoàn hảo các khía cạnh của triết lý của Lão Tử. Cả ba vị đều có thể biến các lập trường mới mẻ và gây tranh cãi dữ dội thành ra có vẻ hoàn toàn tự nhiên. Theo lời của Lão Tử:

“Đạo thường vô vi nhi vô bất vi, hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự hóa.”*****

(Đạo vĩnh cửu thì không làm gì [vô vi] nhưng không việc gì là không làm [vô bất vi], bậc vua chúa mà giữ được Đạo thì vạn vật sẽ tự biến hóa.)

***** *Đạo Đức Kinh, thiên Thượng, bài 37.*

Abraham Lincoln đã không công khai tranh cãi rằng Tuyên ngôn Độc lập xứng đáng hơn Hiến pháp Hoa Kỳ để làm văn kiện khai sinh đất nước. Ông đã không mở đầu bài phát biểu của mình bằng cách nói rằng dù Hiến pháp mới là văn kiện khai sinh ra nước Mỹ, nhưng hãy để Tuyên ngôn Độc lập thế chỗ. Thay vào đó, ông đã viết nên một trong những bài phát biểu hùng hồn nhất trong lịch sử nước Mỹ. Với câu mở đầu nổi tiếng: “Tám mươi bảy năm trước, ông cha ta đã tạo dựng trên lục địa này một quốc gia mới, được thai nghén trong Tự do, được cung hiến cho niềm xác tín rằng mọi người sinh ra đều bình đẳng”, Lincoln đã viết lại lịch sử, ám chỉ về một quá khứ chưa từng tồn tại. Tuyên ngôn Độc lập chẳng những không phải là văn kiện khai sinh nước Mỹ, mà vị tổng thống này còn diễn giải lại ý “mọi người sinh ra đều bình đẳng” nghĩa là gồm cả nô lệ, mặc dù nhiều người cha lập quốc (cả Thomas Jefferson là người soạn thảo bản Hiến pháp này) tất nhiên đều là các chủ nô, định nghĩa “người” trong câu nói ấy chỉ dành cho người da trắng. Câu nói của Lincoln sai ở cả hai vế. Nhưng bằng cách đặt ra một quan điểm thuyết phục và khó quên như vậy, ông đã gieo mầm cho điều sẽ trở thành tri thức chung. Ngày nay, người ta thuộc lòng toàn bộ bài diễn văn

Gettysburg, nó đã trở thành một phần của thuật hùng biện chuẩn ở Hoa Kỳ nói chung.

Franklin D. Roosevelt đã không tỏ ra mình là một nhà cách mạng cấp tiến, đấu tranh với các thể chế và quan niệm bảo thủ để cứu người Mỹ trong thời điểm cực kỳ khốn đốn. Thay vào đó, ông làm cho bản thân dần được yêu mến bởi những người Mỹ bình thường nhất với hình mẫu một người ông tâm đầu ý hợp, đã giúp họ vượt qua thời kỳ Đại suy thoái khó khăn bằng những gợi ý thiết thực qua “những buổi trò chuyện thân mật với tổng thống” trên đài phát thanh. Do đó, ông đã tạo nên, không phải một viễn tượng mới đánh dấu một bước ngoặt nền tảng trong lịch sử quốc gia, mà là hình ảnh một người lảng giềng hay lo lắng khuyên nhủ để giúp đỡ hàng xóm (Ông còn sử dụng chiến lược này suốt nhiều năm sau đó như là một động thái nhằm lôi kéo một nước Mỹ vốn dứt khoát theo chủ nghĩa biệt lập đối với chiến tranh – sau khi đã cam kết không tham gia vào cuộc xung đột dữ dội ở châu Âu – bằng cách nhẹ nhàng so sánh việc Mỹ cung cấp vũ khí cho đồng minh Anh quốc cũng giống như chúng ta cho ông hàng xóm mượn vôi nước tưới vườn thôi).

Tổng thống Reagan cũng thể hiện mình là một người vui vẻ, hóm hỉnh và tốt bụng, đang cố gắng giúp người Mỹ trở lại thời kỳ tự do cá nhân huy hoàng ngày xưa. Trong sự nghiệp chính trị trước đó, khi còn là thống đốc bang California, ông là một người hay kích động. Tuy nhiên, khi đã là tổng thống, ông đã trưng ra một hình tượng nhẹ nhàng hơn, một người có thể nói về quá khứ và hiện tại của nước Mỹ. Ông đã xây dựng hình ảnh bản thân là một tay cao bồi rặt Mỹ, nhắc đến nghề nghiệp của mình với vai trò diễn viên và là nhà lãnh đạo oai nghiêm. Ông đã kết hợp điều đó với vẻ ngoài của một ông bố vui vẻ, hiểu lý lẽ. Trong một cuộc tranh luận trên truyền hình với Tổng thống Jimmy Carter năm 1980, một cuộc tranh luận đã trở thành bước ngoặt trong chiến dịch tranh cử tổng thống của Reagan, khi phản ứng với luận điểm của Carter, ông không

bác bỏ trực tiếp mà chỉ đơn giản là phất phất tay và cười khúc khích: “Anh lại thế nữa rồi”.

Reagan trở thành tổng thống đầu tiên giơ tay chào quân đội bất cứ khi nào bước ra khỏi chiếc trực thăng dành cho tổng thống. Trong mắt công chúng, động thái này đã trở thành hình ảnh mang tính biểu tượng cho một tổng tư lệnh, mặc dù Hiến pháp yêu cầu tổng thống phải là thường dân, và các quy tắc quân sự quy định rằng một thường dân không bao giờ nên chào quân đội. Nhưng chuyện đó quan trọng gì. Kiểu chào này thể hiện sự tôn trọng của Reagan dành cho quân đội – ngay tại thời điểm đất nước đang tự thấy mình yếu ớt. Về sau, người ta không thể hình dung nổi có một tổng thống Mỹ nào lại không chào như vậy.

Các tổng thống vừa kể đều rút kinh nghiệm từ những tầm nhìn Mỹ trước đó, chẳng hạn như nhà hùng biện vĩ đại gợi lên những khía cạnh tốt đẹp hơn trong con người chúng ta, hay một ông già hàng xóm biết quan tâm như một người ông trong gia đình. Họ ám chỉ những truyền thống, chẳng hạn như Reagan bóng gió về một tay cao bồi đang trên đường tiến về định mệnh vinh quang của chính mình. Họ đan kết tất cả những điều này vào một tầm nhìn mới mẻ mà cuối cùng đã mở ra một thực tại mới.

Thế giới ngày nay chúng ta xem là hiển nhiên không phải là thế giới trước đây đã tồn tại. Cả ba vị tổng thống vừa kể đều là những nhà hiền triết theo thuyết Lão Tử hoàn hảo, họ đã tạo ra một trật tự mới mẻ hoàn toàn mà những người sống trong đó chấp nhận là hoàn toàn tự nhiên.

Cả ba đều là tổng thống, có đủ uy quyền để bắt đầu. Người ta có thể cho rằng chính điều đó đã mang lại một lợi thế gắn liền với thành công của họ. Tuy nhiên, theo quan điểm của một người theo thuyết Lão Tử, khi bạn đã có một địa vị đầy sức mạnh, thì rất dễ bị cám dỗ sa vào việc lấy mạnh hiếp yếu. Nhưng Lincoln, Roosevelt và Reagan đều sử dụng sự mềm mỏng để tạo ra thế giới của họ một cách hiệu quả, giống như cách của Rosa Parks và Gandhi, hay một nhân viên văn phòng có thể sử dụng

để đối phó với một ông sếp khó tính. Bằng cách sử dụng các chiến lược ít công khai hơn, họ đã làm được nhiều điều hơn họ có thể làm nếu trực tiếp thể hiện ý chí của mình. Lập luận của Lão Tử là bạn luôn có thể “thắng cương” bằng cách “dùng nhu”. Nếu bạn đang có một vị thế mạnh mẽ, hãy sử dụng sự mềm mỏng, nếu bạn đang có một vị thế yếu, cũng hãy sử dụng sự mềm mỏng. Hãy sử dụng sự mềm mỏng dù vị trí khởi đầu của bạn có thể nào đi nữa, đó chính là cách để xoay chuyển tình thế đi theo hướng tốt hơn.

Truyền thuyết cho rằng Lão Tử không chỉ là một nhà hiền triết mà còn là một vị thần đã tạo ra Đạo không đến nỗi huyền tưởng như nó có vẻ. Đạo không tồn tại ở dạng một trật tự tự nhiên, không thay đổi mà chúng ta phải tìm ra để sống hòa hợp với nó. Thay vào đó, như Lão Tử đã chỉ cho chúng ta, chúng ta phải tạo ra Đạo bằng cách tích cực đan kết mọi thứ xung quanh mình. Mỗi người trong chúng ta đều có tiềm năng trở thành một Lão Tử, tức là trở thành một nhà hiền triết, và tạo ra thế giới mới.

VỀ SỨC SỐNG: NỘI NGHIỆP* VÀ THẦN HÓA

* Trong chương này, tác giả đề cập đến “Nội Nghiệp” và “Ngũ Hành”, đây vốn là hai chương trong sách *Quản Tử* (管子). Sách *Quản Tử* được đặt theo tên của *Quản Tử*, tức *Quản Trọng*, một chính trị gia, nhà quân sự và nhà tư tưởng Trung Quốc thời Xuân Thu. Về sách *Quản Tử*, không có bằng chứng lịch sử nào cho thấy do chính *Quản Trọng* viết, mà chủ yếu là một tập hợp những tư tưởng của *Quản Trọng* cùng những người theo phái *Pháp Gia* cùng thời. Sách *Quản Tử* có tất cả 86 chương, trong đó có 10 chương đã thất lạc.

Hãy nghĩ về một người đầy năng lượng và lôi cuốn nhất mà bạn biết. Bạn đã bao giờ nghĩ đó là một người “đầy tinh thần” chưa? Bạn đã bao giờ nhận thấy việc ở cạnh cô ấy giúp bạn vực dậy tinh thần như thế nào và làm cho bạn cùng những người xung quanh cô tràn đầy năng lượng ra sao chưa?

Hoặc nhớ xem khi hoàn toàn kiệt sức, bạn đã nói mình “cạn kiệt năng lượng” như thế nào. Giọng bạn uể oải còn tâm trí thì đờ đẫn. Tất cả những gì bạn muốn làm là leo lên giường đánh một giấc.

Chúng ta thường có xu hướng nghĩ rằng một số người sẽ giống như người bạn của bạn, lúc nào cũng đầy tinh thần và năng lượng cực cao. Hay chúng ta cho rằng sau một ngày mệt mỏi thì cạn kiệt năng lượng cũng là chuyện thường, nhưng rồi ngày mai khi thức giấc ta sẽ lấy lại phong độ thôi.

Nhưng chúng ta sẽ sống khác đi như thế nào nếu nghĩ mình có thể trở nên đầy tinh thần bằng cách tự đào luyện bản thân, đồng thời cũng nhận

thức được rằng chính chúng ta chịu trách nhiệm cho việc thiếu năng lượng và mất sức sống của mình? *Nội nghiệp*, một tập hợp những khổ thơ khuyết danh về tự thần hóa từ thế kỷ thứ 4 trước Công nguyên, tập trung vào chính câu hỏi này. Nó đặt ra câu hỏi: Cảm giác giàu sức sống hơn thật ra như thế nào, và phải làm gì để thật sự có được cảm giác đó?

Như một vị thần

Vì Đức Chúa Trời biết rằng chính cái ngày các người ăn trái cây đó thì mắt các người sẽ mở ra, và các người sẽ giống Đức Chúa Trời.

Kinh Thánh, Sáng thế ký 3: 5 (phiên bản King James)

Rất nhiều giả định của chúng ta về sức sống và quyền lực của con người là dựa vào những quan niệm lâu đời về thần thánh. Từ khởi thủy của nhân loại, con người đã noi theo những gì họ cho là thần thánh để học cách sống và trở thành một người có địa vị cao.

Những niềm tin phổ biến nhất về quyền lực được mô phỏng theo các vị thần và các đấng sáng tạo toàn năng, giống như Thiên của phái Mặc gia: một đấng tạo ra thế giới, có quyền năng dời non lấp biển và có chuẩn mực đúng sai rõ ràng.

Khi chúng ta nghĩ rằng hành động nghĩa là đứng lên bảo vệ bản thân hoặc chiếm lấy thứ gì chúng ta muốn, và khi chúng ta nghĩ rằng quyền lực nghĩa là tạo ra, kiểm soát hoặc sở hữu mọi thứ, thì chúng ta đang vô tình đi theo di sản của những quan niệm về thần thánh như trên. Chúng ta thấy mình như đang thể hiện quyền lực của bản thân theo những cách tương tự: chúng ta có thể nhắc một tảng đá, mua một ngôi nhà, giành chiến thắng trong một cuộc đua. Bằng những cách như vậy, chúng ta cũng có thể tạo ra sự thay đổi và thể hiện ý chí của mình; thậm chí chúng ta có thể thay đổi quang cảnh trái đất nếu muốn.

Đây vốn là cách mà lâu nay mọi người vẫn nghĩ về quyền lực. Tuy nhiên, bên cạnh những động cơ ban đầu để con người bắt chước thần thánh thì xu hướng tu dưỡng tính thần thánh bên trong ngày càng tăng.

Các phong trào tôn giáo của Thời đại Trục đã bác bỏ tập tục cũ sử dụng các thầy tế để làm trung gian giữa con người và thần linh như ở Thời đồ Đồng, thay vào đó các phong trào này tuyên bố rằng tất cả con người đều sở hữu một tiềm năng thần thánh. Ở Hy Lạp cổ đại, nhiều nhân vật như Empedocles (một nhà thơ và nhà triết học trước Socrates) và Plato đã tu dưỡng những khía cạnh thần thánh này trong chính bản thân họ. Plato đã nói về trạng thái “xuất thần nhập định” (divine ecstasy), thậm chí Aristotle còn đề cập rằng sự tu dưỡng này có thể đưa đến “trí tuệ thần thánh” (divine understanding) siêu việt hơn con người như thế nào. Các phong trào tương tự cũng đã khởi sinh ở Ấn Độ: *Áo Nghĩa Thư (Upanishad)*, một tập hợp các bài viết tôn giáo, kêu gọi con người giao tiếp trực tiếp với thần thánh bằng các bài tập tu như thở và thiền định.

Vài thế kỷ sau, một số phong trào Kitô giáo sơ khai đã nhấn mạnh khả năng khám phá thiên tính bên trong con người chúng ta. Giáo hội sơ khai gọi những phong trào Ngộ đạo này là dị giáo và khẳng định chia rẽ hoàn toàn Thiên Chúa với nhân loại; rốt cuộc thì, Chúa đuổi Adam và Eva ra khỏi Thiên đàng vì ăn một quả táo mà con quỷ bảo ăn vào sẽ khiến họ trở nên giống Chúa. Lệnh huấn thị này – rằng con người không được cố gắng trở nên giống thần thánh – là vô cùng mạnh mẽ, bởi vì mong muốn trở nên như thần thánh đã tồn tại từ rất lâu trong lịch sử nhân loại.

Nhưng cuộc Cải cách Tin Lành thế kỷ 16 đã làm sống lại khái niệm trong mỗi người đều có một chút thần thánh, rằng người ta được quyền tiếp cận trực tiếp với Thiên Chúa mà không cần vai trò trung gian của một tu sĩ nào cả. Tiềm năng thần thánh của con người càng trở nên quan trọng hơn vào cuối thế kỷ 19 và 20. Nhà triết học người Đức thế kỷ 19, Friedrich Wilhelm Nietzsche, khẳng định rằng: “Chúa đã chết”, và rằng con người có thể dùng địa vị của Chúa để buộc thế giới hiện đại tập trung vào tiềm năng cá nhân và có quyền áp đặt ý chí của mình lên thế giới. Adolf Hitler và Benito Mussolini còn tiến xa hơn một bước, hai

người này tự coi mình là một *Übermensch*, hay “siêu nhân” theo chủ nghĩa Nietzsche, là đáng sáng tạo ra một trật tự thế giới mới.

Ngày nay, hay ngay cả trong một thời đại thế tục hơn nữa, vẫn có sự hồi sinh mối quan tâm đến việc tự thần hóa – dù có thể chúng ta không gọi nó bằng cái tên này – có nguồn gốc sâu xa từ các truyền thống Ngô đạo thuở xưa. Chúng ta thấy mọi người xung quanh cư xử như những vị thần, dù là họ đang tìm kiếm ánh sáng thần thánh (hay con người đích thực) bên trong hay đang hành động như những chủ nhân của vũ trụ. Chúng ta có thể tranh luận xem ai trong số chúng ta nên cố gắng ở chừng mực nào để làm như vậy, và tỏ ra khinh thị những người có vẻ quá khát khao quyền lực hoặc tự yêu bản thân thái quá. Nhưng chúng ta thường không đặt ra vấn đề về cái tôi giả định ẩn bên dưới, rằng chúng ta trở nên thần thánh bằng cách khẳng định bản thân. Hầu hết chúng ta đều liên kết với sức mạnh dâng trào mà mình cảm thấy được khi sống theo cách này với cảm giác về sức sống và sinh khí.

Đây còn không phải là mô hình duy nhất của tính thần thánh, chưa kể đến sức sống. Sách *Nội nghiệp* cũng kêu gọi con người hãy trở nên thần thánh hơn. Nó lập luận rằng con người có thể, và nên thay đổi thế giới bằng cách tu dưỡng bản thân để có được những phẩm chất thần thánh. Nhưng các tác giả của *Nội nghiệp* muốn tránh nhấn mạnh vào ý chí, và vì vậy họ đã không định nghĩa thần linh như những nhân vật nắm quyền kiểm soát thế giới hoặc khẳng định bản thân vượt trội hơn mọi người. Thay vào đó, họ mô tả đó là những con người cực kỳ tinh tế, lời cuốn và hòa hợp, biến đổi thế giới thông qua sự kết nối trọn vẹn của họ với vạn vật.

Đây là một mô hình hành động khác cho con người có thể khiến chúng ta suy nghĩ khác về cách mình nên sống. Khi chúng ta nhận thức lại về hành động và sức mạnh sinh ra từ sự kết nối thay vì thống trị, chúng ta trở nên thần thánh hơn ở một khía cạnh thiết yếu: chúng ta sẽ trở nên tràn trề sinh khí.

Năng lượng của sức sống

Bình thường, chúng ta vẫn làm rất nhiều việc để khiến bản thân cảm thấy nhiều sức sống hơn. Đơn giản nhất là hít một hơi thật sâu. Ngày nay, hít thở sâu được xem là một phương pháp Tây y điều trị lo lắng và căng thẳng, nhưng thật ra nó bắt nguồn từ nhiều truyền thống cổ xưa. *Nội nghiệp* dạy rằng thở sâu tốt hơn thở nhẹ; chúng ta hít vào năng lượng giúp chúng ta xoa dịu bản thân, làm dịu đi những cảm xúc tiêu cực và thả lỏng cơ thể.

Hãy hình dung tác động của việc tiếp nhận loại năng lượng đó thông qua những hơi thở sâu giúp bản thân bình tĩnh mọi lúc mọi nơi, chứ không chỉ vài khoảnh khắc đơn lẻ nào đó trong một lớp yoga hoặc khi thiền định. Chúng ta sẽ không bị cạn kiệt năng lượng nếu thực hành điều này một cách thường xuyên.

Hoặc, một ví dụ khác là tập thể dục. Khi bạn chạy bộ vào sáng thứ Bảy, bạn đang dồn năng lượng; trên thực tế, bạn đang tiếp thêm năng lượng cho chính mình. Chắc chắn rồi, chân bạn nặng như đeo đá, bạn đổ mồ hôi đầm đìa. Nhưng hẳn là bạn cũng cảm thấy ngây ngất – bạn thấy hưng phấn trong trạng thái “runner’s high”*. Thuật ngữ khoa học này nói đến một luồng hóa chất trong não gọi là endorphin, *Nội nghiệp* xem nó là các năng lượng tinh luyện hay thần thánh chảy qua người bạn. Khi bạn có cảm giác tràn đầy năng lượng như vậy, bạn sẽ thấy mọi thứ sống động hơn, bạn cảm nhận mọi thứ một cách nhiệt tình hơn, và những bức tường ngăn cách bạn với thế giới cũng biến mất.

* *“Runner’s high” là trạng thái cực kỳ hưng phấn mà người chạy bộ đường dài có thể đạt được sau quãng chạy dài khoảng hơn 40 km. Trạng thái này được cho là do các chất dẫn thần kinh được tiết ra sau quãng chạy dài.*

Có thể so sánh cảm giác hồ hởi sau khi vận động đó với cảm giác phấn khích khi có sự sáng tạo đột phá trong công việc. Luồng hóa chất

trong não cũng giống như khi bạn chạy, nó là một cơn trào dâng năng lượng hạnh phúc và sinh khí lan khắp cơ thể bạn. Hoặc, có thể nghĩ đến cảm giác hòa hợp lạ thường với những người lạ xung quanh khi bạn đang tham dự một buổi hòa nhạc hay một sự kiện thể thao. Bạn cảm thấy năng lượng của đám đông đang rộn ràng chảy qua người, nó cuốn bạn đi.

Những loại năng lượng này giống hệt nhau, chúng đều là năng lượng làm tăng sinh khí trong bạn. Gương mặt bạn đầy cảm xúc không chỉ vì bạn vừa mới chạy xong mà vì bạn cảm thấy sức sống tràn đầy hơn. Bạn hài lòng không chỉ vì vừa nảy ra một ý tưởng tuyệt vời cho phần thuyết trình ngày mai ở sở làm mà cũng còn vì bạn cảm nhận được sức sống tràn đầy hơn. Một cuộc trò chuyện đầy thấu hiểu với một người bạn không chỉ khiến bạn thấy mình được tương thông hơn; mà nó còn làm cho bạn cảm thấy đầy sức sống hơn. Dù việc bạn đang làm liên quan đến thể chất, tinh thần hay xã hội, thì sự phấn khích và cảm giác hòa hợp với thế giới này cũng đều là những cảm xúc vật lý rất giống nhau. Nội nghiệp cho rằng tất cả mọi thứ chúng ta trải nghiệm đều xuất phát từ những năng lượng gọi là khí (气) và rằng năng lượng thanh tao nhất trong số những năng lượng mang lại cho chúng ta cảm giác hồ hởi, sinh động này là năng lượng của thần thánh.

Nếu chúng ta nhìn thế giới như là một tập hợp khí

Phàm vật chi tinh, thụ tác vi sinh, hạ sinh ngũ cốc, thượng vi liệt tinh. Lưu ô thiên địa chi môn, vị chi quý thân, tàng ô hung trung, vị chi thánh nhân.**

(Tinh linh của vạn vật, đầy chính là sự sống, dưới sinh ra ngũ cốc, trên là trận đồ sao. Trôi nổi giữa công trời và đất, gọi là quý thân, cất giữ trong lòng ngực, gọi là thánh nhân.)

**** Sách Quản Tử, phần Nội Nghiệp, bài số 1.**

Khái niệm năng lượng thần thánh hầu như không có gì lạ trong thời cổ đại. Trên thực tế, nó là quan niệm của toàn bộ lục địa Á – Âu. Ở Ấn

Độ có khái niệm *prana*, hay “hơi thở”; ở Hy Lạp có *pneuma*, hay “hơi thở của sự sống”, “linh hồn”, “tinh thần”. Tất cả đều mô tả cảm nhận về một lực sống vô hình, không thể tả bằng lời chảy lan khắp vũ trụ và chịu trách nhiệm cho chính nguồn gốc của sự sống.

Ngày nay, nhiều người sẽ hoài nghi việc cảm nhận về sinh khí xuất phát từ các năng lượng thần thánh. Nhưng khí là một phép ẩn dụ hữu ích cho những gì nó đảm nhiệm để khiến chúng ta cảm thấy giàu sức sống hơn, chúng ta có thể học hỏi từ nó ngay cả khi không tin là nó có thật. Tất cả những gì chúng ta cần làm là nghĩ về những năng lượng này theo cách thức “như thế”. Hành động và sống như thế chúng ta đang tu dưỡng khí nghĩa là gì? Và nếu chúng ta làm như vậy, chúng ta sống khác đi ra sao? Cuộc sống của chúng ta sẽ như thế nào nếu chúng ta sống như thế khuôn khổ này thực sự tồn tại?

Chúng ta nhìn chung thường có một thế giới quan nhị nguyên: thần thánh đối lập với loài người, vật chất đối lập với năng lượng, tâm trí đối lập với thân thể, chúng ta nghĩ về những điều này như những thứ riêng biệt. Nhưng *Nội nghiệp* lại chứa đựng một thế giới quan nhất nguyên, dạy rằng mỗi một nguyên tố trên thế giới này và trong con người đều tạo thành từ cùng một thứ, đó là khí. Tất cả mọi thứ, dù là trí óc, cơ thể, vật chất hay tinh thần, dù là đất, con người, động vật hay không khí, đều được cấu tạo từ cùng bản chất này.

Nhưng dù khí tồn tại trong mọi thứ thì vẫn có vô vàn cấp độ khí. Đá, bùn, đất và các phần vô tri khác của vũ trụ được tạo thành từ một loại khí thấp kém, chúng ta có thể gọi là “ổ khí”.

Khi khí trở nên tinh tế hơn, nó trở thành “tinh khí”. Điều làm cho tinh khí khác biệt với tất cả những thứ khác là nó chỉ tồn tại trong những thứ có sự sống. Nó là một năng lượng mang lại sự sống được tìm thấy trong thực vật và động vật.

Và cuối cùng, khi khí ở dạng thanh tao và tinh tế nhất, nó sẽ trở thành thần khí. Loại khí này có năng lượng cao đến mức nó thực sự tác

động đến mọi thứ xung quanh. Khí này chính là bản thân tinh thần. Tinh thần vượt trên cả một loại năng lượng mang lại sự sống; nó mang lại cho sinh vật sống ý thức.

Một cái cây có khí mang lại sự sống, hay tính sống, nhưng nó không bao giờ có thể là thần thánh; nó không bao giờ có thể có tinh thần. Nó không bao giờ có thể suy nghĩ và vận hành thế giới. Nó chỉ đơn thuần tồn tại trong thế giới. Thế nhưng, tinh thần là thần khí, hoàn toàn sinh động và đầy khí lực. Chúng hoàn toàn rõ ràng và nhìn thế giới với một ý thức hoàn hảo. Có thể nhìn thế giới một cách trọn vẹn là điều cho phép chúng hành động trong thế giới theo những hướng có tác dụng biến đổi.

Còn chúng ta thì sao? Chúng ta được cấu thành từ loại năng lượng nào?

Con người chúng ta là sự kết hợp giữa ố khí của đất bên dưới và thần khí của trời bên trên. Chúng ta có khí ít tinh tế hơn, bao gồm cả cơ thể của chúng ta, nhưng giống như cây cối, chúng ta sống, vì vậy chúng ta cũng có tinh khí. Và thậm chí chúng ta còn chứa đựng trong mình một chút thần linh. Tuy nhiên, không như cây cối, chúng ta có ý thức và mỗi chúng ta có thể tạo ra một số thay đổi trên thế giới. Chúng ta có thể bắt được thứ gì đó và di chuyển nó trong không gian, như ném một trái banh, hay mở cửa. Chúng ta cũng sở hữu khả năng giống như của thần linh vậy.

Giảm bớt sự phụ thuộc vào những thứ bên ngoài

Thần minh chi cực, chiếu hồ tri vạn vật, trung nghĩa thủ bất thối. Bất dĩ vật loạn quan, bất dĩ quan loạn tâm.***

(Tột bậc của thánh thần, soi sáng hiểu được vạn vật, trong ý nghĩa giữ cho đừng quá mức. Không để vật làm rối loạn giác quan, không để giác quan làm rối loạn tâm trí.)

*** *Sách Quản Tử, phần Nội Nghiệp, bài số 4.*

Năng lượng của đất đá, cây cối và thần linh là bất biến. Con người khác với tất cả những thứ này ở chỗ sự kết hợp lẫn lộn năng lượng liên tục biến đổi này nằm bên trong chúng ta. Theo thời gian, chúng ta có thể trở nên cạn kiệt năng lượng và giống với đất hơn, hoặc chúng ta có thể giữ vững tinh thần và trở nên giống thần linh hơn.

Thật khó có thể luôn giữ vững tinh thần của chúng ta. Thứ điển hình hơn chúng ta thường dành nhiều ngày liền để làm lại là những điều khiến chúng ta cạn kiệt: Chúng ta tức giận vì cãi nhau với em gái về mấy chuyện hậu cần cho một buổi đoàn tụ gia đình. Chúng ta chán nản vì đi lại giao tế mỗi ngày và căng thẳng vì các deadline sắp tới. Chúng ta ghen tị với một người bạn, bực bội với người bạn đời của mình, lo lắng về tương lai. Mỗi khi thấy mình đang bị những cảm xúc tiêu cực hoặc cực đoan chi phối, nghĩa là chúng ta đang cho phép những thứ bên ngoài làm cạn kiệt năng lượng của mình, cho phép những sự kiện này áp đặt quá nhiều sức mạnh lên chúng ta. Mỗi khi làm công việc hằng ngày, lê bước qua các hoạt động mà ngày nào cũng lặp lại, chúng ta lại tự hủy hoại năng lượng của mình. Tinh thần của chúng ta đang bị rút cạn, và chúng ta trút vào bản thân những khí xấu. Điều này khiến chúng ta sống một cách thâm trầm và mất cân bằng đến mức cảm thấy kiệt sức. Chúng ta dần mất sức sống và mất cả sự gắn bó tuyệt đối với sự sống. Nếu tiếp tục sống như thế, tinh thần của chúng ta cũng sẽ suy sụp từ sớm trước khi cuộc sống thể xác của chúng ta kết thúc.

Chúng ta đã đề cập đến những loại hoạt động hằng ngày giúp chúng ta cảm thấy giàu sức sống hơn. Nhưng điều này không có nghĩa là chúng ta nên bắt đầu chạy bộ nhiều hơn bất cứ khi nào có thời gian rảnh hoặc tìm kiếm những người bạn thú vị nhất để giúp chúng ta luôn cảm thấy vui vẻ. Các hoạt động và sự kiện bên ngoài có thể khiến chúng ta cảm thấy ham chơi và hào hứng, chúng cũng có thể kéo chúng ta xuống theo cách tương tự. Mỗi ngày chúng ta đều cảm thấy bị các sự kiện xung quanh vùi dập: Ăn trưa với một người bạn? Chúng ta cảm thấy vui vẻ. Ai

đó làm ta mất mặt ở chỗ làm? Ta thấy chán nản. Chạy bộ trong một buổi sáng thời tiết hoàn hảo? Chúng ta thấy ngất ngây. Bị trật mắt cá chân? Ta đau đớn. Những thái cực cảm xúc này chính xác là những gì mà *Nội nghiệp* nói rằng sẽ khiến chúng ta hao mòn sinh khí, kiệt sức, và cạn kiệt tinh thần.

Tất nhiên, ai cũng biết rằng những sự kiện buồn sẽ gây nên cảm xúc tiêu cực và làm chúng ta kiệt quệ. Nhưng ngay cả những sự kiện thú vị và vui vẻ cũng không tốt cho chúng ta nếu chúng ta phải phụ thuộc vào đó để cảm nhận được luồng năng lượng.

Các sự kiện gây kích hoạt cảm xúc dù thuộc bất kỳ loại nào – khiến chúng ta choáng váng, ghen tức hay điên tiết – thì cũng đều là ngoại thân. Cảm xúc của chúng ta đến và đi theo những thứ xảy ra xung quanh, và bất kỳ cảm giác sống động nào chúng ta có thể trải qua đều không là bất biến. Nhưng những ngoại cảnh này không phải là thứ làm chúng ta nhảy từ hạnh phúc sang buồn bã và ngược lại. Điều nằm trong tầm kiểm soát của chúng ta chính là nuôi dưỡng sự cân bằng và kiên định, hay sự ổn định bên trong. Đó mới là nền tảng để chúng ta không bị tổn thương trước những việc không thể tránh khỏi xảy ra mỗi ngày.

Nuôi dưỡng sự cân bằng và ngăn nắp

Bất hỷ bất nộ, bình chính thiện hung. ****

(Không vui không giận, là cân bằng và ngăn nắp ngự trong lòng ngực.)

**** *Sách Quản Tử, phần Nội Nghiệp, bài 7.*

Nội nghiệp cho rằng thế giới trải nghiệm của chúng ta bao gồm những thứ riêng biệt thường ít tương tác với nhau. Chúng gồm có con người và các mối quan hệ mong manh, không hoàn hảo. Nhưng tác phẩm cổ này cũng mô tả một Đạo ẩn bên dưới, trong đó mọi thứ được kết nối. Càng nhiều thứ rời rạc của thế giới tương tác tốt, cộng hưởng với nhau, thì chúng càng gần hơn với Đạo. Chúng ta đến gần hơn với Đạo và gia

tăng các cảm giác về sự sống khi nuôi dưỡng được khả năng cân bằng. Càng ổn định, chúng ta càng có khả năng điều chỉnh và nắm giữ những khí tốt.

Giống như những tác phẩm chúng ta đã bàn luận từ đầu sách đến giờ, *Nội nghiệp* dễ dàng chuyển từ những ý tưởng lớn lao, siêu việt sang những vấn đề mà chúng ta sẽ coi là trần tục quá mức. Nhưng chính những thứ cụ thể, bình thường ấy lại là phương tiện thiết yếu để điều luyện khí. Vì tất cả các bộ phận của chúng ta, cơ thể và tâm trí, đều được tạo thành từ khí, việc điều luyện cơ thể sẽ giúp điều luyện tâm trí và ngược lại. Tất cả mọi thứ chúng ta làm để điều luyện một trong những phạm vi này sẽ biến đổi toàn bộ con người chúng ta sang một vị thế cân bằng và ổn định hơn.

Đó là lý do tại sao nhiều đoạn trong *Nội nghiệp* khuyến khích chúng ta đặt toàn bộ sự chú ý, theo nghĩa đen, vào cơ thể chúng ta: từ việc phải đứng thẳng, dáng điệu đúng, để khí có thể lưu thông xuyên suốt; thường xuyên tập thở sâu, để hơi thở cân bằng, đi sâu vào ngực chúng ta; ăn uống thường xuyên nhưng điều độ, để giữ cho khí không thay đổi. Chúng ta có thể nghĩ rằng đứng thẳng hay nằm dài trên trường kỷ, không chú ý đến việc hít thở, hoặc có bỏ bữa trưa vài ngày liên tiếp thì cũng chẳng quan trọng gì. Nhưng những gì chúng ta nghĩ về việc điều luyện thể chất sẽ chịu trách nhiệm cho việc nuôi dưỡng sự ổn định cảm xúc.

Đồng thời, chúng ta cũng không nên tập trung quá mức vào riêng vấn đề sức khỏe thể chất, chẳng hạn như cứ bị ám ảnh bởi các món sinh tố rau xanh và chế độ ăn thuần chay làm ảnh hưởng đến việc nhớ phải hít thở sâu một cách thường xuyên. Chúng ta nên chú tâm duy trì tất cả các lĩnh vực này một cách cân bằng. Sự ngăn nắp mà phương pháp này mang lại cho cơ thể vật chất của chúng ta cho phép chúng ta có thể tiếp nhận một dạng khí cao hơn.

Cân bằng các lĩnh vực khác nhau cũng giúp hỗ trợ cảm xúc. Nhiều người đi tìm sự thanh bình bằng cách tạm lánh khỏi thế giới, tránh bị

những kiểu vướng mắc khác nhau gây nên cảm giác khó chịu. Thế là chúng ta nghỉ giải lao, xem phim, đi nghỉ mát hoặc lui về sống ẩn dật. Đó là cách chúng ta cố gắng lấy lại cân bằng. Nhưng chúng ta luôn luôn có thể trải nghiệm sự cân bằng – trong khi vẫn hoàn toàn ở trong thế giới – bằng cách điều chỉnh những ham muốn bốc đồng của mình và thận trọng với những thăng trầm đi kèm với tức giận quá mức hay thậm chí là vui sướng quá mức.

Nhiều người nghĩ rằng hòa hợp là một hành động nhất thời, chẳng hạn như đưa những người đang bất đồng về cách giải quyết một vấn đề đi đến một sự đồng thuận. Nhưng *Ngũ hành*, một trước tác khác về việc tu dưỡng từ thế kỷ 4 trước Công nguyên, đã mở rộng các bài học trong *Nội nghiệp* bằng cách dạy rằng không chỉ chúng ta làm cho các yếu tố riêng rẽ, rời rạc trở nên hài hòa từ bên trong mà còn phải làm điều này liên tục.

Theo *Ngũ hành*, mỗi người trong chúng ta đều có năm đức tính tiềm năng cần được tu dưỡng: nhân, nghĩa, lễ, trí và tín. Mỗi đức tính trong số này giúp chúng ta tinh luyện những khía cạnh tốt hơn của bản thân. Nhưng chúng sẽ trở thành một vấn đề cần phải bàn nếu chúng ta cố gắng phát triển một đức tính theo cách có thể gây hại cho người khác. Đó là khi bạn quá dư thừa đức nhân, khao khát đức lễ quá mức, gắn bó với đức nghĩa và phụ thuộc quá nhiều vào đức trí. Nếu chúng ta luôn gắn kết với người khác bằng cách thể hiện đức nhân, chúng ta sẽ dễ tỏ ra lỗ bịch trong một số tình huống. Nếu chúng ta quá quan tâm đến nghĩa, chúng ta có thể trở nên quá trang trọng và xa cách. Nếu chúng ta tập trung quá nhiều vào việc thu thập tri thức, chúng ta có thể trở nên quá lãnh đạm. Và tập trung quá nhiều vào lễ có thể khiến chúng ta quá thiên về quy tắc và ngăn chúng ta nhìn thấy được toàn cảnh.

Không một đức tính nào là một chuẩn mực tuyệt đối cho con người vươn tới. Thay vào đó, chúng ta phải không ngừng tu dưỡng bản thân để những đức tính này điều chỉnh lẫn nhau. Nếu bạn có xu hướng tập trung

quá nhiều vào việc cư xử sao cho thích đáng với đồng nghiệp, bạn có thể lựa chọn thả lỏng hơn và tỏ ra ấm áp hơn một chút. Nếu bạn thường xuyên nghiên cứu toàn diện các thương vụ mới, bạn có thể kiểm chế xu hướng đó bằng cách tiến hành thương vụ tiếp theo một cách thận trọng mà không cần đọc mọi đánh giá của khách hàng ngoài kia. Chúng ta dành thời gian để luân chuyển các đức tính của mình với nhau và nhận ra mối quan hệ đan cài, thay đổi vô hạn giữa chúng, cũng như cách chúng làm nảy sinh nhiều khuynh hướng cảm xúc. Nghe có vẻ nghịch lý, nhưng chúng ta chỉ có thể đạt được sự bất biến bằng cách liên tục giữ vững các phần luân di động này. Đây là cách để chúng ta có được một vị thế ổn định hơn, không bị dao động về mặt cảm xúc, như vậy tinh thần sẽ lưu chuyển xuyên suốt bên trong chúng ta.

Điều chỉnh phản ứng với thế giới

Ở Trung Quốc cổ đại, một người muốn trở thành người có học thức thì trước hết phải học thuộc lòng một tập thơ có tên là *Kinh Thi*. Nó trở thành một phần sở học của người có giáo dục. Người ta học thuộc các bài thơ để trong bất kỳ tình huống nào – mùa xuân trôi qua, trong một cuộc tranh luận về hành xử, niềm vui khi có tình yêu mới, một người bạn qua đời – họ đều có thể trích dẫn những đoạn thơ mà những người xung quanh, vốn cũng đã thuộc các bài thơ ấy, sẽ hiểu.

Nhưng trọng điểm không phải là chỉ học thuộc các bài thơ và ngâm nga chúng một cách thụ động. Bạn còn phải tích cực rút ra tri thức từ các bài thơ, cách đọc tình huống của đời sống thực tế và tái tạo cả hai theo những cách sáng tạo. Khi học cách đánh giá các tình huống, rồi sau đó trích dẫn một câu thơ từ bối cảnh chung, hay đưa ra một lời ám chỉ phản trực quan, bạn sẽ gợi lên những phản ứng cảm xúc nhất định từ bản thân và người nghe, thay đổi tâm trạng của họ và nhờ đó chuyển đổi tình huống theo một hướng khác. Thơ ca trở thành một phương tiện quan trọng nữa để điều chỉnh phản ứng của ai đó với thế giới, bởi người ta

được rèn luyện để cảm nhận được họ có thể sử dụng thơ ca để tác động đến người nghe tốt hơn như thế nào.

Âm nhạc cũng có tác dụng tương tự. Thông thường, âm nhạc được chơi và biểu diễn (như opera hay nhạc kịch), tái hiện những câu chuyện xúc động từ thời cổ đại. Người ta đã xem những buổi biểu diễn này từ khi còn nhỏ, và vốn âm nhạc ấy đã trở thành một phần trong kết cấu cuộc sống của họ. Ví dụ, nếu họ thấy mình cần phải dũng cảm đương đầu với một người nào đó, họ có thể nhớ đến cảm xúc khi nghe một vở nhạc Vũ^{*****}, một tác phẩm nổi tiếng về một người đàn ông đạo đức dũng cảm chống lại sự chuyên quyền độc đoán của triều đại nhà Thương để trở thành hoàng đế đầu tiên của nhà Chu. Một vở nhạc như vậy truyền tải sự nhạy cảm cho họ; nó trở thành một phần của bản thân họ.

^{*****} Ở đây tác giả không nói rõ đang đề cập đến một khúc hát về Chu Vũ Vương (vị Hoàng đế đầu tiên của nhà Chu) hay đang nói đến Nhạc Vũ, một phần của Vũ Đạo Trung Quốc (nghệ thuật ca múa Trung Hoa cổ đại). Vũ Đạo Trung Quốc vốn được chia thành Vu Vũ, là các bài múa tôn giáo dùng trong cúng bái, và Nhạc Vũ là các bài ca múa phục vụ cho tầng lớp quý tộc và cả bình dân.

Âm nhạc và thơ ca là những phần quan trọng nếu muốn trở thành một người có học bởi vì chúng nuôi dưỡng một độ nhạy bình tĩnh nhất định:

Để không còn tức giận, không gì tốt hơn thơ;

Để lo lắng trôi xa, không gì tốt hơn nhạc.

Chúng giúp nuôi dưỡng khí bằng cách cho phép người ta nhận được từ chúng cảm giác nhạy bén, gắn kết hơn và cộng hưởng hơn với toàn bộ trải nghiệm chung của loài người. Chúng có thể tạo nên sự rõ ràng đến mức bất ngờ và đi đến chỗ thấu hiểu sâu sắc ý nghĩa khi là một con người.

Chúng ta nuôi dưỡng khí của mình theo những cách tương tự khi biết kinh ngạc trước một bức tranh trong viện bảo tàng hay xúc động mạnh khi nghe một bản nhạc hay. Bất cứ điều gì gây sợ hãi cũng giúp điều chỉnh khí bằng cách luyện cho các giác quan phản ứng sâu sắc hơn với thế giới xung quanh. Khi nhận thức rõ hơn về thế giới ở tất cả các chiều kích của nó, chúng ta sẽ cởi mở hơn với tất cả những gì mình có thể cảm nhận thế giới và sẽ có khả năng phản ứng tốt hơn với nó.

Nghe một bản nhạc khiến chúng ta cảm động sẽ giúp tinh luyện trải nghiệm của chúng ta về cảm xúc con người. Chúng ta sẽ được tiếp nhận tất cả những trải nghiệm cuộc sống giúp nhà soạn nhạc làm nên bản nhạc ấy; cảm xúc của nhà soạn nhạc sẽ lưu lại một phần trong chúng ta. Chúng ta học được ý nghĩa của việc cảm nhận những cảm xúc đó mà không bị dao động. Chẳng hạn như, chúng ta có thể nghe các bài hát trong suốt sự nghiệp của Bob Dylan và cảm nhận được vòng cung một cuộc đời, vừa vĩ đại vừa cảm động. Khi phải đối mặt với việc mất đi một người thân thiết, nỗi tuyệt vọng của một người thân, niềm vui khi bước sang một chương mới trong đời, chúng ta có thể có một phản ứng sâu sắc hơn nếu từng lắng nghe những gì âm nhạc nói với chúng ta. Âm nhạc khơi sâu thêm cảm giác kết nối với tính nhân văn chung của chúng ta.

Thơ ca và văn chương có hiệu quả giống nhau, cho phép chúng ta phản ứng với thế giới theo những cách thức phong phú hơn. Với thơ ca, những cảm xúc nhất định sẽ xuất hiện khi chúng ta nghe những từ ngữ được đọc theo một nhịp điệu và trong những bối cảnh nhất định. Với văn chương, chúng ta được đưa qua những lát cắt thời gian rộng lớn hoặc trải nghiệm từ nhiều khía cạnh khác nhau mà chúng ta không bao giờ có thể trải nghiệm trong cuộc sống thực. Kiến thức chúng ta có được giúp chúng ta tiếp cận theo một cách khác để gắn kết với thế giới vì nó cho phép chúng ta bước ra ngoài cuộc sống của chính mình để liên kết và đồng cảm tốt hơn với suối nguồn dào dạt kinh nghiệm của con người.

Điều này giúp điều luyện khí như thế nào? Âm nhạc, thơ ca, hội họa và văn chương bao gồm các yếu tố riêng biệt như từ ngữ, nốt nhạc, âm thanh, nhịp điệu và màu sắc. Càng đắm chìm vào chúng, chúng ta càng hiểu những thứ rời rạc cộng hưởng với nhau như thế nào, giống như khí cộng hưởng với khí. Chúng đại diện cho cách mà khí liên kết không ngừng với mọi dạng thức khí khác quanh nó – để tốt hơn hay tệ hơn.

Với hầu hết chúng ta thì sẽ là tệ hơn. Hầu hết mọi người tương tác với nhau ở mức độ chưa được tinh luyện; khí cấp thấp của chúng ta đâm sầm vào khí của những người khác. Khi sự tức giận hoặc phẫn uất bị kìm nén bên trong, khi chúng trở thành chế độ mặc định ngày qua ngày của chúng ta, chúng sẽ có xu hướng khơi gợi những năng lượng tiêu cực tương tự từ người khác. Những cảm xúc tồi tệ nhất của chúng ta sẽ làm lộ rõ những cảm xúc tồi tệ nhất của người khác, thúc đẩy một chuỗi các sự kiện tiêu cực.

Hãy tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra nếu ai đó làm xước xe của bạn trong bãi đậu xe, và bạn, vốn sẵn căng thẳng vì một buổi sáng đầy sóng gió, đã xỉ vả họ, khiến họ nổi điên vì chính bạn đậu xe quá tệ nên họ mới không thể tránh va vào xe của bạn. Trải nghiệm này sẽ khiến cả hai đều cảm thấy giận dữ. Nhưng nếu bạn không ngừng trau dồi bản thân để điều chỉnh khí của mình, bạn sẽ biến đổi mọi thứ tốt hơn. Bạn sẽ phản ứng với kịch bản ở bãi đậu xe bằng thái độ uyển chuyển và cảm thông, người kia nhiều khả năng sẽ hồi đáp với sự ăn năn hối lỗi và lịch sự, rồi cả hai bạn có thể rời khỏi đó với cảm giác thiện chí thay vì tức giận. Các bạn sẽ là hai con người tách biệt từng va chạm nhẹ với nhau và phản ứng với nhau bằng cách tốt nhất.

Tập trung khí như thể bạn là một bậc thánh thần

“Hóa bất dịch khí, biến bất dịch trí, duy chấp nhất chi quân tử năng vi thủ hô.”*****

(Biến hóa nhưng không thay đổi khí, biến đổi nhưng không thay đổi trí, chỉ có người quân tử mới làm được như vậy.)

***** *Sách Quản Tử, phần Nội Nghiệp, bài số 4.*

Khi bạn không bị ảnh hưởng bởi những thăng trầm xung quanh, khi các giác quan của bạn được điều luyện, và cơ thể bạn thăng thóm và khỏe mạnh, bạn sẽ có được một trái tim điềm tĩnh. Đây là những gì cho phép toàn bộ con người bạn trở thành nơi chứa đựng tính, hay tinh thần:

“Định tâm tại trung, nhĩ mục thông minh, tứ chi kiên cố, khả dĩ vi tính xá.”*****

(Tâm trí ổn định tại thâm tâm, tai mắt tinh nhạy, tứ chi khỏe mạnh, đó mới là nơi tinh linh có thể trú ngụ.)

***** *Sách Quản Tử, phần Nội Nghiệp, bài số 3.*

Khí trở nên quá tinh tế và tập trung trong bạn đến nỗi bạn giống như một tinh thần được tạo nên từ khí của trật tự tối cao; loại khí cho phép một cuộc đời trường thọ và đầy sức sống. Vậy là bạn đã học được cách tập trung khí như thế bạn là một bậc thánh thần.

Nietzsche đã từng viết: “Nếu các giác quan của chúng ta đủ tốt, chúng ta sẽ nhận thấy vách đá đang ngủ say kia giống như là một khối hỗn độn đang nhảy múa”. Chúng ta sẽ nhìn ra cốt lõi của mọi thứ. Mặc dù ông quan niệm thần thánh là một thực thể đơn lẻ có ý chí quyền lực, nhưng tuyên bố vừa nêu lại có dấu vết của cách hiểu rằng thần linh có thể xuất hiện từ một nơi khác. Có một cách khác để sống và tác động đến thế giới: thông qua quan điểm rõ ràng tuyệt đối và sự nối kết của bạn với mọi thứ; với khả năng lôi cuốn hơn là thông qua sự áp chế của bạn.

Người có sức lôi cuốn không được sinh ra với khả năng biến đổi; họ được sinh ra với tiềm năng như vậy. Khi tiềm năng đó được phát huy, người có sức thuyết phục sẽ có khả năng thu hút người khác đến với mình bằng sức mạnh toát ra từ năng lượng của họ. Khi chúng ta ở cùng

với một người tràn đầy năng lượng theo một cách tích cực và thú vị – một người chỉ bằng sự hiện diện của mình đã có thể tạo bầu không khí cho tất cả, người có niềm say mê với cuộc sống – chúng ta sẽ bị họ lôi cuốn. Năng lượng của họ mang tính lây lan. Sự lôi cuốn đó xuất phát từ tinh thần. Họ lôi cuốn bởi vì họ rất sống động và cộng hưởng với những người xung quanh. Khí đã được tinh luyện của họ gợi lên những điều tốt đẹp nhất của người khác và làm bật ra tinh thần của những người đó.

Nhưng trong khi *Nội nghiệp* gần như hoàn toàn nói về tu dưỡng, thì nó không nói về tự tu dưỡng. Một người có sức lôi cuốn sẽ không thể lôi cuốn chỉ vì bản thân họ có một tính cách quyến rũ, độc đáo. Họ không tự tu dưỡng bản thân. Họ đang tu dưỡng năng lượng; họ đang tu dưỡng khí. Họ lôi cuốn và tràn đầy sức sống bởi vì khí được tinh luyện cao độ bên trong họ đồng nhất với khí được tinh luyện cao độ tồn tại xung quanh. Nó có thể cộng hưởng với khí đó đến mức họ có thể thay đổi mọi thứ.

Chúng ta cũng có thể hình thành các mạng lưới kết nối và quan hệ với mọi người xung quanh bằng cách tu dưỡng tinh thần. Mọi người xung quanh có thể bị thu hút về phía chúng ta và được ta vun đắp thêm bởi cách chúng ta truyền năng lượng cho họ. Khi đã được biết đến là kiểu người như vậy, các mối quan hệ và sự kết nối của chúng ta sẽ phát triển. Chúng ta phát triển hơn nữa khả năng hồi đáp tốt nhất với mọi người. Nếu gặp ai đó đang bùng nổ vì ghen tị hay tức giận, hoặc ai đó đang mang gánh nặng của buồn khổ hay lo âu, chúng ta có thể không hồi đáp với những năng lượng đó mà với những khía cạnh khác của người đó, gợi ra những năng lượng lành mạnh hơn của họ. Và khi sức lôi cuốn của chúng ta tăng lên, thì giống như một tinh thần, chúng ta có thể kéo mọi thứ lại với nhau, hòa hợp mọi thứ và thay đổi mọi loại tình huống. *Nội nghiệp* nói rằng sự kết nối đầy năng lượng này với tất cả mọi thứ chính là Đạo.

Đây là một khái niệm khác về lực và sức sống. Các vị thần hoạt động bằng cách cộng hưởng với thế giới, chứ không phải bằng cách áp đặt ý

chí lên nó. Các vị không tác động đến thế giới bằng cách làm những điều mà chúng ta có xu hướng nghĩ là tích cực và mạnh mẽ, mà bằng cách nhìn mọi thứ với sự rõ ràng rành mạch, hành xử một cách hoàn hảo mà không rơi vào những kiểu phản ứng khuôn mẫu, và thông qua những thay đổi nhỏ, họ cộng hưởng với mọi thứ xung quanh. Những quan niệm về năng lượng như vậy mang lại cho chúng ta một cách nghĩ về việc chuyển từ một thế giới với vô vàn những thứ rời rạc sang một thế giới mà trong đó mọi thứ hài hòa hơn bao giờ hết. Càng có nhiều khí cộng hưởng, chúng ta càng có thể làm những gì mà các thần linh có thể làm, ngay cả trong thế giới lộn xộn, tạp nham nơi trần thế.

Khổng Tử và Mạnh Tử xây dựng học thuyết dựa trên cách mà con người có thể sống trọn vẹn nhất có thể. Tác giả của *Nội nghiệp* nói rằng chúng ta có thể thần thánh hóa bản thân và đó chính là cách để sống tốt.

Nhưng bây giờ đến một triết gia khác, Trang Tử, người mà thay vì cố gắng thần thánh hóa loài người, đã kêu gọi họ vượt khỏi cõi người hoàn toàn.

VỀ TÍNH TỰ NHIÊN: TRANG TỬ VÀ MỘT THẾ GIỚI BIẾN ĐỔI

“**T**ích giả Trang Chu mộng vi hồ điệp, hủ hủ nhiên hồ điệp dã, tự dụ thích chí dư. Bất tri Chu dã. Nga nhiên giác, tắc cừ cừ nhiên Chu dã. Bất tri Chu chi mộng vi hồ điệp dư? Hồ điệp chi mộng vi Chu dư? Chu dữ hồ điệp tắc tất hữu phân hĩ. Thử chi vị vật hóa.”*

* *Sách Trang Tử, phần Nội Thiên, chương Tề Vật Luận, bài 15.*

(Có lần Trang Chu nằm mộng thấy mình hóa bướm vui vẻ bay lượn, mà không biết mình là Chu. Rồi bỗng tỉnh dậy, ngạc nhiên thấy mình là Chu. Không biết phải mình là Chu nằm mộng thấy hóa bướm hay là bướm mộng thấy hóa Chu. Trang Chu với bướm tất có chỗ khác nhau. Cái đó là gọi là “vật hóa”.)**

** *Bản dịch của học giả Nguyễn Hiến Lê.*

Trong câu chuyện nổi tiếng về bướm vừa kể, Trang Tử, một triết gia Trung Quốc từ cuối thế kỷ thứ 4 trước Công nguyên, muốn đưa chúng ta thoát ra khỏi cách nhìn thế giới thông thường. Tất cả chúng ta đều đeo những tấm che mắt ngăn trở chúng ta trải nghiệm hoàn toàn và gắn kết với thế giới, Trang Tử cho rằng giới hạn lớn nhất trong số đó là quan điểm nhân sinh hạn chế của chúng ta. Sẽ ra sao nếu bạn không đơn thuần là một con người mà thật ra là một con bướm mơ thấy mình là một con người? Nếu chúng ta có thể vượt qua bản chất loài người của mình và biết rằng nhìn thế giới từ mọi lập trường nghĩa là thế nào thì chúng ta có thể trải nghiệm cuộc sống đầy đủ và thuận tự nhiên hơn.

Chúng ta đã biết cảm giác trải nghiệm thế giới đầy đủ và thuận tự nhiên là thế nào. Nó xảy ra khi chúng ta trải nghiệm “dòng chảy”: trạng thái đắm chìm trong một hoạt động khiến chúng ta lạc lối trong niềm vui với những gì chúng ta đang làm, dù đó là đá bóng, vẽ tranh hay đọc sách. Nhưng chúng ta có xu hướng nghĩ về những khoảnh khắc này trong phạm vi giới hạn, dành riêng cho những hoạt động nhất định. Chúng ta có xu hướng nghĩ về dòng chảy như là một cái gì đó xảy ra trong những thời điểm cụ thể khi các điều kiện phù hợp được sắp xếp đúng vị trí.

Chúng ta có xu hướng không nghĩ đến việc có thể rèn luyện bản thân để có được kiểu cảm giác phấn khích tự sinh giống như vậy về mọi thứ trong đời sống của mình. Nhưng Trang Tử nhìn mọi thứ rất khác. Ông dạy rằng nếu chúng ta học được cách nhìn thế giới từ mọi góc nhìn và hiểu được sự biến đổi của sự vật, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về vạn vật trong vũ trụ. Khi chúng ta bắt đầu thoát ra khỏi cách trải nghiệm thực tế kiểu thông thường, chúng ta sẽ biết được cảm giác thuận tự nhiên trong từng khoảnh khắc của cuộc sống thường ngày là thế nào.

Đạo như dòng chảy bất tận và sự biến đổi

Cũng như Lão Tử, Trang Tử được coi là một triết gia Đạo giáo, và sách *Trang Tử* – một tác phẩm được cho là tập hợp những lời dạy của ông – là một bản văn của Đạo giáo. Nhưng Trang Tử hẳn sẽ chống lại sự dính dáng với bất kỳ một trường phái tư tưởng nào. Lý do duy nhất mà hai tác phẩm và hai nhà tư tưởng rất khác nhau này được gộp vào cùng một loại là vì họ nhấn mạnh về Đạo.

Nhưng với mỗi triết gia, Đạo mang một ý nghĩa khác. Đối với Trang Tử, Đạo không phải là trở nên tĩnh và lặng, hay về việc nhận thức được thế giới hoàn toàn không phân biệt. Bạn không bao giờ có thể trở thành Đạo, giống như bạn không bao giờ có thể trở thành mặt đất, nơi mà từ đó mọi thứ mọc lên. Thay vào đó, đối với Trang Tử, Đạo là về việc bao quát hoàn toàn mọi thứ trong dòng chảy không dứt và sự biến đổi của nó.

Sách Trang Tử nhiều lần nhấn mạnh cách mọi thứ trên thế giới biến thành những thứ khác trong một vũ điệu liên miên không dứt của những chuyển động và các mối quan hệ, dòng chảy và sự thay đổi. Theo thời gian, mọi thứ tự nhiên trở thành một phần của cái gì đó khác. Quá trình thay đổi và chuyển động này lúc nào cũng diễn ra.

Cỏ mọc lên, rồi khi chết, nó phân hủy, khí của nó được chuyển sang cho những thứ khác. Giun và bọ trong cỏ bị chim ăn, đến lượt lũ chim ăn giun bọ này lại bị động vật hoặc những con chim lớn hơn ăn thịt. Những con thú lớn đó rồi cũng chết theo thời gian, chúng phân rã, trở thành một phần của trái đất, và biến thành đất, cỏ và các yếu tố khác. Mọi thứ chậm chậm trở thành những thứ khác trong một chu kỳ thay đổi và biến đổi vô tận.

Cỏ không có dự định trở thành thứ gì khác khi chết đi. Sự biến đổi tự nhiên mà xảy ra. Mùa trong năm cũng không có dự định thay đổi. Sự thay đổi ấy đơn giản là xảy ra thôi.

Chim bay là nhờ vốn trời cho của chúng: đôi cánh. Chúng chao liệng nhờ vào sự thay đổi của gió và địa thế dưới chân chúng. Chúng thuận theo Đạo một cách tự nhiên.

Cá bơi. Chúng cũng được trời phú cho những vốn tự nhiên: mang và vây, đuôi. Chúng dùng những thứ này để di chuyển theo dòng hải lưu. Chúng cũng thuận theo Đạo một cách tự nhiên. Chúng không dừng lại để suy nghĩ xem: *Rồi giờ mình nên rẽ theo hướng này bởi vì dòng hải lưu đang di chuyển theo hướng này, và giờ mình nên di chuyển theo hướng kia, bởi vì mình phải tránh tảng đá đó.* Chúng chỉ việc bơi thôi.

Trang Tử đề cập đến các thuật ngữ âm và dương, hay tối và sáng, mềm và cứng, yếu và mạnh. Ông lập luận rằng Đạo là một quá trình tương tác liên tục giữa hai yếu tố có vẻ đối lập nhưng thực ra lại bổ sung cho nhau này. Chúng phải xoay tròn liên tục để cân bằng cho nhau. Vào

mùa đông thì âm, yếu tố lạnh và tối, chiếm ưu thế. Rồi vạn vật thay đổi sang hè, mùa của dương, của nhiệt và ánh sáng.

Sự tương tác liên tục và không thể tránh khỏi của năng lượng âm và dương không chỉ tạo ra sự thay đổi theo mùa, mà còn đặc trưng cho tất cả các biến đổi mà chúng ta có thể thấy trong toàn vũ trụ.

Những người không thuận theo Đạo

Chỉ có một ngoại lệ, Trang Tử chỉ ra, trong thế giới đầy biến động này; chỉ một thứ trong toàn bộ vũ trụ không thuận một cách tự nhiên theo Đạo. Đó chính là chúng ta: con người. Chỉ riêng chúng ta không thuận một cách tự nhiên theo Đạo. Thực tế, chúng ta đã dành cả cuộc đời để chiến đấu chống lại dòng chảy và sự biến đổi. Chúng ta tuyên bố rằng quan điểm của mình là đúng (và của người khác thì hiển nhiên là sai); chúng ta cố hết sức để vượt qua thành tích của một đối thủ; chúng ta mắc kẹt trong một công việc cùng túng bở vì chúng ta sợ thay đổi. Trong quá trình đó, chúng ta phá vỡ và ngăn cản sự tương tác của âm và dương. Đó là do vốn tự nhiên của chúng ta: tâm trí con người.

Thay vì vậy, chúng ta nên làm gì? Con người thuận một cách tự nhiên theo Đạo thật sự nghĩa là gì?

Chúng ta thường nghe từ thuận tự nhiên, và chúng ta nghĩ mình biết nó có nghĩa là gì. Rốt cuộc thì chúng ta đang sống trong một nền văn hóa tôn sùng sự tự nhiên mà. Chúng ta thấy chán nản một cách dễ hiểu. Chúng ta thấy quá nhiều quy tắc ngặt ngạt. Chúng ta ngưỡng mộ người tự do về tư tưởng, những người dám khác biệt, những thiên tài đơn độc dám bỏ ngang đại học để khởi nghiệp. Chúng ta đánh đồng tính thuận tự nhiên với việc khẳng định bản thân, tăng thêm hạnh phúc và thỏa mãn cá nhân.

Vì vậy, bạn có thể nghĩ: *Được rồi, mình sẽ chỉ thuận theo tự nhiên và làm bất cứ điều gì mình thích*. Bạn có thể dừng công việc đang làm và bay nhảy; bạn có thể bỏ việc, vội vàng gom góp tiền tiết kiệm rồi làm một chuyến du lịch vòng quanh thế giới. Đó có phải là

thuận tự nhiên không? Sự thật là không, đối với Trang Tử là không. Quan điểm về thuận tự nhiên của chúng ta gần như trái ngược với Trang Tử. Tự nhiên đối với ông không phải là làm bất cứ điều gì chúng ta muốn vào bất cứ lúc nào tùy thích.

Những gì chúng ta nghĩ về thuận tự nhiên là tự do thể hiện ý muốn của mình, và không có cách nào chúng ta có thể lúc nào cũng sống theo kiểu đó. Thế nên chúng ta mới lượn lờ khắp nơi, chúng ta mua sắm một cách bốc đồng, chúng ta chọn một sở thích mới. Chúng ta thường để dành tính thuận tự nhiên cho những kỳ nghỉ cuối tuần, còn trong tuần thì cứ sống đều đều như nhau.

Nhưng thuận tự nhiên thật sự đòi hỏi chúng ta phải thay đổi cách nghĩ và hành động trong thế giới này, để mở lòng ra với dòng chảy bất tận và sự biến đổi không ngừng. Nó đòi hỏi chúng ta hình dung ra thứ gọi là thuận tự nhiên nhờ rèn luyện – nghe có vẻ tréo ngoe, nhưng, như chúng ta sẽ biết, thật ra không phải vậy.

Xem xét một trong những truyện ngụ ngôn nổi tiếng nhất của Trang Tử: câu chuyện về một đầu bếp thường dân, một người đồ tể. Ban đầu, cách người đầu bếp này làm việc là cầm con dao lên và chặt đứt miếng thịt trước mặt. Đó chỉ là một công việc tẻ nhạt. Nhưng theo thời gian, càng làm, anh ta hiểu rõ hơn công việc mình làm. Anh ta nhận thấy rằng thay vì chống lại tất cả các cơ và gân khác nhau trong một súc thịt, anh ta có thể tìm ra mọi cách để lách vào các kẽ trong mỗi miếng thịt. Mỗi miếng mỗi khác nhưng tất cả chúng đều có các đường, khớp và quỹ đạo – những chỗ dễ cắt hơn một cách tự nhiên. Với sự thành thực và kỹ năng rèn luyện được, anh ta có thể cảm nhận được những mẫu hình phổ quát này trong bất kỳ miếng thịt nào. Anh ta cắt theo một nhịp điệu hoàn hảo, như thể đang nhảy múa; những miếng thịt rời ra dễ dàng dưới lưỡi dao của anh ta.

Nhưng để làm được điều này, người đầu bếp không thể suy nghĩ quá nhiều hay phân tích công việc kỹ lưỡng, vì mỗi miếng thịt mỗi khác.

Theo Trang Tử, anh ta phải “coi trọng Đạo” thì kỹ nghệ mới tiến được như vậy. Anh ta phải khai thác được những phẩm chất thần thánh của mình, những phẩm chất cho phép chúng ta cộng hưởng hoàn hảo với thế giới bằng cách kết nối với nó. Khi người đầu bếp sử dụng tinh thần thay vì trí óc hữu ý, anh ta mới cảm nhận được Đạo. Và chỉ khi đó anh ta mới có thể cảm nhận được những thay đổi khác nhau trong miếng thịt.

“Một người đồ tể giỏi một năm mới làm cùn một con dao, vì chỉ cắt thịt mà thôi. Một đồ tể tầm thường cứ mỗi tháng là cùn một con dao vì phải chặt vào xương. Con dao này đây, thân dùng đã mười chín năm rồi, đã mổ mấy nghìn con bò mà lưỡi còn bén như mới mài. Khớp xương nào cũng có kẽ, mà lưỡi dao thì mỏng. Biết đưa những lưỡi thật mỏng ấy vào những kẽ ấy thì thấy dễ dàng như đưa vào chỗ không. Vì vậy, dùng mười chín năm rồi mà lưỡi dao của thân vẫn bén như mới mài.”***

**** Sách Trang Tử, phần Nội Thiên, chương Dưỡng Sinh Chủ, bài số 2, bản dịch của học giả Nguyễn Hiến Lê.*

Người đầu bếp ấy đã hiểu được tính thuận tự nhiên nhờ rèn luyện.

Lưu ý rằng anh ta không đạt được tính thuận tự nhiên bằng cách quăng con dao đi rồi nhảy nhót trên đường phố. Anh ta không chỉ cắt thịt vào các ngày trong tuần mà cả cuối tuần. Anh ta đạt được tính thuận tự nhiên nhờ hành động cắt thịt kém cỏi hết lần này đến lần khác cho đến khi có thể thực hiện trôi chảy quá trình. Và anh không thụ động. Anh ta xuôi theo hình mẫu siêu phàm của Đạo, nhưng anh ta cũng tạo ra một điều gì đó mới mẻ mỗi khi cắt một súc thịt. Bằng cách đó, anh tìm thấy sự hài lòng và tự nhiên trong hoạt động đơn giản làm nên cuộc sống hằng ngày của mình.

Vào cuối câu chuyện của Trang Tử, một vị vua quan sát được người đầu bếp thường dân kia làm việc, đã cảm thán: “Lời tên đầu bếp đó thật

hay, nghe rồi ta hiểu được phép dưỡng sinh”.

Chúng ta đã biết làm thế nào để trở nên tự nhiên

Một đầu bếp có kinh nghiệm có thể làm ra những bữa ăn công phu mà không cần công thức nấu nướng, chỉ cần sử dụng kinh nghiệm, sự rèn luyện và cảm giác của mình để biết chính xác cần bao nhiêu muối hay tiêu để mang lại một món ăn tuyệt vời, hoặc chính xác cần ninh món risotto kem bao lâu thì vừa. Đây là thuận tự nhiên nhờ rèn luyện. Một giáo viên kỳ cựu có thể nhận biết được khi nào thì lớp học của anh ta bắt đầu vượt khỏi tầm kiểm soát và nhanh chóng hiểu rằng cần làm gì để khiến cho cả lớp trật tự trở lại. Kinh nghiệm nhiều năm đã rèn luyện cho anh ta khả năng phản ứng một cách tự nhiên đúng cách vào đúng thời điểm.

Chúng ta biết rằng học bất kỳ một kỹ năng phức tạp nào – dù là ngoại ngữ, nhạc cụ, đạp xe hay bơi lội – cũng đều đòi hỏi một giai đoạn ban đầu là rèn luyện một cách chủ tâm và có ý thức. Nếu đã từng học đàn piano, bạn hẳn còn nhớ ban đầu nó khó khăn thế nào, mấy ngón tay của bạn vụng về ra sao trên các phím đàn, bối rối như thế nào khi phải nhớ ngón nào bấm phím nào, khó khăn làm sao để di chuyển các ngón độc lập với nhau trong khi tay bạn thì phải lướt lên lướt xuống phím đàn. Lúc đầu bạn chẳng làm nên trò trống gì và tiếng đàn nghe cũng không hay gì cả. Thực tế, nếu bạn bắt đầu nện lên các phím kiểu “thuận tự nhiên”, thì chắc chắn đó sẽ là một trải nghiệm chẳng mấy dễ chịu cho bất cứ ai đang ở trong phòng lúc ấy.

Nhưng dần dần, theo thời gian, bạn bắt đầu nắm bắt được để kết hợp các nốt với nhau thành những giai điệu nghe có vẻ mạch lạc. Rồi chẳng mấy chốc bạn có thể chơi cùng lúc cả tay trái và tay phải, chơi hợp âm, đệm kiểu rải hợp âm, và chơi được các bản nâng cao hơn. Và đó là lúc niềm vui thực sự bắt đầu. Bạn có thể chơi các bản nhạc trong trí nhớ, thậm chí ngẫu hứng sáng tác những bài mới nữa. Ngồi vào đàn trở thành một hoạt động vui thú vì bạn có được sự phấn khích và sống động thông

qua việc chơi nhạc. Những gì bạn đã làm khi bắt đầu chơi theo cách tự do và thuận tự nhiên này chính là đi theo Đạo.

Hãy nghĩ xem một nghệ sĩ piano đang trình tấu sẽ gắn kết âm nhạc của cô ấy với khán giả như thế nào. Hãy xem niềm vui đến từ việc cảm thụ chính xác cái cách cô ấy chạm vào các phím để tạo ra những thanh âm sẽ cộng hưởng giữa cô ấy, âm nhạc và khán giả. Thông qua khả năng cảm nhận và hồi đáp với thế giới bằng kỹ năng tuyệt vời, nghệ sĩ piano đang đi theo Đạo. Rèn luyện một cách chú tâm là cách cô ấy đạt đến sự tự do đầy vui thú này. Đó cũng là cách rèn luyện giúp chúng ta điều khiển một chiếc xe hơi chạy qua con đường đông đúc xe cộ, đánh quả bóng tennis bay qua lưới hay làm một bài thuyết trình đầy tính thuyết phục cho công việc. Chúng ta chỉ đơn giản là “biết” điều gì ta cảm thấy đúng mà không cần suy nghĩ về nó. Năng lực không cần cố gắng này được chúng ta phát triển trong mọi lĩnh vực của đời sống, từ đời thường đến tinh tế, đó là những ví dụ về tính thuận tự nhiên nhờ rèn luyện.

Điểm quan trọng là nếu khắc ghi những lời dạy của Trang Tử, chúng ta không chỉ trở thành những tay vợt, nhân viên hay đầu bếp giỏi. Chúng ta còn thay đổi luôn toàn bộ cách tiếp cận cuộc sống. Nghệ sĩ piano của chúng ta không chỉ tự rèn luyện để chơi piano; cô ấy còn rèn luyện toàn bộ cách sống của mình ở thế giới này.

Trí tưởng tượng và sáng tạo

Chúng ta thường chỉ nghĩ về việc rèn luyện để trở nên thành thạo đến một hạn định trong các kỹ năng cụ thể mà chúng ta đang tìm cách trau dồi. Làm thế nào dành trọn thời gian để thành thạo piano hay tennis có thể giúp rèn luyện toàn bộ cách sống của bạn trong đời này?

Nó xuất phát từ việc công nhận việc rèn luyện không chỉ dành riêng cho những kỹ năng trong tầm tay, mà rèn luyện còn là để chúng ta phá vỡ những quan điểm hạn hẹp ta thậm chí còn không nhận ra là chúng đã thống trị cuộc sống của mình. Khi làm như vậy, chúng ta cũng đạt được một thứ khác: đi đến một trạng thái thúc đẩy trí tưởng tượng và sáng tạo

thực sự. Dù chúng ta có thể không nghĩ đến việc trở nên điêu luyện trong một lĩnh vực nào đó là có liên quan đến những điều này, nhưng đối với Trang Tử, trí tưởng tượng và sáng tạo bắt nguồn trực tiếp từ trạng thái liên tục trôi [theo Đạo] một cách tự nhiên.

Chúng ta thường nghĩ về sự sáng tạo như thể nó phát ra từ một nguồn duy nhất, một Đấng Tạo hóa vĩ đại. Nhưng Trang Tử hẳn sẽ thấy một khái niệm như vậy là cực kỳ hạn chế. Thay vào đó, ông sẽ nói rằng chúng ta nên nghĩ về sự sáng tạo như thể nó xuất hiện khi chúng ta vượt qua khỏi những giới hạn của một “bản ngã” vĩ đại đơn nhất và tự mở lòng ra cho vũ trụ lớn hơn. Ông muốn chúng ta nhớ rằng mỗi bộ óc sáng tạo mà chúng ta tôn sùng – Shakespeare, Picasso, Steve Jobs – đều có được nguồn cảm hứng nhờ mở lòng ra với thế giới, với các nữ thần thi ca và với sự tò mò vô biên về tất cả những gì tồn tại. Họ đã mở lòng ra với cả một dòng sông sáng tạo, với cái mà Trang Tử gọi là Đạo.

Tính thuận tự nhiên nhờ rèn luyện có nghĩa là giải phóng cái tôi của một tâm trí có ý thức bằng sự xác định việc bị giới hạn vào một bản ngã đơn nhất. Tâm trí của chúng ta cản trở chúng ta, khiến chúng ta phải chiến đấu chống lại chúng hơn là xuôi theo Đạo. Tuy nhiên, trong nhiều thời điểm trong đời, chúng ta hẳn đã trải nghiệm cảm giác đi theo Đạo là thế nào. Hãy nghĩ về một cuộc gặp gỡ với những người bạn thân, chúng ta có thể ăn uống và trò chuyện trôi chảy dễ dàng và vui vẻ đến thế nào khi mọi người càng lúc càng trở nên đồng điệu với nhau hơn trong suốt buổi tối. Bạn không cần phải thầm nghĩ: “Giờ mình nên pha trò chút; rồi trong năm phút nữa, mình nghĩ mình sẽ kể mọi người nghe câu chuyện về kỳ nghỉ vừa rồi của mình”. Cuộc trò chuyện đơn giản tự nó diễn ra trôi.

Hoặc hãy nghĩ về một trận bóng rổ của khu phố bạn. Bạn không sử dụng đầu óc đầy ý thức để tính toán chính xác những gì cần làm, đưa ra chiến lược phải xoay 45 độ theo hướng này hay bây giờ thì phải đứng cách lưới đúng ba bước. Thay vào đó, bạn liên tục trôi theo một ý thức ngày càng cao hơn về việc bạn nhận thức được toàn bộ không gian,

những người chơi khác và tất cả những gì bạn phải làm trong suốt trận đấu. Cảm nhận về bức tranh toàn cảnh này chính là nguồn gốc năng lực của bạn.

Ngay cả việc đọc sách *Trang Tử* cũng cho phép chúng ta bước vào một thế giới đóng vai “như thế” mở rộng, giúp chúng ta mở lòng ra với trí tưởng tượng. Dòng chảy và sự biến đổi được thể hiện bằng những câu chuyện hoang đường và hoàn toàn không chắc chắn từ đầu tới cuối quyển sách. Chúng ta nghe kể về những sinh vật hư cấu; chúng ta đọc những câu chuyện, như câu chuyện hóa bướm, ngụ ý kể cho chúng ta rằng thế giới này trông như thế nào qua đôi mắt của một con côn trùng. Chúng ta còn gặp trong đó những câu chuyện lịch sử, như chuyện về Khổng Tử, nói những điều rõ ràng không phải thuộc về Khổng giáo. Có rất nhiều cú ngoặt bất ngờ, những cách chơi chữ và những bài thơ không theo một quy luật logic hay kiến thức nào cả. Sách *Trang Tử* được soạn ra nhằm giữ sạch quan điểm của chúng ta, khiến chúng ta phải suy nghĩ khác về một thực tại ngay từ khoảnh khắc đầu tiên bắt gặp nó.

Tất nhiên, chúng ta là con người; theo nghĩa đen, chúng ta không thể hóa thành một con bướm và chẳng ai nghĩ mình sẽ hóa thành bướm. Nhưng bằng cách đưa ra câu chuyện này, Trang Tử đã gợi lên một câu hỏi đóng vai “như thế”: Sẽ thế nào nếu tôi nhìn thế giới như thể tôi là một con bướm đang mơ thấy mình là một con người? Vào đúng lúc đó, thực tế ngừng lại và chúng ta bước vào một vũ trụ thay thế, nơi chúng ta mở rộng năng lực tưởng tượng ra tất cả các kiểu khả năng “như thế” theo nghĩa rộng nhất. Toàn bộ vũ trụ mở ra cho chúng ta; một thế giới mà trong đó mọi thứ đang trôi chảy theo mọi thứ khác.

Không có gì trong số đó tuân theo tập tục thông thường. Trang Tử không nói chúng ta nên làm gì sau khi có được điểm nhìn khác biệt này; những gì xuất phát từ điểm nhìn đó là tùy thuộc vào chúng ta. Mấu chốt là phá vỡ được quan điểm cũ.

Trí tưởng tượng và sự sáng tạo thực sự không bắt nguồn từ tư duy vượt ra ngoài giới hạn hay cho phép bản thân buông thả, giống như tính thuận tự nhiên thực sự không bắt nguồn từ vui vẻ xả láng cuối tuần trong khi bạn vẫn phải tiếp tục duy trì một công việc tẻ nhạt. Chúng không xuất phát từ những khoảnh khắc đột phá lớn nổ ra giữa một cuộc sống tẻ nhạt và tầm thường. Chúng chính là một phần trong cách chúng ta sống mỗi ngày; từng khoảnh khắc đều có thể mang tính sáng tạo và tự nhiên khi chúng ta biết trải nghiệm toàn bộ thế giới như là một nơi cởi mở và chan hòa. Mà điều đó chỉ có được bằng cách không ngừng trau dồi khả năng tưởng tượng vượt ra khỏi trải nghiệm của chính chúng ta.

Tu dưỡng tính cởi mở

Khi đến thăm một bảo tàng, chúng ta biết rằng nếu muốn trải nghiệm phong phú hơn, chúng ta có thể thuê một hướng dẫn viên, hoặc người nào có thể giúp chúng ta trải nghiệm mọi thứ qua đôi mắt chuyên gia của họ. Người đó có thể chỉ ra các mô-típ lặp lại hoặc quy tắc sử dụng màu sắc nhất định của một nghệ sĩ, những điều mà chúng ta sẽ không để ý đến. Chúng ta biết rằng nếu muốn, chúng ta có thể trau dồi độ thông thạo về bia thủ công, hoặc bóng đá chuyên nghiệp, hay nhiếp ảnh kỹ thuật số – bất kỳ sở thích nào nâng cao giá trị của chúng ta và đưa sự gắn bó của chúng ta với tất cả những thứ này lên một tầm cao mới. Những lăng kính học thức của chúng ta có thể thêm vào thế giới của chúng ta những lớp lang mới. Chúng ta có thể bước vào một tiệm bán rượu, rồi “nhìn thấy” và hiểu những điều mà trước đây chúng ta không thể; biết được sự khác biệt giữa Cabernet sauvignon và Syrah^{****} trở thành một điều gì đó thật vui sướng, thú vị. Chúng ta có thể hiểu các tài liệu tham khảo về một ngôi nhà theo phong cách Nghệ thuật Thủ công giúp chúng ta hiểu rõ hơn bối cảnh trong một cuốn tiểu thuyết đang đọc. Chúng ta không buộc phải biết bất cứ điều gì trong số này để sống trên đời, nhưng kinh nghiệm của chúng ta về thế giới sẽ tăng lên khi làm vậy. Thực tế mà chúng ta trải nghiệm sẽ khác với thực tế mà những người không tu

dường các sở thích đó trải nghiệm. Nhưng chúng ta thường xuyên nghĩ đến việc áp dụng thận trọng các nguyên tắc tu dưỡng này vào các khía cạnh tầm thường khác trong cuộc sống để chúng cũng được trải nghiệm sâu sắc hơn như thế nào?

**** *Cabernet sauvignon và Syrah là tên hai loại nho để làm rượu nổi tiếng.*

Charles-Pierre Baudelaire, nhà thơ người Pháp thế kỷ 19, nổi tiếng với khái niệm *flâneur*: một người tản bộ trên đường phố quan sát và tiếp nhận tất cả những gì anh ta nhìn thấy với một sự cởi mở tuyệt vời. Nếu bạn đi dạo với một đứa trẻ còn chập chững, hay chú chó cưng, hoặc với bà mình, bạn sẽ nhận thấy rằng họ trải nghiệm cuộc đi dạo ấy rất khác với bạn. Đứa trẻ sẽ dừng lại và chăm chú quan sát từng tảng đá, từng con bọ; chú chó lại rẽ ngang rẽ dọc trong một thế giới đầy những mùi hương rung động; bà của bạn có thể là một người làm vườn tâm huyết, sẽ gọi tên từng loại hoa và cây cối mà bà nhìn thấy trên đường. Đi dạo với một người có góc nhìn khác về thế giới cho phép bạn bước ra khỏi những khuôn mẫu bình thường và nhìn thế giới không chỉ khác đi mà còn cởi mở đến lạ thường. Thông qua cặp mắt của người đồng hành ấy, một cuộc dạo bộ bình thường cũng trở nên thấm đẫm chiều sâu và sự tươi mới. Bạn đọc quang cảnh xung quanh theo cách khác; bạn nhìn ra được những chiều kích mới.

Chúng ta chỉ tập trung vào những thứ dựa theo các khuôn mẫu theo thói quen của sự chú ý. Trên đường đi làm buổi sáng, chúng ta có thể chú ý nhiều hơn một chút đến kênh radio, biển báo thoát hiểm và lối vào bãi đậu xe, nhưng lại bỏ lỡ những thứ khác, chẳng hạn như cảnh tượng hùng vĩ của một đàn vịt trời bay về phương Nam. Khi đi bộ đến phòng tập gym cách vài dãy nhà, chúng ta có thể chỉ bận tâm đến những gì chúng ta muốn đạt được trong một giờ tập luyện sắp tới, đến mức không nhận ra mùi thức ăn ngon lành bốc ra từ một nhà hàng gần đó. Thói quen của

chúng ta giới hạn những gì chúng ta có thể nhìn thấy, tiếp cận, cảm nhận và biết.

Nhưng tất cả chúng ta đều có thể ý thức được hơn về khuynh hướng tự giới hạn bản thân này. Việc nhìn thế giới qua con mắt của người khác giúp chúng ta được giải phóng và trải nghiệm ngay cả những khía cạnh có vẻ trần tục nhất của thế giới theo các cách phong phú hơn. Ngay cả một chuyến đi đến cửa hàng tạp hóa cũng không còn là một công việc chán phèo nếu chúng ta đi cùng một cô bạn sành ăn, người mà mục đích tới trái đất là để nghĩ xem cô sẽ nấu món gì với tất cả các nguyên liệu mà cô ấy nhìn thấy. Cũng cái cửa hàng ấy, với chúng ta thì thật buồn tẻ, nhưng giờ lại bùng bùng sức sống vì sự phấn khích mà cô ấy thể hiện khi thấy các món hàng mà chúng ta không hề để ý tới.

Lăng kính đó là thứ chúng ta có thể trau dồi và đạt được. Một khi đã hiểu được cách nhìn thế giới rộng mở hơn khi ở cùng một người có khả năng khuếch đại trải nghiệm của chính chúng ta, thì chúng ta có thể phát triển một cách đánh giá nhiều sắc thái hơn về thế giới ngay cả khi chúng ta chỉ có một mình. Ta có thể liên tục tự hỏi một người khác sẽ nhìn thế giới này như thế nào và luôn luôn hiểu rằng quan điểm của chúng ta về thế giới không phải là quan điểm duy nhất trên đời. Như Trang Tử đã chỉ cho chúng ta, chính nguyên tắc nhìn mọi thứ khác đi, hay nguyên tắc thay đổi góc nhìn, sẽ cho phép chúng ta trải nghiệm cuộc sống với một sự mới mẻ và mãnh liệt hơn.

Thay đổi góc nhìn

“Cố chấp tin vào một điều mà không biết rằng điều ấy cũng y hệt các điều khác, như vậy là có tinh thần ‘sáng ba’.
Câu chuyện ‘sáng ba’ như thế này:

Xưa có một ông già nuôi khỉ, bảo chúng: ‘Ta cho các ngươi sáng ba trái, chiều bốn trái. Các ngươi có chịu không?’ Lũ khỉ bất bình. Ông già bèn bảo: ‘Thế thì sáng bốn trái, chiều ba trái. Chịu không?’ Lũ khỉ đều vui mừng.

Sự thật có gì thay đổi đâu mà lần trước chúng nổi giận, lần sau thì mừng. Ông già nuôi khí đã khéo thuận theo bản tính của loài khí. Cho nên thánh nhân dung hòa, coi thị (đúng) và phi (sai) là một, mà theo luật quân bình tự nhiên, như vậy gọi là lưỡng hành.”*****

***** Sách Trang Tử, phần Nội Thiên, chương Tề Vật Luận, bài số 5, tham khảo bản dịch của học giả Nguyễn Hiến Lê.

Lưỡng hành (兩行) ở đây có nghĩa là cả hai hướng đều dùng được, miễn là biết thích nghi, có thái độ tùy theo hoàn cảnh.

Bây giờ bạn hẳn đã hiểu cách tâm trí có ý thức của chúng ta ngáng chân chúng ta bằng cách bám vào các kiểu phân loại vô dụng, thất thường và gây xao lãng, như ví dụ về bầu khí đã cho thấy. Chẳng có sự khác nhau về tổng thể giữa “ba trái bưởi sáng, bốn trái bưởi tối” hay ngược lại, trừ cách chúng ta nhìn nhận nó.

Một sự thay đổi căn bản về góc nhìn cho phép chúng ta nhìn thế giới theo cách mà Trang Tử chủ trương. Đây là lý do tại sao nó thường xuyên đảo ngược những hiểu biết thông thường. Trong một câu chuyện kể rằng có một người đàn ông bị tật nguyên nặng nề, cả đời phải đi xin ăn. Người ta nghĩ ông ta thật thảm hại, nhưng ông ta đã sống rất thọ, trong khi những thanh niên xung quanh bị bắt lính. Vậy ai mới là người may mắn ở đây?

Tâm trí có ý thức của chúng ta có xu hướng tập trung vào những gì “nên như vậy” – tức là những gì có vẻ đúng. Chúng ta nghĩ rằng mình biết cái gì là đẹp đẽ, cái gì là to lớn, cái gì là có đạo đức, cái gì là hữu ích. Tuy nhiên, chúng ta có thực sự hiểu được những lời nói và giá trị mà chúng ta phụ thuộc vào đó thật ra thất thường đến mức nào không?

“Một người nằm chỗ ẩm thấp (trong bùn) mà đau lưng tê liệt nửa người, nhưng một con lợn thì có sao không? Một người ngồi trên ngọn cây thì run rẩy sợ sệt, nhưng con khỉ

có vậy không? Chỗ ở của người và hai con vật ấy, chỗ nào là lý tưởng (chính xứ)? Người ta ăn thịt dê, bò, chó, lợn, hươu nai ăn cỏ, rất thích ăn rắn con, cú mèo và quạ thích ăn chuột. Khẩu vị của bốn loài đó, khẩu vị nào là lý tưởng (chính vị)? Khi làm bạn với vượn, hươu chơi thân với nai, lợn bầu bạn cùng cá, nàng Mao Tử và nàng Lệ Cơ được mọi người khen là đẹp, vậy mà thấy họ thì cá lặn sâu, chim bay cao, hươu nai chạy dài. Cái đẹp theo bốn loài đó, cái đẹp nào là lý tưởng (chính sắc)?”*****

****** Sách Trang Tử, phần Nội Thiên, chương Tề Vật Luận, bài 10, tham khảo bản dịch của học giả Nguyễn Hiến Lê.*

Vấn đề không đơn giản là chúng ta có góc nhìn. Bởi, xét cho cùng thì cá, chim hay hươu cũng có. Vấn đề chỉ nảy sinh khi chúng ta cho rằng góc nhìn của chúng ta mới là phổ quát, và chúng ta đóng chặt tâm trí của mình. Chúng ta đưa ra những sự phân biệt cứng nhắc, những sự phân loại và giá trị kiên định thái quá.

Nhưng cái gì trong những thể loại đó là có vẻ rõ ràng, và cái gì trong những giá trị đó có vẻ mang tính phổ quát, không thể lay chuyển được? Có phải giết người lúc nào cũng là sai? Còn cướp ngân hàng thì sao? Hãy tưởng tượng một tên cướp tự rèn luyện để cạy khóa một cách hoàn hảo, đột nhập vào ngân hàng không gây ra một tiếng động, ăn cắp tiền rồi tẩu thoát mà không hề bị phát hiện. Nếu Trang Tử chối bỏ các phạm trù đạo đức rõ ràng, vậy thì dựa trên cơ sở nào ông có thể nói điều này là sai? Rốt cuộc, chẳng phải tên cướp đó là một ví dụ hoàn hảo về việc sự tự nhiên nhờ rèn luyện sao?

Nhưng Trang Tử sẽ nói rằng ngay từ đầu chính những sự phân biệt cứng nhắc sẽ dẫn đến những tình huống như vậy. Nếu bạn thực sự tự rèn luyện bản thân để tuân theo Đạo, bạn sẽ không trở thành kẻ cướp. Bạn sẽ không giết bất cứ ai. Một tên cướp đã suy nghĩ theo kiểu phân biệt ngay

từ đầu: đồ của mình, đồ của chúng nó, mình muốn cái này, mình sẽ lấy cái kia. Một kẻ giết người sẽ làm gián đoạn dòng chảy biến đổi của vạn vật bằng cách kết thúc một mạng sống trước thời hạn. Đối với Trang Tử, lập luận chống lại việc cướp bóc hay giết chóc không xuất phát từ thực tế rằng chúng là những hành vi vô luân, mà xuất phát từ chỗ chúng phát sinh từ việc tạo ra những sự phân biệt cứng nhắc.

Các ví dụ Trang Tử đưa ra trải dài từ trần tục đến cao sang, nhưng tất cả chúng đều gắn chặt với đời sống. Bạn có thể gắn liền với cuộc sống bằng cách mở lòng ra để thấy ủi đồ không phải là một công việc mệt mỏi mà là một bài tập để tu dưỡng tính thuận tự nhiên nhờ rèn luyện; nhức đầu sổ mũi không bất tiện mà là một cơ hội để được nằm trên chiếc giường ấm áp đọc tiểu thuyết; một lễ đính hôn bị hủy bỏ không phải nỗi đau cào xé mà là cơ hội để có một tương lai mới. Sách *Trang Tử* kể về những người có quan điểm hoàn toàn cởi mở. Nhờ gắn liền với đời sống, họ đã có được sự cộng hưởng thực sự với Đạo. Nói một cách ẩn dụ, đó là những gì mà Trang Tử gọi là “con người đích thực” (chí nhân) mà “đồng cỏ có cháy cũng không làm cho họ thấy nóng, sông rạch đóng băng cũng không làm cho họ thấy lạnh”.

Hãy tưởng tượng sẽ như thế nào khi những điều nhỏ nhặt và những điều lớn lao giống hệt nhau không ngừng quấy rầy chúng ta, thay vì tạo thành một cuộc sống đầy thú vị; thành những điều chúng ta thấy hứng thú và muốn gắn bó. Hãy tưởng tượng bạn nhìn thấy sự vật từ mọi góc nhìn, nhờ đó có thể hiểu rằng mọi thứ xảy ra đều là một phần thuộc quá trình của dòng chảy và biến đổi. Quay lại với ẩn dụ của Trang Tử, với sự thay đổi về góc nhìn như vậy, chúng ta sẽ trở thành con người đích thực (chí nhân): có thể đi qua sông rạch đóng băng mà không thấy lạnh, đi xuyên qua đồng cỏ cháy mà không thấy nóng.

Sự phân biệt cuối cùng

Nếu chúng ta thực sự trở nên có khả năng nhìn mọi thứ từ một góc nhìn không giới hạn, thì hẳn chúng ta sẽ tán tụng tất cả các khía cạnh của

đời sống này, bao gồm cả sự phân biệt cuối cùng: tính khả tử. Suy cho cùng, cái chết chỉ là một trong những chu kỳ bất tận của Đạo mà thôi.

Trang Tử hiểu nỗi sợ đối với cái chết. Ông biết rằng người ta sợ hãi hồi kết của sự tồn tại của họ trong tư cách một sinh vật có tri giác. Nhưng với ông, nghĩ về cái chết theo cách này là tạo ra một sự phân biệt sai lầm.

Một vài trong số những sự phân biệt mà chúng ta nhận thức là sự thật không thể chối cãi. Bạn là bạn, một con người đang đọc cuốn sách này, chứ không phải cái bàn trước mặt hay cái ghế đang ngồi. Nhưng những sự phân biệt này chỉ là tạm thời. Chừng nào bạn còn nghĩ về bản thân một cách cứng nhắc – là một con người tại một thời điểm nhất định – thì bạn còn có nguy cơ không thấy mình là một phần của thế giới rộng lớn. Khi bạn chết, bạn sẽ trở thành một phần của thế giới tự nhiên rộng lớn ấy. Điều này không có gì phải sợ:

“Vợ Trang Tử chết, Huệ Tử lại điếu, thấy Trang Tử ngồi xoạc chân ra, gõ nhịp vào một cái vò mà hát, bèn bảo: ‘Ông sống với người ta, cùng nuôi con, cùng già đi. Người ta chết không khóc cũng đã đủ tẻ rồi, nay lại còn gõ chậu mà hát, chẳng quá lắm sao?’. Trang Tử trả lời: ‘Không phải vậy. Lúc bà ấy mới mất, tôi làm sao không đau buồn? Nhưng xét lại từ đầu, bà ấy vốn là không có sinh mệnh. Chẳng những là không có sinh mệnh, mà còn vốn là không hình hài. Chẳng những là không hình hài, mà còn vốn là không có khí. Từ chỗ hỗn mang hư không biến ra thành khí, khí biến ra thành hình, hình biến ra thành sinh mệnh, bây giờ sinh lại biến ra thành tử, có khác gì bốn mùa tuần hoàn vận hành đâu. Nay bà ấy yên nghỉ trong ngôi nhà lớn (cụm thớt, chỉ trời đất) mà tôi còn ồn ào khóc lóc thì tôi không hiểu lẽ sống chết (mệnh) rồi. Vì vậy mà tôi không khóc.’*****

2.

Trang Tử không nói rằng chết là một điều gì đó để mong đợi hay vội vàng tìm đến; trái lại, sống là phải sống hết mình. Ông cũng không nói rằng ông không đau buồn trước cái chết của vợ; nỗi đau của ông đã đến, theo lẽ tự nhiên. Chúng ta đau buồn khi ai đó chết đi là vì chúng ta yêu họ và nhớ thương họ.

Thật sự, nếu chúng ta nghĩ về cái chết thuần túy từ góc nhìn của một con người thì nó thật đáng sợ. Nó là sự hủy diệt một phần của chúng ta, hoặc một người ta thương yêu, đó là con người. Nhưng khi chúng ta nhìn cái chết từ góc nhìn rộng nhất có thể, chúng ta đau buồn, song cũng thấy rằng hình dạng con người của chúng ta là một khoảnh khắc tuyệt vời nhưng chỉ mang tính tạm thời trong tất cả những sự biến đổi tạo nên Đạo. Chúng ta hiểu rằng người ấy luôn là một phần của Đạo và vẫn là một phần của Đạo. Người ấy sẽ trở thành một phần của cỏ, một phần của cây, của một con chim đang bay vút trên bầu trời. Nếu chúng ta hiểu rằng những gì là chúng ta cũng luôn là một phần của dòng chảy và sự biến đổi trong vũ trụ, và sẽ luôn là như vậy, thì chúng ta không cần sợ hãi đối với cái chết nữa; chúng ta trở nên tự do để ôm trọn cuộc sống. Chúng ta gạt bỏ sự phân biệt cuối cùng làm hạn chế trải nghiệm của chúng ta về thế giới.

Thông qua tất cả các truyện ngụ ngôn và giai thoại trong Trang Tử, chúng ta sẽ được xem xét việc giải phóng khỏi quan điểm con người cá nhân hạn chế là thế nào. Ở mức độ ẩn dụ, điều này có nghĩa là nhìn thế giới như một con bướm, một con chim, một con hổ. Ở cấp độ trực quan hơn, điều này có nghĩa là hiểu thế giới từ góc nhìn của một người khác. Nếu bạn là phụ nữ, hãy hình dung bạn nhìn thế giới như là một người đàn ông. Hoặc hãy thử nhìn thế giới từ góc độ của một người già dù bạn vẫn đang còn trẻ. Hoặc đặt mình vào vị trí bần hàn của một nghệ sĩ nghèo khó, dẫu bạn là một luật sư giàu có. Hãy tưởng tượng việc nhìn

thế giới qua con mắt của một đồng minh – hoặc một kẻ thù. Khi mở ra khả năng của tất cả các quan điểm, chúng ta có thể nhìn toàn bộ vũ trụ từ vị trí rộng lớn nhất có thể, đó là cách chúng ta bắt đầu hiểu được sự biến đổi vô tận của vạn vật.

Đây là tầm nhìn mà Trang Tử đề xuất: góc nhìn không giới hạn và tính thuận tự nhiên nhờ rèn luyện. Khả năng vượt trên con người xuất phát ngay từ thực tế rằng chúng ta là con người. Chúng ta có thể nắm bắt vũ trụ nhiều hơn bất kỳ sinh vật nào khác trên trái đất nhờ khả năng vô hạn của trí tưởng tượng. Chỉ chúng ta mới có thể bước vào thế giới “như thế” vô tận để nhìn vũ trụ này thông qua phối cảnh của một vũ trụ khác. Chúng ta chỉ đến được đó nếu luôn giữ cho mình cởi mở với mọi thứ, chuyển dịch một cách tự nhiên theo Đạo, và trở thành một phần tích cực trong sự biến đổi của vạn vật.

VỀ TÍNH NHÂN VĂN: TUÂN TỬ VÀ SỰ ÁP ĐẶT KHUÔN MẪU LÊN THẾ GIỚI

Chúng ta thường nghe rằng tự chấp nhận là chìa khóa cho sự phát triển cá nhân: hãy yêu bản thân mình. Hãy bình an với con người của bạn trong thời điểm này. Điều này dẫn đến việc chúng ta không chỉ chấp nhận bản thân mà còn chấp nhận cả cuộc sống của mình nữa; chỉ có như vậy, chúng ta mới có được sự thanh thản trong chừng mực nào đó.

Nhưng một trong những triết gia của chúng ta sẽ lo ngại về mức độ chấp nhận bản thân này. Một học giả Khổng giáo sinh năm 310 trước Công nguyên, Tuân Tử, không tin rằng chúng ta nên chấp nhận bản thân như chúng ta vốn là. Thay vào đó, ông lập luận rằng chúng ta không bao giờ nên chấp nhận một cách mãn nguyện những gì chúng ta nghĩ là thiên tính bẩm sinh đối với mình.

Phải, bất cứ ai cũng sẽ vội vã giải cứu một đứa trẻ khỏi một cái giếng, nhưng Tuân Tử không muốn chúng ta quên đi những động lực ít mang tính vị tha hơn của mình trong từng khoảnh khắc mỗi ngày. Những khao khát và ham muốn tồi tệ nhất của chúng ta cũng là một phần trong cái bẩm sinh đó.

Chúng ta sẽ thấy máu nóng bốc lên khi đang ở giữa đám kẹt xe mà ai đó dám bóp còi hối thúc chúng ta di chuyển. Chúng ta bàn tán về nỗi bất hạnh của một người bạn, tiết lộ những bí mật mà cô ấy đã chia sẻ một cách riêng tư. Chúng ta lo lắng suốt nhiều ngày vì một lời chỉ trích của ai đó; chúng ta sa đà vào mua sắm online để dập tắt những lo âu của mình. Hãy tưởng tượng sẽ ra sao nếu chúng ta luôn cho phép những mặt tệ hại nhất, kém thuần hóa nhất của mình xuất hiện liên tục – nếu chúng ta

chấp nhận bản chất “đích thực” của mình trong từng khoảnh khắc. Như Tuân Tử đã viết:

“Nhân chi tính ác, kỳ thiện giả ngục dã. Kim nhân chi tính, sinh nhi hữu hiếu lợi yên, thuận thị, cố tranh đoạt sinh, nhi từ nhượng vong yên. Sinh nhi hữu tật ác yên...”*

(Bản chất con người là ác, còn thiện là do con người làm ra. Tính của con người là sinh ra đã thích lợi, thuận theo tính đó thì thành ra tranh đoạt lẫn nhau, không nhường nhịn gì cả. Sinh ra là đồ ky...)

* *Sách Tuân Tử, chương Tính Ác.*

Đối với Tuân Tử, quan niệm cho rằng “nhân chi sơ tính bản thiện” rất nguy hiểm. Và ông không chỉ đề cập đến bản chất con người. Ông còn nói đến giả định của chúng ta về thế giới nói chung.

Áp đặt khuôn mẫu lên thế giới

Hãy xem câu chuyện sau đây, một câu chuyện giống như nhiều câu chuyện đóng vai “như thế” mà Tuân Tử đã kể:

Thuở xa xưa, có lúc trời mưa, có lúc không. Không ai biết là khi nào. Có lúc trời lạnh, có lúc trời nóng. Khi trời lạnh, con người, không có quần áo để mặc, có nguy cơ bị cọng đến chết. Khi trời không mưa, cây không mọc. Khi trời mưa xuống, cây trái lớn nhanh, con người có thể ăn để nuôi thân, nhưng thường thì cây cỏ có chất độc và làm cho họ phát bệnh.

Dần dần con người bắt đầu hiểu rằng những điều này không phải là ngẫu nhiên. Họ bắt đầu nhận ra khi nào trời mưa và khi nào thì không; khi nào trời lạnh và khi nào trời ấm. Họ bắt đầu nhận ra những loại cây nào có thể ăn, và loại nào có độc. Họ bắt đầu thuần hóa cây cối. Họ sẽ trồng chúng theo sự thay đổi của thời tiết, và gọi chúng là mùa. Quá trình

tiếp tục khi họ phát quang nhiều đất hơn để trồng trọt, động vật đã thuần hóa giúp cho quá trình này, người ta đuổi những con vật mà họ không thể thuần hóa được.

Cuối cùng, những gì từng có vẻ như là sự hỗn loạn không thể đoán trước của các hiện tượng tự nhiên – mưa gió, lạnh, nóng, ăn được và có độc ngẫu nhiên – đã biến thành một hệ thống hài hòa. Thứ mọc lên từ đất giờ đã tương liên với các mẫu hình lớn hơn của trời. Nhưng điều này không phải là đương nhiên. Con người đã thuần hóa thế giới. Con người đã làm như thế để những hiện tượng khác biệt này trở thành một tập hợp các quá trình hài hòa.**

** *Sách Tuân Tử, chương Thiên Luận.*

Câu chuyện về sự phát minh nông nghiệp này nhắc nhở chúng ta rằng thế giới mà chúng ta biết đến được xây dựng bởi con người, con người tiếp nhận những yếu tố trong tự nhiên và tái cấu trúc, gia công lại và thuần hóa chúng để phục vụ nhu cầu của con người.

Nói cách khác, chính loài người đã đưa ra khuôn mẫu cho thế giới. Tuân Tử nhắc nhở rằng tuy chúng ta được sinh ra trong thế giới này, nhưng các khuôn mẫu mà chúng ta thấy mình đang tồn tại trong đó lại do chúng ta tạo ra:

Trời và đất sinh ra ta. Ta sinh ra khuôn mẫu cho trời và đất. Ta tạo thành một bộ ba cùng với trời và đất, là tổng của vạn vật, là phụ mẫu của con người. Không có chúng ta, trời và đất sẽ không có khuôn mẫu.***

*** *Sách Tuân Tử, chương Vương Chế (ché độ của Thánh Vương).*

Ông nghĩ rằng bất kỳ sự trung thành nào với tự nhiên, dù đó là với bản chất con người hay với tự nhiên ngoài kia, bất kỳ sự chấp nhận nào đối với thế giới “như nó là”, là hạn chế và hủy hoại mang tính cố nhiên.

Ông đề nghị chúng ta suy ngẫm xem mình sẽ sống khác thế nào nếu hiểu được rằng thế giới vốn đã là sự sáng tạo của chúng ta. Nếu chúng ta đã tạo ra thế giới mà mình đang trải nghiệm đây, thì không nên tự hỏi làm thế nào để tìm thấy vị trí thích hợp của mình trong đó. Hãy hỏi liệu chúng ta đã xây dựng nó tốt hay chưa.

Thời đại Tuân Tử

Tuân Tử sống sau Khổng Tử khoảng hai trăm năm mươi năm, là một mắt xích quan trọng trong hành trình khám phá triết học Trung Quốc của chúng ta bởi cách ông tổng hợp các trước tác của tất cả các nhà tư tưởng đi trước.

Tuân Tử là một vị thầy rất được kính trọng và là học giả Khổng giáo hàng đầu sống vào cuối thời Chiến Quốc, thời đại với những sự kiện đã ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng của ông. Vào thời điểm này, một vài nhà nước đã quân sự hóa cao độ và có sức chi phối cao, và rõ ràng rằng bất cứ ai nắm quyền lực đều tạo nên một thế giới mà trong đó những tư tưởng của Mạnh Tử là chưa đủ.

Bầu không khí chính trị mới đã ảnh hưởng đến giới trí thức. Chứng kiến sự bừa bãi và hỗn loạn của thời đại, các nhà tư tưởng như Tuân Tử đã đi tìm không chỉ một giải pháp thống nhất cho hoàn cảnh chính trị đương thời, mà còn cả một xu hướng tổng hợp sẽ thống nhất các dòng tư tưởng triết học khác nhau từ các thời đại trước thành một tổng thể cố kết. Ngay khi mô tả loài người là sự đan kết có hiệu lực các yếu tố tự nhiên một cách ngẫu nhiên với nhau để tạo nên thế giới, ông đã đưa ra khuôn mẫu cho nhiều tư tưởng và quan niệm về sức sống suốt ba thế kỷ trước đó.

Khi phát triển triết lý của mình, Tuân Tử tin rằng các nhà tư tưởng trước ông thực sự đã nắm bắt được các quan niệm cực kỳ quan trọng. Chẳng hạn như, Mạnh Tử đã đúng khi tập trung vào việc tự tu dưỡng bản thân, và tư tưởng về việc chúng ta kết nối với vạn vật như thế nào do Lão Tử nghĩ ra là rất quan trọng. Nhưng ông cũng lập luận rằng mỗi nhà tư

tưởng trong số này đều có những điểm mù. Mỗi người hiểu được một điều quan trọng, nhưng không ai thấy được bức tranh tổng thể.

Chính xác là không ai ngoài Khổng Tử. Tuân Tử tin rằng chỉ riêng Khổng Tử là hiểu được thực tiễn quan trọng nhất, cơ bản nhất: đó là rèn luyện theo lễ nghi để trở thành một người tốt hơn.

Nhưng với lễ nghi, Tuân Tử sẽ làm điều gì đó rất khác. Đối với Khổng Tử, lễ nghi là một phương tiện xây dựng những khoảnh khắc “như thế” thu nhỏ, để không ngừng tạo ra những gói trật tự trong các mối quan hệ giữa con người. Tuân Tử đã mở rộng khái niệm này để, thay vì chỉ xây dựng những gói khoảnh khắc “như thế”, chúng ta có thể tạo ra những thế giới “như thế” rộng lớn. Ông tin rằng lễ nghi có chức năng biến đổi bản chất của chúng ta khi, và chỉ khi nào, chúng ta công nhận nó là do con người tạo ra (ngụy^{****}). Tuân Tử thúc đẩy chúng ta áp dụng chính cái ý thức về ngụy – vai trò tạo tác của con người, vào thế giới to lớn. Đây là cách để lễ nghi không chỉ giúp chúng ta trở thành những con người tốt hơn mà còn xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn.

^{****} Chữ “ngụy” (偽) được Tuân Tử dùng để chỉ những gì “do người làm ra”, như Lễ, Nghĩa.

Tâm quan trọng của ngụy

Trong các trang viết của mình, Tuân Tử thường so sánh bản chất của con người với một khúc gỗ cong queo, phải uốn cho thẳng bằng sức mạnh từ bên ngoài. Nhưng không giống như các triết gia bàn luận về bản chất con người khác (như Kant, người mà nhiều thế kỷ sau sẽ tuyên bố: “Từ khúc gỗ cong queo của loài người, không thể đẽ gọt ra cái gì thẳng thớm cả.”), Tuân Tử tin rằng khúc gỗ cong queo của bản chất con người có thể uốn thẳng được. Điều đó đòi hỏi “ngụy”, hay vai trò tạo tác của con người, từ việc xuất hiện lễ nghi.

Nhưng vai trò ngụy tạo đó phải được sử dụng đúng cách. Chúng ta có xu hướng không tin tưởng những người giả tạo hoặc không tự nhiên.

Tuy nhiên, Tuân Tử nhắc nhở ta rằng mỗi người chúng ta đều được xây dựng mà thành. Ngay cả khi chúng ta nghĩ mình rất tự nhiên và “thật”, thì trở thành như thế là một lựa chọn, và do đó nó cũng là một dạng ngụy. Đối với Tuân Tử, ngụy là một điều tốt, miễn là chúng ta nhận thức được mình đang làm điều đó, để từ đó có thể làm cho tốt.

Ngụy giúp chúng ta tách bạch được bản chất tự nhiên và cảm xúc bất kham. Một đứa trẻ chập chững sẽ âm ỉ nổi giận khi nó mệt, đói, và không được cho chơi món đồ chơi yêu thích ngay khi nó muốn. Nhưng khi trưởng thành, chúng ta có thể tự chủ hơn. Khi chúng ta ngủ không đủ giấc, đang đói rã ruột và mọi người đều đã dọn dẹp đồ đạc, sắp rời khỏi sở làm sau một ngày dài, nếu một đồng nghiệp xin thêm mười phút để thảo luận về một vấn đề của cô ấy đang gặp với sếp, chúng ta sẽ không nường theo những cảm xúc “tự nhiên” và ném cốc cà phê của mình về phía cô ta một cách cáu gắt, và nói tất nhiên không được. Chúng ta hành động “như thế”. Chúng ta nói với cô rằng tất nhiên chúng ta sẽ dành thời gian cho cô, rằng đó là vinh hạnh của chúng ta – và khi giúp được cô, chúng ta thấy mình vui thú với sự tương tác, chúng ta cảm thấy mình tốt đẹp hơn vì đã dành thời gian hỗ trợ đồng nghiệp, và chúng ta quên mất rằng mình đã mệt và đói. Khi chúng ta kết thúc ngày làm việc muộn hơn mười lăm phút so với dự tính, tinh thần chúng ta tốt hơn so với nếu ta chịu thua con người “tự nhiên” thực sự của mình.

Tính là cái trời sinh ra vốn đã thế, không thể học, cũng không thể làm ra được. Phân tính mà... cộng hưởng và hồi đáp một cách tự nhiên và không có sự cản trở cũng được gọi là tính. Những sự thích, ghét, mừng, giận, buồn, vui của tính thì gọi là cảm xúc.

Khi những cảm xúc là như vậy, và tâm trí tác động [ngụy] lên chúng rồi lựa chọn, thì gọi là suy nghĩ. Khi tâm trí suy nghĩ và có thể tác động [ngụy] lên những suy nghĩ và hành động của nó, thì gọi là ngụy.*****

***** *Sách Tuân Tử, chương Tính Ác.*

Tuân Tử lập luận rằng chúng ta nên ý thức tác động lên tính của mình để hiệu chỉnh và chỉ dẫn cho các cảm xúc và những cơn bốc đồng của bản thân. Thông qua các cấu trúc nhân tạo như lễ nghi, chúng ta có thể áp đặt các khuôn mẫu lên tính của mình giống như nông nghiệp đã tạo ra khuôn mẫu cho thế giới xung quanh ta vậy. Chúng ta có thể kiểm soát sự bốc đồng của mình để không nổi giận như một đứa trẻ và làm như vậy là chúng ta đang giúp định hình phản ứng của chúng ta với mọi thứ.

Nhưng có một nghịch lý, nếu các nhà hiền triết là con người, với tính ác cố nhiên, làm sao họ có thể nảy ra ý tưởng tạo nên các lễ nghi đầu tiên? Làm thế nào họ có thể vượt qua những cơn bốc đồng hỗn loạn của một con người đáng ngờ để ý thức được rằng mình phải hành động tốt hơn?

Trong một câu chuyện “như thế” khác, Tuân Tử yêu cầu chúng ta thử hình dung xem những nhà hiền triết đưa ra những ý tưởng cách tân giúp chúng ta sống tốt với nhau bằng cách nào. Ông so sánh sự cách tân này với việc làm ra những chiếc ấm:

Tất cả các lễ nghi và phép tắc là do các hiền giả đặt ra [ngụy]. Giống như một thợ gốm nhào đất sét nặn thành cái bình; các bình gốm là tạo tác [ngụy] của người thợ gốm, không phải tính người ấy biết nhào đất sét làm đồ dùng.... Các hiền giả đã tích lũy những mối quan tâm và suy nghĩ để làm nên một hành động tạo tác [tích ngụy] và tiền lệ; nhờ đó họ tạo nên các lễ nghi và phép tắc, sinh ra các luật lệ và quy chuẩn. *****

***** *Sách Tuân Tử, chương Tính Ác.*

Người ta có thể cho rằng Tuân Tử đang so sánh việc tạo ra các quy chuẩn, luật lệ và lễ nghi của con người với việc sáng tạo ra nghề gốm – hai ý tưởng tổng quát đã làm biến đổi những gì con người có thể làm. Nhưng thật ra là ngược lại, ông đã so sánh việc sáng tạo ra xã hội loài người với công việc tẻ nhạt đều đều là học cách làm một cái bình. Ông

đang nêu bật ý tưởng rằng lễ nghi không phải đơn thuần là tình cờ xuất hiện, nó là một nỗ lực có chủ đích, do con người tạo ra. Việc các nhà hiền triết tạo ra lễ nghi cũng giống như công việc thực tế mà một thợ gốm làm để tự luyện cách làm ra một cái bình, bằng cách làm việc với đất sét và cảm nhận nó, hình dung xem nó sẽ có hình thù thế nào. Các nhà hiền triết đã áp dụng ngụy vào bản tính của họ và mài giũa các giác quan của họ để nhận thức xem các tương tác của con người có thể thay đổi như thế nào và để hình dung xem loại tương tác đóng vai “như thế” nào có thể giúp họ sống tốt với nhau. Theo thời gian, họ đã có thể tạo ra các lễ nghi chính xác như một thợ gốm học cách làm ra một chiếc bình. Trong suy nghĩ của Tuân Tử, sự trỗi dậy của văn hóa con người và các lễ nghi xã hội không phải là một cách tân to tát gì mà nó được tạo tác thông qua công việc thủ công hằng ngày, được sinh ra từ ngụy.

Tính là cơ sở, là khởi nguyên, là vật chất; ngụy là khuôn mẫu, là nguyên tắc, là nguồn gốc của sự dư dật và thừa thãi. Nếu không có tính thì sẽ không có gì để ngụy làm tăng thêm. Nhưng nếu không có ngụy thì tính cũng không thể tự tô điểm cho mình... Khi tính và ngụy kết hợp, vạn vật dưới trời được sắp đặt có thứ tự.

Bản chất của chúng ta, do thiên phú, chờ đợi sự bố trí khuôn mẫu của hoạt động con người. Kết quả là một điều tốt đẹp: nhân tính được nâng lên đến một mức độ không tưởng tượng được.

Hiềm họa của việc cho rằng thế giới nên thuận tự nhiên

Mượn sức xe ngựa mà đi, chân người không cần nhanh lẹ cũng có thể đi ngàn dặm. Mượn sức thuyền chèo mà vượt, người không cần bơi giỏi cũng có thể băng qua sông nước. Người quân tử sinh ra chẳng phải khác người, chỉ là giỏi ở chỗ biết mượn sức vật. *****

********* *Sách Tuân Tử, chương Khuyên Học.*

Nhiều người lo lắng về tác động của “sự tiến bộ” nhân loại lên địa cầu và khí hậu. Chúng ta tranh luận về vấn đề đạo đức của việc trồng các loại cây biến đổi gen hay nghiên cứu tế bào gốc, bản khoản về độc tố trong các loại túi nhựa hay sử dụng nước có chứa fluoride. Chúng ta nhìn bọn trẻ con dán mắt vào các thiết bị điện tử và tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với cái thời mà tuổi thơ còn được dành để chơi ở sân sau. Nhiều người phản ứng trước sự công kích dữ dội đối với những tiến bộ công nghệ bằng cách lãng mạn hóa sự tự nhiên, mong ước quay lại khoảng thời gian trước khi hành động của con người dường như đã khiến mọi thứ trở nên tồi tệ hơn. Những mối quan tâm đó cũng có thể hiểu được trong thời đại kết nối và kỹ thuật quá mức này. Nhưng có phải lúc nào tự nhiên cũng tốt hơn?

Không có gì ngạc nhiên khi Tuân Tử không đồng ý điều này. Thời của ông, người ta cũng khao khát về một thế giới tự nhiên hơn. Nhưng Tuân Tử có nhiều điều để nói về hiểm họa của việc sùng bái tự nhiên một cách mù quáng.

Tuân Tử xem khả năng tạo ra một thế giới nhân tạo của con người là một điều tốt. Rốt cuộc thì thế giới ở trạng thái tự nhiên cũng đầy đấu tranh. Cá bơi và chim bay, đúng là những hành động này xảy ra thuận theo Đạo, nhưng cũng có những loài cá (như cá hồi) vật lộn để bơi ngược dòng trở về nơi chúng chào đời mà sinh sản. Cũng có những loài chim như chim săn mồi, lao xuống để chop lấy những con thú bé nhỏ đang sợ hãi. Tất cả những sinh vật này đang sống hoàn toàn thuận tự nhiên. Và chúng ta, nếu giữ lại trạng thái tự nhiên thì cũng sẽ sống hoàn toàn theo cách ấy. Nhưng chúng ta không nên muốn giống như tự nhiên, không ngừng tự sinh tự diệt và không ngừng đấu tranh để tồn tại. Chúng ta là sinh vật duy nhất trong số tất cả những sinh vật đang sống này có khả năng xây dựng nên những thế giới mà trong đó chúng ta có thể biến đổi chính mình để vượt thoát khỏi trạng thái tự nhiên. Xu hướng tiềm thức

phân biệt chúng ta với phần còn lại của thế giới là một vốn quý, nó cho phép chúng ta tạo nên đạo đức, lễ nghi và sự phát kiến ở con người.

Hiểm họa của suy nghĩ thế giới nên thuận tự nhiên là nó ngăn cản chúng ta nhận ra những điều tuyệt vời mà mình có khả năng tạo ra, và nó phủ nhận trách nhiệm của chúng ta đối với thế giới xung quanh. Tuân Tử muốn chúng ta khai thác tâm trí để cải thiện bản thể tự nhiên, thế giới tự nhiên của chúng ta, và trở thành con người tốt nhất trong khả năng của mình.

Nhớ lại câu chuyện người đầu bếp thường dân của Trang Tử, người mà cuối cùng đã có thể cảm nhận rõ các khuôn mẫu trong miếng thịt đến nỗi con dao của anh có thể đi vào miếng thịt một cách trơn tru và anh chẳng bao giờ phải mài dao cả. Trong khi Trang Tử cho rằng những khuôn mẫu như vậy đang tồn tại sẵn trong tự nhiên, thì Tuân Tử sẽ phủ nhận quan điểm cho rằng có bất cứ điều gì trong câu chuyện ấy là tự nhiên. Ông sẽ muốn chúng ta nhớ rằng con bò bị giết thịt đã được thuần hóa; con dao là do người làm ra. Sự thật hiển nhiên là nghề giết thịt của tay đầu bếp cũng là nguy tác, một nghề nghiệp do con người sáng tạo nên. Toàn bộ tình huống đó là một công trình xã hội. Các khuôn mẫu trong đó là kết quả của sự can thiệp của con người, và đó là cái mà chúng ta nên tập trung vào. Chúng ta thuần hóa, tổ chức, và đặt ra khuôn mẫu cho tự nhiên. Chúng ta làm vậy bằng cách nào là tùy thuộc vào chúng ta.

Chẳng có gì là tự nhiên

Trong những câu chuyện của Tuân Tử về việc kiến tạo nên nền văn minh nhân loại, ông đã nhắc nhở chúng ta rằng những nỗ lực của con người là để xây dựng nên những thứ “có tính tự nhiên” và làm cho nó trở nên tốt đẹp hơn bao giờ hết.

Bằng việc đặt ra khuôn mẫu cho thế giới, chúng ta đã bỏ lại đằng sau một kỷ nguyên mà con người sẽ chết cồng vào mùa đông vì không có quần áo, phải sống trong hang động và trên cây vì không có nơi trú ẩn, và thỉnh thoảng phải hái lượm để có cái mà ăn, nhưng đôi khi còn có khả

năng chết vì ăn phải quả độc. Với những cách tân trang phục, nơi trú ẩn và nông nghiệp, chúng ta đã thuần hóa thế giới tự nhiên và biến đổi nó vì sự phồn thịnh của mình.

Tất nhiên, sự can thiệp của con người cũng có thể gây ra nhiều sự phân nhánh nguy hiểm. Tuy nhiên, Tuân Tử sẽ không kéo lùi sự can thiệp mà ông khuyến khích chúng ta ý thức được rằng chính chúng ta đã tạo ra thế giới mình đang sống và nhận ra mình sai chỗ nào để có thể cải thiện chúng, can thiệp tốt hơn, đổi mới tốt hơn, sáng tạo tốt hơn.

Chúng ta đã áp đặt “khuôn mẫu và trật tự” lên thế giới của chúng ta. Một số trong những công trình này hiển hiện rõ ràng trước chúng ta, một số khác thì không.

Đây là một ví dụ. Chúng ta thường dùng từ “tự nhiên” khi nói về việc sinh nở. Thông thường những người đề xướng sẽ nói rằng sinh con tự nhiên là sinh con theo cách mà thiên nhiên đã định: không thuốc men, không can thiệp, đôi khi còn không sinh trong bệnh viện nữa. Đây được xem là cách mà phụ nữ sinh con trước khi có sự can thiệp của y tế. Điều ngụ ý ở đây là tự nhiên tốt hơn cho cả mẹ và con.

Nhưng thực ra, điều mà chúng ta nghĩ là sinh con tự nhiên trong thời hiện đại tự nó đã chứa đầy sự can thiệp. Một trong những sự kiện mang tính cách mạng nhất trong số này là rửa tay trước khi đỡ đẻ. Ngày xưa tỷ lệ sản phụ tử vong sau khi sinh là rất cao, một trong những nguyên nhân hàng đầu là sốt hậu sản do điều kiện vệ sinh kém. Giữa thế kỷ 19, một bác sĩ người Hungary tên là Ignaz Semmelweis nhận thấy rằng phụ nữ sinh con ở bệnh viện có tỷ lệ tử vong cao hơn nhiều so với những người sinh tại nhà, nơi mà cơ thể ít phải đấu tranh với các mầm bệnh ngoại lai hơn, nên ông đã bắt tay vào một nghiên cứu quy mô lớn để điều tra nguyên nhân. Ông đã bị chế giễu khi đưa ra kết luận rằng rửa tay bằng thuốc khử trùng có thể làm giảm đáng kể những ca tử vong này (Một bác sĩ đã phản ứng rằng: “Bác sĩ là các quý ông, và tay của các quý ông thì luôn sạch.”). Trong khi bệnh viện mà Semmelweis làm việc chấp nhận

những đề xuất của ông và giảm được tỷ lệ sản phụ tử vong đến 90%, thì ở những nơi khác ý kiến này lại bị xem thường. Semmelweis, suy sụp vì những lời chỉ trích và tự hồ nghi chính ý tưởng của mình, đã chết trong một nhà thương điên ở tuổi bốn mươi bảy. Mãi cho đến khi nhà vi trùng học người Pháp Louis Pasteur chứng minh được sự tồn tại của vi trùng vài thập niên sau đó, các bác sĩ mới bắt đầu rửa tay như là một thủ tục trước khi đi đỡ đẻ.

Ngày nay, rửa tay được coi là một biện pháp phòng ngừa cần thiết và hoàn toàn tự nhiên, nhưng đó là một khám phá của nhân loại mà phải mất nhiều thập niên mới được chấp nhận. Và Tuân Tử sẽ muốn chúng ta nhớ rằng nhu cầu của việc này là kết quả từ sự đổi mới trong việc sinh con tại bệnh viện, bản thân điều này là một phản ứng với những thay đổi như tăng dân số, nhưng cũng là nguyên nhân của một hiểm họa mới: phơi nhiễm với những vi trùng ngoại lai. Bất kỳ sự cách tân nào cũng dẫn đến những vấn đề mới cần phải được giải quyết. Nhưng Tuân Tử không cho rằng giải pháp là quay trở lại thời điểm trước khi đổi mới. Ông nhắc chúng ta nhớ rằng ta có thể dựa vào các phát kiến để tạo nên những tiến bộ hơn nữa nhằm giải quyết các vấn đề do sự đổi mới trước đó gây nên.

Và đây là một vấn đề khác. Chúng ta lo ngại sự gia tăng tràn lan của cây trồng biến đổi gen, thậm chí yêu cầu phải dán nhãn các loại thực phẩm biến đổi gen. Những sự biến đổi di truyền như vậy làm tăng nỗi sợ của con người rằng mình đã đùa giỡn với Thiên Chúa và thao túng trật tự tự nhiên. Nhưng trên thực tế, hầu hết các loại thực phẩm chúng ta tiêu thụ ngày nay đều đã được biến đổi suốt nhiều thiên niên kỷ. Nếu không đi sâu vào rừng để hái lượm nấm hoặc quả dại, thì bạn sẽ khó lòng tìm được loại thức ăn nào không phải là sản phẩm của một kiểu thuần hóa nào đó của con người. Phương pháp biến đổi gen hiện tại chỉ đơn giản là cho phép chúng ta biến đổi cây trồng nhanh hơn chúng ta có thể làm từ trước đến nay.

Tất nhiên, không phải tất cả các loại thực phẩm biến đổi gen đều được biến đổi theo hướng tốt. Tuy nhiên, Tuân Tử sẽ nói rằng chúng ta không nên đánh giá thực phẩm của mình theo tiêu chí nó “tự nhiên” đến mức nào. Câu hỏi thực sự nên là: Trong từng trường hợp, chúng ta có đang sử dụng gen tác một cách khôn ngoan và đúng đắn không?

Khát khao của chúng ta về một thế giới tự nhiên cũng nảy sinh trong các cuộc thảo luận về rừng mưa Amazon. Chúng ta cảnh báo – với lý do chính đáng – về sự hủy hoại rừng hiện nay. Nhưng những lo ngại đó thường được tuyên bố với giọng tuyệt vọng rằng chúng ta đang phá hủy một trong những phần tự nhiên cuối cùng còn sót lại của trái đất. Trên thực tế, khảo cổ học đã chứng minh một cách thuyết phục rằng phần lớn rừng mưa Amazon là sản phẩm thuần hóa của người bản địa. Bảo tồn nguyên trạng rừng mưa sẽ không đưa nó trở lại trạng thái tự nhiên; mà sẽ là bảo tồn một kiểu thuần hóa khác của con người. Các cuộc tranh luận về việc bảo tồn rừng mưa rất quan trọng và có ý nghĩa sâu rộng, nhưng chúng sẽ hiệu quả hơn nếu chúng ta bỏ câu hỏi “tự nhiên” là gì ra khỏi bàn đàm phán.

Chúng ta đã tạo ra thế giới mình đang sống và chúng ta có thể quyết định chuyển nó theo một hướng khác. Các chủ đề như cách nào là hiệu quả nhất để bảo tồn rừng Amazon, hoặc có nên theo đuổi nhân bản vô tính hay thực phẩm biến đổi gen hay không, rất khó có thể được thảo luận một cách khôn ngoan khi chúng ta dính vào những cuộc tranh luận rằng cái gì là tự nhiên và cái gì là gen tác. Những cuộc tranh luận lầm lạc này ngăn cản chúng ta đối phó với các vấn đề thực sự trước mắt. Nếu chúng ta tôn sùng tự nhiên, chúng ta sẽ từ bỏ sức mạnh biến đổi thế giới của con người, và không nhận thức được rằng giống như cách chúng ta gây nên các vấn đề cho thế giới, thì chúng ta cũng thường xuyên cải tạo những gì đang tồn tại trong tự nhiên vậy.

Nếu không nhìn thấy những khía cạnh tích cực trong việc con người tác động đến thế giới, chúng ta sẽ tự trói tay và che mắt mình trước sự

tin vi của các vấn đề như bảo vệ môi trường và nghiên cứu tế bào gốc. Chúng ta chỉ nên hỏi: Mình đã làm tốt những điều này chưa? Nếu chưa thì mình có thể cải thiện những gì?

Giống như những người lãng mạn hóa tự nhiên, có những người tôn sùng công nghệ và nghĩ rằng lúc nào mới hơn và lớn hơn cũng đều tốt hơn. Nhưng giống như tự nhiên không phải là thứ có thể chấp nhận một cách mù quáng, sự tạo tác của con người (ngụy) cũng vậy. Đúng là những tiến bộ công nghệ đã dẫn đến nhiều phát minh mới giúp cuộc sống thoải mái hơn. Nhưng Tuân Tử hẳn sẽ nói rằng cả hai phe – những người lãng mạn hóa công nghệ và những người bài xích nó – đều hiểu nhầm về cách mà chúng ta nên tiếp cận ngụy. Liên tục đổi mới công nghệ không phải là vấn đề; vấn đề là chúng ta làm gì với nó và xây dựng nó như thế nào trong từng tình huống cụ thể.

Chúng ta đã tạo ra một thế giới xây dựng nhân tạo, một thế giới có vô số vấn đề nghiêm trọng. Nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta nên từ bỏ sức mạnh biến đổi nó theo hướng tốt hơn. Thay vào đó, nếu hiểu được những gì mình đã làm, chúng ta có thể thay đổi tương lai, bắt đầu từ bây giờ.

Dựng xây một thế giới

Nước và lửa có khí mà không có sinh (sự sống), cỏ và cây có sinh mà không có tri giác, cầm thú có tri giác mà không có nghĩa. Con người có đủ khí, sinh, tri giác, nghĩa, nên con người quý hơn vạn vật nhiều. *****

***** Sách *Tuân Tử*, chương Vương Chế.

Tuân Tử tin rằng trong tất cả các sinh vật của vũ trụ này, chỉ riêng chúng ta là có thể vượt xa khả năng của mình và tạo ra cuộc sống tốt đẹp cho chính chúng ta.

Khi nói vậy, ông đang dựa trên các khái niệm của những nhà tư tưởng đi trước. Nhưng những ý tưởng của ông cũng phản ánh rất nhiều về thời đại hỗn loạn mà ông sống, thời đại mà các cường quốc đã tạo nên các thể chế quan liêu khổng lồ và tập hợp được xung lượng chưa từng có

trong các chiến dịch của họ để tìm ra một triều đại mới thống nhất Trung Quốc.

Nhiều người kêu gọi giảm bớt sức mạnh của các cường quốc này và quay về một thời kỳ đạo đức hơn. Nhưng đối với Tuân Tử, rõ ràng sẽ không có việc quay về quá khứ và hình thù của triều đại sắp tới sẽ rất khác so với những triều đại trước đó. Với ông, con đường tiến bộ không nằm ở việc từ chối các thể chế quốc gia hùng mạnh, dù chúng có nhiều khía cạnh đáng lo. Thay vào đó, mọi người cần cố gắng với những gì mình đang có. Họ cần học cách tận dụng tốt các thể chế; học cách điều chỉnh lại những gì đã tồn tại để xây dựng một nhà nước có thể di động xã hội, và tạo ra một thế giới do giới tinh hoa tri thức cai trị. Theo Tuân Tử, xây dựng một chế độ thực tài như vậy chính là cách khôn ngoan nhất để con người có thể áp đặt khuôn mẫu cho thế giới.

Khi đưa ra khuôn mẫu triết lý cho thế giới, Tuân Tử đã nắm bắt được những ý tưởng có sẵn ngoài kia. Ông đồng tình với quan niệm tạo ra các thế giới của Lão Tử, tuy nhiên ông lại nhận thấy mối hiểm nguy trong ý niệm tạo ra một thế giới có vẻ tự nhiên nhưng thật ra không phải vậy. Thử nghĩ về một nhà lãnh đạo giáo phái rù quẩn các tín đồ tin theo quan điểm tai hại của ông ta; hay nghĩ về Hitler, người đã từng bước tạo ra một thế giới trông có vẻ tự nhiên, cuối cùng lại kết thúc trong sự hủy diệt tàn ác.

Tuân Tử hiểu được lời kêu gọi tu dưỡng của Nội nghiệp. Nhưng việc tu dưỡng thiên tính để cộng hưởng với thế giới xung quanh có thể dễ dàng đưa chúng ta vượt khỏi nhân tính của mình, vốn là điều ông cho rằng sẽ ban cho chúng ta khả năng tạo ra một thế giới tốt hơn. Chúng ta không nên khao khát được trở thành thánh linh cộng hưởng mà nên cố gắng xử lý những thứ lộn xộn thuộc về chính con người mình.

Ở một cấp độ lịch sử rộng lớn, Tuân Tử đã gắn kết các tư tưởng của hai thế kỷ trước đó lại với nhau. Chúng ta cũng có thể làm như vậy trong cuộc sống của mình. Chúng ta có thể cân nhắc việc cư xử theo kiểu Lão

Tử hơn trong một số hoàn cảnh, theo kiểu Trang Tử hay Khổng Tử nhiều hơn ở những hoàn cảnh khác. Cũng như Tuân Tử, chúng ta có thể thấy được các nhà tư tưởng đã nêu lên được những điều quan trọng như thế nào, đồng thời cũng nhận ra những hạn chế và điểm yếu trong mỗi tư tưởng của họ.

Chúng ta luôn tạo ra chính mình, luôn tạo ra thế giới; chúng ta và thế giới chúng ta đang sống là những sản phẩm của sự tác động. Chính việc tự tu dưỡng giúp chúng ta vượt ra khỏi những định nghĩa mình đã tự áp đặt cho bản thân nhưng vẫn hoàn toàn giữ được nhân tính. Một khi hiểu được ý nghĩa của việc sáng tạo một cách khôn ngoan, chúng ta vẫn có thể mở lòng cho tất cả các khả năng trước mắt. Một khi nhận ra cách chúng ta định hình môi trường xung quanh, chúng ta mới có thể đảm nhận vai trò là những sinh vật duy nhất trong vũ trụ có thể áp đặt khuôn mẫu và trật tự cho thế giới này. Tự nhiên bên ngoài cũng giống như tự nhiên bên trong, nó là thứ luôn được tác động, thay đổi và cải thiện. Chính chúng ta đã xây dựng thế giới này; vì thế, chúng ta có thể thay đổi nó.

KỶ NGUYÊN CỦA KHẢ NĂNG

Khổng Tử nói:

“Ngô thập hữu ngũ nhi chí vu học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh, lục thập nhi nhĩ thuận và thất thập nhi tùng tâm sở dục bất du cù.”*

(Ta mười lăm tuổi chuyên chú học hành, ba mươi tuổi có thể tự lập (tức khắc kỷ phục lễ, cứ theo điều lễ mà làm), bốn mươi tuổi không còn nghi hoặc (tức có trí đức, nên hiểu rõ ba đức nhân, lễ, nghĩa), năm mươi tuổi biết được mệnh Trời, sáu mươi tuổi biết theo mệnh Trời, bảy mươi tuổi tâm theo ý mình, có thể làm một cách tùy ý nhưng lại không vượt ngoài khuôn khổ đạo lý).

* *Luận Ngữ*, thiên Vi Chính, bài số 4.

Chúng ta đã bắt đầu cuốn sách này bằng vài tuyên bố đanh thép. Chúng ta đã nói rằng tất cả mọi người đều có những giả định về việc mình là ai, về cách xã hội vận hành và về vị trí của chúng ta trong lịch sử thế giới. Chúng ta đã chỉ ra rằng nhiều giả định trong số đó là sai – không chỉ sai về mặt kinh nghiệm mà còn sai một cách nguy hiểm, vì nếu chúng ta sống theo những giả định này, chúng ta sẽ tự giới hạn trải nghiệm và tiềm năng của mình rất nhiều.

Một câu chuyện tiếp nối những giả định đó là: Chúng ta đã thoát khỏi quá khứ hà khắc của một thế giới truyền thống và hiện đang sống trong một thế giới hiện đại, trong đó chúng ta có thể tự do sống cuộc đời mình. Câu chuyện tài tình này có sức lan tỏa và mạnh mẽ đến mức, theo thời gian, chúng ta đã chấp nhận nó là hoàn toàn đúng và tự nhiên. Chúng ta

để nó định hướng các giả định và hành động của mình mà không hề nhận ra.

Theo định kiến của chúng ta, xã hội truyền thống là một xã hội mà trong đó một cái tôi ổn định và một thế giới cố kết, vững chắc thì được coi là đúng đắn; trong đó người ta chắc chắn sẽ thịnh đạt nếu tuân theo những quy chuẩn xã hội phổ biến; trong đó sự di động xã hội chỉ ở mức tối thiểu; và trong đó người ta sống trong một thế giới quan hạn hẹp bị phong bế, khước từ những tư tưởng khác.

Nhưng nếu đây thực sự là cách chúng ta định nghĩa về truyền thống, thì chính chúng ta mới là những người đang chấp nhận một thế giới quan truyền thống và đang trở lại với xã hội truyền thống. Dù ở cấp độ cá nhân (cách chúng ta tự hạn chế mình trong các mối tương tác, cách chúng ta giới hạn các quyết định liên quan đến tương lai của mình) hay cấp độ xã hội (sự tập trung của cải trong tay một số ít người, làm giảm đáng kể khả năng di động xã hội), thì chúng ta đều đang trượt dần về một thế giới truyền thống.

Quan niệm của chúng ta về truyền thống và hiện đại đã khiến chúng ta nhìn nhận mọi thứ dưới dạng một dải phổ, với thế giới truyền thống ở một đầu và thế giới hiện đại ở đầu kia. Nhưng có một trục hoàn toàn khác để xem xét mọi thứ, trong đó sự ổn định/xác thực/chân thành nằm đối lập hoàn toàn với thế giới tan vỡ/phân mảnh/lộn xộn như các triết gia của chúng ta đã thấy.

Triết học Trung Quốc như chúng ta đã khám phá trong quyển sách này có thể giúp ta thoát khỏi việc giam hãm mình trong câu chuyện cũ rích ấy, cũng như khỏi những giả định chúng ta tự đặt ra, rằng chúng ta là ai và đang sống trong thế giới nào. Rời khỏi góc nhìn cho rằng hiện đại là cố kết, chân thật và xác thực, chúng ta có thể nhận ra những tư tưởng ấy đã xiềng xích mình như thế nào. Giải quyết lần lượt sự phức tạp và phân mảnh là con đường để chúng ta có thể thoát khỏi vị trí hiện tại của mình. Chỉ khi mở lòng ra với những quan niệm mới mẻ – dù đây

thách thức – chúng ta mới thoát ra khỏi thế giới truyền thống và thật sự hòa mình vào thế giới.

Chúng ta đã trở nên truyền thống như thế nào?

Tại sao ngay từ đầu chúng ta lỡ mất những ý tưởng này?

Chúng ta đã tìm hiểu về Thời đại Trục, thời kỳ mà thử nghiệm tôn giáo và chính trị phát triển khắp lục địa Á - Âu, thời kỳ quý tộc tan vỡ tận gốc rễ. Nhưng rồi các thử nghiệm tôn giáo và chính trị đó đã chấm dứt, ít nhất là ở một số khu vực của lục địa Á - Âu.

Ở phía Tây lục địa Á - Âu, khi Đế chế La Mã sụp đổ, châu Âu trở lại thời kỳ các dòng dõi quý tộc nắm quyền cai trị. Một lần nữa, chế độ này trở thành thứ mà nhiều thế kỷ sau người ta sẽ xem là thế giới truyền thống – nơi mà địa vị xã hội và quyền lực chính trị được xác định duy nhất bằng dòng dõi. Xã hội cha truyền con nối này cuối cùng bị lật đổ vào thế kỷ 19.

Thế giới đó bị chia cắt về mặt chính trị. Tầng lớp quý tộc kiểm soát các vùng lãnh thổ riêng của họ. Mỗi nhà cai trị của một lãnh địa tạo nên những phong tục và điều luật riêng theo ý thích, không hề có sự phối hợp hay thống nhất giữa các vùng. Không có chính quyền chung để tạo ra những luật lệ tổng quát, không có đường sá hay cơ sở hạ tầng công cộng nào được xây dựng để kết nối các lãnh thổ này với nhau. Không chỉ thiếu sự di động xã hội, mà còn thiếu cả các tuyến giao thông khiến cho các hoạt động thương mại không tài nào phát triển được.

Mãi đến hơn một thiên niên kỷ sau, những gì chúng ta xem là thời kỳ hiện đại mới bắt đầu nhen nhóm: đạo Tin Lành xuất hiện và nhấn mạnh vào cá nhân, các thành thị và nền kinh tế thị trường xuất hiện, và cuối cùng tầng lớp trung lưu bắt đầu đòi hỏi quyền lực chính trị của mình.

Tất cả mọi thứ mà chúng ta đã nhắc đến đều có tác động sâu sắc đến cả sự phát triển của châu Âu và cách chúng ta nghĩ về Trung Quốc.

Ở châu Âu, sự giải phóng khỏi một thế giới già cỗi, phân tầng vốn được xây dựng trên cơ sở quyền lợi dòng dõi chỉ là tạm thời, nó nhanh

chóng quay trở lại chế độ quý tộc khi Đế chế La Mã sụp đổ. Nhưng ở một số nơi khác trên thế giới, cuộc vượt thoát khỏi quá khứ truyền thống kéo dài hơn.

Trong thời đại của các đế chế thời khởi thủy, đế chế đầu tiên của Trung Quốc, nhà Hán, đã hình thành nên các nhà nước cai trị hiệu quả, sử dụng bộ máy quan lại và luật pháp để cắt bớt luật lệ cha truyền con nối. Sau khi nhà Hán sụp đổ vào thế kỷ 3, các đế chế tiếp theo cũng vẫn tiếp tục thúc đẩy việc tạo ra bộ máy quan lại nhà nước hiệu quả, giúp Trung Quốc trở nên thịnh vượng.

Chẳng hạn như, đầu thế kỷ 7, trong khi vùng Tây - Bắc ở châu Âu vẫn bị chi phối bởi những lãnh địa phong kiến nhỏ lẻ thì một đế chế mới rộng lớn đã xuất hiện ở Trung Quốc: nhà Đường. Được điều hành bởi một hệ thống quan lại và pháp lý hiệu quả, nhà Đường đã tạo ra một xã hội mang tính quốc tế thịnh vượng và mạnh mẽ, kinh đô của triều đại này rất đông dân, nhiều hàng hóa và có đủ mọi tôn giáo từ khắp Á, Âu.

Vào thế kỷ 12 và 13, các bộ máy quan lại cai trị khổng lồ này ở Trung Quốc đã thực sự trở thành các thể chế trọng nhân tài: mọi vị trí quyền lực, ngoại trừ ngôi vị hoàng đế, chỉ có thể đạt được bằng cách học tập và tham gia khoa cử.

Chế độ khoa cử không nhằm mục đích đánh giá những tài năng bẩm sinh mà người sĩ tử sở hữu hoặc những kỹ năng và khả năng mà anh ta có thể thể hiện. Thay vào đó, trong một khoa thi, các sĩ tử sẽ phải trả lời các câu hỏi về tình huống thực tế mà bất kỳ viên quan nào cũng có thể gặp phải: các tình huống khó xử về đạo đức và mâu thuẫn về lợi ích. Sĩ tử không được đánh giá dựa trên đáp án đúng, vì không có đáp án nào là đúng. Họ sẽ được đánh giá dựa trên triển vọng mà anh ta thể hiện trong việc xem xét bức tranh toàn cảnh và khả năng lèo lái qua các tình huống đạo đức lắt léo. Các kỳ thi đó là để đo lường đức nhân.

Tất nhiên, hệ thống này không tiếp cận toàn diện tới tất cả mọi người. Đầu tiên, khoa cử chỉ dành cho nam giới. Và cũng như những nơi

khác trên thế giới vào thời điểm đó, giáo dục không phải là phổ quát. Chỉ các gia đình giàu có mới có thể sắp xếp cho con cái họ học hành để tham gia khoa cử. Nhưng một môn sinh chuẩn bị cho khoa cử thì sẽ được dạy tu dưỡng đạo đức và phải học một loạt giá trị khác với các giá trị của giới thượng lưu quý tộc. Khi đi thi, các bài thi sẽ được giấu tên; nên gia thế của sĩ tử thế nào không hề quan trọng. Và nếu thi đậu, anh ta cũng sẽ được chuyển từ nơi này sang nơi khác, cách xa quê hương bản quán để công vụ không bị ảnh hưởng quá nhiều bởi những mối quan hệ từ nhỏ hay những lợi ích địa phương.

Điều này có nghĩa là quyền lực chính trị không mang tính cha truyền con nối mà được nắm giữ bởi một tầng lớp có học thức.

Khi không còn đặc quyền của giới thượng lưu quý tộc, nhà nước có thể tập trung năng lượng vào các dự án cơ sở hạ tầng công cộng theo cách không thể có trong thế giới phi tập trung, phi kết nối của châu Âu phong kiến. Ở Trung Quốc, đường sá được xây dựng, hệ thống kênh được đào và hệ thống luật pháp phổ quát được phát triển. Tất cả điều này đã giúp kinh tế tăng trưởng mạnh. Và khi kinh tế đã cất cánh, các mạng lưới thương mại khổng lồ bắt đầu phát triển khắp Trung Quốc và vượt ra khỏi biên giới. Những mạng lưới này đóng một vai trò quan trọng trong các hệ thống thương mại đang bắt đầu lan rộng khắp Đông Nam Á, băng qua Ấn Độ Dương và đến Trung Đông từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 18. Các mạng lưới thương mại còn kết nối Trung Quốc với khu vực Địa Trung Hải. Ví dụ, thành Venice, nước Ý đã trở nên giàu có đến không ngờ nhờ mua bán hàng hóa theo các mạng lưới này.

Trong khi nền kinh tế hàng hải khổng lồ này đang bắt đầu biến đổi phần lớn lục địa Á - Âu, thì một phần châu Âu vẫn còn “truyền thống”, vẫn tiếp tục bị cai trị bởi các gia tộc quý tộc. Các quốc gia ở phía Tây và Bắc châu Âu như Hà Lan, Tây Ban Nha và Anh – cách xa các mạng lưới thương mại này và cả của cải mà chúng đang tạo ra – bắt đầu đóng tàu để đi vòng qua cực Nam châu Phi để đến được châu Á, rồi sau đó dong

buồm về phía Tây vòng quanh địa cầu. Tuy nhiên, thay vì đến châu Á, họ lại cập bến châu Mỹ. Họ bắt đầu xây dựng một nền kinh tế thuộc địa mới bên kia bờ Đại Tây Dương dựa trên chế độ lao động nô lệ.

Nền kinh tế thuộc địa mới này đã mang lại của cải cho phần phía Tây lục địa Á - Âu. Nhưng chỉ riêng của cải thì không thể tạo ra các quốc gia. Và đó là phần tiếp theo của câu chuyện.

Ngay từ thế kỷ 16, các tu sĩ Dòng Tên đã lên đường du hành đến Trung Quốc. Họ sửng sờ trước những điều tận mắt chứng kiến và bắt đầu ghi chép lại trải nghiệm đó. Các bộ máy quan lại được điều hành bởi một tầng lớp thượng lưu có học thức chứ không phải các nhà quý tộc; pháp luật được áp dụng cho tất cả mọi người, dù là nông dân hay quý tộc; người ta phải học hành để tham gia khoa cử; ở đó có sự di động xã hội nhờ chế độ trọng nhân tài. Tất cả những điều này đều chưa từng nghe thấy ở châu Âu.

Hai thế kỷ sau, những ghi chép này đã giúp khai sinh một phong trào toàn diện ở châu Âu gọi là phong trào Khai sáng. Các triết gia như nhà văn Pháp Voltaire (1694 – 1778) đã đọc những ghi chép ấy và tự hỏi phải làm gì để có thể sao chép những gì các giáo sĩ đã mô tả. Họ bắt đầu phát triển những ý tưởng về các thể chế có thể nuôi dưỡng bộ máy quan lại, luật pháp và một tầng lớp tinh hoa được học hành. Các nhà cai trị châu Âu nhận ra rằng những thể chế như vậy là hoàn toàn có thể. Rốt cuộc thì chúng cũng đã tồn tại ở Trung Quốc.

Họ bắt đầu xây dựng các nhà nước hiệu quả, thiết lập các hệ thống pháp lý và xây dựng những quân đội hùng mạnh. Với của cải đến từ nền kinh tế Đại Tây Dương, các quốc gia mới này đã trở nên cực kỳ hùng mạnh và cuối cùng cũng có thể kết nối với các mạng lưới thương mại châu Á. Nhưng bây giờ mục tiêu của họ không còn là tiếp cận mà là chiếm lấy các mạng lưới đó, vì họ đã có được châu Mỹ để làm thuộc địa và tạo ra một đế chế.

Đó cũng là lúc sự xuyên tạc thú vị về cách chúng ta nhìn nhận lịch sử bắt đầu xảy ra. Khi các quốc gia châu Âu này trở nên giàu có, mạnh mẽ hơn và bắt đầu phá vỡ các trật tự quý tộc ngày trước, họ xem chính mình đã tạo nên một sự đoạn tuyệt lịch sử: từ bỏ thế giới truyền thống và khởi đầu một thế giới hiện đại. Thế là họ nghĩ các cường vực châu Á mà họ đang chiếm làm thuộc địa là lạc hậu và truyền thống. Và bây giờ họ phải đi giải phóng các vùng đất đó – bằng cách làm cho nó giống phương Tây hơn.

Các thế hệ các tư tưởng gia phương Tây đã khắc ghi quan điểm này về Trung Quốc như thể bị mắc kẹt trong giai đoạn tiến bộ vượt bậc trước đó. Triết gia Đức Georg Wilhelm Friedrich Hegel (1770 – 1831) đã mô tả người Trung Quốc như thể họ bám rễ trong trạng thái hòa hợp vĩnh viễn với tự nhiên. Và ông tin rằng sự tiến bộ chỉ có thể xảy ra khi các quốc gia đạt đến giai đoạn mà ông đã nhìn thấy ở châu Âu: lý tính, tự giác, thoát khỏi thế giới tự nhiên, có khả năng tự ý thức tham gia vào đấu tranh và xung đột giúp họ tiếp tục tiến bộ. Nhà xã hội học và kinh tế học Max Weber (1864 – 1920), cũng là người Đức, đã cố gắng lý giải vì sao chủ nghĩa tư bản chưa bao giờ xuất hiện ở Trung Quốc theo kiểu nó đã diễn ra ở châu Âu. Ông kết luận rằng Trung Quốc bị hạn chế vì họ thiếu một bộ nguyên tắc siêu hình. Ông cho rằng Khổng giáo và Tin Lành đã đặt ra những nền tảng triết học rất khác nhau, khiến Trung Quốc thì thích nghi với thế giới, trong khi phương Tây lại tìm cách biến đổi thế giới.

Nhưng, không có gì phải nghi ngờ rằng phần lớn những điều châu Âu được thừa hưởng – và dĩ nhiên rồi, cả thế giới thế kỷ 21 của chúng ta cũng vậy – đều bắt nguồn từ Trung Quốc. Khái niệm về các kỳ thi công bằng (chẳng hạn như Scholastic Aptitude Test, viết tắt là SAT, bài kiểm tra tiêu chuẩn dùng để xét tuyển của các trường đại học Hoa Kỳ) có thể được truy đến tận cùng là bắt nguồn từ Trung Quốc. Pháp luật áp dụng công bằng cho tất cả mọi người tất nhiên cũng có nguồn gốc từ Trung

Quốc, và cả bộ máy quan lại do một tầng lớp tinh hoa có học thức điều hành cũng vậy.

Và cũng có một chút sự chia rẽ trong câu chuyện về những gì châu Âu học được từ Trung Quốc. Chỉ có duy nhất một khía cạnh trong số những tư tưởng này tạo ra điều đó, đó chính là tư tưởng của Mặc Tử và những hậu duệ trí thức của ông, những người theo chủ nghĩa pháp trị. Những tư tưởng lan rộng khắp châu Âu mô tả con người là những kẻ lý tính vận hành các hệ thống pháp luật lý tính dựa trên các luật lệ phổ quát. Các kỳ thi của họ chỉ thuần túy đo lường khả năng, chứ không phải nhân cách đạo đức hay việc rèn luyện đạo đức. Những tư tưởng theo kiểu Mặc Tử này được đưa ra khỏi khuôn khổ đạo đức, vốn đã được khắc sâu và được thuần túy xem là quan điểm về cách tạo ra một chính phủ với hệ thống quan lại. Chủ nghĩa pháp trị đã trở thành một phần quan trọng trong sự trỗi dậy của cái mà chúng ta xem là nhà nước lý tính, hiện đại. Nhưng người phương Tây quên mất rằng người ta còn phải rèn luyện đạo đức, lòng nhân ái và tự tu dưỡng.

Vậy là, khi mô phỏng theo các hình thức quản lý nhà nước của châu Á, người châu Âu đã áp dụng rất khác. Ở Trung Quốc, mục tiêu là tách rời sự giàu có khỏi quyền lực chính trị để nhà nước có thể hoạt động như một chế độ trọng nhân tài, do một tầng lớp học thức điều hành. Còn ở phương Tây, chiến lược là phá vỡ các xã hội quý tộc bằng cách cố gắng kết nối của cải với quyền lực chính trị càng nhiều càng tốt. Di động xã hội được xác lập khi người ta có được của cải, từ đó dẫn đến việc trực tiếp cận quyền lực chính trị. Động lực đứng sau sự di động xã hội ở phương Tây không phải là giáo dục, mà là của cải. Không phải nhà nước, mà là nền kinh tế.

Đây là một cách để hạ bệ thế giới quý tộc, nhưng không phải là cách duy nhất. Và bằng cách nghĩ toàn bộ lịch sử loài người trước đây là “truyền thống”, chúng ta đã tự ngăn cản mình nhìn những tư tưởng khác như là điều gì đó có thể học hỏi.

Chúng ta có thể tạo ra một thời đại mới, nơi mọi loại tư tưởng lại được hồi sinh. Với những khủng hoảng cá nhân và xã hội mà chúng ta đang phải đối mặt ngày nay, những tư tưởng này có thể là cơ hội tốt nhất chúng ta có.

Chúng ta đã nhìn những tư tưởng châu Á như thế nào?

Một số độc giả đang đọc quyển sách này có thể cảm thấy rằng những tư tưởng châu Á đã có đời sống ở phương Tây. Cách đây vài thập niên, Phật giáo đã cực kỳ phổ biến ở đây, mang theo tất cả các loại tư tưởng lấy cảm hứng từ Phật giáo như: thiên định, chánh niệm, ẩn dật. Nhiều người phương Tây chúng ta từ lâu đã cảm thấy một sự trống rỗng – cảm giác như những lý tưởng lớn của chúng ta khiến chúng ta thất vọng. Chúng ta đã cố công đi tìm những phương pháp khả dĩ khác để giúp mình sống mãn nguyện hơn.

Nhưng có những vấn đề đáng chú ý trong cách Phật giáo được đẽo gọt cho vừa vặn với tư duy và mô hình của phương Tây. Lúc đầu, đạo Phật được viện đến vì có vẻ nó sẽ cung cấp thuốc giải độc cho tham vọng và lòng tham của chúng ta. Phật giáo và phương Đông đã được lãng mạn hóa như là những thái cực đối lập với phương Tây hám lợi, cướp bóc. Nhưng phần lớn triết lý của Phật giáo đã bị hiểu nhầm, đào sâu thêm một số khía cạnh nguy hiểm hơn trong các quan niệm về cái tôi cá nhân của phương Tây.

Lấy chánh niệm làm ví dụ. Nó dựa trên khái niệm tách rời bản thân, nhìn thế giới và từng khoảnh khắc mà không phán xét, để mọi thứ không còn quấy nhiễu bạn nữa. Chánh niệm được thổi phồng lên thành một kỹ thuật danh tiếng để có được bình an và thanh thản trong cuộc sống hối hả của chúng ta. Thậm chí ngày nay nó còn được quảng bá như là một công cụ để đạt được năng suất và hiệu quả bởi các trường phái, tập đoàn kinh doanh và quân đội.

Nhưng chánh niệm vốn hướng tới việc phá vỡ bản ngã. Phật giáo là học thuyết về vô ngã, và các thực hành Phật giáo nói chung được thiết kế

để loại bỏ quan niệm rằng có tồn tại bất kỳ kiểu bản ngã cá nhân nào. Tuy nhiên, nhiều khía cạnh của Phật giáo đã bị loại bỏ, thay vào đó, nó thường bị bóp méo thành một cách nhìn vào bên trong và bám chặt lấy bản ngã. Nó đã trở thành một hình thức tự lực kỳ lạ: học thuyết về vô ngã lại được sử dụng để giúp người ta cảm nhận bản thân họ tốt hơn.

Gần đây, các tư tưởng châu Á khác cũng đã được diễn dịch lại thành các hệ tư tưởng cố kết – Đạo giáo chẳng hạn, hay thậm chí cả Khổng giáo nữa. Chúng đã bị tước đi sức mạnh và bằng cách này hay cách khác, được diễn lại thành những tư tưởng về việc học cách chấp nhận thế giới như nó vốn có và chấp nhận vị trí của bạn trong đó.

Những cách lý giải duy tâm này đối lập với việc người phương Tây nhìn phương Đông là truyền thống và lạc hậu. Trong cách diễn dịch này, châu Á đại diện cho trí tuệ người xưa về một lối sống lý tưởng, hòa hợp và khôn ngoan hơn. Nhưng nếu cảm thấy tốt hơn đồng nghĩa với chấp nhận con người thật của bạn, hòa hợp với thế giới và bình an với điều đó, thì đây là một bước ngoặt để khuyến khích mọi người chấp nhận số phận của họ và ủng hộ một thế giới quan truyền thống cho rằng cuộc đời đã được định đoạt trước. Chúng ta trở nên tự mãn và tách biệt, từ bỏ cơ hội tự tu dưỡng.

Chúng ta đã bọc kỹ những quan niệm này trong một thế giới quan mà với nó phương Tây xác định hướng đi của lịch sử và cung cấp lăng kính để nhìn mọi thứ qua đó. Điều này khiến chúng ta không nhìn thấy bản chất thật sự và ngăn ta nhận ra tiềm năng to lớn của chúng. Như các triết gia của chúng ta đã chỉ ra, có nhiều cách khả dĩ khác nhau để phá vỡ một thế giới mà trong đó mọi thứ đã được định đoạt từ khi chúng ta chào đời và hướng đến một thế giới nơi con người có thể phát triển thịnh đạt.

Trái ngược với vô minh và tự mãn không phải là chánh niệm, mà là sự gắn kết. Những tư tưởng chúng ta đã đi qua trong cuốn sách này là vô cùng thực dụng, bắt nguồn từ thế giới hằng ngày và cuộc sống thường nhật của chúng ta. Mỗi tác phẩm triết học trong số đó đều đặt ra câu hỏi

đâu là tốt nhất để thoát khỏi sự thụ động và rời thay đổi thế giới chúng ta đang sống.

Triển vọng của một thế giới phân mảnh

Chúng ta đã biết trước nhiều điều trong số những thứ chúng ta đọc được trong cuốn sách này. Chúng ta vốn đã thực hành các khía cạnh của chúng trong cuộc sống. Các triết gia Trung Quốc giúp chúng ta có thể gọi tên và nhận thức được các động lực và hành vi mà chúng ta có thể đã gạt bỏ vì không thích hợp chỉ bởi chúng không khớp với quan niệm của chúng ta về lực tác động và sự chân thành. Họ cho chúng ta thấy rằng ngay cả khi chúng ta nghĩ rằng mình đang chủ động, thì thật ra lại đang bị động; rằng ngay cả khi chúng ta nghĩ rằng mình đang thành thật với bản thân, thì chúng ta chỉ đang tự nhốt mình mà thôi. Họ dạy chúng ta nhận ra thế giới là bất định, và chúng ta phát triển bằng cách sống theo kiểu đóng vai “như thế”, chứ không phải bằng cách tìm kiếm điều xác thực.

Những nhà tư tưởng này có quan điểm khác nhau về việc điều gì tạo nên một cuộc sống tốt đẹp. Nhưng họ đều được nối kết với nhau bởi tất cả đều phản đối ý tưởng cho rằng có một quá khứ không thể thay đổi ràng buộc chúng ta, một trật tự thống nhất trong vũ trụ mà chúng ta nên tuyệt đối tôn trọng, những luật lệ lý tính mà chúng ta nên tuân thủ, và các học thuyết đạo đức được truyền lại mà chúng ta nên lưu ý.

Thách thức mà các triết gia của chúng ta đưa ra là hãy nghĩ xem cuộc sống của bạn sẽ ra sao nếu bạn giả định rằng tất cả những điều đó đều không đúng.

Những nỗ lực của chúng ta để xây dựng một thế giới cố kết, ổn định, không thất thường tồn tại dưới rất nhiều hình thức. Đối với một số người, nó có thể là tập hợp các quy tắc đạo đức phổ quát, tương tự như các quy tắc của phái Mặc gia. Nó có thể là một bộ luật theo triết học Kant gồm các luật lệ mang tính đạo đức, lý tính mà chúng ta phải tuân thủ trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Hoặc có thể đó là niềm tin vào một vũ

trụ thống nhất mà chúng ta tìm cách hòa hợp. Trong cách diễn dịch mới nhất của chúng ta, chân lý to lớn đó được hiện thân là cái tôi đích thực ở sâu bên trong mà chúng ta phải khám phá ra.

Giờ thì chúng ta đã biết rằng những ý tưởng như thế này cũng từng tồn tại ở Trung Quốc cổ đại dưới dạng này hay dạng khác. Nhưng các triết gia của chúng ta đã nhìn thế giới rất khác biệt. Họ thấy chúng ta như đang sống trong một thế giới phân mảnh và rạn nứt, nơi mọi người luôn luôn đối xử với nhau theo những cách quá đỗi con người. Họ thấy chúng ta vụng vãi trong những mối quan hệ không hoàn hảo và sự xung đột không ngừng.

Người phương Tây có xu hướng nhìn vào nghi lễ thờ cúng tổ tiên của người Trung Quốc và cho rằng như vậy nghĩa là người Trung Quốc luôn lắng nghe người chết và sống dưới cái bóng của những người đã khuất đó. Những tư tưởng gia như Weber thì lại nhìn nghi lễ này qua lăng kính của sự chân thành. Cách giải thích của ông là những người thực hiện nghi lễ thờ cúng tổ tiên tin tưởng một cách chân thành rằng thế giới cũng hài hòa như trong nghi lễ đã mô tả.

Nhưng, thực tế những người tham gia nghi lễ thờ cúng tổ tiên hoàn toàn biết rõ rằng nó không phản ánh thực tế. Họ biết rằng họ đang sống trong một thế giới phân mảnh, nhưng đó cũng chính là lý do tại sao họ cần nghi lễ này, nó cho phép họ thoát khỏi cuộc sống thực tế bề bộn và phát huy khả năng tưởng tượng. Nghi lễ này giúp mọi người không chạy theo quá khứ mà cố gắng tạo ra một tương lai khác. Thông qua nghi lễ đóng vai “như thế” ấy, con cháu giải quyết với những linh hồn tổ tiên đã ám ảnh họ và tạo ra một phiên bản mới của quá khứ. Đây là một quá trình luôn diễn tiến. Các bậc tổ tiên không bao giờ có một vị trí cố định hoàn toàn.

Nhưng đây là lý do tại sao nghi lễ phải được lặp đi lặp lại. Chậm chậm, theo thời gian, sẽ có sự tiến triển. Bằng hành động của mình, người sống đang nói rằng: “Đây là cách chúng ta có thể sống cuộc đời

của mình nếu biết nhìn về quá khứ theo cách này”. Và khi tái tạo lại quá khứ, họ thực sự bắt đầu sống khác đi.

Chúng ta cũng có thể học hỏi được điều gì đó từ nghi lễ này. Những nỗ lực vá víu lại thế giới rạn nứt của chúng ta chắc chắn là chưa đủ hay thậm chí là sai. Nói một cách ẩn dụ, những hồn ma – hay một cách thực tế, là quá khứ của chúng ta – đã ám ảnh chúng ta ở nhiều mức độ khác nhau. Nhưng nếu chúng ta sống trong một thế giới tan vỡ bị ám ảnh bởi quá khứ – những mối quan hệ trắc trở, những khó khăn trong công việc, những mất mát và nhiều sơ suất không thể tránh khỏi – thì chúng ta cần phải tham gia vào quá trình tương đương với lễ nghi thờ cúng tổ tiên. Chúng ta phải lặp đi lặp lại việc tu dưỡng các cảm xúc của mình với người khác trong nỗ lực xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn. Khi chúng ta có thể chấp nhận mình đã bị giới hạn bởi quá khứ, bởi các tác động tiêu cực bên trong chúng ta, và bởi sự mong manh của các mối quan hệ con người như thế nào, thì các mối quan hệ của chúng ta sẽ có tiềm năng vô hạn trong việc được điều chỉnh và biến đổi. Quan tâm đến nhau là một việc không hề dễ dàng. Nó đòi hỏi phải nhận thức, thích nghi và đáp ứng không ngừng. Nhưng nó là một trong những điều quan trọng và xứng đáng nhất mà con người chúng ta làm.

Trong thế giới rạn nứt và phân mảnh này, việc tạo ra trật tự hoàn toàn phụ thuộc vào chúng ta. Chính chúng ta là những người xây dựng và đưa ra mô hình cho thế giới – không phải bằng cách giữ sạch những cảm xúc khó nắm bắt của con người và những thứ lộn xộn đã tạo nên chúng ta, mà bằng cách bắt đầu ngay từ đó. Chúng ta có thể làm điều này thông qua việc tự tu dưỡng mỗi ngày: thông qua các lễ nghi để cải thiện cách chúng ta kết nối với những người xung quanh; tu dưỡng các nguồn năng lượng trong cơ thể để sống với nhiều sinh khí hơn, năng nổ hơn; rèn luyện tâm trí để xử lý các quyết định hằng ngày theo một cách rất khác; và chống lại xu hướng tách rời bản thân với kinh nghiệm, để chúng ta có thể liên tục tiếp nhận những điều mới.

Quá trình xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn sẽ không bao giờ kết thúc, bởi sự nỗ lực để xây dựng các mối quan hệ tốt hơn của chúng ta không bao giờ được hoàn thành. Nhưng khi học cách cải thiện các mối quan hệ của mình, chúng ta cũng sẽ học cách thay đổi các tình huống và nhờ đó sẽ tạo ra vô số thế giới mới. Chúng ta sẽ mở lòng ra cho những tư tưởng triết học có khả năng dẫn chúng ta đến một cuộc sống tốt đẹp.

Nếu thế giới đã bị phân mảnh thì nó sẽ cho chúng ta mọi cơ hội để dựng lên mọi thứ một lần nữa. Bắt đầu với những điều nhỏ nhất nhất trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta sẽ thay đổi được mọi thứ. Nếu có thể bắt đầu ngay bây giờ, thì mọi thứ sẽ tùy thuộc vào chúng ta.

CÁC NGUỒN THAM KHẢO VÀ ĐỌC THÊM



Nhiều trước tác được thảo luận trong quyển sách này là tư tưởng được tạo nên trong một thời kỳ dài và được những người khác nhau biên soạn theo những cách khác nhau. Tuy nhiên, trong suốt lịch sử, các tác phẩm ấy lại được đọc và thảo luận dưới dạng các tác phẩm mạch lạc, đại diện cho tư tưởng của một triết gia duy nhất, và để dễ đọc, chúng tôi tiếp nối truyền thống đó bằng cách sử dụng tên các triết gia lớn; ví dụ, thay vì viết là: “Tác phẩm Mạnh Tử lập luận rằng...”, thì chúng tôi viết là: “Mạnh Tử lập luận rằng...”.

Bạn có thể xem tuyển tập tác phẩm của hầu hết các triết gia mà chúng ta đã cùng bàn luận trong *Readings in Classical Chinese Philosophy* do Philip J. Ivanhoe và Bryan W. Van Norden biên tập (Indianapolis: Hackett, 2005).

Về các bản dịch đầy đủ*, chúng tôi đề xuất:

* Ở Việt Nam đã có rất nhiều bản dịch, nghiên cứu các tác phẩm của các triết gia này, độc giả Việt Nam có thể tham khảo các bản dịch của các học giả Nguyễn Hiến Lê, Giản Chi, Phùng Hoài Ngọc v.v...

Burton Watson dịch, *The Complete Works of Zhuangzi (Translations from the Asian Classics)* (New York: Columbia University Press, 2013).

D. C. Lau dịch, *The Analects* (New York: Penguin Books, 1979).

Mencius (New York: Penguin Books, 2005).

Tao Te Ching (New York: Penguin Books, 1985).

Harold D. Roth, *Original Tao: Inward Training (Nei-yeh) and the Foundations of Taoist Mysticism (Translations from the Asian Classics)* (New York: Columbia University Press, 2004).

KHÔNG TỬ

Về thế giới “như thế” nhìn từ một lập trường triết học lớn hơn, có thể xem:

Hans Vaihinger, *The Philosophy of ‘As if’: A System of the Theoretical, Practical and Religious Fictions of Mankind*, do C. K. Ogden dịch, ấn bản lần hai (New York: Harcourt, Brace and Company, 1935).

Adam B. Seligman, Robert P. Weller, Michael J. Puett và Bennett Simon, *Ritual and Its Consequences: An Essay on the Limits of Sincerity* (New York: Oxford University Press, 2008).

Về lịch sử của câu nói “làm ơn” và “cảm ơn”:

David Graeber, *Debt: The First 5,000 Years* (Brooklyn, NY: Melville House, 2011).

LÃO TỬ

Về Lincoln:

Garry Wills, *Lincoln at Gettysburg: The Words That Remade America* (New York: Simon & Schuster, 1992).